

L. M. MONTGOMERY

Anne tóc đỏ

Làng Avonlea



nhà nam

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Romance Book

ANNE TÓC ĐỎ Ở LÀNG AVONLEA – L.M.

Montgomery

Copyright © 2012 by Romance Book. All rights reserved.

Sách do Công ty Văn hóa và truyền thông Nhã Nam và Nhà xuất bản Hội nhà văn hợp tác phát hành.

Ebook được làm với mục đích phi lợi nhuận. Bản quyền ebook © ROMANCE BOOK, 2012.

Mới ngày nào cô bé Anne mặt tàn nhang và dễ kích động vừa mới đặt chân lên đảo Hoàng Tử Edward đã gây bao xôn xao, xáo trộn. Vậy mà giờ đây Anne đã vụt lớn thành một thiếu nữ mười sáu tuổi tươi tắn và xinh đẹp. Tuổi mười sáu đặt lên vai cô nhiều trọng trách: một cô giáo làng với tham vọng gieo những ước vọng đẹp đẽ trong tâm hồn trẻ thơ, một sáng lập viên Hội Cải tạo với mong muốn biến Avonlea thành một ngôi làng xanh sạch đẹp hơn, và một người bảo hộ bất đắc dĩ của hai đứa bé sinh đôi mồ côi rất đáng yêu nhưng cũng gây lắm chuyện đau đầu. Nhưng tuổi mười sáu vẫn không làm mất đi trong Anne tính lãng mạn vô phương cứu chữa cũng như

chẳng khiến Anne thôi vương vào vô số sự cố dở khóc dở cười chẳng khác gì những học trò nhỏ tinh nghịch và hăng hái của cô.

Mười một, mười sáu rồi mười tám, Anne từng bước trưởng thành nhưng vẫn không thôi là Anne thánh thiện, lạc quan và căng tràn sức sống - nguồn cảm hứng tinh khôi quyến rũ biết bao thế hệ bạn đọc đủ mọi lứa tuổi trên khắp thế giới.

"Dành cho tất cả những ai muốn được trải nghiệm cảm giác vui vẻ, hài hước trong khi đọc; và đặc biệt dành cho tất cả những ai từng yêu thích Anne tóc đỏ dưới Chái Nhà Xanh."

- RESIDENT SCHOLAR

"Anne đã bước vào tuổi thiếu nữ, và những cuộc phiêu lưu của cô vừa khiến ta vừa thích thú cười thầm vừa trào dâng xúc cảm."

- RANDOM HOUSE

Lucy Maud Montgomery chào đời tại Clifton (hiện giờ là vùng New London), thuộc đảo Hoàng tử Edward, Canada vào ngày 30 tháng 11 năm 1874. Năm 1908, bà xuất bản cuốn đầu tiên của series kinh điển về cô bé Anne Tóc đỏ và thu được thành công vang dội. Đến nay, cuốn sách đã được xuất bản bằng hơn 30 ngôn ngữ, bán được tới hơn 50 triệu bản, đưa Montgomery thành một trong những nhà văn bestseller của mọi thời đại.

MỤC LỤC

1. Người Hàng Xóm Nóng Nảy

2. Bán Vội Rồi Hối Hận Dài Dài

3. Ông Harrison Tại Gia

4. Ý Kiến Khác Nhau

5. Một Cô Giáo Đầy Bản Lĩnh

6. Đủ Loại Đủ Kiểu Đàn ông... Và cả

Phụ Nữ Nữa

7. Nhiệm Vụ vầy Gọi

8. Bà Marilla Nhận Nuôi Hai Đứa

Trẻ Song Sinh

9. Vấn Đề Màu sắc

10. Davy Tìm Kiếm Sự Giật Gân

11. Sự Thật Và Tưởng Tượng

12. Một Ngày Xui xẻo

13. Một Buổi Dã Ngoại Tuyệt Vời

14. Tránh Khỏi Mối Nguy

15. Kỳ Nghỉ Bắt Đầu

16. Bản Chất Của Những Cao Vọng

17. Một Chuỗi Rủi Ro

18. Một Chuyến Phiêu Lưu Trên

Đường Bảo Thủ

19. Chỉ một ngày hạnh phúc

20. Chuyện vẫn Hay Xảy Ra

Như Thế

21. Cô Lavendar Đáng Yêu

22. Những Chuyện Vụn Vặt

23. Chuyện Tình của Cô Lavendar

24. Nhà Tiên Tri Trong Lãnh Địa

Riêng

25. Vụ Bê Bối Ở Avonlea

26. Khúc Quanh

27. Một Buổi Chiều Ở Căn Nhà Đá

28. Hoàng Tử Quay Lại Tòa Lâu Đài

Bị Phù Phép

29. Thơ Ca Và Văn Xuôi

30. Đám cưới Ở Căn Nhà Đá

1. Người Hàng Xóm Nóng Nảy

Một cô gái cao, thanh mảnh, mười sáu tuổi “rười”, đôi mắt xám nghiêm nghị, mái tóc có màu được bạn bè gọi là “nâu đỏ” đang ngồi trên bậc thềm sa thạch đỏ rộng rãi của một nông trại trên đảo Hoàng Tử Edward vào một buổi chiều muộn tháng Tám, quyết tâm dịch được càng nhiều dòng thơ của Virgil[1] càng tốt.

Nhưng một buổi chiều tháng Tám, với

sương mù xanh nhạt bảng lảng trên những triền đồi mùa gặt, làn gió thì thảo tình nghịch giữa những hàng dương, anh tức đỏ rục rỏ nhảy múa như những ngọn lửa nổi bật trên bãi đất tối trông cây linh sam non ở góc vườn anh đào, buổi chiều ấy phù hợp với những giấc mơ lãng mạn hơn là thứ ngôn ngữ chết. Quyên Virgil sớm chuôi khỏi tay rơi xuống đất không biết tự lúc nào, và Anne chống cằm lên hai tay đan chéo, dõi mắt theo những cụm mây bông bênh mỹ lệ đang vun lại thành một ngọn núi khổng lồ màu trắng phía trên ngôi nhà của ông J. A. Harrison, tâm tưởng của cô đã bay xa đến một thế giới tuyệt vời, nơi một cô giáo đang làm những công việc vĩ đại, định hình vận mệnh của những chính khách tương lai,

gieo trồng những ước vọng đáng quý và cao thượng trong tâm hồn và trái tim trẻ thơ.

Đương nhiên, nếu đi thẳng vào thực tế trần trụi... tuy phải thú thật là Anne ít khi nghĩ tới trừ khi bị bắt buộc... không có mấy mầm mống danh nhân xuất hiện ở ngôi trường Avonlea; nhưng nếu một giáo viên chịu dùng hết sức mình, ai biết ngày sau sẽ ra sao chứ. Anne có một vài lý tưởng màu hồng về những thành tựu mà một giáo viên có thể đạt tới, chỉ cần cô đi đúng hướng; và cô đang mơ tới một giấc mơ tuyệt vời: 40 năm sau, một nhân vật nổi tiếng... nổi tiếng về cái gì thì tạm thời tính sau, nhưng Anne nghĩ cũng khá hay nếu ông ta là hiệu trưởng trường đại học hay thủ tướng Canada...

cúi xuống hôn bàn tay nhăn nheo của cô và khẳng định rằng cô là người đầu tiên nhen nhóm lên ngọn lửa hoài bão của ông, rằng mọi thành công trong cuộc đời ông đều nhờ vào những bài học cô đã từng truyền đạt nhiều năm về trước ở trường Avonlea. Viễn cảnh dễ thương đó đã bị một sự can thiệp hết sức không dễ thương làm vỡ tan tành.

Một ả bò cái giống Jersey chạy cun cút xuôi con đường mòn, và năm giây sau đó, ông Harrison bước vào... chỉ có điều “bước vào” là một động từ quá yếu ớt, không đủ sức miêu tả cách thức ông ta hùng hục xông vào sân.

Ông ta nhảy ngay qua rào mà không thèm chờ mở cổng, giận dữ đương đầu với cô nàng Anne đang hết sức ngạc

nhiên đứng phắt dậy và hoang mang nhìn ông ta. Ông Harrison là người láng giềng mới bên phải bọn họ; cô chưa nói chuyện với ông ta lần nào dù có thấy qua một hai lần.

Hồi đầu tháng Tư, trước khi Anne rời trường Queen về nhà, ông Robert Bell, chủ nông trại giáp ranh với nhà Cuthbert về phía Đông đã bán đất và chuyển tới Charlottetown. Nông trại của ông được một ông J. A. Harrison nào đó mua lại, mọi người chỉ biết tên và một chi tiết khác là ông ta xuất thân từ New Brunswick. Chỉ mới một tháng ở Avonlea, ông ta đã kịp khoác lên mình danh hiệu một kẻ kỳ dị. “Gã lập dị”, bà Rachel Lynde tuyên bố. Bà Rachel là một quý bà trực tính, ai từng

có hân hạnh gặp qua bà cũng nhớ rõ điều này. Ông Harrison rõ ràng là khác hẳn với những người khác... và đó là đặc trưng của một gã lập dị, như mọi người đều biết.

Đầu tiên, ông ta sống một thân một mình và tuyên bố thẳng thừng là không muốn bất cứ ả đàn bà ngu ngốc nào lảng vảng chung quanh chỗ ở của mình. Đám phụ nữ Avonlea trả thù bằng những lời đồn khủng khiếp về chuyện bếp núc và nội trợ của ông ta. Ông ta đã thuê cậu bé John Henry Carter ở White Sands và John Henry là nguồn phát tán những lời đồn này. Nào là ở nhà ông Harrison không có giờ giấc ăn uống cố định gì cả. Ông Harrison khi nào đói thì “ném tí chút” và nếu lúc đó có John Henry lảng

vàng quanh đây thì cậu được chia phần, nhưng nếu cậu không có may mắn đó thì phải đợi đến khi ông Harrison đói lại. John Henry đau đớn quả quyết rằng hẳn là cậu đã chết đói nếu không được về nhà ăn no căng bụng mỗi Chủ nhật và mẹ cậu luôn gói ghém một giỏ đồ ăn để cậu đem theo mỗi sáng thứ Hai.

Hơn nữa, ông Harrison chẳng bao giờ để tâm đến việc rửa chén, trừ phi là vào một ngày Chủ nhật trời mưa. Khi đó, ông ta ra tay rửa bát đĩa hết một lượt trong máng lợn chứa nước mưa rồi để mặc cho chúng tự khô.

Ngoài ra, ông Harrison khá là “keo”. Khi được đề nghị đóng góp trả lương cho mục sư Allan, ông ta nói là phải đợi xem những bài giảng của mục sư đáng

giá bao nhiêu đô la trước đã... rằng ông ta không tin vào chuyện bịt mắt mua dê. Rồi khi bà Lynde đến xin đóng góp cho việc truyền giáo... và tình cờ nhìn thấy tình trạng bên trong căn nhà... ông ta đã nói với bà rằng số kẻ ngoại đạo trong đám bà tằm ở Avonleanhiều hơn hẳn bất cứ nơi nào khác ông ta biết, và ông ta sẵn sàng góp tiền để giúp bọn họ “cải tà quy chính” nếu bà Lynde chịu lãnh trách nhiệm đó. Bà Rachel bỏ đi một nước và tuyên bố thật may bà Robert Bell đã xuống mồ, nếu không bà ấy sẽ vỡ tim nếu thấy tình cảnh ngôi nhà mà mình từng hết sức tự hào.

“Chứ còn gì nữa, chị ấy cọ rửa sàn bếp hai ngày một lần,” bà Lynde căm phẫn nói với bà Marilla Cuthbert, “và

giá như cô có thể nhìn thấy nó bây giờ! Tôi phải vén váy lên mới dám bước qua đây.”

Cuối cùng, ông Harrison nuôi một con vẹt tên là Gùng. Chưa có ai ở Avonlea từng nuôi vẹt, chính vì vậy chuyện nuôi vẹt được coi là không đứng đắn chút nào. Lại còn con vẹt đấy nữa! Nếu tin vào lời cậu trai John Henry Carter nói thì chưa bao giờ có con chim nào xấu xa đến thế. Nó chửi thề trời thần đất quỷ. Bà Carter mà biết chắc tìm được chỗ làm khác cho cậu là bà sẽ dắt John Henry đi ngay. Bên cạnh đó, Gùng đã mổ mất một mẩu thịt sau gáy của John Henry khi cậu chàng cúi rạp xuống quá gần cái lồng. Bà Carter cho mọi người xem vết sẹo khi cậu John Henry xui xẻo về nhà

vào Chủ nhật.

Tất cả những chuyện này thoáng hiện trong đầu Anne trong lúc ông Harrison đứng trước mặt cô, ghen lời vì quá tức tối. Khi ở trạng thái thân thiện nhất, ông Harrison cũng không thể được coi là đẹp trai; ông ta vừa lùn vừa béo lại vừa hói đầu; còn bây giờ, với khuôn mặt tròn vo tím bầm giận dữ cùng đôi mắt xanh lơ như lồi ra khỏi đầu, Anne cho rằng ông ta quả là người xấu xí nhất mà cô từng thấy.

Gần như ngay lập tức, ông Harrison phì ra.

“Tôi không thể chấp nhận được nữa,” ông ta lấp bắp, “không một ngày nào nữa, cô có nghe rõ không. Chúa rủ lòng

thương cho linh hồn của tôi, đây là thứ ba, thưa cô... lần thứ ba! Nhẫn nại không còn là một đức hạnh nữa, thưa cô. Tôi đã cảnh cáo dì của cô lần trước rằng đừng để cho nó lặp lại... vậy mà bà ta vẫn cứ để cho nó lặp lại... bà ta đã làm như vậy... Bà ta muốn gì khi làm vậy, đó là điều tôi muốn biết. Đó là lý do tôi có mặt ở đây, thưa cô.”

“Ông có thể giải thích rõ hơn là có vấn đề gì được không?” Anne hỏi với vẻ trang nghiêm nhất của mình. Cô đã thực tập nhiều lần dạo gần đây để có thể có được vẻ trang nghiêm khi trở lại trường học, nhưng xem ra nó chẳng có tác dụng gì với ông J. A. Harrison đang phùng phùng lửa giận.

“Vấn đề hử? Chúa rủ lòng thương cho

linh hồn tôi, tôi nghĩ đúng là có vấn đề thực đấy. Vấn đề là, thưa cô, tôi bắt quả tang con bò Jersey của dì cô trong đám ruộng yếm mạch của tôi, chưa tới ba mươi phút trước đây. Lần thứ ba, cô nhớ cho. Tôi phát hiện ra nó trong ruộng hôm thứ Ba tuần trước và ngày hôm qua. Tôi đã đến đây nói với dì cô là đừng để sự việc lặp lại nữa. Bà ta vẫn để nó lặp lại. Dì của cô đâu, thưa cô? Tôi chỉ muốn gặp bà ta đặt giảng cho bà ta một bài... bài giảng của J. A. Harrison, thưa cô.”

“Nếu ông muốn nói đến bác Marilla Cuthbert thì bác ấy không phải dì của tôi, với lại bác ấy đã đi đến Đông Grafton để thăm một người bà con xa bệnh rất nặng,” Anne đáp trả, nhấn giọng nghiêm trên từng từ. “Tôi rất lấy làm tiếc là con

bò của tôi đã xông vào đám yếm mạch của ông... nó là bò của tôi chứ không phải của bác Cuthbert... Bác Matthew tặng cho tôi ba năm trước khi nó còn bé xíu và bác ấy đã mua nó từ ông Bell.”

“Lấy làm tiếc ấy à, thưa cô! Tiếc với nuôi chẳng giúp được quái gì. Tốt hơn cô hãy đi xem con súc vật ấy đã giở trò gì trong đám ruộng yếm mạch của tôi... nó đập dẹp lúa từ trong ra ngoài, thưa cô.”

“Tôi hết sức xin lỗi,” Anne lặp lại một cách dứt khoát, “nhưng có lẽ nếu ông giữ gìn hàng rào nhà mình đàng hoàng hơn thì Dolly đời nào mà xông vào được. Phần hàng rào ngăn giữa ruộng yếm mạch nhà ông và đồng cỏ nhà chúng tôi là thuộc sở hữu của ông, bữa trước tôi

thấy nó hình như không được chắc chắn mấy thì phải.”

“Hàng rào của tôi không có vấn đề gì sất,” ông Harrison bật lại, đã nóng càng nóng hơn trước câu nói chối bỏ trách nhiệm của Anne. “Hàng rào trại giam cũng không đủ sức ngăn cản một con quỷ như con bò cái này. Và tôi cho cô biết, đồ nhãi tóc đỏ ạ, nếu con bò là của cô, như cô nói, tốt nhất cô hãy dành thời giờ mà trông coi không để nó phá phách trên ruộng nhà người khác, chứ đừng có ngồi thơ thẩn mà đọc đám tiểu thuyết sên bìa vàng kia,” ông ta căm tức liếc nhìn quyển Virgil màu nâu vàng vô tội nằm cạnh chân Anne.

Lúc này, có lẽ mái tóc Anne cũng không đỏ bằng ngọn lửa bốc lên rùng rục

trong lòng... tóc đỏ, đó luôn là điểm yếu trí mạng của cô.

“Tôi thà có tóc đỏ còn hơn là hói sọc, chỉ có vài sọc lơ thơ quanh tai,” cô vụt thốt.

Mũi tên trúng đích, vì ông Harrison quả thật rất nhạy cảm về cái đầu hói của mình. Con giận làm ông ta nghẹn họng lần nữa và ông ta chỉ còn biết gờm gờm nhìn Anne không thốt nên lời. Anne lúc này đã bình tĩnh lại và thừa thắng xông lên.

“Tôi có thể thông cảm với ông, ông Harrison ạ, bởi vì tôi có óc tưởng tượng. Tôi có thể dễ dàng hình dung sẽ bức bối thế nào nếu tìm thấy một con bò đang phá phách trong ruộng nhà mình, tôi sẽ không

giận ông vì những lời ông nói. Tôi hứa với ông là Dolly sẽ không bao giờ xông vào đám ruộng yến mạch của ông nữa. Tôi thề danh dự với ông như vậy.”

“Ồ, nhớ đừng để nó làm vậy nữa,” ông Harrison lầm bầm với giọng đã dịu đi đôi chút, nhưng ông ta vẫn hùng hổ dậm chân bỏ đi về tức giận, và Anne nghe ông ta găm gù cho đến khi ông ta đi khỏi tầm nghe.

Bực bội hết cỡ, Anne băng qua sân và nhốt nàng Jersey hư đốn trong chuồng vắt sữa.

“Nó không thể nào thoát ra khỏi chuồng trừ phi đập đổ hàng rào”, cô nghĩ bụng. “Nhìn nó có vẻ ngoan ngoãn đây. Mình dám cá nó đã ăn yến mạch đến

phát bệnh, ước gì mình đã bán quách nó cho ông Shearer khi ông ấy đòi mua tuần trước, nhưng mình nghĩ nên đợi đến lúc bán đấu giá súc vật và tổng hết chúng đi một lượt. Cái ông Harrison này đúng là người lập dị. Rõ ràng là ông ta chẳng đòi nào có ai là tri âm tri kỷ cả.”

Anne luôn rất nhạy cảm với những tri âm tiềm năng.

Bà Marilla Cuthbert đánh xe ngựa vào trong sân khi Anne quay trở lại nhà, cô vội chạy đi chuẩn bị trà. Họ bàn bạc về chuyện vừa xảy ra trên bàn trà.

“Ta sẽ rất vui khi buổi đấu giá xong xuôi,” Marilla nói. “Thật vất vả khi có quá nhiều súc vật mà lại chỉ có mình cái tên Martin không thể tin tưởng được kia

chăm sóc. Đến giờ mà hấn ta vẫn chưa chịu về, dẫu đã hứa hươu hứa vượn rằng nhất định sẽ về vào tối hôm qua nếu ta chịu cho hấn nghỉ một ngày để đi dự lễ tang cô hấn. Ta chẳng biết hấn có bao nhiêu bà cô nữa. Ta bảo đảm đó là bà cô thứ tư qua đời kể từ ngày thuê hấn một năm trước. Ta sẽ hết sức biết ơn khi thu hoạch xong vụ mùa và ông Barry tiếp quản nông trại. Chúng ta phải nhốt kỹ Dolly trong chuồng cho đến khi Martin tới, bởi vì phải dẫn nó đi ra bãi cỏ đằng sau, mà hàng rào ở đó thì cần sửa chữa. Ta nói thật, thế giới này đúng là rắc rối, như Rachel vẫn hay nói. Mary Keith đáng thương đang hấp hối, và ta chẳng biết nổi chuyện gì sẽ xảy ra với hai đứa con cô ta. Cô ta có một người

anh ở British Columbia và đã viết thư cho anh ta về bọn chúng, nhưng anh ta vẫn chưa trả lời.”

“Đám nhóc thế nào? Chúng bao nhiêu tuổi?”

“Hơn sáu tuổi rồi... sinh đôi.”

“Ồ, cháu lúc nào cũng đặc biệt quan tâm đến mấy cặp sinh đôi vì bà Hammond có khá nhiều,” Anne hào hứng. “Chúng có xinh đẹp không?”

“Trời ơi, chả biết được... vì chúng dơ dáy lắm. Davy đang ở bên ngoài làm bánh bunn, Dora bước ra kêu nó vào. Thế là Davy dúi đầu con bé vào cái bánh bunn lớn nhất, và sau đó, bởi vì con bé òa lên khóc, nó bèn bước vào dầm mình luôn trong đó để chứng tỏ cho con bé thấy là

chả có gì đáng để khóc cả. Mary nói Dora là đứa rất ngoan nhưng Davy thì nghịch hết chỗ nói. Có thể nói nó chưa hề được dạy dỗ tí gì. Cha nó chết khi nó còn ẵm ngửa, còn Mary thì cứ bệnh lên bệnh xuống từ khi ấy.”

“Cháu luôn cảm thương cho đám trẻ con không được dạy dỗ,” Anne nghiêm nghị nói. “Bác biết đấy, chính cháu cũng chẳng được dạy dỗ gì cho đến khi bác nhận cháu về. Cháu mong cậu của chúng sẽ chăm sóc chúng. Cô Keith có họ hàng thế nào với bác ạ?”

“Mary hả? Chẳng có liên hệ gì. Là chồng cô ta kia... anh ta là anh em họ xa với bọn ta. Bà Lynde đi qua sân rồi kia. Chắc bà ấy đến hóng chuyện về Mary.”

“Đừng kể cho bà ấy nghe chuyện ông Harrison và con bò cái,” Anne dặn dò.

Bà Marilla hứa với cô, nhưng lời hứa này hoàn toàn không cần thiết, vì bà Lynde vừa ngồi xuống đã nói ngay:

“Tôi thấy lão Harrison đuổi con bò Jersey của cô ra khỏi ruộng yếm mạch khi tôi từ Carmody về nhà. Tôi thấy lão có vẻ rất điên tiết. Lão có làm âm ỉ gì lắm không?”

Anne và bà Marilla lén cười thầm với nhau. Rất ít chuyện ở Avonlea lọt khỏi tầm mắt bà Lynde. Chỉ vừa sáng nay thôi, Anne có nói, “Nếu nửa đêm bác đi vào phòng mình, khóa cửa, kéo rèm và hắt xì hơi, ngay ngày hôm sau bà Lynde sẽ hỏi bác bị cảm ra sao!”

“Tôi nghĩ là có” bà Marilla thú nhận.
“Tôi không có nhà. Ông ta đã cần nhân
Anne một trận.”

“Cháu nghĩ ông ta là người hết sức
khó ưa,” Anne nói, hất mái tóc hung đỏ
vẻ bực tức.

“Cháu nói quá đúng,” bà Rachel
nghiêm trang tuyên bố. “Ngay khi Robert
Bell bán nhà cho một tên người New
Brunswick là tôi biết ngay sẽ có chuyện
mà, thế đấy. Tôi không biết Avonlea sẽ
ra sao khi mà có quá xá người xa lạ ùn
ùn kéo tới thế kia. Chắc đến nằm ngủ trên
giường cũng chả thấy an toàn nữa.”

“Sao vậy, còn người mới nào nữa?”
bà Marilla hỏi.

“Cô chưa biết à? ừ, có một gia đình

đến từ Donnells. Họ đã thuê căn nhà cũ của Peter Sloane. Peter thuê ông ta quản lý cối xay. Họ từ miền Đông tới và chả ai biết gì về họ cả. Còn gia đình Timothy Cotton nghèo túng chuyển lên từ White Sands nữa, bọn họ sẽ là gánh nặng cho cộng đồng thôi, ông chồng thì bị ho lao... khi nào không đi trộm cắp... còn bà vợ thì chậm chạp chán đời chẳng làm gì ra hồn. Đến rửa chén mà bà ta còn phải ngồi nữa là. Bà George Pye thì vừa nhận nuôi Anthony Pye, cháu trai mồ côi của ông chồng bà ta. Nó sẽ học cháu đây, Anne, cho nên cháu cứ chuẩn bị gặp rắc rối đi, thế đấy. Và cháu còn có thêm một học sinh lạ nữa. Paul Irving từ Mỹ về sống với bà nội. Cô còn nhớ cha cậu ta chứ, Marilla. Stephen Irving, cái tên phụ

tình Lavendar Lewis ở Grafton đây?”

“Tôi không nghĩ là anh ta phụ tình cô nàng đâu. Có cái vĩa gì đó... tôi cho rằng đó là lỗi hai bên.”

“À, dù sao thì anh ta cũng chả lấy cô nàng, và cô nàng thì cứ quái quái gở gở kể từ đó, nghe đồn thế... sống một mình trong ngôi nhà đá tí ti mà cô nàng đặt tên là Nhà Vọng. Stephen đi sang Mỹ, làm ăn chung với ông chú và cưới một cô ả Yankee[2]. Từ đó đến giờ anh ta chưa về nhà lần nào, bà mẹ thì có đi thăm con một hai lần. Vợ anh ta mất hai năm trước nên anh ta gửi con về cho mẹ một thời gian. Nó mười tuổi rồi, và tôi chả biết nó có phải là học sinh gương mẫu hay không. Chẳng thể trông đợi gì nhiều vào bọn Yankee ấy được.”

Bà Lynde xem thường tất cả những ai không có may mắn được sinh ra hay lớn lên ở đảo Hoàng Tử Edward với vẻ cái khinh khỉnh có-gì-tốt-ở-ngoài-Nazareth[3]. Họ có thể là người tốt, đương nhiên, nhưng dù sao thì vẫn phải đề phòng trước đã. Bà có thành kiến đặc biệt với “Yankee”. Chồng bà có lần bị một ông chủ ở Boston lừa mất mười đô, và không một thiên sứ, ông hoàng hay thế lực nào có thể thuyết phục bà Rachel rằng cả nước Mỹ không đáng phải chịu trách nhiệm về chuyện đó.

“Có thêm chút đổi mới ở trường Avonlea thì cũng chẳng chết ai,” bà Marilla lạnh nhạt nói, “Vớ lại nếu cậu bé này giống cha thì mọi chuyện sẽ ổn thôi. Steve Irving là chàng trai dễ thương

nhất ở đây, dù vài người cho rằng anh ta kiêu căng. Tôi nghĩ bà Irving sẽ rất vui khi có cháu nội đến ở chung. Từ khi chồng chết, bà ấy rất cô đơn.”

“Ồ, thằng bé ấy có thể tốt, nhưng dù sao thì nó cũng khác với trẻ em Avonlea,” bà Rachel nói dứt điểm. Ý kiến của bà về bất cứ ai, bất cứ nơi chốn hay vật gì vốn chẳng dễ dàng thay đổi. “Ta nghe nói cháu đang chuẩn bị thành lập Hội cải tạo Làng quê gì đấy, phải không Anne?”

“Cháu chỉ mới bàn với vài ba người bạn khi họp Câu lạc bộ Tranh luận lần trước thôi,” Anne đỏ mặt. “Họ nghĩ ý đấy cũng hay... ông bà Allan cũng vậy. Hội đấy đã được lập ở nhiều làng khác rồi.”

“Hừm, cháu mà cứ tiếp tục là sẽ gặp vô khối khó khăn đấy. Tốt nhất là để cho làng chúng ta yên, Anne, thế đấy. Mọi người không thích bị cải tạo đâu.”

“Ồ, chúng cháu đâu có định cải tạo con người. Chỉ là cải tạo Avonlea thôi. Có nhiều thứ cần làm để nó đẹp đẽ hơn. Ví dụ như nếu chúng ta có thể khuyên ông Levi Boulter kéo sập căn nhà cỏ gớm ghiếc ở phía trên nông trại của ông ta, đó có thể coi là một cải tiến tốt không?”

“Đương nhiên rồi,” bà Rachel phải công nhận. “Cái phế tích cũ kỹ đấy làm chướng mắt cả vùng nhiều năm nay rồi. Nhưng nếu đám cải tiến viên của bọn cháu có thể dụ dỗ Levi Boulter làm không công việc gì đó cho công chúng thì

hãy để cho ta đến chứng kiến từ đầu chí cuối nhé, thế đấy. Ta không muốn ngăn cản gì cháu, Anne à, bởi vì ý tưởng của cháu cũng có điểm có giá trị đấy, dầu ta biết là cháu lại bị mấy cuốn tạp chí Yankee rác rưởi tiêm nhiễm. Nhưng cháu sẽ tối mắt tối mũi với trường học, và với tư cách một người bạn ta khuyên cháu đừng tốn công với mấy thứ cải tiến ấy nữa, thế đấy. Nhưng này, ta biết cháu sẽ theo đến cùng một khi cháu đã quyết tâm. Chẳng biết sao nhưng cháu luôn là người đã nói là làm.”

Có gì đó ở những đường nét kiên định trên đôi môi của Anne cho biết ý kiến của bà Rachel không cách xa sự thật mấy. Anne dốc lòng thành lập Hội cải tạo Làng quê. Gilbert Blythe dạy

học ở White Sands nhưng luôn về nhà từ tối thứ Sáu đến sáng thứ Hai và rất hào hứng với ý tưởng đó, và đa số đám thanh niên còn lại sẵn sàng tham gia vào bất cứ thứ gì miễn là thỉnh thoảng có tụ họp và đôi chút “Vui vẻ.” Còn “cải tạo” có nghĩa là gì thì chẳng ai hiểu rõ trừ Anne và Gilbert. Bọn họ đã bàn bạc và lập kế hoạch chi tiết vì một Avonlea lý tưởng, ít nhất là trong tâm trí bọn họ.

Bà Rachel vẫn còn một tin nóng hổi nữa.

“Họ đã giao trường ở Carmody cho một cô tên là Priscilla Grant. ở trường Queen cháu có quen cô nào tên như vậy không, Anne?”

“Ồ có. Priscilla dạy ở Carmody! Ôi

thật là trên cả tuyệt vời!” Anne kêu lên, đôi mắt xám sáng rực tựa như ánh sao đêm, khiến bà Lynde tự hỏi lần nữa liệu mình có thể khẳng định Anne Shirley có thực sự là một cô gái xinh đẹp hay không.

2. Bán Vội Rời Hội Hạn Dài Dài

Anne đánh xe đến Carmody mua sắm vào buổi chiều hôm sau và kéo Diana Barry đi cùng. Diana đương nhiên là một thành viên nòng cốt của Hội cải tạo, và hai cô gái chẳng nói gì mấy đến đề tài khác trong suốt cả lượt đi lẫn lượt về từ Carmody.

“Việc đầu tiên chúng ta phải làm sau khi thành lập là sơn lại tòa thị chính,” Diana nói khi họ đánh xe qua tòa thị

chính của Avonlea, một tòa nhà khá tồi tàn nằm dưới thung lũng rợp bóng cây vân sam. “Nó nhìn thật tởm quá, chúng ta phải giải quyết nó trước cả khi yêu cầu ông Levi Boulter giật sập nhà ấy chứ. Ba nói rằng chúng ta sẽ không bao giờ làm nổi chuyện đó... Levi Boulter hẳn tiện chẳng đời nào tiêu phí thời gian vào một việc không kiếm ra tiền.”

“Có lẽ ông ta sẽ cho đám con trai giật sập nó nếu họ chịu tách mấy tấm ván thừa chẻ nhỏ ra cho ông ta làm củi nhóm lửa,” Anne hy vọng. “Chúng ta chỉ đành cố hết sức và chấp nhận đi từng bước. Chúng ta không thể mong đợi cải thiện mọi thứ ngay lập tức được. Đương nhiên, chúng ta phải thu phục nhân tâm trước đó.”

Diana không biết chắc thu phục nhân tâm nghĩa là gì, nhưng nghe có vẻ hay hay, và cô cảm thấy khá tự hào khi mình là thành viên của một hội có mục tiêu cao xa như vậy.

“Đêm qua tớ nảy ra một ý, Anne ạ. Cậu biết mảnh đất tam giác ở giao lộ ba con đường đi Carmody, Newbridge và White Sands chứ? ở đó mọc đầy cây vân sam non, nhưng nếu chúng ta nhổ sạch, chỉ để lại hai ba cây bạch dương thôi thì chắc là nhìn mát mắt hơn nhiều, phải không?”

“Tuyệt vời,” Anne vui vẻ đồng ý. “Và đặt thêm một băng ghế gỗ mộc dưới tầng cây nữa. Khi mùa xuân đến mình sẽ trồng một luống hoa phong lữ đỏ thắm ở giữa.”

“Hay đây, chỉ có điều chúng mình phải nghĩ cách yêu cầu bà già Hiram Sloane cầm con bò cái của bà ta mò ra đường, nếu không nó sẽ ăn sạch hoa phong lữ của chúng mình mất,”

Diana cười khúc khích. “Bây giờ tớ bắt đầu hiểu thu phục nhân tâm nghĩa là gì rồi, Anne. Đến căn nhà cũ của Boulter rồi. Cậu có thấy một cái tổ quạ xấu xí đến thế ở đâu khác chưa? Lại còn chễm chệ bên đường cái nữa chứ. Một căn nhà cũ với các ô cửa sổ vỡ làm tớ nghĩ tới một thứ gì đó đã chết và bị móc mắt.”

“Tớ cho rằng một căn nhà cũ bỏ hoang nhìn thật là buồn thảm,” Anne mơ màng. “Với tớ, nó luôn có vẻ như đang suy tư về quá khứ và tiếc thương cho niềm hạnh phúc thời xưa cũ. Bác Marilla

nói rằng một gia đình lớn đã từng sống trong căn nhà ấy hồi lâu lắm rồi, khi đó nó là một căn nhà đẹp đẽ, với khu vườn xinh xắn, hoa hồng leo đầy tường. Nó từng tràn đầy tiếng cười, bài hát và bây con trẻ, giờ đây nó trống rỗng, chẳng ai viếng thăm trừ những cơn gió. Chắc nó phải cảm thấy cô đơn buồn bã lắm! Có lẽ vào những đêm trăng sáng, bóng ma của những đứa trẻ, hoa hồng, những bài hát đều quay về viếng thăm... và trong một thoáng căn nhà cũ sẽ mơ thấy nó còn trẻ và vui sướng trở lại.”

Diana lắc đầu.

“Tớ chẳng bao giờ dám tưởng tượng những điều như thế về bất cứ nơi chốn nào nữa, Anne ạ. Cậu có nhớ mẹ tớ và bác Marilla giận dữ thế nào khi chúng

mình tưởng tượng có những bóng ma lảng vảng ở rừng Ma Ám không? Cho đến giờ tớ vẫn chẳng dám đi qua đó khi trời tối; và nếu tớ cứ tưởng tượng những điều tương tự về căn nhà cũ của Boulter thì khi đi qua nó tớ sẽ lại sợ hú hồn cho coi. Hơn nữa, đám trẻ nít ấy đâu có chết. Họ đều lớn lên và thành đạt... một trong số họ làm đồ tể. Với cả dù sao chẳng nữa, những bông hoa và những bài hát làm sao trở thành bóng ma được.”

Anne cố nén tiếng thở dài. Cô rất yêu quý Diana và họ luôn là bạn tốt của nhau. Nhưng từ lâu cô đã biết được rằng chỉ có mình mình đơn độc lang thang trong thế giới mộng ảo. Muốn đến thế giới ấy phải đi qua một lối đi bị phù phép, ngay cả những người thân yêu nhất

cũng chẳng thể theo cô được.

Lúc hai cô đang ở Carmody thì trời đổ mưa lớn, tuy không lâu lắm. Xuyên qua những vòm cây lấp lánh nước mưa, những thung lũng um tùm nơi các nhánh dương xỉ sũng nước tỏa mùi ngai ngái, chuyến đi về nhà thật tuyệt vời. Nhưng khi họ quẹo vào con đường vào nhà Cuthbert, một cảnh tượng đập vào mắt Anne khiến cô chẳng thưởng thức phong cảnh tươi đẹp được nữa.

Bên phải bọn họ trải dài cánh đồng yến mạch ướt đẫm và trĩu hạt của ông Harrison; và giữa cánh đồng xanh xám thu hoạch trễ ấy là ả bò cái Jersey đang đứng oai vệ giữa những nhánh yến mạch ngon lành, vừa ve vẩy đuôi vừa bình thản chớp mắt nhìn họ.

Anne buông rơi dây cương, bậm môi đứng phắt dậy, coi bộ con vật bốn chân này sắp gặp họa lớn rồi. Cô không nói tiếng nào mà chỉ lạnh lẽo trèo xuống xe, nhảy vút qua hàng rào trước khi Diana kịp hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra.

“Anne, trở lại đi,” Diana hét tướng lên ngay khi bình tĩnh lại. “Cậu sẽ làm hỏng cái váy trong đám yến mạch ướn ấy... hỏng mất rồi. Cậu ấy chẳng thèm nghe mình! Ôi, cậu ấy chẳng đời nào kéo con bò đó đi một mình được. Đương nhiên mình phải tới giúp thôi.”

Anne điên cuồng phóng qua ruộng. Diana lạnh lẽo nhảy xuống xe, buộc ngựa vào cọc, vén chiếc váy kẻ ô xinh đẹp của mình lên vai, leo qua hàng rào và bắt đầu

đuổi theo cô bạn điên cuồng kia. Cô chạy nhanh hơn Anne đang bị chiếc váy ướt đầm dính nặng vào chân và mau chóng đuổi kịp bạn. Khi nhìn thấy dấu vết bọn họ để lại trên cánh đồng, chắc ông Harrison sẽ vỡ tim ra mất.

“Anne, trời ơi, dừng lại,” Diana đáng thương thở hổn hển. “Tớ mệt đến đứt hơi còn cậu thì ướt như chuột lột.”

“Tớ... phải... đuổi con bò... ra... trước khi... ông Harrison... nhìn thấy,” Anne cũng muốn hết hơi. “Có chết đuối... tớ... cũng chẳng... thèm quan tâm... chỉ cần... chúng ta... đuổi nó... đi... được.”

Nhưng có vẻ như ả bò cái Jersey chẳng thấy có lý do gì mà nó phải bị đuổi ra khỏi bữa chính ngon lành của

mình cả. Hai cô gái thở hồng hộc vừa tiến lại gần nó thì nó đã quay đầu và tung vó chạy đến đầu kia cánh đồng.

“Chặn đầu nó,” Anne hét lên. “Nhanh lên, Diana, chạy đi.”

Diana chạy. Anne lạch bạch theo đuôi, còn ả bò Jersey xấu xa cong đuôi chạy vòng vòng quanh cánh đồng như bị ma ám. Diana thầm nghĩ chắc nó bị ma ám thật. Phải mất mười phút bọn họ mới chặn đầu được nó và kéo nó đi qua chỗ rào hỏng ở góc để sang con đường về nhà Cuthbert.

Vào đúng lúc này, phải nói là Anne đã điên tiết đến cực điểm. Nhìn thấy một chiếc xe dừng ở ngay bên đường, ông Shearer ở Carmody và đưa con trai ngồi

trên xe đang cười toe toét càng làm tâm trạng của Anne tồi tệ hơn.

“Lẽ ra cháu nên bán con bò cho tôi khi tôi muốn mua tuần trước, Anne ạ,” ông Shearer cười khúc khích.

“Cháu sẽ bán nó cho ông bây giờ, nếu ông muốn,” cô chủ của con bò nói trong lúc mặt đỏ bừng, quần áo thì xộc xệch. “Ông lấy nó ngay lập tức cũng được.”

“Xong ngay. Tôi sẽ trả cháu hai mươi đô la như đã đề nghị lúc trước, và Jim sẽ kéo nó thẳng tới Carmody. Nó sẽ được đưa tới thị trấn với số súc vật còn lại tối nay. Ông Reed ở Brighton muốn mua một con bò giống Jersey.”

Năm phút sau đó Jim Shearer và ả bò cái Jersey đã hành quân trên đường, và

cô nàng Anne bóc đồng đang đánh xe dọc con đường dẫn vào Chái Nhà Xanh với hai mươi đô la trong tay.

“Bác Marilla sẽ nói gì đây?” Diana hỏi.

“Ồ, bác ấy không quan tâm đâu. Dolly là con bò của mình và dẫu có đem đấu giá thì nó cũng chẳng bán được hơn hai mươi đô la đâu. Nhưng trời ơi, nếu ông Harrison nhìn thấy khoảnh ruộng đó thì ông ta sẽ biết nó lại vừa xông vào một lần nữa, ngay sau khi tờ thẻ danh dự là không để chuyện đó lặp lại! Hừ, nó đã dạy cho tờ một bài học nhớ đời: không bao giờ thẻ danh dự về đám bò cái nữa. Một con bò có thể nhảy qua hoặc phá vỡ chuồng rào thì không thể tin tưởng được ở bất cứ đâu.”

Lúc ấy bà Marilla vừa đi thăm bà Lynde về, và khi quay trở lại bà đã biết tất cả, vì từ cửa sổ nhà mình bà Lynde đã nhìn thấy gần hết vụ mua bán và đoán ra phần còn lại.

“Ta cho rằng bán nó cũng tốt, dù cháu toàn hành động hấp ta hấp tấp khùng khiếp, Anne à. Dù sao thì ta cũng không hiểu làm sao nó ra khỏi chuồng được. Chắc nó húc đổ mấy tấm ván.”

“Cháu không biết nữa,” Anne nói, “nhưng cháu sẽ đi xem ngay bây giờ. Martin vẫn chưa chịu trở lại. Có lẽ vài bà dì nữa của anh ta lại qua đời chẳng. Cũng giống như câu chuyện về ông Peter Sloane và những người bát thập cổ lai hy vậy. Một tối nọ, bà Sloane ngồi đọc báo

và nói với ông Sloane, Tôi đọc thấy một người bát thập cổ lai hy khác vừa chết. Bát thập cổ lai hy là gì vậy, Peter?” Và ông Sloane đáp rằng ông không biết, nhưng chắc đó phải là những sinh vật rất ốm yếu, bởi vì ta chỉ toàn nghe thấy họ đang hấp hối mà thôi. Y chang như các bà dì của anh Martin vậy.”

“Martin cũng y hệt đám người Pháp còn lại,” Marilla nói vẻ chán ghét. “Không thể tin tưởng họ một ngày một bữa nào.”

Marilla đang xem xét những món đồ Anne mua ở Carmody thì nghe một tiếng thét lạnh lạnh vang lên trong sân nuôi súc vật. Một phút sau, Anne lao vào nhà bếp, tay vịn vẹo.

“Anne Shirley, chuyện gì vậy?”

“Ôi, bác Marilla, cháu biết làm gì đây? Thật là khủng khiếp. Và tất cả là lỗi của cháu, ôi, đến khi nào cháu mới học được cách dừng lại suy nghĩ trước khi làm những chuyện điên rồ đây? Bà Lynde luôn luôn nói với cháu rằng cháu sẽ gặp họa một ngày nào đó, và bây giờ thì cháu gặp họa thật rồi!”

“Anne, cháu lúc nào cũng trầm trọng hóa vấn đề! Cháu đã làm cái gì nào?”

“Bán con bò Jersey của ông Harrison... con bò ông ta mua từ ông Bell... cho ông Shearer! Dolly vẫn đang đứng ngoan ngoãn trong chuồng ngay giây phút này.”

“Anne Shirley, cháu đang nằm mơ

hả?”

“Cháu chỉ ước gì cháu đang nằm mơ. Không phải là mơ, mặc dù rất giống một cơn ác mộng. Và giờ này thì con bò của ông Harrison đã đến Charlottetown rồi. Ôi, bác Marilla, cháu tưởng là cháu hết gây chuyện rắc rối rồi, thế mà bây giờ cháu lại rơi vào vụ rắc rối tệ hại nhất trong đời. Cháu phải làm gì đây?”

“Làm gì ư? Chẳng còn gì để làm cả, bé con, trừ việc đi gặp ông Harrison và thông báo cho ông ta biết. Chúng ta có thể đưa con Jersey của chúng ta để trao đổi nếu ông ta không chịu lấy tiền. Dolly cũng chẳng khác gì con bò của ông ta cả.”

“Nhưng cháu chắc là ông ta sẽ hết sức

bực tức và gắt gỏng cho coi,” Anne rên rỉ.

“Chắc là vậy rồi. Ông ta có vẻ là loại đàn ông dễ cáu kỉnh. Ta sẽ đi giải thích cho ông ta nếu cháu muốn.”

“Không, thật đấy, cháu không tệ đến vậy đâu,” Anne kêu lên. “Tất cả đều là lỗi của cháu, cháu không thể để bác chịu phạt thay được. Cháu sẽ tự đi, đi ngay lập tức. Chuyện này càng kết thúc sớm càng tốt, thật là nhục nhã hết chỗ nói mà.”

Anne đáng thương lấy mũ và hai mươi đô la rồi đi ra cửa, lúc ấy cô tình cờ liếc mắt nhìn vào phòng để thức ăn đang bỏ ngổ. Trên bàn đặt một cái bánh quả hạch mà cô vừa làm hồi sáng... một món tráng

miệng ngon tuyệt với lớp kem hồng có trang trí quả óc chó. Anne làm nó cho buổi tối thứ Sáu, khi đám thanh niên của Avonlea tụ tập ở Chái Nhà Xanh để họp về Hội cải tạo. Nhưng làm sao bọn họ có thể sánh với ông Harrison đang tức giận một cách chính đáng kia chứ? Anne nghĩ rằng cái bánh đó đủ làm mềm trái tim của bất kỳ người đàn ông nào, nhất là người phải tự nấu ăn, và cô lập tức bỏ nó vào hộp. Cô sẽ mang nó cho ông Harrison như một lời đề nghị hòa bình.

“Ấy là nếu ông ta cho mình cơ hội nói một tiếng,” cô buồn bã nghĩ khi leo qua hàng rào, đi tắt qua cánh đồng vàng óng dưới ánh chiều tà mờ màng tháng Tám. “Giờ mình đã biết cảm giác của người tử tù sắp bị hành quyết là thế nào.”

3. Ông Harrison Tại Gia

Nhà của ông Harrison có cấu trúc khá lồi thõ, mái hiên thấp, quét vôi trắng xóa, phía sau là một lùm cây vôn sam rậm rạp.

Ông Harrison đang ngồi một mình trên thềm nhà rợp bóng cây leo, mặc mỗi áo sơ mi và nhâm nhi tẩu thuốc. Khi nhận ra ai đang đi trên lối vào nhà, ông đột nhiên đứng dậy, chạy ngay vào nhà và đóng sầm cửa lại. Đó chỉ đơn thuần là hành động do quá bất ngờ, cùng với nỗi

xấu hổ khá lớn vì đã giận quá mất khôn ngày hôm trước. Tuy nhiên, nó gần như xóa sạch chút can đảm còn sót lại trong tim Anne.

“Nếu bây giờ ông ta đã nóng nảy như vậy, khi biết mình đã làm gì thì ông ta còn tệ đến mức nào,” cô khỏ sở nghĩ bụng rồi giơ tay gõ cửa.

Nhưng ông Harrison ra mở cửa, mỉm cười ngượng ngùng rồi mời cô vào với giọng điệu khá nhẹ nhàng và thân thiện, nếu không nói có chút lo lắng, ông đã cất ống điếu và mặc thêm áo khoác, ông mời Anne ngồi vào một chiếc ghế bụi bặm một cách rất lịch sự, và sự tiếp đón của ông có thể gọi là hoàn hảo nếu không có con vẹt hóng hớt đang nhìn qua song lồng bằng ánh mắt vàng chóc châm chọc.

Anne vừa đặt mông xuống thì Gùng kêu lên,

“Chúa rủ lòng thương linh hồn tôi, con nhãi tóc đỏ kia đến đây làm gì?”

Chẳng biết khuôn mặt của ai đỏ hơn, ông Harrison hay là Anne.

“Cháu đừng để ý đến con vẹt ấy,” ông Harrison giận dữ lờm Gùng. “Nó... nó luôn nói nhảm đay mà. Tôi nhận nuôi nó từ ông anh thủy thủ. Đám thủy thủ ăn nói chẳng mấy chọn lọc, còn đám vẹt lại là giống hay bắt chước.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Anne đáng thương thốt lên, mục đích của chuyến đi đã kìm hãm cơn bất mãn của cô. Cô không thể làm mất mặt ông Harrison trong tình thế hiện nay, đó là chắc chắn

rồi. Khi bạn lỡ bán con bò Jersey của một người đàn ông mà không xin phép thì bạn chẳng có quyền tức giận nếu con vẹt của ông ta cứ lặp đi lặp lại những lời châm chọc. Dù sao chẳng nữa, “con nhãi tóc đỏ” không còn rón rén ngoan ngoãn như đáng phải vậy nữa.

“Tôi đến để thú nhận với ông một chuyện, ông Harrison ạ,” cô quả quyết lên tiếng. “Đó... đó là về... con bò Jersey.”

“Chúa rử lòng thương linh hồn tôi” ông Harrison lo lắng kêu lên, “có phải nó lại xông vào đám yến mạch của tôi nữa không? ồ, không sao... như vậy cũng không sao. Chẳng có gì khác biệt... chẳng có gì cả, tôi... quả thực tôi đã quá hấp tấp ngày hôm qua. Nó có xông vào

cũng chẳng sao đâu.”

“Ôi, không chỉ có vậy,” Anne thở dài.
“Mà còn tồi tệ hơn gấp mười lần. Tôi không...”

“Giời ơi, ý cháu nói là nó còn chạy qua đám ruộng lúa mì?”

“Không... không... không phải là đám lúa mì. Nhưng...”

“Vậy thì là vườn cải bắp rồi! Nó đã giẫm đạp lên đám cải bắp tôi trồng để tham gia triển lãm, phải không?”

“Không phải là cải bắp, ông Harrison à. Tôi sẽ nói cho ông biết tất cả... đó là lý do tôi tới đây - nhưng xin đừng ngắt lời tôi. Làm thế tôi sẽ rất bối rối. Hãy để tôi kể từ đầu đến đuôi và đừng ngắt lời -

sau đó chắc chắn ông có nhiều lời để nói lắm đấy,” Anne để thêm nhưng chỉ trong tâm tưởng.

“Tôi sẽ không nói một từ nào,” ông Harrison nói và làm đúng như vậy. Nhưng con Gùrg không bị ràng buộc bởi bất cứ hiệp ước im lặng nào và cứ tiếp tục quang quác, “nhãi ranh tóc đỏ” từng đợt một cho đến khi Anne cảm thấy muốn phát điên lên.

“Tôi nhốt con bò Jersey của tôi vào chuồng ngày hôm qua. Sáng nay tôi đi Carmody và khi trở về tôi nhìn thấy một con bò Jersey trong đám ruộng yên mạch của ông. Diana và tôi đuổi nó ra và ông không thể tưởng tượng được chúng tôi đã khổ sở thế nào đâu. Tôi ướt mẹp, mệt mỏi và tức điên người - ngay giây

phút đó ông Shearer đi ngang qua và đề nghị mua con bò. Tôi đã bán nó cho ông ấy tại chỗ lấy hai mươi đô la. Đó là sai lầm của tôi. Lẽ ra tôi nên chờ hỏi ý bác Marilla. Nhưng tôi đã quá quen cái thói làm mà không suy nghĩ - những người biết tôi cũng đồng ý như thế. Ông Shearer đã dẫn con bò đi ngay để kịp chuyến tàu buổi chiều.”

“Con ranh tóc đỏ,” con Gùng xen lời với giọng điệu khinh miệt cực điểm.

Đến lúc này, ông Harrison đứng phắt dậy, vẻ mặt hầm hầm đủ sức dọa chết bất cứ loại chim nào trừ giống vẹt, ông quẳng lồng con Gùng vào căn phòng kế bên rồi đóng cửa lại. Gùng hét tướng lên, chửi thề và thể hiện hết bản lĩnh vốn có của nó, nhưng khi thấy chỉ còn một

mình, nó đành chịu câm miệng một cách uất ức.

“Xin lỗi, cháu cứ nói tiếp đi,” ông Harrison lại ngồi xuống. “Ông anh thủy thủ của tôi chẳng bao giờ chịu dạy dỗ con chim cho ra hồn.”

“Tôi đi về nhà và sau bữa trà, tôi đi ra chuồng bò, ông Harrison ạ”... Anne nghiêng người về phía trước, chấp tay lại theo thói quen thuở nhỏ, đôi mắt to màu xám của cô nhìn chăm chăm vào khuôn mặt xấu hổ của ông Harrison... “Tôi thấy con bò của tôi vẫn bị nhốt trong chuồng. Tôi đã bán con bò của ông cho ông Shearer.”

“Chúa rủ lòng thương linh hồn tôi,” ông Harrison kêu lên, hoàn toàn kinh

ngạc trước kết thúc bất ngờ của câu chuyện. “Thật là một câu chuyện hết sức đặc biệt!”

“Ôi, chẳng đặc biệt chút nào khi tôi lại lôi bản thân mình và cả những người khác vào vụ rắc rối thế này,” Anne buồn rầu thốt. “Tôi là thế đấy. Ông chắc phải cho rằng tôi đã đủ trưởng thành để không lâm vào những tình huống tẻo ngoe thế này... Tháng Ba tới tôi sẽ mười bảy tuổi... nhưng có vẻ như là tôi vẫn chưa đủ lớn. Ông Harrison, liệu có quá đáng khi hy vọng rằng ông sẽ tha thứ cho tôi không? Tôi e là giờ đã quá trễ để lấy con bò của ông lại, nhưng đây là số tiền bán bò... hoặc là ông có thể lấy con bò của tôi nếu ông muốn. Nó là một con bò rất tốt. Và tôi không thể diễn tả được nỗi hối

hận của tôi về mọi việc.”

“Chậc chậc,” ông Harrison cắt ngang, “không cần nói gì nữa, quý cô. Không có gì đáng kể... không có gì đáng kể cả. Tai nạn đấy mà. Đôi khi tôi cũng quá hấp tấp, cô gái ạ... quá sức hấp tấp. Nhưng tôi không thể không nói ra những gì tôi nghĩ và mọi người phải chấp nhận tôi như tôi vốn thế. Nếu mà con bò ấy dám mò vào đám cải bắp bây giờ... nhưng quên đi, nó đâu có mò vào, vì vậy mọi chuyện đều ổn. Tôi nghĩ rằng tôi sẽ lấy con bò của cháu, dù sao thì cháu cũng muốn tống khứ nó đi mà.”

“Ôi, cảm ơn ông, ông Harrison. Cháu rất vui vì ông không nổi điên lên. Cháu cứ sợ là ông sẽ như vậy.”

“Và tôi chắc là cháu sợ đến phát khiếp khi tới đây thú thật với tôi, sau khi đối mặt với cơn tam bành của tôi ngày hôm qua, phải không? Nhưng cháu đừng để ý, tôi là một lão già trực tính khủng khiếp, chỉ thế thôi... Luôn nhanh mồm nói ra sự thật, dẫu có trần trụi tới đâu.”

“Bà Lynde cũng vậy,” Anne buột miệng trước khi có thể ngăn mình lại.

“Ai cơ? Bà Lynde á? Đừng có nói là tôi giống bà tám ấy,” ông Harrison bực bội. “Tôi không... không giống vậy chút nào. Cháu mang cái gì trong hộp vậy?”

“Một cái bánh,” Anne tinh nghịch đáp lời. Vui sướng trước vẻ hiếu khách bất ngờ của ông Harrison, tinh thần của cô hồi phục nhanh chóng. “Cháu đem qua

biểu ông... Cháu nghĩ có lẽ ông không có dịp ăn bánh thường xuyên.”

“Đúng là tôi không hay được ăn bánh thật, và tôi cũng rất thích bánh nữa. Rất cảm ơn cháu. Nhìn bên ngoài có vẻ ngon đấy. Tôi hy vọng bên trong cũng ngon.”

“Đương nhiên,” Anne tự tin. “Cháu từng làm những cái bánh không được ngon, cô Allan có thể cho ông biết về vụ đó, nhưng cái này thì đảm bảo. Cháu làm nó cho Hội Cải tạo, nhưng vẫn còn thừa thời gian để làm một cái khác.”

“Ồ, nghe tôi nói này, cô gái, cháu phải ăn chung với tôi mới được. Tôi sẽ đun nước và chúng ta uống trà nhé. Vậy có được không?”

“Ông để cho cháu pha trà được

không?” Anne nói về nghi ngờ.

Ông Harrison cười khúc khích.

“Tôi thấy cháu không mấy tin tưởng vào tài pha trà của tôi. Cháu sai rồi... Tôi có thể pha một vại trà ngon chẳng kém gì thứ ngon nhất cháu từng uống. Nhưng cứ tự nhiên đi. May là Chủ nhật tuần trước trời mưa nên còn nhiều chén đĩa sạch lắm.”

Anne nhanh chóng đứng dậy và bắt tay vào việc. Cô rửa ấm trà mấy nước liền trước khi ngâm trà. Sau đó cô lau bếp, dọn bàn ăn, đem chén đĩa ra khỏi chạn. Cô phát hoảng khi nhìn vào bên trong chạn, nhưng cô khôn ngoan không bình luận gì. Ông Harrison chỉ cho cô chỗ để bánh mì, bơ và một lon đào hộp.

Anne trang trí bàn ăn bằng một bó hoa hái ngoài vườn và lờ đi vết bẩn trên khăn trải. Chẳng bao lâu trà đã sẵn sàng và Anne thấy mình đang ngồi đối diện với ông Harrison bên bàn, rót trà cho ông và tán chuyện thoải mái về trường học, bạn bè và các kế hoạch của cô. Cô hầu như không thể tin nổi chuyện này là thật.

Ông Harrison đã đem Gùng trở lại, quả quyết rằng con chim đáng thương ấy sẽ cảm thấy cô đơn nếu bị bỏ rơi; và Anne, cảm giác rằng mình có thể tha thứ cho tất cả mọi người và tất cả mọi chuyện, đưa cho nó một quả óc chó. Nhưng Gùng đã bị tổn thương trầm trọng, nó từ chối mọi món hôi lộ làm quen. Nó ủ rũ đậu trên chạc và xù lông ra cho đến khi nhìn chẳng khác gì một quả banh lông

xanh vàng.

“Tại sao ông lại gọi nó là Gùng?” Anne hỏi, cô vốn thích những cái tên thật kêu và nghĩ rằng Gùng chẳng hợp với bộ lông kiêu diễm đến thế.

“Người anh thủy thủ của tôi đặt tên cho nó. Có lẽ muốn ám chỉ tính khí nóng nảy của nó. Nhưng tôi đánh giá con chim đó khá cao... cháu sẽ rất ngạc nhiên nếu biết tôi thích nó đến nhường nào. Nó quả thật cũng có khuyết điểm. Nó làm tôi hao phí khá nhiều tiền của đấy. Một số người phản đối thói quen chửi thề của nó, nhưng chẳng có cách nào cấm nó được. Tôi đã cố gắng thử... những người khác cũng đã cố gắng. Một số người có thành kiến với vẹt. Ngốc nghếch quá, phải không? Tôi thì tôi thích vẹt. Gùng là một

người bạn thân thiết của tôi. Không có gì... không có gì trên thế giới có thể bắt tôi bỏ nó, cô gái ạ.”

Ông Harrison hùng hổ nhấn mạnh câu cuối với Anne cứ như ông nghi ngờ rằng cô có âm mưu thuyết phục ông bỏ Gùg. Tuy nhiên, Anne đã bắt đầu cảm thấy mến người đàn ông thấp bé lập dị và nóng nảy bộp chộp này, và trước khi bữa ăn kết thúc, họ đã trở thành bạn tốt của nhau, ông Harrison đã biết về Hội Cải tạo và tỏ vẻ ủng hộ.

“Đúng đấy. Cứ tiếp tục đi. Có rất nhiều chỗ... và có rất nhiều người cần phải cải tạo ở đây.”

“Ồ, thế mà cháu không biết đấy,” Anne bật lại. Cô có thể công nhận

với bản thân và bè bạn thân thiết rằng có vài khiếm khuyết nhỏ dễ dàng khắc phục ở Avonlea và cả cư dân nơi đây. Nhưng nghe lời phê bình của một người gần như xa lạ như ông Harrison thì hoàn toàn là một chuyện khác. “Cháu nghĩ Avonlea là một nơi đáng yêu; và cư dân ở đây cũng rất dễ thương.”

“Cháu cũng dễ nổi nóng quá nhỉ,” ông Harrison nhận xét, quan sát đôi má đỏ bừng và cặp mắt bất bình trước mặt. “Tính khí ấy hợp với mái tóc của cháu, tôi nghĩ vậy. Avonlea là một nơi khá tử tế, nếu không thì tôi đã không chuyển đến đây, nhưng tôi cho rằng đến cháu cũng phải thừa nhận rằng nó có một số khiếm khuyết chứ?”

“Vì vậy mà cháu càng yêu Avonlea,” Anne trung thành đáp trả. “Cháu không thích những nơi hay những người chẳng có khiếm khuyết nào. Cháu cho rằng một người thực sự hoàn hảo sẽ rất đáng chán. Bà Milton White nói rằng bà chưa gặp ai hoàn hảo, nhưng đã nghe nói đến một người... vợ trước của chồng bà ta. Ông có nghĩ rằng lấy phải một người có bà vợ đầu hoàn hảo thì thật là khó chịu không?”

“Còn khó chịu hơn nếu phải lấy một bà vợ hoàn hảo,” ông Harrison tuyên bố với giọng sôi nổi bất ngờ không hiểu tại sao.

Khi xong bữa, Anne khăng khăng đòi rửa chén bát, mặc dù ông Harrison đảm bảo với cô rằng có đủ chén bát để dùng cho nhiều tuần nữa. Cô cũng rất muốn

quét sạch sàn nhà nhưng không tìm thấy chổi đâu, mà cô thì lại không dám hỏi ông Harrison vì sợ ông sẽ trả lời rằng nhà không hề có chổi.

“Thỉnh thoảng cháu ghé qua trò chuyện với tôi nhé,” ông Harrison đề nghị khi cô ra về. “ở đây không xa và láng giềng cũng nên thân thiết với nhau một chút. Tôi cũng khá quan tâm đến cái Hội của cháu. Theo tôi có vẻ cũng khá thú vị đấy. Các cháu sẽ giải quyết ai đầu tiên?”

“Chúng cháu sẽ không can thiệp vào con người... chúng cháu chỉ muốn cải tạo nơi chốn thôi,” Anne nói vẻ trang nghiêm. Cô hơi nghi ngờ rằng ông Harrison đang xiên xỏ dự án của mình.

Khi cô đi rồi, ông Harrison nhìn cô từ cửa sổ... một dáng hình nữ tính mềm mại vui vẻ lướt đi trên cánh đồng trong ánh hồng hoàng hôn.

“Mình là một lão già cộc cằn, cô đơn, hay cáu kỉnh,” ông nói lớn tiếng, “nhưng cô bé ấy có thứ gì đó làm cho mình cảm thấy trẻ lại... cảm giác ấy thật dễ chịu và mình muốn có được cảm giác ấy thường xuyên hơn.”

“Con ranh tóc đỏ,” con Gùng la ó về chế giễu.

Ông Harrison dứ dứ nắm đấm của mình về phía con vẹt.

“Đồ xấu tính,” ông lầm bầm, “ước gì ta bẻ phất cổ mi cho rồi khi anh ta đem mi về nhà. Tới chừng nào mi mới thôi

gây rắc rối cho ta đây?”

Anne sung sướng chạy về nhà và kể lại cuộc phiêu lưu cho bà Marilla, bà đã lo lắng không ít trong suốt thời gian cô vắng mặt và suýt chút nữa đã chạy đi tìm cô.

“Dù sao chẳng nữa, thế giới này vẫn khá là tốt đẹp, phải không bác Marilla?” Anne vui vẻ kết luận. “Hôm trước bà Lynde phàn nàn rằng thế giới này chẳng có gì hay. Bà ấy nói rằng mỗi khi chúng ta trông đợi bất cứ thứ gì vui vẻ, chắc chắn chúng ta sẽ thất vọng dù nhiều hay ít. Có lẽ đó là sự thật. Nhưng cũng có mặt tốt. Những điều xấu không hẳn lúc nào cũng tệ như chúng ta tưởng... gần như luôn luôn kết thúc tốt đẹp hơn hẳn mong đợi. Tối nay khi sang nhà ông Harrison,

cháu cứ định ninh mình sẽ gặp xui xẻo; ai ngờ ông ấy lại khá dễ thương và cháu đã có một khoảng thời gian tương đối vui vẻ. Cháu nghĩ cháu và ông ấy có thể trở thành bạn rất thân nếu chúng cháu chịu bỏ qua những tính xấu của nhau, và mọi chuyện sẽ kết thúc tốt đẹp. Nhưng dù sao chẳng nữa, bác Marilla à, chắc chắn cháu sẽ không bao giờ bán bò khi chưa biết chắc chủ của nó là ai. Và cháu không thích vệt!”

4. Ý Kiến Khác Nhau

Một buổi hoàng hôn nọ, Jane Andrews, Gilbert Blythe và Anne Shirley thơ thẩn bên hàng rào dưới bóng râm của hàng vân sam nhẹ nhàng đung đưa, nơi một con đường băng rừng nhỏ được biết với cái tên lối Bạch Dương đổ ra đường cái. Jane đến thăm Anne suốt buổi chiều, sau đó Anne cùng cô đi bộ về nhà, tới hàng rào thì họ gặp Gilbert và cả ba bắt đầu trò chuyện về ngày mai định mệnh, ngày khai giảng mùng một

tháng Chín. Jane sẽ đến dạy ở Newbridge và Gilbert ở White Sands.

“Cả hai cậu đều may hơn tớ,” Anne thở dài. “Các cậu sẽ dạy những đứa trẻ xa lạ; còn tớ phải dạy đám bạn học cũ của tớ, và bà Lynde bảo e rằng họ sẽ không tôn trọng tớ như một cô giáo bất kỳ nào khác, trừ phi tớ tỏ vẻ hắc xì dâu ngay hôm đầu tiên. Nhưng tớ không cho rằng giáo viên thì nên khó tính, ôi, tớ thấy đây đúng là một gánh nặng!”

“Chắc sẽ ổn cả thôi,” Jane tỏ vẻ thoải mái. Jane không bị quấy rầy bởi bất cứ cao vọng gây ảnh hưởng tốt lên học sinh nào. Cô chỉ muốn làm tròn chức trách, làm hài lòng Ban quản trị trường học và được liệt vào bảng danh dự của Thanh

tra trường. Jane không có thêm bất cứ tham vọng nào. “Cần nhất là phải giữ gìn trật tự, và để làm điều đó giáo viên phải tỏ vẻ nghiêm khắc. Nếu học sinh của tớ không nghe lời thì tớ sẽ phạt chúng.”

“Phạt thế nào?”

“Tất nhiên là đánh chúng một trận ra trò.”

“Ồ, Jane, cậu sẽ không làm vậy đâu,” Anne kêu lên căm phẫn. “Jane, cậu không thể làm vậy!”

“Thật đấy, tớ có thể và sẽ làm vậy, nếu chúng đáng bị ăn đòn” Jane quả quyết.

“Tớ chẳng bao giờ có thể đánh một đứa trẻ,” Anne đáp trả với vẻ quả quyết

không kém. “Tớ hoàn toàn không tin vào phương pháp ấy. Cô Stacy chẳng bao giờ đánh chúng mình mà lớp lúc nào cũng trật tự; và thầy Phillips thì cứ đánh học trò nhưng lớp cứ lộn nhào cả lên. Không, nếu tớ phải đánh học trò thì tớ chẳng thèm cố dạy học làm gì. Có nhiều cách quản lý học trò tốt hơn. Tớ sẽ cố được học trò yêu thích, và khi đó chúng sẽ muốn làm bất cứ điều gì tớ yêu cầu.”

“Nhưng trong trường hợp chúng không muốn thì sao?” Jane luôn là người thực tế.

“Dù sao thì tớ cũng sẽ không đánh bọn chúng. Tớ chắc là bạo lực chẳng làm được gì. ôi, đừng đánh đám học sinh của cậu, Jane thân yêu, dù chúng làm bất cứ chuyện gì.”

“Cậu nghĩ thế nào, Gilbert?” Jane hỏi. “Cậu không nghĩ rằng có một số đứa nhóc thỉnh thoảng thực sự cần ăn đòn sao?”

“Cậu không nghĩ rằng đánh trẻ con, bất kỳ đứa trẻ nào, là một hành động dã man tàn bạo sao?” Anne kêu lên, mặt đỏ ửng vẻ thành khẩn.

“Ừ,” Gilbert chậm rãi đáp, bị giảng xé giữa ý kiến thật sự của mình và mong muốn sánh vai với hình mẫu trong lòng Anne,” cả hai bên đều có lý cả. Tớ không tin mấy vào việc đánh trẻ em. Như cậu nói đấy, Anne, có nhiều cách tốt hơn để duy trì trật tự, và trừng phạt về thể xác là biện pháp cuối cùng. Nhưng mặt khác, như Jane nói, tớ tin rằng có một vài

đưa trẻ không thể bị cảm hóa bằng bất cứ cách nào khác và nói tóm lại, nó cần bị ăn đòn mới chịu sửa đổi. Theo tớ, trừng phạt thể xác chỉ là biện pháp cuối cùng khi chẳng còn cách nào khác.”

Gilbert cố gắng làm hài lòng cả hai bên, vậy nên kết quả đương nhiên và không thể tránh khỏi là chẳng bên nào hài lòng với anh cả. Jane hát đầu.

“Tớ sẽ đánh học trò khi chúng hư. Đó là cách ngắn nhất và dễ dàng nhất để thuyết phục bọn chúng.”

Anne nhìn Gilbert vẻ thất vọng.

“Tớ sẽ chẳng bao giờ đánh một đứa trẻ nào,” cô lặp lại một cách kiên định. “Tớ cảm thấy điều đó chẳng đúng hay cần thiết gì cả.”

“Giả sử một thằng nhóc cư xử thiếu lễ độ với cậu khi cậu ra lệnh cho nó thì sao?” Jane hỏi.

“Tớ sẽ giữ nó ở lại trường sau giờ học và khuyên bảo nó một cách thân tình nhưng cương quyết,” Anne đáp. “Ai cũng có điểm tốt cả, nếu cậu chịu khó tìm kiếm. Trách nhiệm của giáo viên là tìm và phát triển điểm tốt ấy. Giáo sư môn Quản lý Trường học ở trường Queen đã dạy chúng ta điều đó, cậu biết mà. Cậu cho rằng đánh đòn trẻ con thì có thể tìm được điểm tốt của nó sao? Giáo sư Rennie từng nói tạo ảnh hưởng đúng đắn lên trẻ em còn quan trọng hơn là dạy chúng đọc, viết và tính toán nữa.”

“Nhưng Thanh tra chỉ kiểm tra ba môn đọc, viết và tính toán thôi, cậu biết

đây, và ông ta sẽ không đánh giá cậu cao nếu bạn nhóc làm bài không đạt chuẩn,” Jane phản đối.

“Tớ thà được học trò yêu quý và nhớ đến nhiều năm sau như một người hướng đạo thực thụ còn hơn được nêu tên trên bảng danh dự,” Anne khẳng định.

“Vậy cậu sẽ không trừng phạt bạn trẻ khi chúng phá phách sao?” Gilbert hỏi.

“Ồ, có chứ, tớ cho rằng tớ sẽ làm vậy, mặc dù biết là tớ căm ghét điều đó. Nhưng chúng ta có thể không cho chúng ra chơi, phạt đứng hay chép phạt.”

“Tớ cho rằng cậu sẽ không dùng cách buộc ngồi với đám con trai để phạt đám con gái, phải không?” Jane tinh nghịch hỏi.

Gilbert và Anne nhìn nhau mỉm cười vẻ bối rối. Đã có một thời Anne bị phạt ngồi cạnh Gilbert, hậu quả là bao buồn bực cay đắng về sau.

“À, thời gian sẽ trả lời đâu là cách tốt nhất,” Jane triết lý khi họ chia tay.

Anne quay trở lại Chái Nhà Xanh theo lối Bạch Dương, lối đi âm u, tiếng lá cây xào xạc, mùi dương xỉ lan tỏa, rồi xuyên qua thung lũng Tím, đi ngang hồ Liễu Rủ, nơi bóng tối và ánh sáng đan xen dưới tán linh sam, dọc theo đường Tình Nhân... những nơi chốn ngày xưa cô và Diana đã đặt tên. Cô bước đi chậm rãi, thưởng thức mùi hương ngọt ngào của rừng cây, cánh đồng và buổi chiều hè chạng vạng đầy sao trời lấp lánh, ngẫm nghĩ về những trách nhiệm mới của mình

bắt đầu từ ngày mai. Khi cô vào đến sân của Chái Nhà Xanh, giọng nói vang dội và quả quyết của bà Lynde văng ra ngoài cửa sổ nhà bếp đang mở rộng.

“Bà Lynde đến để khuyên nhủ mình nên làm gì ngày mai đây,” Anne thâm nghĩ rồi nhăn mặt, “nhưng mình không đời nào chui đầu vào đâu. Mình nghĩ... lời khuyên của bà ấy giống như tiêu vậy, ít thì tốt nhưng nhiều thì cay sè lưỡi mất. Mình thà chạy qua nói chuyện với ông Harrison còn hơn.”

Đây không phải lần đầu tiên Anne chạy qua trò chuyện với ông Harrison kể từ vụ việc đáng nhớ về ả bò Jersey. Cô đã sang đó mấy buổi chiều và ông Harrison và cô đã trở thành bạn rất tốt, mặc dù cũng có lúc Anne phải cố

gắng lắm mới chịu nổi thói quen nói thẳng nói thật mà ông Harrison rất tự hào. Gùrg vẫn tiếp tục nhìn cô vẻ nghi ngờ và lần nào cũng chào cô đầy châm chọc “con ranh tóc đỏ.” ông Harrison đã cố gắng vô ích khi bắt nó thay đổi thói quen bằng cách đứng phắt dậy hào hứng mỗi khi nhìn thấy Anne tới và kêu lên, “Giời ơi, cô gái xinh xắn đáng yêu lại tới nữa rồi,” hoặc một câu gì đó tâng bốc chẳng kém. Nhưng Gùrg thấy rõ tim đen và tỏ vẻ khinh miệt âm mưu của ông. Anne không bao giờ biết ông Harrison đã ca tụng mình bao nhiêu lần sau lưng. Bởi ông chẳng bao giờ khen thẳng mặt cô cả.

“À, tôi cứ tưởng cháu đang ở trong rừng chặt sẵn một đống gậy gộc chuẩn bị

cho ngày mai chứ?” là lời chào của ông khi Anne bước lên thêm nhà.

“Không đời nào,” Anne phản nộ. Cô là một mục tiêu trêu chọc tuyệt vời bởi cô luôn nghiêm túc với mọi chuyện. “Cháu không bao giờ cầm gậy vào lớp cả, ông Harrison ạ. Tất nhiên, cháu phải có một cây thước, nhưng cháu chỉ dùng nó để chỉ lên bảng thôi.”

“Vậy cháu tính đánh chúng bằng roi da hả? Ủ, tôi không biết nữa, nhưng chắc là cháu đúng. Đánh bằng gậy đau nhiều hơn nhưng roi da thì nhớ đời hơn, đó là sự thật.”

“Cháu không bao giờ dùng những thứ tương tự như thế. Cháu sẽ không đánh học trò đâu.”

“Giờ ời,” ông Harrison kêu lên vẻ ngạc nhiên chân thành, “vậy làm thế nào để cháu giữ gìn trật tự đây?”

“Cháu sẽ dùng tình cảm, ông Harrison ạ.”

“Không có kết quả đâu,” ông Harrison nói, “sẽ không có kết quả đâu Anne ời. “Cá không ăn muối cá ươn. Thời tôi còn đi học, tôi ăn đòn mỗi ngày vì thầy giáo nói nếu tôi không quậy phá thì cũng đang mưu tính trò quậy phá nào đó.”

“Phương pháp dạy học đã thay đổi rồi, ông Harrison ạ.”

“Nhưng bản chất con người không hề thay đổi. Nhớ lấy lời của tôi, cháu sẽ không bao giờ quản lý được đám trẻ trư

khi cháu cầm sẵn gậy trong tay. Cách của cháu không có tác dụng đâu.”

“À, cháu sẽ thử cách của mình trước,” Anne đáp trả, cô vốn là người có ý chí khá mạnh mẽ và có khuynh hướng kiên trì không đổi với những lý thuyết của mình.

“Tôi thấy cháu khá cứng đầu đấy,” là nhận xét của ông Harrison về cô. “Rồi, rồi, để xem. Một ngày nào đó cháu sẽ phát khùng lên... mà những người có mái tóc như cháu là dễ phát khùng lắm đấy... cháu sẽ quên sạch tất cả những ý định đẹp đẽ mà dân cho vài tên học trò một trận nhừ tử. Dù sao cháu vẫn còn quá trẻ để đi dạy học... quá trẻ và quá con nít.”

Nhìn chung, đêm hôm đó Anne đi ngủ với tâm trạng khá bi quan. Cô ngủ chẳng

yên và sáng hôm sau xanh xao thảm thương trong bữa sáng đến mức bà Marilla cảm thấy lo lắng và nhất định phải pha cho cô một tách trà gừng cay xé lưỡi. Anne ngoan ngoãn nhấm nháp tách trà dù cô thật không tưởng tượng ra một tách trà gừng có thể làm được gì. Giá như nó là một thứ nước phép mạnh mẽ đem lại sự từng trải và kinh nghiệm, Anne sẽ sẵn sàng uống trọn cả lít mà không hề ngại ngùng.

“Bác Marilla, lỡ cháu thất bại thì sao!”

“Chỉ một ngày thôi thì sao mà thất bại hoàn toàn được, cháu còn nhiều ngày sắp tới mà,” bà Marilla nói. “Anne, vấn đề của cháu là cháu mong được dạy hết mọi điều và sửa đổi mọi tính xấu của

đám học trò ngay lập tức, và nếu cháu không làm được vậy thì cháu cứ nghĩ là mình thất bại.”

5. Một Cô Giáo Đầy Bản Lĩnh

Sáng hôm đó, lần đầu tiên trong đời cô đi qua lối Bạch Dương mà chẳng để ý gì đến vẻ đẹp của nó, và khi Anne đến trường học, tất cả đều bình lặng yên ắng. Cô giáo cũ đã rèn luyện đám học trò phải ngồi ngoan ngoãn vào chỗ khi cô bước vào lớp. Do vậy, khi vào trong phòng, Anne liền đối mặt với hàng dãy những “khuôn mặt rạng rỡ buổi sáng” và những ánh mắt tò mò sáng rực. Cô treo mũ lên

và đứng đối mặt với các học sinh, thầm hy vọng mình không có vẻ sợ hãi và ngốc nghếch như đang cảm nhận, và đám học sinh sẽ không nhìn thấy cô đang run rẩy đến thế nào.

Cô đã thức đến gần mười hai giờ đêm hôm qua để sáng tác một bài diễn văn đọc trước mặt học sinh nhân dịp khai giảng. Cô đã đọc đi đọc lại cẩn thận, sửa đổi nhiều lần, rồi học thuộc lòng cả bài. Đó là một bài phát biểu rất hay và có nhiều ý tưởng cao đẹp bên trong, nhấn mạnh vào việc giúp đỡ lẫn nhau và thái độ học tập nghiêm túc. Vấn đề duy nhất là bây giờ cô chẳng còn nhớ được một từ nào.

Sau một khoảng thời gian cô cảm thấy dài như cả năm trời... thực tế chỉ khoảng

mười giây... cô nói như hụt hơi, “Các trò hãy lấy Thánh kinh ra,” rồi ngồi phịch xuống ghế trong tiếng sột soạt và tiếng mở ngăn kéo lách cách liên hồi của học sinh. Trong khi đám học sinh đọc lớn các tiết trong Kinh thánh, Anne cố sắp xếp những suy nghĩ hỗn loạn của mình vào trật tự và nhìn một lượt khắp lớp, từ hàng những đứa nhỏ đến đám học sinh đã trưởng thành.

Hầu hết đương nhiên đều quen thuộc với cô. Bạn cùng lớp của cô đã tốt nghiệp hết năm ngoái nhưng số học sinh còn lại đều từng học chung với cô, ngoại trừ lớp vỡ lòng và mười học sinh vừa mới đến Avonlea. Thực tình Anne cảm thấy hứng thú với mười học sinh mới hơn là những người cô đã quá quen thuộc về

năng lực. Đương nhiên, đám học sinh mới rất có thể cũng bình thường như số còn lại, nhưng mặt khác vẫn có thể có một thiên tài trong số chúng.

Đó là một ý tưởng thật hứng khởi.

Tên nhóc ngồi một mình ở một góc bàn là Anthony Pye. Khuôn mặt đen sạm bé bỏng của nó lộ vẻ sùng sĩa, còn đôi mắt đen thì nhìn chăm chăm vào Anne một cách thù địch. Anne ngay lập tức hạ quyết tâm rằng cô sẽ khiến thằng nhóc ấy mền mình rồi thu phục hoàn toàn cả họ nhà Pye.

Ở góc khác, cậu bé lạ mặt đang ngồi chung với Arty Sloane... một cậu bé vẻ ngoài vui tươi, mũi hếch, mặt tàn nhang và đôi mắt to màu xanh nhạt với hàng mi

trắng trắng viền quanh... có lẽ là cậu bé nhà Donnell; và xét theo vẻ ngoài hao hao giống nhau thì cô em gái của cậu ta đang ngồi ở dãy bên kia với Mary Bell. Anne tự hỏi mẹ cô bé là người thế nào mà để cho con cái ăn mặc như vậy đi học. Cô bé mặc một chiếc váy lụa màu hồng nhạt với hàng đồng diềm ren bằng vải bông, giày da dê trắng lấm lấm cùng bít tất lụa. Mái tóc vàng cát của cô bé bị ép thành vô số những lọn tóc quăn kỳ cục chẳng tự nhiên chút nào, ngự bên trên là một cái nơ hồng rực rỡ còn lớn hơn cả đầu cô bé. Xem vẻ mặt thì cô nàng rất hài lòng với cách ăn mặc của mình.

Cô bé nhỏ xíu da tái với mái tóc nâu vàng gợn sóng mượt mà xõa xuống vai, Anne nghĩ, nhất định là Annetta Bell, cha

mẹ cô bé trước đây sống trong khu học chính Newbridge, nhưng khi dời nhà xích lên năm mươi mét về phía Bắc, họ đã lân sang địa phận Avonlea. Ba cô bé xanh xao ngồi chen chúc trong một ghé chắc chắn là con nhà Cotton; và nàng tiêu mỹ nhân với những lọn tóc nâu dài và mắt màu hạt dẻ đang liếc mắt đưa tình qua cuốn Thánh kinh với Jack Gills chính là Prillie Rogerson. Cha cô nàng vừa mới cưới vợ hai và đưa Prillie về nhà từ nhà bà ngoại ở Grafton. Cô gái cao nhỏng vụng về ngồi ở ghé chót về lúng ta lúng túng thì Anne không biết là ai, nhưng sau đó phát hiện ra cô tên Barbara Shaw và vừa chuyển đến sống với bà dì ở Avonlea. Rồi cô cũng sẽ khám phá ra rằng mỗi lần Barbara đi

giữa hai dãy bàn mà không vấp vào chân mình hay chân người khác là đám học giả tí hon của Avonlea lập tức tường thuật sự kiện bất thường này lên tường hành lang để kỷ niệm.

Nhưng khi mắt Anne bắt gặp đôi mắt của cậu bé ngồi hàng đầu tiên đang nhìn thẳng vào cô, thì một cảm giác phấn khích kỳ lạ trào dâng trong lòng cô, cứ như cô đã tìm được một thiên tài cho mình vậy. Cô biết cậu bé này chính là Paul Irving và bà Rachel Lynde đã nói đúng được một lần khi tiên tri rằng cậu bé hoàn toàn không giống những đứa trẻ khác ở Avonlea. Hơn thế nữa, Anne nhận ra rằng cậu bé cũng khác hẳn những đứa trẻ bình thường ở bất cứ nơi đâu, và rằng một tâm hồn hoàn toàn tương hợp với cô

đang quan sát cô chăm chú qua đôi mắt xanh thẫm của mình.

Cô biết Paul lên mười tuổi nhưng nhìn bề ngoài thì cậu chỉ như mới tám tuổi thôi. Khuôn mặt nhỏ bé của cậu là khuôn mặt đẹp nhất cô từng thấy ở một đứa trẻ... đường nét tinh tế và tao nhã được đóng khung bởi những lọn tóc màu hạt dẻ như một vòng hào quang. Miệng cậu thật đáng yêu, căng mọng mà chẳng cần phải trề ra, đôi môi đỏ thẫm, khóe môi uốn cong dịu dàng tinh tế mà lại vừa khéo không bị trĩng xuống thành lúm đồng tiền, vẻ mặt cậu nghiêm túc và đăm chiêu, cứ như linh hồn của cậu già dặn hơn nhiều so với thể xác, nhưng khi Anne mỉm cười dịu dàng với cậu, vẻ chín chắn đó lập tức biến đổi thành một nụ cười

đáp lại, nụ cười ấy tựa như kết tinh của toàn bộ tinh thần cậu, cứ như một ngọn đèn nào đó đã được thắp sáng bên trong người, soi sáng cậu từ đầu đến chân. Điểm đặc biệt nhất là nụ cười đó hoàn toàn tự nhiên, không cần phải cố gắng hay do bất cứ động cơ nào, đó chỉ là sự tỏa sáng của một tính cách hiếm thấy, vừa tinh tế vừa ngọt ngào ẩn giấu bên trong. Chỉ trao đổi một nụ cười, trước khi kịp nói với nhau lời nào, Anne và Paul đã trở thành hai người bạn thân thiết vĩnh cửu.

Ngày hôm đó trôi qua như một giấc mơ. Sau này Anne chẳng thể nào hình dung lại nó một cách rõ ràng nữa. Dường như có một kẻ nào khác dạy học chứ không phải là cô. Cô lắng nghe học trò

đọc bài, hướng dẫn cách tính cộng, phát bài tập một cách máy móc. Đám học trò cư xử khá tốt; chỉ có hai trường hợp phạm lỗi. Morley Andrews bị bắt gặp mang theo một cặp dế đá vào lớp học. Anne phạt Morley đứng trên bục giảng một tiếng và... tịch thu hai con dế, hình phạt khiến Morley nhà ta cảm thấy đau đớn hơn nhiều. Cô đặt chúng trong một chiếc hộp và thả ra ở thung lũng Tím trên đường về nhà; nhưng từ đó về sau, Morley mãi đinh ninh rằng cô đem chúng về nhà để chơi một mình.

Một bị cáo khác là Anthony Pye, nó đã đổ sạch nước từ chai đá của mình vào gáy của Aurelia Clay. Anne giữ Anthony ở lại lớp vào giờ ra chơi và giảng giải cho nó nghe những hành vi tiêu

chuân của một quý ông, đồng thời khẳng định với nó rằng chẳng quý ông nào lại đổ nước vào gáy của quý cô cả. Cô muốn tất cả học trò nam đều trở thành một quý ông tao nhã, cô đã nói vậy. Bài giảng ngắn ngủi của cô khá là thân tình và cảm động nhưng rùi thay Anthony hoàn toàn chẳng tiếp thu được chút nào. Nó lắng nghe cô giảng giải trong im lặng với vẻ mặt sung sĩa vốn có và huýt sáo khinh miệt khi bước ra ngoài. Anne thở dài và sau đó tự an ủi mình bằng cách tự nhủ: chiếm được tình cảm của một người họ Pye cũng như là xây dựng thành Rome, không thể làm được trong một ngày. Trên thực tế, người nhà Pye có tình cảm hay không cũng là một dấu hỏi lớn, nhưng Anne hy vọng Anthony sẽ tốt đẹp

hơn, nó có vẻ sẽ trở thành một cậu bé khá ngoan nếu có ai đó vượt qua được vỏ ngoài sùng sĩa chai lì của nó.

Khi tan học và đám học trò đã ra về, Anne ngồi phịch xuống ghế đầy mệt mỏi. Đầu cô nhức bung bung và cô cảm thấy chán nản ghê gớm. Chẳng có lý do nào để phải chán nản cả, vì chẳng có gì tệ hại xảy ra, nhưng Anne quá sức mệt mỏi và gần như tin rằng cô chẳng bao giờ yêu được nghề dạy học. Và thử nghĩ xem, có gì khủng khiếp hơn việc phải làm gì đó mà bạn không thích mỗi ngày suốt... ừm, giả dụ như suốt bốn mươi năm. Anne băn khoăn không biết mình có nên òa lên khóc ngay lập tức hay nên đợi đến khi an toàn về đến căn phòng trắng của mình ở nhà. Trước khi kịp đưa ra quyết định, cô

chợt nghe tiếng giày cao gót lộp cộp và tiếng quần áo lụa sột soạt ngoài hành lang, rồi thấy mình đang đối diện với một quý bà có bề ngoài khiến cô nhớ lại lời châm chích gần đây của ông Harrison về một người phụ nữ ăn diện quá đom đàng mà ông nhìn thấy trong một cửa hàng ở Charlottetown. “Bà ta giống như nạn nhân của vụ đụng độ giữa một cuốn tạp chí thời trang và một cơn ác mộng vậy.”

Người mới tới này ăn diện lộng lẫy trong bộ váy lụa mùa hè màu xanh nhạt, đầy đặng ten, xếp nếp, tay phồng ở bất cứ chỗ nào có thể kết vào. Đầu bà ta trùm một chiếc mũ vải the trắng không lồ có điểm thêm ba sợi lông đà điểu dài sọc và thông thọt. Một tấm mạng voan hồng,

rải đầy những chấm đen lớn tướng, như một đường viền ren rủ từ vành mũ xuống vai rồi bay phát phới tựa hai lá cờ đuôi theo phía sau bà ta. Bà ta đeo đủ loại trang sức mà một phụ nữ nhỏ con có thể đeo nổi, mùi dầu thơm nồng nặc vây quanh người.

“Tôi là bà Donnell... Bà H. B. Donnell”, cái hình hài ấy tuyên bố, “và tôi đến đây gặp cô về một việc mà Clarice Almira nói với tôi khi nó về nhà ăn cơm hôm nay. Việc đó khiến tôi hết sức bức tức.”

“Tôi xin lỗi,” Anne chao đảo, căng óc cố gắng nhớ lại xem có vụ rắc rối nào diễn ra hồi sáng nay có liên quan tới đám trẻ nhà Donnell không.

“Clarice Almira nói với tôi rằng cô phát âm tên chúng tôi là Donnell. Nay, cô Shirley, cách phát âm đúng của tên của chúng tôi là Donnell... nhấn giọng vào âm tiết cuối cùng. Tôi hy vọng cô sẽ nhớ kỹ điều này từ nay về sau.”

“Tôi sẽ cố gắng,” Anne lấp bắp, cố nén nỗi khát khao mãnh liệt được phá lên cười nghiêng ngả. “Theo trải nghiệm bản thân, tôi cũng biết đánh vần sai tên của ai đó thì chẳng hay ho gì, và chắc là nếu phát âm sai thì còn tệ hại hơn.”

“Còn phải nói. Và Clarice Almira cũng thông báo với tôi rằng cô gọi con trai của tôi là Jacob.”

“Cháu nói với tôi tên của cháu là Jacob,” Anne chống chế.

“Tôi cũng nghi ngờ là thế,” bà H.B Donnell lên tiếng với giọng điệu ngụ ý rằng đám trẻ con chẳng biết thế nào là uống nước nhớ nguồn ở thời đại nhiều nhưng này. “Thằng bé đó có gu thật tầm thường, cô Shirley ạ. Khi sinh nó ra tôi muốn đặt tên nó là St. Clair... nghe thật là quý phái, phải không? Nhưng cha nó cứ nằng nặc đặt tên nó là Jacob theo tên của ông bác. Tôi nhượng bộ, vì bác Jacob là một người đàn ông độc thân giàu có. Và cô có biết gì không, cô Shirley? Khi thằng bé ngây thơ của chúng tôi mới lên năm tuổi, ông bác Jacob ấy lại đi lấy vợ và giờ đã có ba đứa con trai. Cô có thấy ai vong ân bội nghĩa đến thế không? Ngay khi nhận được thiệp mời đám cưới... không ngờ ông ta còn dám ngạo

mạn gửi thiệp cho chúng tôi, cô Shirley a... tôi đã tuyên bố, 'Tôi cóc cần Jacob nào nữa, cảm ơn nhiều.' Từ ngày hôm đó tôi gọi con trai của tôi là St. Clair, và tôi nhất quyết mọi người cũng phải gọi nó là St. Clair. Cha nó cứ bướng bỉnh tiếp tục gọi nó là Jacob, và thằng bé chẳng hiểu sao lại ưa thích cái tên thô tục ấy. Nhưng nó là St. Clair và chỉ là St. Clair mà thôi. Cô sẽ vui lòng nhớ kỹ điều này, phải không cô Shirley? cảm ơn cô. Tôi đã nói với Clarice Almira rằng tôi chắc đây chỉ là sự hiểu lầm và chỉ cần nói một tiếng là xong. Donnell... nhấn giọng vào âm tiết cuối cùng... và St. Clair... không bao giờ gọi là Jacob. Cô sẽ nhớ chứ? Cảm ơn cô."

Khi bà H. B Donnell đã chịu dời gót

ngọc, Anne khóa cửa trường rồi đi về nhà. Dưới chân đồi, cô nhìn thấy Paul Irving đang đứng ở lối Bạch Dương. Cậu bé đưa cho cô một bó hoa lan đại xinh xắn, loại hoa mà trẻ em Avonlea hay gọi là “hoa huệ gạo”.

“Cô ơi, em tìm thấy chúng trong phần đất của ông Wright,” cậu bẽn lẽn, “Và em quay lại để tặng cô vì em nghĩ cô là kiểu phụ nữ sẽ ưa thích chúng, và bởi vì...” cậu ngược đôi mắt to xinh đẹp của mình... “Em thích cô, cô giáo ạ.”

“Ôi bé con,” Anne nhận lấy bó hoa thơm ngát. Và lời của Paul chẳng khác gì một câu thần chú, bao nhiêu thất vọng và mệt mỏi biến mất khỏi tâm trí cô; hy vọng trào dâng trong tim cô như suối nguồn nhảy múa. Cô nhanh nhẹn đi qua

lôi Bạch Dương, mùi hương ngọt ngào của bó hoa lan như lời chúc phúc dành riêng cho cô.

“À, tình hình thế nào?” bà Marilla tò mò muốn biết.

“Hãy hỏi lại câu đó vào một tháng sau, khi ấy có lẽ cháu có thể trả lời được cho bác. Bây giờ thì cháu không thể... Chính bản thân cháu còn không biết nữa là... Mọi chuyện còn mới mẻ quá. Suy nghĩ của cháu cứ nặng nề và hỗn độn như vừa bị đảo lộn cả lên. Thành tựu duy nhất mà cháu tin chắc mình làm được hôm nay là cháu đã dạy cho Cliffie Wright biết rằng A là A. Trước đây nó chưa bao giờ biết chữ này. Có phải đó là bước khởi đầu để dẫn dắt một con người đi theo con đường học thuật có thể dẫn

đến một tập thơ kiểu như Thiên đường đánh mất, hay một Shakespeare mới chẳng?”

Bà Lynde sau đó có ghé qua với nhiều lời động viên. Người phụ nữ tốt bụng này đã đứng trước cổng chặn đường hỏi thăm đám học trò xem bọn chúng có thích cô giáo mới hay không.

“Và đưa nào cũng nói rằng rất thích cháu, Anne ạ, trừ Anthony Pye ra. Tôi phải thừa nhận là nó chẳng ưa cháu chút nào. Nó nói cháu vô dụng, chẳng khác gì đám nữ giáo viên non choẹt khác. Đây là hiệu ứng nhà Pye đấy. Nhưng đừng lo.”

“Cháu không lo đâu,” Anne lặng lẽ đáp, “Và cháu sẽ làm cho Anthony Pye thực lòng mến cháu. Kiên nhẫn và lòng

tốt chắc chắn sẽ thành công.”

“À, với một tên nhà Pye thì không nói trước gì được đâu,” bà Rachel tỏ vẻ thận trọng. “Bọn họ cũng giống như những giấc mơ ấy, thường rất khó đoán. Còn cái mụ Donnell ấy, mụ ta đừng hòng bắt tôi gọi là Donnell, tôi đảm bảo với cháu đây. Cái tên đó vốn là Donnell và sẽ luôn luôn như vậy. Mụ ta điên rồi, thế đấy. Mụ ta có một con chó lùn mũi tẹt đặt tên là Queenie, và nó ăn trong một cái đĩa sứ chung bàn với cả gia đình. Nếu tôi mà là mụ thì tôi sẽ sợ bị trời phạt lắm. Thomas nói ông Donnell là một người đàn ông chăm chỉ hiểu biết, nhưng không được sáng suốt lắm khi chọn vợ, thế đấy.”

6. Đủ Loại Đủ Kiểu Đàn ông... Và cả Phụ Nữ Nữa

Một ngày tháng Chín trên những ngọn đồi của đảo Hoàng Tử Edward; một cơn gió trong trẻo từ biển rộng thổi tung những đụn cát; một con đường dài màu đỏ quanh co băng qua đồng ruộng và rừng cây, lúc thì uốn quanh một khoảnh sân sam um tùm, lúc lại len lỏi qua vườn cây phong non với lớp dương xỉ mượt mà non tơ bên dưới, lúc thì hạ xuống một thung lũng nơi một con suối chảy trào rồi

lại nép mình vào rừng cây, lúc lại tắm mình trong ánh mặt trời chói lọi giữa dải cúc tây thân vàng hoa xanh biếc; bầu không khí vang động tiếng râm ran của vô số côn trùng, những kẻ nghỉ dưỡng vô tư lự của ngọn đồi ngày hè; một chú ngựa non màu nâu mập mạp tung nước kiệu trên đường; hai cô gái đầy ắp niềm vui giản đơn mà vô giá của tuổi thanh xuân và cuộc đời ngồi ở xe ngựa phía sau.

“Ôi. ngày hôm nay là một ngày sót lại từ vườn Địa Đàng, phải không Diana?”... và Anne thở dài một cách vô cùng thỏa mãn. “Bầu không khí tràn đầy ma thuật. Nhìn ánh tím trên vành thung lũng đang được thu hoạch kia, Diana. Và ôi chao, hãy ngửi mùi nhựa cây linh sam đi! Nó tỏa lên từ thung lũng ngập nắng đằng kia,

nơi ông Eben Wright đang chặt cây làm cột hàng rào. Được tận hưởng ngày hôm nay là hạnh phúc lắm rồi, nhưng ngửi mùi nhựa linh sam thì tuyệt vời như ở thiên đường vậy. Hai phần ba trong số đó là của nhà thơ Worthworth và Anne Shirley chỉ chiếm một phần ba còn lại. Trên thiên đường không thể nào có những cây linh sam bị chặt ngang, phải không? Nhưng dường như đối với tớ, thiên đường chưa thể hoàn hảo được nếu chúng mình không ngửi được mùi nhựa linh sam phảng phất khi đi dạo quanh rừng cây. Có lẽ chúng ta sẽ vẫn ngửi được mùi hương đó mà chẳng cần phải hy sinh cây linh sam nào. Đúng, tớ tin là sẽ có cách nào đó. Mùi hương ngọt ngào ấy nhất định là linh hồn của cây linh

sam... và đương nhiên chỉ có những linh hồn tồn tại trên thiên đường.”

“Cây không có linh hồn đâu,” Diana là một người thực tế, “nhưng mùi nhựa linh sam thì quả thật rất tuyệt vời. Tớ sẽ làm một cái vỏ gối nhồi đầy lá linh sam. Anne, cậu cũng nên làm đi.”

“Tớ cũng nghĩ vậy... và tớ sẽ dùng nó để nghỉ trưa. Tớ chắc chắn sẽ mơ thấy mình là nữ thần rừng hay nữ thân cây lúc ngủ. Nhưng vào đúng giây phút này, tớ hoàn toàn hài lòng khi chỉ là Anne Shirley, cô giáo của Avonlea, đánh xe trên một con đường như thế này vào một ngày ngọt ngào đáng yêu đến thế.”

“Hôm nay là một ngày tuyệt vời nhưng nhiệm vụ phía trước của chúng

mình thì chẳng hề tuyệt vời chút nào,” Diana thở dài. “Vì lý do quái quỷ gì mà cậu lại đề nghị đi xuyên tiền dọc theo con đường này hả Anne? Hầu hết số người lập dị của Avonlea sống ở đây, và chúng mình sẽ bị đối xử như những kẻ ăn mày lòng thương vậy. Đây là con đường tệ hại nhất.”

“Đó là lý do tại sao tớ chọn nó. Tất nhiên Gilbert và Fred sẽ đi con đường này nếu chúng ta yêu cầu. Nhưng cậu thấy đấy, Diana, tớ cảm thấy mình có trách nhiệm với Hội cải tạo Làng Avonlea, vì tớ là người đầu tiên đề nghị thành lập nó, do vậy tớ nên lãnh những công tác khó xơi nhất mới phải. Tớ xin lỗi vì đã phiền cậu, nhưng cậu không cần phải nói một lời khi gặp những người lập

dị ấy đâu. Tớ sẽ nói hết cho... Bà Lynde sẽ thấy tớ dư sức đảm nhận trách nhiệm này. Bà ấy vẫn chưa biết có nên ủng hộ sự nghiệp của chúng mình hay không. Bà ấy nghiêng về phe ủng hộ khi nhớ ra là ông bà Allan cũng ưa thích Hội cải tạo Làng Avonlea, nhưng nguồn gốc Mỹ của các hội cải tạo làng quê là một điểm trừ to đùng. Vì vậy, bà ấy bị giằng xé giữa hai luồng ý kiến, và chỉ có thành công thì chúng mình mới chứng tỏ được bản thân trong mắt bà Lynde mà thôi. Priscilla sẽ viết một bản tham luận để đọc trong cuộc họp Hội cải tạo lần tới của chúng mình, và tớ hy vọng bài viết ấy sẽ hay, dù sao thì dì của cậu ấy cũng là nhà văn nổi tiếng nên chắc chắn cậu ấy sẽ được di truyền chút ít. Tớ sẽ không bao giờ quên

được cảm giác phân khích khi biết bà Charlotte E. Morgan là dì của Priscilla. Thật tuyệt vời khi tớ là bạn của người có bà dì từng viết nên quyển 'Những ngày ở Edgewood' và 'Vườn nụ hồng'."

"Bà Morgan sống ở đâu thế nhỉ?"

"Ở Toronto. Và Priscilla nói rằng bà ấy sẽ đến thăm đảo vào mùa hè tới, và nếu có thể Priscilla sẽ thu xếp để chúng mình có dịp gặp bà ấy. Dường như điều đó quá sức tuyệt vời để trở thành hiện thực, nhưng dù sao chỉ cần mơ mộng tới nó khi đi ngủ cũng hay lắm rồi."

Hội Cải tạo Làng Avonlea đã chính thức được thành lập. Gilbert Blythe là chủ tịch, Fred Wright phó chủ tịch, Anne Shirley là thư ký, Diana Barry là thủ

quỹ. Bọn họ lập tức được mệnh danh là các “Cải tiến viên” và sẽ họp mặt hai tuần một lần tại nhà các thành viên. Cũng phải thừa nhận rằng họ chẳng thể kỳ vọng sẽ cải tiến được mấy khi đã sắp hết mùa thế này, nhưng họ đã quyết định sẽ lập kế hoạch chu đáo cho chiến dịch mùa hè sắp tới, thu thập và thảo luận các ý tưởng, viết và đọc tham luận, và, như Anne nói, thu phục nhân tâm.

Đương nhiên là có một vài ý kiến phản đối, và... không ít lời nhạo báng, điều khiến các cải tiến viên âm ức nhất. Nghe đồn ông Elisha Wright đã nói rằng Hội nên đặt tên là Câu lạc bộ Tán tỉnh mới đúng. Bà Hiram Sloane tuyên bố bà ta nghe nói các cải tiến viên định sẽ xới tung toàn bộ lề đường mà trồng hoa

phong lũ. Ông Levi Boulter cảnh báo láng giềng của mình rằng các Cải tiến viên sẽ yêu cầu mọi người giật sập nhà rồi xây lại với bản vẽ được Hội phê duyệt. Ông James Spencer nhắn với Hội ông hy vọng họ sẽ ủi sập ngọn đồi nhà thờ. Eben Wright nói với Anne ông muốn các Cải tiến viên khuyên lão Josiah Sloane chịu khó tĩa râu. Ông Lawrence Bell cho biết ông sẽ sơn trắng kho thóc nếu bọn họ nằng nặc yêu cầu, nhưng sẽ không đời nào treo rèm đặng ten nơi cửa sổ chuồng bò. Ông Major Spencer hỏi Clifton Sloane, một cải tiến viên hay chở sữa đến Nhà máy Pho mát Carmody, rằng có phải mọi người phải tự sơn và đặt miếng lót thêu trên giá vắt sữa vào mùa hè tới hay không.

Mặc dù, hoặc có lẽ là chính vì điều này... bản chất con người vốn là vậy mà... cả Hội quyết định đánh cược vào cải tiến duy nhất mà bọn họ hy vọng có thể hoàn thành vào mùa thu năm nay. Vào cuộc họp thứ hai, trong phòng khách nhà Barry, Oliver Sloane đề ra ý quyền góp tiền để lợp mái và sơn lại tòa thị chính; Julia Bell giơ tay ủng hộ ngay với cảm giác khó chịu rằng mình đang hành động chẳng giống một quý cô. Gilbert đưa ý kiến đó ra biểu quyết, nó được tất cả mọi người ủng hộ, và Anne nghiêm túc ghi chép vào biên bản. Việc tiếp theo là chỉ định ủy ban điều hành, và Gertie Pye, quyết tâm không để Julia Bell một mình hưởng hết vinh quang, mạnh dạn đề nghị cô Andrews Jane lên làm chủ tịch của ủy

ban nói trên. Đề nghị này dĩ nhiên được ủng hộ và lập tức tiến hành, Jane đáp lại sự tín nhiệm bằng cách bổ nhiệm Gertie vào ủy ban, cùng với Gilbert, Anne, Diana và Fred Wright. Ủy ban phân chia khu vực quyền góp trong một buổi họp riêng. Anne và Diana xung phong nhận đường Newbridge, Gilbert và Fred đường White Sands, và Jane và Gertie đảm trách đường Carmody.

“Bởi vì,” Gilbert giải thích với Anne khi họ cùng đi bộ về nhà xuyên qua rừng Ma Ám, “tất cả người nhà Pye đều sống dọc theo con đường đó và họ sẽ không đời nào nhả ra một xu trừ phi được một người nhà Pye khác yêu cầu quyền góp.”

Ngày thứ Bảy kế tiếp, Anne và Diana bắt đầu hành động. Họ đánh xe đến cuối

đường và đi quyên góp ngược lại, viếng thăm “các cô gái nhà Andrews” đầu tiên.

“Nếu Catherine ở nhà một mình thì chúng mình có thể quyên được chút ít,” Diana nói, “nhưng nếu là Eliza thì chúng mình sẽ trắng tay.”

Eliza có mặt ở nhà... thật đáng tiếc... và nom còn ử rữ hơn bình thường. Cô Eliza này là kiểu người gây cho ta ấn tượng rằng cuộc đời quả thật là bẽ khổ, và rằng một cái nhếch mép, chứ chưa nói gì đến nụ cười, là một sự phí phạm năng lượng thần kinh không thể chấp nhận được. Các cô gái nhà Andrews đã là các “quý cô” hơn năm mươi năm có lẽ và dường như nhiều khả năng vẫn là “quý cô” cho đến tận cuối cuộc hành hương ở cõi trần gian. Nghe đồn rằng Catherine

vẫn chưa hoàn toàn từ bỏ hy vọng, nhưng Eliza, bi quan từ trong trứng, chưa bao giờ biết chữ hy vọng viết thế nào. Họ sống trong một căn nhà nhỏ màu nâu xây ở một góc ngập nắng của khu rừng sồi nhà Mark Andrews. Eliza phàn nàn rằng căn nhà nóng khủng khiếp trong mùa hè, nhưng Catherine thường ca ngợi rằng mùa đông nơi đây thật dễ chịu và ấm áp.

Eliza đang khâu chần làm từ những mảnh vải vụn ghép lại với nhau, không phải vì cô cần chần mà chỉ nhằm phản đối tấm khăn ten phù phiếm mà Catherine đang mặc. Khi hai cô gái giải thích lý do chuyến viếng thăm, Eliza lắng nghe với vẻ cau có còn Catherine thì mỉm cười. Đương nhiên, mỗi khi nhìn vào mắt Eliza thì Catherine lập tức thu

lại nụ cười với vẻ áy náy, nhưng nét cười của cô quay lại ngay sau đó.

“Nếu tôi có tiền để mà phung phí,” Eliza buồn bã thốt, “có lẽ tôi sẽ đốt nó lên vì thích nhìn ánh lửa lấp lánh; nhưng tôi không đời nào góp một xu cho cái tòa thị chính đó. Nó chẳng có lợi gì cho cộng đồng... chỉ là nơi cho đám trẻ tụ tập và làm những chuyện vô bổ thay vì về nhà đi ngủ.”

“Ôi, Eliza, tuổi trẻ phải vui chơi một chút chứ,” Catherine phản đối.

“Tôi không thấy cần thiết chút nào. Chúng ta không lang thang la cà ở tòa thị chính và những chỗ tương tự khi chúng ta còn trẻ, Catherine Andrews ạ. Thế giới này mỗi ngày mỗi tồi tệ hơn.”

“Em nghĩ rằng nó đang trở nên tốt hơn đấy chứ,” Catherine kiên định.

“Em nghĩ vậy thôi!” Giọng cô Eliza khinh miệt hết chỗ nói. “Em nghĩ thôi thì chẳng có giá trị gì, Catherine Andrews ạ. Sự thật là sự thật.”

“Vâng, em luôn thích nhìn về mặt tươi sáng của vấn đề, Eliza ạ.”

“Không có bất kỳ mặt tươi sáng nào.”

“Ồ, thực sự là có mà,” Anne kêu lên, không thể im lặng chịu đựng những lời trái tai như vậy được nữa. “Chứ sao nữa, có vô số những mặt tươi sáng, thưa cô Andrews. Đây thực sự là một thế giới tươi đẹp mà.”

“Nếu cháu sống lâu như tôi thì cháu

sẽ chẳng đánh giá cao thế giới này đến thế đâu,” cô Eliza chua chát, “và cũng sẽ chẳng có hứng thú cải tiến nó làm quái gì. Mẹ của cháu sao rồi, Diana? Than ôi, bà ấy dạo này xuống sắc quá. Xuống sắc kinh khủng. Và chừng nào thì bà Marilla mới mù hoàn toàn vậy, Anne?”

“Bác sĩ bảo rằng mắt bác ấy sẽ không tệ hơn nếu chịu giữ gìn cẩn thận,” Anne chùn giọng.

Eliza lắc đầu.

“Các bác sĩ luôn luôn nói như thế để ta đỡ buồn. Tôi sẽ chẳng mấy hy vọng nếu tôi là cô ấy. Phải luôn sẵn sàng cho điều tồi tệ nhất.”

“Nhưng chẳng phải chúng ta cũng nên sẵn sàng cho những điều tốt đẹp nhất hay

sao?” Anne như van vãn. “Khả năng điều tốt đẹp xảy ra cũng tương đương như điều tồi tệ nhất thôi mà.”

“Không tương đương đâu theo kinh nghiệm của tôi, mà tôi đã sống năm mươi bảy năm ròn chứ không phải ở tuổi mười sáu như cháu đâu nhé,” Eliza bắt bẻ. “Muốn về rồi à? Vâng, tôi chúc hội mới của cháu sẽ giúp cho Avonlea không tiếp tục xuống cấp, nhưng tôi chẳng mấy hy vọng đâu.”

Anne và Diana may mắn thoát khỏi cô Eliza và đánh xe với tốc độ nhanh nhất mà con ngựa non béo mập có thể chịu nổi. Khi họ rẽ cua ở cuối cánh rừng sồi, một bóng người mập mập chạy ra khỏi đồng cỏ của ông Andrews, vẫy tay gọi họ rồi rít. Đó là Catherine Andrews,

cô thờ hèn hèn không nói được nên lời nhưng vẫn dúi một nắm xu vào tay Anne.

“Đây là phần đóng góp của tôi để sơn tùa thị chính,” cô thờ gấp. “Tôi muốn đưa cho cháu một đô la nhưng không dám lấy nhiều hơn từ số tiền dành dụm vì sợ Eliza phát hiện. Tôi thực sự hứng thú với hội của các cháu và tôi tin rằng các cháu sẽ làm được rất nhiều việc có ý nghĩa. Tôi là một người lạc quan. Tôi phải như vậy, nếu sống chung với Eliza. Tôi phải nhanh nhanh mà quay trở lại trước khi chị ấy phát hiện đây... chị ấy nghĩ tôi đang cho gà ăn. Tôi chúc các cháu quyên góp thành công và đừng mất tinh thần vì những gì Eliza nói. Thế giới đang trở nên tốt hơn... chắc chắn là như vậy.”

Căn nhà tiếp theo là của Daniel Blair.

“Bây giờ, tất cả phụ thuộc vào việc vợ ông ấy có nhà hay không,” Diana nói, xe ngựa của bọn họ đang đi nước kiệu trên con đường mòn hằn vết bánh xe. “Nếu bà ta ở nhà, chúng mình sẽ không kiếm được một xu. Mọi người đều nói Dan Blair thậm chí không dám cắt tóc khi chưa xin phép vợ; và chắc chắn là bà ta hết sức keo kiệt, thế là đã nói giảm nói tránh rồi đấy. Bà ta bảo mình phải tiết kiệm trước khi rộng rãi. Nhưng bà Lynde nói sự tiết kiệm của bà ta đã đi ở đẳng 'trước' quá xa đến mức sự hào phóng chẳng bao giờ theo kịp.”

Anne kể lại chuyện đã xảy ra ở nhà Blair cho bà Marilla nghe vào tối hôm đó.

“Chúng cháu buộc ngựa rồi gõ cửa nhà bếp. Không có ai ra nhưng cửa để ngỏ và chúng cháu nghe thấy tiếng ai đó làu bàu trong phòng lương thực. Chúng cháu không nghe được nội dung nhưng Diana bảo nghe sơ sơ đã biết là tiếng chửi thề rồi. Cháu không thể tin nổi ông Blair làm vậy, bởi ông ấy luôn lạnh lẽo hiền lành; nhưng ít nhất thì ông ấy rất tức tối, bác Marilla ạ, vì khi người đàn ông đáng thương ấy ra đến cửa, mặt đỏ như củ cải, mồ hôi mồ kê ròng ròng, thì hóa ra ông ấy đang đeo chiếc tạp dề kẻ ô của vợ. ‘Tôi không thể cởi được thứ quý này ra,’ ông ấy nói, ‘nút thắt chặt quá, tôi không gỡ ra được, xin quý cô thứ lỗi.’ Chúng cháu vội rời rít nói không sao rồi vào nhà ngồi, ông Blair cũng

ngồi xuống; ông ấy xoay cái tạp dề ra đằng sau rồi cuộn nó lại, nhưng ông ấy trông hết sức xấu hổ và lo lắng đến mức cháu thấy tội nghiệp và Diana bèn nói xin lỗi vì đã không đến đúng lúc. “Ồ, không sao đâu,” ông Blair cố gắng mỉm cười... bác biết đấy, ông luôn luôn cư xử rất lịch sự... “Tôi chỉ bận rộn chút thôi... đang làm bánh ấy mà. Hôm nay vợ tôi nhận được bức điện nói rằng tối nay cô em của bà ấy ở Montreal sẽ đến đây, bà ấy đi ra ga đón em và lệnh cho tôi ở nhà làm bánh uống trà. Bà ấy viết công thức rồi hướng dẫn cách làm nhưng tôi quên sạch hơn phân nửa rồi. Mà trên giấy còn ghi là, 'nêm sao cho vừa miệng.' Như vậy nghĩa là gì? Làm sao biết được phải nêm bao nhiêu? Lỡ miệng của tôi không hợp

vị với người khác thì sao? Một muỗng canh va ni có đủ cho một lớp bánh nhỏ hay không?”

“Cháu cảm thấy tội nghiệp cái ông đáng thương này hơn bao giờ hết. Ông ấy nhìn cứ như là cá bị vớt khỏi nước vậy. Cháu từng nghe nói về những người chồng bị vợ dắt mũi và bây giờ cháu nghĩ mình đã tận mắt nhìn thấy. Cháu đã suýt buột miệng, 'ông Blair, nếu ông chịu quyền tiền cho tòa thị chính thì cháu sẽ pha bột cho.' Nhưng cháu chợt nghĩ thật chẳng có tí tình nghĩa hàng xóm láng giềng nào nếu lại đi mặc cả sát sao với một người gặp nạn. Vì vậy, cháu đề nghị pha bột cho ông ấy vô điều kiện, ông ấy đồng ý ngay tấp lự. Ông ấy kể rằng đã từng tự nấu ăn trước khi kết hôn, nhưng

làm bánh thì thật là nằm ngoài tâm tay ông, nhưng ông không muốn làm vợ thất vọng, ông ấy kiếm cho cháu một cái tạp dề khác, rồi Diana đánh trứng còn cháu nhồi bột. Ông Blair chạy quanh đưa những thứ cần thiết cho chúng cháu, ông ấy quên phứt cái tạp dề còn đeo trên người, và khi ông chạy cái tạp dề cứ phấp phới sau lưng, Diana nói cậu ấy buồn cười đến chết đi được, ông ấy nói mình biết nướng bánh... ông ấy đã làm quen rồi... sau đó ông ấy bèn đề nghị đóng góp và đưa cho chúng cháu bốn đô. Vậy là như bác thấy đây, chúng cháu đã được tưởng thưởng xứng đáng. Nhưng dẫu ông ấy không góp một xu cháu vẫn cảm thấy mình đã làm đúng với tinh thần Chúa khi giúp đỡ ông ấy.”

Nhà của Theodore White là điểm đến tiếp theo, cả Anne lẫn Diana chưa đến đây lần nào, họ chỉ quen sơ sơ với bà Theodore, một người chẳng mấy hiếu khách. Họ nên vào bằng cửa trước hay cửa sau? Trong khi họ đang thì thào bàn bạc thì bà Theodore xuất hiện tại cửa trước với một chồng báo cao ngất trong tay. Bà cẩn thận đặt từng tờ báo xuống hiên nhà, bậc thềm và dọc theo lối đi tới tận chân những người viếng thăm bí ẩn.

“Các cô có thể vui lòng chà sạch chân trên cỏ rồi sau đó đi trên những tờ báo này không?” bà lo lắng hỏi. “Tôi vừa mới quét xong một lượt căn nhà và tôi không chấp nhận có thêm bụi bám vào nữa. Hôm qua trời mưa, đường lầy lội quá.”

“Câm cậ cười đây,” Anne thì thầm cảnh báo khi họ rón rén đi trên hàng giấy báo. “Và tớ xin cậu, Diana ạ, đừng có nhìn tớ dấu bà ấy có nói gì, nếu không thì tớ sẽ không làm mặt tỉnh được nữa.”

Con đường giấy báo băng qua hành lang, dẫn tới một phòng khách ngăn nắp sạch choang. Anne và Diana rón rén ngồi xuống chiếc ghế gần nhất và giải thích lý do chuyến viếng thăm. Bà White lắng nghe họ một cách lịch sự, chỉ ngắt lời hai lần, một lần để đuổi một con ruồi phiêu lưu quá đà và một lần để cúi nhặt một cọng cỏ rơi từ váy của Anne xuống thảm. Anne thấy áy náy hết sức; nhưng bà White góp hai đô la và đưa tiền ngay...

“Đề cho chúng mình khỏi phải quay lại nữa,” Diana nói khi họ đã rời khỏi nhà. Bà White đã thu gọn những tờ báo trước khi bọn họ kịp tháo dây buộc ngựa, và khi đánh xe ra khỏi sân, họ nhìn thấy bà đang bận rộn vung chổi quét hành lang.

Tớ luôn nghe nói bà Theodore White là người phụ nữ sạch sẽ nhất trên đời, giờ thì tớ tin rồi,” Diana nói rồi phá lên cười ngặt nghẽo ngay khi đã đi được một khoảng cách an toàn.

“Tớ mừng vì bà ấy không có con,” Anne nghiêm túc. “Nếu bà ấy có con thì bọn chúng sẽ chịu khổ không sao tả được.”

Ở nhà Spencer, bà Isabella Spencer

tra tấn bọn họ với đủ lời nói xấu về tất cả mọi người sống ở Avonlea. Ông Thomas Boulter từ chối đóng góp vì hai mươi năm trước người ta không chịu xây tòa thị chính ở vị trí ông đề nghị. Bà Esther Bell, bề ngoài khỏe như vâm, mất nửa giờ để miêu tả chi tiết mọi cơn đau nhức và bệnh tật của mình rồi buồn bã góp năm mươi xu bởi vì chắc năm tới bà sẽ không có dịp đóng góp nữa... không, lúc ấy hẳn bà đã nằm trong mộ rồi.

Tuy nhiên, lần tiếp đón tôi tệ nhất lại là ở nhà Simon Fletcher. Khi đánh xe vào sân, họ nhìn thấy hai khuôn mặt dòm lên họ qua cửa sổ đằng trước. Nhưng dẫu họ kiên nhẫn gõ cửa và kiên trì chờ đợi, chẳng ai ra mở cửa cả. Hai cô bực đến xù cả lông nhím đánh xe đi khỏi nhà

của Simon Fletcher. Ngay cả Anne cũng phải thú nhận rằng cô đã bắt đầu thấy nản. Nhưng sau đó gió đã đổi chiều. Kế tiếp là mấy căn nhà của họ Sloane, họ nhận được kha khá tiền đóng góp, và từ đó đến cuối cùng họ thu hoạch khá tốt, chỉ bị hắt hủi một lần. Điềm của họ là nhà Robert Dickson kể cây cầu băng qua hồ. Họ ở lại dùng trà đầu đã về rất gần nhà, không dám làm bà Dickson phiền lòng, bà này vốn có tiếng là một phụ nữ rất “nhạy cảm.”

Khi họ đang ở đó thì bà James White ghé chơi.

“Tôi vừa xuống nhà Lorenzo,” bà thông báo. “Ngay giây phút này, anh ta là người đàn ông tự hào nhất Avonlea. Bà biết chuyện gì không? Có một đứa bé trai

mới sinh... sau bảy đứa con gái thì đó đúng là một sự kiện long trọng, tôi dám chắc với bà đấy.” Anne dỏng tai lên nghe và khi đánh xe đi, cô nói,

“Tớ sẽ đi thẳng đến nhà Lorenzo White.”

“Nhưng ông ta sống trên đường White Sands và cách khá xa khu vực của chúng mình,” Diana phản đối. “Gilbert và Fred sẽ đến quyền tiền chỗ ông ta.”

“Phải đến thứ Bảy tuần sau họ mới đi được, mà khi đó thì đã quá trễ,” Anne cương quyết. “Khi đó thì ông ta chẳng còn hào hứng gì nữa. Lorenzo White là đồ vất cổ chày ra nước, nhưng ông ta sẵn sàng quyền tiền cho bất cứ việc gì ngay bây giờ. Chúng ta không thể bỏ qua cơ

hội ngàn vàng này, Diana ạ.” Kết quả đúng như Anne dự đoán, ông White đón họ ngoài sân, mặt rạng ngời như mặt trời vào lễ Phục sinh. Khi Anne xin quyền tiền, ông hưởng ứng nồng nhiệt.

“Đương nhiên rồi, đương nhiên rồi. Cứ ghi cho tôi góp hơn người đóng cao nhất một đô la.”

“Vậy là năm đô... ông Daniel Blair góp bốn đô,” Anne đáp có chút lo lắng. Nhưng Lorenzo chẳng hề dao động.

“Vậy thì năm đô... giao tiền ngay luôn. Bây giờ cháu vào nhà với tôi nhé. Có một thứ rất đáng xem đấy... chẳng mấy người kịp thấy đâu. Cứ vào đi rồi cho tôi biết nhận xét của cháu.”

“Chúng ta biết nói gì đây nếu đưa bé

không xinh đẹp?” Diana lo lắng thì thầm khi họ đi vào trong nhà theo ông Lorenzon đang mừng như điên.

“Ồ, sẽ có điểm nào đó dễ thương để khen thôi mà,” Anne không hề lo lắng. “Đứa bé sơ sinh nào cũng có điểm đáng yêu cả.”

Cũng may là đứa bé xinh trai thật sự, và ông White cảm thấy năm đô bỏ ra là xứng đáng khi thấy hai cô gái thật lòng mê tít cậu bé trai mới chào đời. Nhưng đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Lorenzo White bỏ tiền quyền góp.

Anne dần hết sức mệt mỏi vẫn cố gắng đi thêm một lần nữa vào chiều hôm đó, băng qua cánh đồng tới gặp ông Harrison, ông đang ngồi hút thuốc ngoài

hiên như thường lệ với Gùrg đậu bên cạnh. Tính đúng ra thì ông ở trên đường Carmody, nhưng bởi vì bao lời đồn đại đáng nghi, Jane và Gertie vốn chẳng quen biết gì với ông đã năn nỉ Anne giúp giùm.

Thế nhưng ông Harrison cương quyết không đóng một xu, mọi lời thuyết phục của Anne đều vô ích.

“VẬy mà cháu tưởng ông ủng hộ Hội của chúng cháu, ông Harrison ạ,” cô than thở.

“Đúng thế... đúng thế... nhưng sự ủng hộ của tôi không đi sâu đến tận túi tiền, Anne ạ.”

“Nếu thêm vài trải nghiệm như ngày hôm nay nữa thì mình sẽ trở nên bi quan

giống như cô Eliza Andrews mất thôi,” Anne nói với bóng mình trong gương ở căn phòng chái Đông vào giờ đi ngủ.

7. Nhiệm Vụ vầy Gọi

Một buổi chiều tháng Mười se lạnh, Anne ngả người trên ghế thờ dài. Cái bàn trước mặt cô chất đầy sách giáo khoa và sách bài tập, nhưng tập giấy chi chít chữ chẳng có liên quan gì đến việc học hành hay dạy học của cô.

“Có chuyện gì vậy?” Gilbert hỏi, anh vừa bước qua cánh cửa bếp để ngỏ và kịp nghe tiếng thờ dài của cô.

Anne đỏ mặt, dúm tập giấy xuống dưới vài ba bài luận ở trường.

“Chẳng có gì ghê gớm lắm đâu. Tớ chỉ thử viết ra một vài suy nghĩ của mình theo lời khuyên của giáo sư Hamilton, nhưng chẳng tài nào viết cho ra hồn. Những suy nghĩ ấy thật cứng nhắc và ngớ ngẩn khi viết ra trên giấy trắng mực đen. Trí tưởng tượng chẳng khác gì cái bóng... ta không thể giam hãm được chúng, chúng lúc nào cũng tinh nghịch và hay thay đổi. Nhưng có lẽ một ngày nào đó tớ sẽ nắm được bí quyết nếu chịu cố gắng không ngừng. Tớ không có mấy thời gian rảnh rỗi, cậu biết đấy. Khi chấm xong bài tập và bài luận của học sinh, tớ chẳng còn muốn viết thêm bất cứ điều gì cả.”

“Cậu dạy học rất cù, Anne ạ. Đứa trẻ nào cũng mến cậu,” Gilbert nói và ngồi

xuống bậc thêm đá.

“Không, không phải tất cả. Anthony Pye đã không và sẽ không thích tở. Tệ hơn nữa là nó chẳng hề tôn trọng tở... không một chút nào. Nó cứ khinh thường tở, và tở phải thú nhận với cậu là điều đó làm tở cảm thấy tồi tệ quá chừng. Không phải vì nó là đứa hư... nó chỉ tinh nghịch chút thôi, không tệ hơn đám nhóc còn lại bao nhiêu. Nó hiếm khi cãi lời tở, nhưng nó làm theo lời tở với vẻ chịu đựng một cách khinh miệt, cứ như là tở không đáng để nó tranh cãi vậy... Hành vi của nó ảnh hưởng xấu đến những đứa học trò khác. Tở đã thử đủ cách để thu phục nó nhưng tở bắt đầu cảm thấy bất lực. Tở muốn nó mến tở, vì nó là một cậu bé con dễ thương, dẫu thuộc họ nhà Pye, và tở

có thể yêu thương nó nếu nó để cho tớ làm vậy.”

“Có lẽ là do những lời gièm pha nó nghe được ở nhà chằng?”

“Không chỉ có vậy. Anthony là một cậu bé độc lập và có chính kiến. Trước đây nó toàn đi học thầy giáo và nó cho rằng cô giáo là đồ vô dụng, ừ, chúng ta sẽ xem xem lòng kiên nhẫn và tình thương có tác dụng gì. Tớ thích các thách thức và dạy học là một công việc rất lý thú. Paul Irving đã đền bù cho mọi thiếu sót của những học sinh khác. Cậu ấy dễ thương cực kỳ, Gilbert ạ, và còn là một thiên tài nữa. Tớ tin rằng thế giới sẽ ngả mũ trước cậu bé một ngày nào đó,” Anne kết luận với giọng chắc như đinh đóng cột.

“Tớ cũng thích dạy học,” Gilbert nói. “Trước tiên là bởi nó giúp rèn luyện bản thân. Anne biết không, trong những tuần dạy đám trẻ con ở White Sands, tớ học được nhiều thứ hơn suốt thời gian đi học. Tớ và đám học trò khá hợp nhau. Dân vùng Newbridge thích Jane lắm, tớ nghe nói vậy; và White Sands cũng khá là hài lòng với anh chàng công chức khiêm tốn này... ngoại trừ ông Andrew Spencer. Tớ gặp bà Peter Blewett trên đường về nhà tối qua, và ấy nói rằng bà ấy thấy mình có nghĩa vụ phải cho tớ biết ông Spencer không đồng ý với cách dạy học của tớ.”

“Cậu có đề ý là,” Anne trầm ngâm, “khi có ai nói họ có nghĩa vụ phải nói với cậu điều gì đó, cậu nên chuẩn bị sẵn

phải nghe những điều chẳng lọt tai không? Tại sao họ không nghĩ rằng họ có nghĩa vụ phải nói cho cậu nghe những lời khen người khác dành cho cậu? Hôm qua bà H. B. Donnell lại đến trường nói với tớ rằng bà ta nghĩ mình có nghĩa vụ thông báo cho tớ biết bà Harmon Andrews không đồng ý với việc tớ đọc truyện cổ tích cho đám học trò nghe, và ông Rogerson cho rằng Prillie học môn toán chưa được tiến bộ cho lắm. Nếu Prillie chịu bớt đi số thời gian liếc mắt đưa tình với bọn con trai qua trang vở thì có lẽ cô nàng sẽ khá hơn. Tớ tin chắc là Jack Gillis gài toán cho cô nàng, dẫu tớ chưa bao giờ bắt quả tang được.”

“Cậu có thuyết phục được cậu con trai đầy triển vọng của bà Donnell chịu

quay về với cái tên cao đẹp của mình không?”

“Được rồi,” Anne phá lên cười, “nhưng cũng khá là khó khăn đấy. Đầu tiên khi tớ gọi nó là 'St. Clair' nó chẳng thèm để ý gì cho tới khi tớ lặp lại hai ba lần; và khi đám bạn trai huých huých thì nó mới ngàng đầu lên với vẻ tổn thương cứ như tớ gọi nó là Joen hay Charlie gì đó nên nó không hiểu tớ muốn gọi nó. Thế là một chiều nọ tớ giữ nó lại sau giờ học và nói chuyện thân mật với nó. Tớ nói rằng mẹ nó muốn tớ gọi nó là St. Clair và tớ không thể làm trái ý bà. Nó hiểu khi tớ giải thích rõ ràng... nó là một cậu bé hết sức biết điều... và nó bảo tớ có thể gọi nó là St. Clair, nhưng nó sẽ 'đập bẹp dí' bất cứ thằng nhóc nào dám

gọi nó như vậy. Đương nhiên, tớ phải trách móc nó một chút vì dám dùng từ thô lỗ như vậy. Kể từ đó, tớ gọi nó là St. Clair, đám con trai gọi nó là Jake và mọi chuyện lại xuôi chèo mát mái. Nó kể với tớ rằng nó muốn làm thợ mộc nhưng bà Donnell bảo tớ phải dạy sao cho nó trở thành giáo sư đại học mới được.”

Nhắc tới đại học làm Gilbert chợt nghĩ sang chuyện khác và bọn họ bắt đầu thảo luận về những kế hoạch và nguyện vọng tương lai... nghiêm túc, phấn khởi và đầy hy vọng theo cách mà tuổi trẻ vẫn thường hay trò chuyện, khi tương lai là con đường chưa từng khai phá tràn đầy những triển vọng tuyệt vời.

Gilbert cuối cùng cũng quyết định rằng anh muốn trở thành bác sĩ.

“Đó là một nghề rất có ý nghĩa,” anh hào hứng. “Ai chẳng phải đấu tranh với điều gì đó trong cuộc đời... chẳng phải con người từng được định nghĩa như là một loài động vật đấu tranh hay sao?... và tớ muốn đấu tranh với dịch bệnh, đau đớn và sự thiếu hiểu biết... chúng đều gắn liền với nhau. Tớ muốn đóng góp cho thế giới bằng một công việc nghiêm túc thực sự, Anne ạ... thêm một chút vào khối lượng kiến thức nhân loại mà bao nhiêu người đi trước đã tích lũy từ xưa đến nay. Những bậc tiền bối đã để lại rất nhiều thứ cho tớ, và tớ muốn tỏ lòng biết ơn bằng cách làm điều gì đó cho thế hệ tương lai. Tớ cho rằng đó là con đường duy nhất để chúng ta hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với giống loài.”

“Tớ thì muốn làm cho cuộc đời thêm phần tươi đẹp,” Anne mơ màng. “Tớ không hẳn là muốn làm cho người ta hiểu biết nhiều hơn... dẫu tớ biết rằng đó quả thật là khát vọng cao quý nhất... nhưng tớ muốn giúp họ vui vẻ hơn... có chút niềm vui hay những suy nghĩ thú vị mà họ không tài nào có được nếu tớ chưa từng tồn tại.”

“Tớ nghĩ ngày nào cậu cũng làm được điều đó cả,” Gilbert nói về thán phục.

Và anh nói đúng. Anne bẩm sinh đã là một đứa con của ánh sáng. Và khi cô bước qua cuộc đời của ai, gieo rắc một nụ cười hay một câu nói tựa như tia nắng mặt trời, chủ nhân của cuộc đời ấy sẽ cảm thấy ít nhất trong thời điểm hiện tại thì đời thật đáng yêu và tràn đầy hy vọng.

Cuối cùng Gilbert cũng nuôi tiếc đứng dậy.

“À, tớ phải chạy lên nhà MacPhersons. Moody Spurgeon từ Queen về nhà từ hôm nay đến Chủ nhật, và cậu ta đem cho tớ một quyển sách mà Giáo sư Boyd cho tớ mượn.”

“Còn tớ thì phải pha trà sẵn cho bác Marilla. Bác ấy đi thăm cô Keith hồi trưa và sắp về nhà rồi.”

Khi bà Marilla về nhà thì Anne đã chuẩn bị trà nước sẵn sàng; ngọn lửa lách tách tươi vui, một bình cắm đầy dương xỉ tái đi vì sương giá cùng lá phong đỏ thắm trang trí trên bàn, mùi thơm mê người của bánh mì nướng và thịt nguội ngập tràn trong không khí.

Nhưng bà Marilla ngồi sụp xuống ghé trong tiếng thở dài.

“Mắt làm bác khó chịu sao? Đầu bác có nhức không?” Anne lo lắng.

“Không. Ta chỉ mệt mỏi... và lo lắng. Về chuyện Mary và đám trẻ ấy mà... Sức khỏe của Mary đã kém nhiều... cô ta chắc chẳng chống chọi thêm được bao lâu nữa. Còn về hai đứa sinh đôi, ta không biết chuyện gì sẽ xảy ra với chúng.”

“Chẳng phải cậu của chúng đã liên lạc rồi sao?”

“Ừ, Mary nhận được một lá thư của anh ta. Anh ta làm trong một trại gỗ và 'phiêu bạt' ở ngoài, chẳng biết thế là nghĩa gì nữa. Dù sao anh ta cũng nói không thể nhận nuôi mấy đứa trẻ cho đến

mùa xuân. Anh ta định sẽ lập gia đình lúc ấy và sẽ có nhà cửa đàng hoàng để đón chúng về; nhưng anh ta bảo Mary phải nhờ hàng xóm trông chừng giùm đám trẻ suốt mùa đông. Cô ta nói mình không thể nhờ vả ai được. Mary không hợp với cư dân ở Đông Grafton, đó là sự thật. Tóm lại, Anne à, ta chắc là Mary muốn ta nuôi đám trẻ... cô ta không nói ra miệng nhưng tỏ vẻ như vậy.”

“Ôi!” Anne vỗ tay hào hứng và vui sướng. “Và đương nhiên bác sẽ làm vậy mà, phải không bác Marilla?”

“Ta chưa quyết định mà,” bà Marilla gắt. “Ta không nhắm mắt nhắm mũi quyết định như cháu, Anne à. Họ hàng cũng khá là xa đây. Hơn nữa chăm sóc hai đứa nhóc sáu tuổi chẳng phải dễ dàng gì, lại

còn là song sinh nữa chứ.”

Bà Marilla nghĩ rằng những đứa trẻ sinh đôi thì tệ gấp đôi so với những đứa trẻ sinh một.

“Song sinh cũng rất thú vị mà... ít nhất thì một cặp cũng rất vui,” Anne nói. “Chỉ khi có hai hay ba cặp một lúc thì mới bắt đầu buồn tẻ thôi. Với lại cháu nghĩ rằng có ai đó ở nhà thì bác sẽ vui hơn khi cháu đi dạy học.

“Ta chẳng thấy có gì thú vị cả... nhiều lo lắng và bực bội hơn thì có; phải nói là như vậy. Nếu chúng cỡ tuổi cháu hồi ta nhận nuôi thì không đến nỗi mạo hiểm. Ta không ngại con bé Dora... nó có vẻ ngoan và trầm tính. Nhưng tên nhóc Davy đó thì đúng là phải tốn công tốn sức

đây.”

Anne rất yêu trẻ con, và trái tim cô bắt đầu thương hại cặp song sinh nhà Keith. Những ký ức về tuổi thơ bị hắt hủi vẫn còn rất sống động trong lòng cô. Cô biết điểm yếu duy nhất của bà Marilla là bà luôn tận tâm làm điều bà cho rằng là trách nhiệm của mình, và Anne khéo léo hướng lý lẽ của mình theo hướng đó.

“Nếu Dave là một cậu bé hư hỏng thì càng phải giáo dục nó đến nơi đến chốn, phải không hả bác Marilla? Nếu chúng ta không làm thì ai làm đây, hơn nữa chẳng biết dám nhóc phải sống trong môi trường thế nào. Giả dụ như gia đình Sprott láng giềng của cô Keith nhận nuôi chúng đi. Bà Lynde nói Henry Sprott là người đàn ông báng bỏ Chúa trời nhất

từng tồn tại, và bác không thể tin bất cứ lời nào của đám con ông ta. Để hai đứa song sinh học những tật xấu như thế thì thật khủng khiếp, phải không ạ? Hay giả sử chúng sống với nhà Wiggins. Bà Lynde nói rằng ông Wiggins bán bất cứ thứ gì trong nhà có thể bán được và cho cả gia đình ăn uống kham khổ. Chắc bác không muốn họ hàng mình phải chịu đói, dẫu là họ hàng rất xa, phải không? Theo ý cháu, bác Marilla ạ, chúng ta có trách nhiệm nhận nuôi đám trẻ.”

“Chắc phải vậy thôi,” bà Marilla ủ rũ đồng ý. “Có lẽ ta sẽ nói với Mary là ta nhận nuôi bọn chúng. Cháu đừng tỏ vẻ vui sướng thế, Anne ạ. Cháu phải làm thêm rất nhiều việc đấy. Giờ ta chẳng khâu vá được gì nữa, do vậy cháu phải

phụ trách việc may mặc và sửa chữa quần áo cho đám trẻ. Mà cháu thì đâu có thích khâu vá.”

“Cháu căm ghét ấy chứ,” Anne bình tĩnh nói, “nhưng nếu bác sẵn sàng nhận nuôi bọn trẻ vì tinh thần trách nhiệm thì đương nhiên cháu cũng có thể khâu vá cho bọn chúng vì tinh thần trách nhiệm. Nói chung thì bắt buộc phải làm chuyện mình không thích cũng tốt... chỉ là đừng nhiều quá thôi.”

8. Bà Marilla Nhận Nuôi Hai Đứa Trẻ Song Sinh

Bà Rachel Lynde ngồi đan chăn bên cửa sổ nhà bếp, cũng giống như một buổi chiều nhiều năm về trước, ngày Matthew Cuthbert đánh xe ngựa xuống đồi với đứa trẻ mà bà Rachel gọi là “đứa mồ cô mới nhặt được”. Nhưng lúc đó là mùa xuân, còn giờ trời đã vào độ cuối thu, cây cối trụi lủi và cánh đồng héo úa nâu vàng. Mặt trời đang dần chìm xuống, để lại vầng hào quang vàng tím đằng sau

cánh rừng tối om phía Tây Avonlea thì một con ngựa nâu nhỏ hiền lành kéo xe đi xuống đồi. Bà Rachel nheo mắt nhìn nó vẻ hứng thú.

“Đó là Marilla quay về từ đám tang,” bà nói với chồng đang nằm trên ghế dài trong bếp. Đạo gần đây Thomas Lynde thường nằm dài trên ghế nhiều hơn lúc trước, nhưng tuy mắt bà Rachel thừa tình nhanh để nắm bắt mọi chuyện xảy ra bên ngoài nhà, bà vẫn chưa chịu để ý đến tình trạng của ông chồng. “Và cô ấy đem theo hai đứa song sinh... đúng vậy, Davy nhòai người ra khỏi chấn bùn nắm lấy đuôi con lừa và Marilla kéo nó lại. Dora ngồi ngay ngắn trên ghế không có gì để chê trách. Con nhỏ lúc nào cũng nhìn như vừa được hồ bột và ủi phẳng. Ôi,

Marilla đáng thương sẽ bận túi bụi mùa đông này cho xem. Thế nhưng trong hoàn cảnh của cô ấy thì tôi nghĩ cô ấy không thể làm gì khác hơn, với lại còn có Anne giúp cô ấy nữa. Anne nhiệt liệt ủng hộ kế hoạch này của Marilla và tôi phải nói là cô nàng rất khéo dỗi dành trẻ con. Ôi trời, dường như mới đây thôi Matthew đáng thương vừa đem Anne về nhà và mọi người cười cợt trước ý định nhận nuôi con bé của Marilla. Thế mà bây giờ cô ấy còn lãnh trách nhiệm nuôi hai đứa song sinh nữa. Đúng là còn sống thì không thể tránh khỏi bất ngờ.”

Con ngựa béo mập chạy nước kiệu qua cây cầu trong Thung Lũng Lynde và dọc theo con đường dẫn vào Chái Nhà Xanh, vẻ mặt của bà Marilla khá u ám. ở

đây cách Đông Grafton mười dặm, và suốt đường đi Davy Keith như bị ma nhập, cứ loay hoay không ngừng. Bà Marilla không tài nào bắt nó ngồi yên và bà cứ lo ngay ngáy nó sẽ ngã ngựa ra khỏi xe ngựa rồi gãy cổ hay nhào xuống chấn bùn dưới chân con ngựa. Trong nỗi tuyệt vọng, cuối cùng bà hăm dọa sẽ đập nó một trận khi về đến nhà. Nghe vậy, Davy trèo vào lòng bà, chẳng thèm để ý gì đến dây cương, choàng đôi tay mũm mĩm quanh cổ bà và ôm bà thật chặt.

“Cháu không tin bà sẽ làm vậy,” nó nói, hôn thật kêu và tình cảm lên đôi má nhẵn nheo của bà. “Bà không giống như một người đánh đòn trẻ con vì nó không chịu ngồi yên. Khi bà bằng tuổi cháu, bà có cảm thấy rất khó khăn nếu phải ngồi

yên một chỗ không?”

“Không, bà luôn ngồi yên mỗi khi được bảo phải làm thế,” bà Marilla cố giữ giọng nghiêm khắc, dấu trái tim bà đã mềm đi sau những hành động âu yếm bốc đồng của Davy.

“À, chắc vì bà là con gái đấy,” Davy giải thích, oằn người ngồi lại chỗ cũ sau một cái ôm nữa. “Cháu chor rằng bà từng là một cô gái, tuy rằng hình ảnh ấy tức cười thật. Dora có thể ngồi yên... nhưng cháu nghĩ chẳng có gì vui nếu làm vậy. Cháu thấy làm con gái thật chán phèo. Này, Dora, để anh làm em trở nên sinh động chút nhé.”

Cách “làm cho sinh động” của Davy là dùng tay tóm lấy mấy lọn tóc của Dora

và giật mạnh. Dora ré lên rồi òa khóc.

“Sao cháu có thể quấy phá như thế khi người mẹ của cháu vừa an nghỉ dưới mồ ngay ngày hôm nay?” bà Marilla hỏi về tuyệt vọng.

“Nhưng mẹ rất vui khi chết,” Davy nói về tin chắc. “Cháu biết, vì mẹ đã nói với cháu như vậy. Bị bệnh hoài làm mẹ mệt mỏi lắm rồi. Mẹ và cháu đã trò chuyện rất lâu cái đêm trước khi mẹ chết. Mẹ nói với cháu rằng bà sẽ nuôi cháu và Dora suốt mùa đông và cháu phải ngoan ngoãn. Cháu sẽ ngoan ngoãn, nhưng có thể vừa chạy lòng vòng vừa ngoan ngoãn được không ạ? Mẹ còn dặn cháu phải luôn đối xử tốt với Dora và bảo vệ em, cháu đang làm như vậy đây.”

“Cháu cho kéo tóc nghĩa là đôi xử tốt với em à?”

“À, cháu sẽ không để bất cứ ai kéo tóc của em,” Davy siết chặt hai nắm tay và nhăn mặt. “Cứ thử làm xem. Cháu không làm em đau nhiều đâu... em chỉ khóc vì em là con gái thôi. Cháu rất vui khi cháu là con trai, nhưng thật buồn khi chúng cháu là anh em song sinh. Mỗi khi em gái của Jimmy Sprott cãi lời thì nó chỉ cần bảo, 'Anh lớn hơn em nên đương nhiên anh biết nhiều hơn' và thế là con bé câm miệng. Nhưng cháu không thể lên giọng với Dora như vậy, và thế là nó cứ tiếp tục suy nghĩ khác cháu. Bà hãy để cháu lái con ngựa này chút đi, vì cháu là đàn ông mà.”

Tóm lại, bà Marilla mừng hết sức khi

về đến sân nhà, nơi gió thu đêm đang đùa
giỡn với lá vàng. Anne đứng ngoài cổng
đón họ và đỡ hai đứa song sinh ra khỏi
xe. Dora bình thản cho phép cô hôn,
nhưng Davy ôm chặt lấy Anne thay lời
chào và vui vẻ tự giới thiệu, “Cháu là
ông Davy Keith.”

Trên bàn ăn tối, Dora cư xử như một
quý cô bé nhỏ, nhưng hành vi của Davy
thì cần phải sửa đổi nhiều.

“Cháu đói bụng quá nên không có thời
giờ ăn lịch sự,” nó nói khi bị bà Marilla
nhắc nhở.

“Dora chỉ đói chưa tới một nửa của
cháu. Cứ xem những chuyện cháu đã làm
trên đường đến đây đi. Bánh ngon
tuyệt và có nhiều mận khô thật.

Lâu lắm rồi chúng cháu không

được ăn bánh, vì mẹ bệnh quá chẳng làm bánh được, còn bà Spratt nói chỉ làm bánh mì cho chúng cháu thôi cũng đã mệt chết rồi. Và bà Wiggins thì chẳng bao giờ bỏ mận vào bánh của bà ấy cả. Cháu đã bắt gặp tận mắt! Cháu ăn một miếng nữa nhé?”

Bà Marilla định từ chối nhưng Anne cắt cho thằng nhóc một lát bánh to đùng. Dù sao thì cô cũng nhắc Davy rằng nó phải nói cảm ơn. Davy chỉ nhăn răng cười với cô rồi ngoạm một miếng to đùng. Khi đã ăn sạch sẽ, nó nói,

“Nếu cô cho cháu một miếng nữa, cháu sẽ nói cảm ơn cho miếng đó.”

“Không, cháu ăn nhiều bánh lắm

rồi,” bà Marilla nói với giọng dứt khoát mà Anne đã quá quen, nhưng Davy thì còn phải học dài dài.

Davy nháy mắt với Anne rồi chồm qua bàn giật lấy lát bánh đầu tiên của Dora ra khỏi tay cô bé, cô bé mới điệu dàng cắn được một miếng nhỏ xíu. Davy mở to miệng hết cỡ rồi nhét nguyên cả lát bánh vào mồm. Dora môi run rẩy muốn khóc còn Marilla lặng người kinh hoàng. Anne lập tức kêu lên với giọng “cô giáo làng” đúng tiêu chuẩn,

“Ồ, Davy, các quý ông không hành động như vậy.”

“Cháu biết họ không làm vậy,” Davy nói khi nó mở miệng ra được, “nhưng cháu không phải là một quý ông.”

“Nhưng cháu không muốn trở thành một quý ông sao?” Anne sững sờ.

“Đương nhiên là có. Nhưng khi nào lớn thì mới thành quý ông được.”

“Ồ, không phải vậy đâu,” Anne vội nói, cho rằng mình đã tóm được cơ hội gieo một hạt giống sớm. “Khi chỉ là một cậu bé, cháu có thể bắt đầu tập luyện để trở thành một quý ông. Và một quý ông không bao giờ giật đồ ăn của các quý bà... hay quên nói lời cảm ơn... hay kéo tóc của bất cứ ai.”

“Họ chẳng có gì vui cả, đó là sự thật,” Dave nói thẳng. “Cháu nghĩ cháu sẽ đợi cho đến khi lớn thì mới trở thành quý ông.”

Vẻ cam chịu, bà Marilla cắt thêm một

miếng bánh khác cho Dora. Bà cảm thấy không thể quản nổi Davy vào lúc này. Hôm nay là một ngày vất vả đối với bà, đám tang và một chuyến đi dài. Vào lúc đó, bà nhìn về tương lai với sự bi quan có thể gây ấn tượng với cả Eliza Andrews.

Hai đứa trẻ song sinh không giống nhau lắm, dầu cả hai đều tóc vàng. Dora có những lọn tóc dài mượt không bao giờ rời khỏi nếp. Tóc Davy thì xoắn tít rối bù. Đôi mắt nâu nhạt của Dora vừa dịu dàng vừa hiền lành, còn mắt của Davy trông láu lỉnh và tinh quái như yêu tinh lùn. Mũi Dora thẳng còn mũi Davy thì héch lên trời; Dora có cái miệng “nhỏ nhẹ ỡng ọ” còn Davy lúc nào cũng tươi cười; và hơn nữa, nó có một lúm đồng

tiên ở một bên má, nhưng má bên kia thì chẳng có gì, vì vậy, mỗi khi cười, khuôn mặt của Davy không cân xứng một cách đáng yêu và buồn cười. Sự tinh nghịch và phá phách hiện rõ ở mỗi góc ngách trên khuôn mặt bé nhỏ của nó.

“Đến giờ ngủ rồi,” bà Marilla nói, cho rằng đó là cách dễ dàng nhất để thoát khỏi hai đứa trẻ. “Dora sẽ ngủ với bác cháu ta còn Davy ngủ ở chái Tây. Cháu không sợ ngủ một mình phải không, Davy?”

“Không, nhưng còn lâu lắm cháu mới đi ngủ,” Davy thoải mái đáp.

“Ồ không, cháu phải đi ngủ bây giờ.” Bà Marilla đã bị nó qua mặt nhiều lần, nhưng có gì đó trong giọng của bà lần

này khiến cho cả Davy cũng phải co vùi. Nó lóc chóc chạy lên lầu với Anne một cách ngoan ngoãn.

“Khi nào lớn, chuyện đầu tiên cháu làm là thức suốt đêm để xem xem thức suốt đêm là thế nào”. Davy tiết lộ.

Những năm sau đó; mỗi lần nghỉ tới tuần đầu tiên hai đứa trẻ sinh đôi đến ở Chái Nhà Xanh, bà Marilla không khỏi rùng mình. Nói thế không phải mọi chuyện tốt hơn ở những tuần tiếp theo, nhưng ít nhất thì nó cũng không còn gây sốc cho bà nữa. Hiếm có phút nào trong ngày mà Davy không nghịch phá hay bày trò nghịch phá, nhưng “chiến tích” đáng kể đầu tiên của nó xảy ra hai ngày sau khi nó đến Chái Nhà Xanh, một sáng Chủ nhật... trời đẹp và ấm, mù sương và dễ

chịu như một ngày tháng Chín. Anne đóng bộ cho nó để đi nhà thờ trong khi bà Marilla lo cho Dora. Ban đầu Davy cương quyết phản đối không để cô rửa mặt cho nó.

“Bà Marilla đã rửa hôm qua rồi... bà Wiggins thì dùng xà phòng cứng chà mặt cháu hôm đám tang. Thế là đã đủ cho một tuần rồi. Sạch sẽ chẳng có gì hay, cháu thấy thế. Ở dơ thoải mái hơn nhiều.”

“Paul Irving tự rửa mặt mỗi ngày đấy,” Anne khéo léo khích tướng.

Davy chỉ mới trở thành cư dân của Chái Nhà Xanh hơn bốn mươi tám tiếng đồng hồ một chút nhưng nó đã tôn thờ Anne và căm ghét Paul Irving, nó đã

nghe Anne khen cậu ta rồi rít ngay hôm sau ngày nó đến. Nếu Paul Irving rửa mặt mỗi ngày, thế thì đành vậy. Nó, Davy Keith cũng sẽ làm được, dầu có phải rửa mặt đến chết cũng chẳng sao. Với suy nghĩ tương tự, nó ngoan ngoãn tuân theo mọi yêu cầu vệ sinh cá nhân khác, và khi xong việc, nó trở thành một cậu bé con thật bảnh trai. Anne cảm thấy tự hào như một người mẹ khi đặt nó vào chỗ ngồi dành riêng cho nhà Cuthbert.

Ban đầu thì Davy cư xử khá tốt, bận bịu liếc mắt nhìn tất cả những thằng nhóc khác trong tầm mắt và đoán xem Paul Irving là đứa nào. Hai bài thánh ca và đọc thánh kinh trôi qua không có gì đáng nói. Ông Allan đang cầu nguyện thì có náo động xảy ra.

Lauretta White ngồi ngay phía trước Davy, cô bé hơi cúi đầu, mái tóc vàng được tết thành hai bím, ở giữa là khoảng gáy trắng ngần và cổ áo viền đăng ten đầy mời gọi. Lauretta mới tám tuổi, hơi mũm mĩm và vẻ mặt hiền lành, cư xử ngoan ngoãn hết chỗ chê kể từ ngày đầu tiên được mẹ dẫn tới nhà thờ, khi đó cô bé mới sáu tháng tuổi.

Davy thọc tay vào túi móc ra một... con sâu lông lá đang giãy giụa. Bà Marilla nhìn thấy và chớp lấy thừng nhóc nhưng đã quá muộn. Davy thả con sâu vào cổ của Lauretta.

Ngay giữa bài cầu nguyện của mục sư Allan, một tiếng thét chói tai vang lên. Viên mục sư ngơ ngác dừng lại và mở mắt. Mọi mái đầu trong giáo đoàn đều

ngẩng lên. Laretta White nhảy tung tung trong dây ghế, hốt hoảng giữ chặt đằng sau váy.

“Úi... mẹ ơi... mẹ ơi... úi... bắt nó ra... a a... bắt nó ra... úi... thằng xấu đó bỏ nó vào gáy con... úi... mẹ ơi... nó đang bò xuống... úi... úi... úi...”

Bà White đứng lên, mặt nghiêm nghị kéo Laretta đang hoảng loạn và quần quai ra khỏi nhà thờ. Tiếng thét của cô bé nhỏ dần và ông Allan lại tiếp tục cầu nguyện. Nhưng mọi người đều cảm thấy buổi cầu nguyện hôm đó đã thất bại. Lần đầu tiên trong cuộc đời bà Marilla không để ý gì đến lời của mục sư và Anne mặt đỏ bừng vì xấu hổ.

Khi về đến nhà, bà Marilla đẩy Davy

vào phòng ngủ và bắt nó ở trong đó suốt phần còn lại của ngày. Bà không cho nó ăn trưa mà chỉ cho phép uống một ly sữa và ăn bánh mì suông. Anne bưng thức ăn lên cho nó và buồn bã ngồi xuống bên cạnh trong khi nó ăn ngấu nghiến chẳng chút hối hận gì. Nhưng đôi mắt trách móc của Anne làm nó không yên lòng.

“Cháu chắc là,” nó trầm ngâm, “thằng Paul Irving sẽ không bao giờ bỏ sâu vào gáy của con gái trong nhà thờ phải không?”

“Quả thực là bạn ấy sẽ không làm vậy,” Anne buồn bã đáp.

“Ồ, vậy thì cháu cũng có chút hối hận vì đã làm vậy,” Davy nhượng bộ. “Nhưng con sâu đó thật là ngon mắt...”

Cháu bắt nó từ bậc thềm nhà thờ khi chúng ta vừa bước vào. Lãng phí nó thì thật là tiếc. Và chẳng phải nghe đứa con gái đó gào thét rất là vui sao?”

Chiều thứ Ba, Hội Từ thiện tụ họp ở Chái Nhà Xanh. Anne vội đi từ trường về nhà, vì cô biết bà Marilla rất cần giúp đỡ. Dora, sạch sẽ và ngoan ngoãn trong bộ váy trắng hồ bột xinh xắn và khăn choàng đen ngồi chung với thành viên của Hội Từ thiện trong phòng khách, từ tốn trả lời mỗi khi được hỏi, im lặng khi không ai gọi và cư xử như một đứa trẻ gương mẫu trong mọi hoàn cảnh. Davy, lem luốc một cách vui sướng, đang làm bánh bunn ở sân kho.

“Bác đã cho phép nó,” bà Marilla mệt mỏi thốt. “Bác nghĩ nó sẽ không giở

trò nghịch phá tồi tệ hơn. ít nhất như vậy thì nó chỉ bị bắt thôi. Chúng ta sẽ uống trà trước rồi mới gọi nó vào ăn. Dora có thể ăn cùng chúng ta, nhưng bác không bao giờ dám cho Davy ngồi chung với các thành viên của Hội Từ thiện.”

Khi Anne ra mời các thành viên Hội Từ thiện vào dùng trà thì cô phát hiện ra Dora không có mặt trong phòng khách. Bà Jasper Bell nói rằng Davy bước vào cửa chính và gọi cô bé ra ngoài. Cô chạy vội xuống phòng lương thực hỏi ý kiến bà Marilla, cuối cùng họ quyết định sẽ cho hai đứa trẻ uống trà chung sau đó.

Bữa trà đang dang dở thì một bóng người bé nhỏ bơ vơ xuất hiện trong phòng khách. Bà Marilla và Anne hét hồn, còn Hội Từ thiện thì hết sức ngạc

nhiên. Đó là Dora sao... một cô bé chẳng nhìn được mặt mũi ra sao đang khóc thút thít, váy rách rưới, nước từ tóc và váy không ngừng chảy ròng ròng xuống tấm thảm mới tinh tươm của bà Marilla.

“Dora, có chuyện gì vậy cưng?” Anne kêu lên, liếc sang bà Jasper Bell vẻ có lỗi, gia đình của bà ta nghe đồn là gia đình duy nhất trên thế giới chưa hề xảy ra một chuyện không mong muốn nào.

“Davy bắt cháu đi trên hàng rào chuồng lợn,” Dora kể lể. “Cháu không muốn đi nhưng anh ấy gọi cháu là đồ nhất gan. Rồi cháu ngã vào chuồng lợn, váy bị dơ và lợn giẫm lên người cháu. Váy của cháu tơi tả rồi nhưng Davy nói nếu cháu đứng dưới vòi nước thì anh ấy sẽ rửa sạch cho, cháu nghe theo, anh ấy xịt nước

đây người cháu nhưng váy cháu chẳng sạch hơn chút nào, khăn choàng và giày đẹp của cháu bị hư hết rồi.”

Anne nhận vinh dự chủ trì bữa ăn trong suốt thời gian còn lại, còn bà Marilla lên lầu mặc lại áo cũ cho Dora. Davy bị túm cổ tống đi ngủ mà không được ăn tối. Lúc chạng vạng, Anne đến phòng thẳng bé nói chuyện nghiêm túc với nó... đó là phương pháp giáo dục cô rất tin tưởng, kết quả cho đến nay cũng chứng tỏ phương pháp này không phải hoàn toàn không có cơ sở. Cô bảo rằng cô cảm thấy buồn khi nó cư xử như vậy.

“Giờ thì cháu cũng hối hận rồi,” Davy thú nhận, “nhưng vấn đề là cháu chẳng bao giờ thấy hối hận cho tới khi làm xong việc cả. Dora không chịu giúp cháu

làm bánh bunn vì sợ hỏng quần áo, và điều đó làm cháu tức điên lên. Cháu cho rằng Paul Irving sẽ không bắt em gái đi trên hàng rào chuồng lợn nếu biết là cô nàng sẽ té chứ?”

“Không, cậu ấy sẽ không bao giờ nghĩ tới chuyện đó. Paul là một quý ông nhỏ bé hoàn hảo.”

Davy nhắm tịt mắt lại rồi tỏ vẻ suy nghĩ hồi lâu. Sau đó nó vươn người choàng tay quanh cổ Anne, dụi khuôn mặt đỏ ửng vào vai cô.

“Cô Anne, cô có thương cháu chút xíu nào không, dẫu cháu không ngoan như Paul?”

“Thực sự là có,” Anne nói thật. Chẳng biết sao nhưng thật khó mà không

thương Davy.

“Nhưng cô sẽ thương cháu nhiều hơn nếu cháu không quá nghịch phá như vậy.”

“Hôm nay... cháu còn làm một chuyện khác nữa,” Davy nghèn nghẹn. “Cháu hối hận rồi nhưng cháu sợ khủng khiếp không dám nói với cô. Cô đừng quá giận cháu, cô nhé? Và cô đừng kể với bà Marilla, cô nhé?”

“Cô không chắc, Davy à. Có lẽ cô sẽ phải kể cho bác Marilla biết. Nhưng cô nghĩ mình có thể hứa không kể nếu cháu hứa với cô cháu sẽ không lặp lại nữa, dù đó là chuyện gì.”

“Không, cháu sẽ không bao giờ làm vậy nữa. Dù sao thì cháu cũng chẳng có cơ hội tìm thêm được con nào giống nó

trong năm nay. Cháu tìm thấy nó trên bậc
thềm tầng hầm.”

“Davy, cháu đã làm gì?”

“Cháu bỏ con cóc vào giường của bà
Marilla. Cô có thể đi bắt nó ra nếu cô
muốn. Nhưng này, cô Anne, để nó luôn ở
đó chẳng phải vui hơn sao?”

“Davy Keith!” Anne đứng bật dậy,
nhoài khỏi vòng tay ôm của Davy và
chạy như bay qua hành lang vào phòng
bà Marilla. Khăn trải giường hơi nhăn.
Cô vội vã run rẩy lật chăn lên và quả
thực có một con cóc đang chớp mắt với
cô từ dưới một cái gối.

“Làm sao mình đem cái đồ gớm ghiếc
ấy ra ngoài được?” Anne rùng mình rên
rỉ. Cô nghĩ ra chiếc xẻng xúc than bèn

rón rén xuống lấy nó trong lúc bà Marilla bận bịu ở phòng lương thực. Anne cũng khó khăn lắm mới đem con cóc xuống dưới nhà được, vì nó nhảy ra khỏi cái xẻng ba lần, và có một lần cô tưởng mình đã mất nó ở hành lang. Cuối cùng, khi đã đặt nó an vị ở vườn anh đào, cô thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.

“Nếu bác Marilla biết thì suốt đời bác ấy sẽ không bao giờ dám chui vào giường nữa. Mình thật mừng là tên tội phạm bé nhỏ ấy hối hận kịp lúc. ồ, Diana đang ra hiệu cho mình từ cửa sổ nhà cậu ấy. Mừng quá... Mình quả thật cần được vui vẻ đôi chút, bởi với Anthony Pye ở trường và Davy Keith ở nhà, thần kinh của mình đã quá đủ căng thẳng cho một ngày rồi.”

9. Vấn Đề Màu sắc

“Hôm nay cái bà già phiền phức Rachel Lynde lại đến đây, kỳ kèo tôi đóng góp mua thảm cho phòng lễ nhà thờ,” ông Harrison phẫn nộ. “Tôi ghét bà già ấy hơn bất kỳ ai trên đời. Bà ta có thể gói ghém một bài thuyết giáo, nội dung, bình luận và cách vận dụng vào trong vền vện sáu chữ rồi ném thẳng vào mặt người ta như một viên gạch.”

Anne đang ngồi ở rìa hành lang, tận hưởng vẻ diệu kỳ của làn gió Tây dịu

dàng trôi qua cánh đồng vừa mới cấy xới vào một buổi chạng vạng u ám tháng Mười một, miệng ngân nga một giai điệu ngắn đáng yêu giữa đám linh sam quần quýt cuối vườn. Nghe vậy, cô bèn quay khuôn mặt mơ màng của mình lại.

“Vấn đề là ông và bà Lynde không hiểu nhau,” cô giải thích. “Đó luôn là lý do mỗi khi người ta không ưa nhau. Ban đầu cháu cũng chẳng thích bà Lynde, nhưng ngay khi hiểu được bà ấy thì cháu đã học được cách mến bà ấy.”

“Bà Lynde có thể hợp khẩu vị một số người, nhưng tôi không ăn chuối liên tục bởi vì được khuyên là cứ ăn rồi sẽ thích,” ông Harrison gầm gừ. “Còn về việc hiểu bà ta ư, tôi biết bà ta là một người lẳng xẵng nhiều chuyện chính hiệu

và tôi đã nói thẳng như vậy.”

“Ôi, bà ấy nghe vậy chắc đau lòng lắm” Anne trách cứ. “Làm sao ông có thể nói như thế chứ? Cháu từng nói những lời khó nghe với bà Lynde hồi lâu lắm rồi, nhưng đó là khi cháu phát điên lên. Cháu không thể cố ý nói vậy được.”

“Đó là sự thật, và tôi tin vào việc luôn nói ra sự thật.”

“Nhưng ông đã không nói toàn bộ sự thật,” Anne phản đối. “Ông chỉ nói ra cái phần xấu xa của sự thật thôi. Chẳng hạn nhé, ông nói mấy chục lần rằng tóc cháu màu đỏ nhưng ông chưa bao giờ nói cho cháu biết lấy một lần là cháu có cái mũi đẹp.”

“Tôi dám chắc cháu biết điều đó mà

không cần ai nói,” ông Harrison cười khẳng khặc.

“Cháu cũng biết là cháu có tóc đỏ... dấu nó đã sẫm màu hơn nhiều so với lúc trước... do vậy không cần nói cho cháu biết đâu.”

“À à, vậy thì tôi sẽ cố không nhắc đến nữa vì cháu quá nhạy cảm với điều đó. Cháu đừng chấp tôi, Anne ạ. Tôi có thói quen nói thẳng nên mọi người đừng để ý làm gì.”

“Nhưng người ta không thể không để ý. Và dấu biết đó là thói quen của ông thì cũng chẳng đỡ gì hơn. Ông nghĩ gì về một người cứ đi lấy gai châm chích vào người khác rồi nói, 'Xin lỗi, bạn đừng để ý... chỉ là thói quen của tôi thôi.' Ông sẽ

nghe ông ta bị khùng, phải không? Về phần bà Lynde, bà ấy là một người nhanh nhẩu nhiều chuyện, có lẽ là thế. Nhưng ông có nói với bà ấy rằng bà ấy rất tốt bụng, luôn giúp người nghèo và chẳng nói tiếng nào khi Timothy Cotton trộm một bình bơ từ chạn nhà bà ấy rồi nói với vợ rằng ông ta mua về không? Bà Cotton khi gặp bà ấy còn chê nó có mùi củ cải, thế mà bà Lynde chỉ nói xin lỗi vì bơ không ngon.”

“Tôi cho rằng bà ấy cũng có vài điểm tốt,” ông Harrison miễn cưỡng nhượng bộ. “Đa số đều thế. Tôi cũng có vài điểm tốt đấy, dầu có thể cháu chẳng bao giờ ngờ tới. Nhưng dù sao thì tôi cũng chẳng góp xu nào cho tám trăm đó đâu. Tôi thấy mọi người ở nơi đây cứ mãi đi xin

xỏ. Kế hoạch sơn lại tòa thị chính của cháu sao rồi?”

“Tuyệt vời. Tôi thứ Sáu tuần trước Hội cải tạo Làng Avonlea vừa họp và nhận ra chúng cháu có đủ tiền quyên góp để sơn và lợp mái lại cho tòa thị chính. Đa số mọi người đều rất tích cực quyên góp, ông Harrison ạ.”

Anne là một cô gái có tâm hồn ngọt ngào, nhưng thỉnh thoảng cô vẫn có thể bơm thêm tí nọc độc vào những lời nhấn mạnh ngây thơ khi cần thiết.

“Cháu định sơn màu gì?”

“Chúng cháu định sơn màu xanh lá rất đẹp. Mái ngói đương nhiên là đỏ thẫm rồi. Hôm nay ông Roger Pye sẽ ra tỉnh mua sơn.”

“Ai sẽ sơn?”

“Ông Joshua Pye ở Carmody. Ông ấy đã lợp lại mái gần xong rồi. Chúng cháu phải giao việc này cho ông ta, vì mọi người họ Pye... có tới bốn gia đình nhà Pye lận, ông biết mà... nói rằng họ sẽ không góp một xu trừ phi Joshua làm việc này. Nội bọn họ thôi cũng đã đóng mười hai đô rồi, và chúng cháu nghĩ rằng không thể lãng phí số tiền lớn như vậy được, dẫu vài người nghĩ chúng cháu không nên nhượng bộ nhà Pye. Bà Lynde nói bọn họ luôn cố kiểm soát mọi thứ.”

“Vấn đề chính là cái tên Joshua này có làm tốt không. Nếu hắn làm tốt thì dù hắn họ Pye hay họ Pút đình gì cũng chẳng quan trọng.”

“Nghe đồn ông ta làm việc cũng chăm chỉ lắm, nhưng người ta nói ông ta khá kỳ dị. Hiếm khi nào nói một tiếng.”

“Chỉ vậy thôi cũng đủ là người kỳ dị rồi,” ông Harrison cộc lốc. “Hay ít nhất người ở đây sẽ đánh giá ông ta như vậy. Lúc trước tôi cũng chẳng nói nhiều đâu, nhưng khi tới Avonlea thì tôi phải nói để bảo vệ mình, nếu không bà Lynde sẽ cho tôi bị câm mà mở chiến dịch quyên góp để dạy tôi ngôn ngữ bằng tay mắt. Cháu phải đi rồi à, Anne?”

“Cháu phải đi đây. Tối nay cháu phải may vá vài thứ cho Dora. Hơn nữa, Davy chắc đang làm vỡ tim bác Marilla với vài trò nghịch ngợm mới đây. Ngay sáng nay, nó hỏi, 'Bóng tối đi đâu vậy, cô Anne? Cháu muốn biết.' Cháu bảo nó là

bóng tối đi vòng qua mặt bên kia của trái đất, nhưng sau buổi sáng thì nó tuyên bố điều đó không đúng... rằng bóng tối chui xuống giếng. Bác Marilla nói hôm nay bác ấy bắt gặp nó đu mình nơi thành giếng bốn lần, cố tìm cách chạm vào bóng tối bên dưới.”

“Nó là một cục nợ đời,” ông Harrison tuyên bố. “Hôm qua nó sang đây nhờ sáu cái lông đuôi của Gừng trước khi tôi kịp chạy từ kho vào. Con chim đáng thương ủ rũ từ lúc đó đến giờ. Đám trẻ đây chắc là hiện thân của tai họa cho gia đình cháu.”

“Mọi thứ đáng giá đều có vài phiền phức mà,” Anne thầm quyết định sẽ tha thứ cho lỗi lầm kế tiếp của Davy, dầu đó là lỗi gì, bởi nó đã báo thù Gừng giúp

cô.

Tối đó ông Roger Pye mang sơn và hôm sau ông Joshua Pye, một người làm li cáu bản, bắt đầu sơn. Ông ta sơn mà chẳng bị ai quấy rầy. Tòa thị chính nằm trên con đường được gọi là “đường dưới.” Vào cuối thu, con đường này lúc nào cũng lầy lội, cho nên người ta đi tới Carmody bằng con đường vòng xa hơn phía trên. Tòa thị chính được một rừng cây linh sam um tùm vây quanh, vì vậy phải đến thật gần mới nhìn thấy được. Ông Joshua Pye sơn nhà trong yên lặng và đơn độc, thỏa mãn tâm lòng không thích giao du của ông ta.

Chiều thứ Sáu, ông ta xong việc và về nhà ở Carmody. Ngay sau khi ông ta rời đi, bà Rachel Lynde đánh xe tới, chịu

đựng đám bùn ở đường dưới chỉ vì tò mò muốn xem tòa thị chính trông thế nào trong lớp sơn mới. Khi queo qua góc đường cây vân sam, bà đã nhìn thấy.

Cảnh tượng trước mắt ảnh hưởng đến bà Lynde một cách kỳ lạ. Bà buông rơi dây cương, giơ tay lên trời nói: “Lạy Chúa nhân từ!” Bà nhìn chăm chăm như thể không tin vào mắt mình. Sau đó bà lăn ra cười như điên.

“Chắc hẳn là có làm lẩn gì... nhất định là vậy. Tôi biết nhà Pye sẽ làm cho chuyện loạn xà ngầu lên mà.”

Bà Lynde đánh xe về nhà, gặp vài người trên đường và dừng lại kể cho họ nghe về tòa thị chính. Tin tức bay nhanh như đám cháy rừng. Lúc mặt trời lặn,

Gilbert Blythe đang đọc sách ở nhà thì nghe người làm của ba mình kể lại, anh bèn hồng hộc chạy tới Chái Nhà Xanh, trên đường gặp Fred Wright cũng đang chạy về phía đó. Họ gặp Diana Barry, Jane Andrews và Anne Shirley tuyệt vọng hóa đá dưới cây liễu cổ thụ trụi lá trước cổng Chái Nhà Xanh.

“Điều đó không thể là sự thật, phải không Anne?” Gilbert kêu lên.

“Thật đấy,” Anne đáp, vẻ mặt thê thảm. “Bà Lynde trên đường từ Carmody về nhà đã ghé qua báo cho tớ biết. Ôi, thật là khủng khiếp! Cố gắng cải tạo để làm quái gì chứ?”

“Chuyện gì mà khủng khiếp vậy?” Oliver Sloane hỏi, anh ghé qua biểu bà

Marilla hộp quà anh vừa mua ở thị trấn.

“Cậu chưa nghe nói sao?” Jane phẫn nộ. “À, chỉ đơn giản thế này... Joshua Pye đi sơn tòa thị chính màu xanh dương thay vì xanh lá... màu xanh dương ngăn ngắt chói lọi, loại chuyên dùng để sơn xe cút kít và xe ngựa ấy. Và bà Lynde nói rằng cái màu đó kinh tởm khi dùng để sơn nhà, nhất là khi kết hợp với mái ngói đỏ, kinh tởm nhất trong những màu bà từng thấy hoặc có thể tưởng tượng ra. Khi nghe tin đó, tớ sững sờ hóa đá. Thật là đau xót, sau biết bao khó khăn mà chúng ta đã trải qua.”

“Trời đất ơi, sao một sai lầm như thế có thể xảy ra nhỉ?” Diana rên rỉ.

Kẻ đáng trách trong thảm họa chẳng

hay ho gì này cuối cùng cũng được quy về cho nhà Pye. Các cải tiến viên đã quyết định dùng sơn hiệu Morton-Harris, và thùng sơn hiệu này được đánh số theo màu. Người mua sơn chọn màu ưa thích trong thẻ màu và đặt mua số tương ứng. Số 147 là màu xanh lá họ lựa chọn, và khi ông Roger Pye bảo con trai John Andrew nhắn với các cải tiến viên ông ta sẽ ra tỉnh mua sơn cho bọn họ, các cải tiến viên đã bảo John Andrew nói với cha anh ta hãy mua số 147. John Andrew luôn khẳng định anh ta đã làm đúng vậy, nhưng ông Roger Pye cũng cương quyết tuyên bố John Andrew đã nói ông ta cần mua số 157. Mọi chuyện vẫn giằng co như vậy chưa có câu trả lời rõ ràng.

Đêm hôm đó, sự tuyệt vọng trống rỗng

chiếm iĩnh mọi căn nhà của Avonlea nơi có các cải tiến viên sống. Bầu không khí của Chái Nhà Xanh u ám mãnh liệt đến mức cả Davy cũng ớn lạnh. Anne khóc nức nở mà chẳng ai an ủi được.

“Cháu phải khóc thôi, dẫu cháu sắp mười bảy rồi, bác Marilla ạ,” cô nức nở. “Thật là nhục nhã quá. Và nó như hồi chuông báo tử gióng lên cho hội của chúng cháu. Chúng cháu sẽ bị mọi người cười thúi đầu cho coi.”

Tuy nhiên, trên thực tế, cũng như trong giấc mơ, mọi chuyện thường diễn ra ngược lại. Người Avonlea chẳng ai cười; họ quá sức tức giận. Họ đã góp tiền sơn tòa thị chính, vậy nên họ cảm thấy mình bị tổn thương cay đắng bởi sai lầm này. Nỗi căm phẫn của công chúng dồn lên

đầu nhà Pye. Roger Pye và John Andrew là đầu trò của câu chuyện vì quá cầu thả; còn Joshua Pye, ông ta đúng là một kẻ ngu ngốc bẩm sinh mới không phát hiện vấn đề khi mở thùng sơn và nhìn thấy màu sơn. Joshua Pye khi bị vấn tội thì bắt bẻ lại rằng gu chọn màu của Avonlea chẳng liên quan gì đến ông ta, dẫu ông ta có nghĩ thế nào thì ông ta được thuê để sơn tòa thị chính chứ không phải để bình luận về màu sơn, và ông ta nhất định phải lấy đủ tiền công.

Các Cải tiến viên đành cay đắng giao tiền cho ông ta sau khi tham khảo ý kiến của ông Peter Sloane, một thẩm phán.

“Các cháu phải trả tiền thôi,” Peter nói. “Các cháu không thể ép ông ta chịu trách nhiệm, vì ông ta nói chưa bao giờ

được thông báo về màu sơn mà chỉ được giao mấy thùng sơn và bảo hãy làm việc đi. Nhưng đây đúng là một nỗi nhục nhã khủng khiếp và tòa thị chính nhìn xấu xí không chấp nhận được.”

Các Cải tiến viên xui xẻo định ninh là Avonlea sẽ còn thành kiến với họ hơn sau thảm họa này, nhưng thay vào đó, công chúng lại dành sự cảm thông cho họ. Mọi người thương cho nhóm thanh niên hào hứng nhiệt tình đã phấn đấu hết mức cho mục tiêu, thế mà lại bị lợi dụng như vậy. Bà Lynde khuyên họ nên tiếp tục cho nhà Pye thấy rằng trên đời này có người biết làm nên chuyện chứ không phải là đụng đầu hư đó. Ông Major Spencer nhắc ông sẽ dọn sạch mấy gốc cây trụi dọc đường phía trước nông trại

của mình và tự bỏ tiền trông cỏ thay vào. Một bữa nọ bà Hiram Sloane đến thăm trường, lăm lét gọi Anne ra hành lang để nói với cô rằng nếu “Hội” muốn trông một vườn hoa phong lữ ở ngã ba đường vào mùa xuân thì không cần lo lắng đến con bò cái của bà ta đâu, vì bà ta sẽ giữ cái ả ăn uống phạm tục ấy cẩn thận. Ngay cả ông Harrison cũng cười khúc khích một mình, nếu quả thật ông có cười khúc khích, và bề ngoài thì hết sức thông cảm.

“Đừng để ý, Anne à. Mỗi năm sơn sẽ bị phai màu và màu càng lúc càng xấu, nhưng cái màu xanh ấy đã xấu hết mức có thể rồi, nên khi phai màu nó sẽ đẹp hơn. Mái nhà đã được lợp và sơn lại đàng hoàng. Mọi người có thể ngồi trong đó mà không sợ dột. Dù sao thì cháu

cũng làm được rất nhiều chuyện mà.”

“Nhưng tòa thị chính màu xanh dương của Avonlea sẽ là trò cười của tất cả các vùng lân cận từ giờ trở đi,” Anne chua chát.

Và phải thú nhận rằng sự thật đúng là như vậy.

10. Davy Tìm Kiếm Sự Giật Gân

Một chiều tháng Mười một nọ, trên đường từ trường về nhà qua lối Bạch Dương, một lần nữa Anne lại cảm thấy chắc chắn rằng cuộc đời thật tươi đẹp. Ngày hôm đấy là một ngày tốt lành, mọi chuyện đều suôn sẻ trong vương quốc nhỏ của cô. St. Clair Donnell không gây gổ với bất cứ đứa con trai nào vì chuyện tên tuổi; khuôn mặt của Prillie Rogerson sưng vù vì đau răng đến mức cô nàng

không hề liếc mắt đưa tình với đám con trai chung quanh lấy một lần. Barbara Shaw chỉ gặp tai nạn mỗi một lần... đánh đổ một chén nước rửa bút xuống sàn... và Anthony Pye không đi học.

“Tháng Mười một năm nay thật là tuyệt quá!” Anne thốt lên, cô vẫn chưa thoát khỏi thói quen trẻ con là hay nói chuyện một mình. “Tháng Mười một thường là một tháng khó chịu... như thể năm đột nhiên phát hiện mình đã về già và chỉ biết khóc than buồn bã vì điều đó. Năm nay đã già đi một cách duyên dáng... giống như một bà lão oai nghiêm biết mình có thể xinh đẹp ngay cả với mái tóc bạc và những nếp nhăn. Ngày thật đáng yêu và lúc chạng vạng thì tuyệt vời. Hai tuần vừa qua khá yên bình, đến

cả Davy cũng cứ xử gần như đầu vào đó. Mình thực sự nghĩ rằng thằng bé đã ngoan hơn nhiều. Hôm nay rừng cây thật im lặng quá... chẳng có tiếng thì thầm nào ngoại trừ tiếng gió vi vút nơi ngọn cây. Chẳng khác gì tiếng sóng vỗ bờ xa. Rừng cây thật thân thương quá! Những hàng cây xinh đẹp ơi, mình yêu tất cả các cậu như bạn bè vậy.”

Anne dừng lại choàng tay qua một cây bạch dương non và hôn thân cây màu trắng sữa. Diana vừa rẽ vào con đường, nhìn thấy cô và phá lên cười.

“Anne Shirley, cậu chỉ giả vờ trưởng thành thôi. Tớ tin rằng khi có mỗi một mình, cậu lại hiện nguyên hình một cô bé.”

“Ô, không thể thoát khỏi thói quen là một cô bé ngay lập tức được,” Anne vui vẻ đáp.

“Cậu thấy đấy, tớ bé bỏng suốt mười bốn năm trời, và tớ chỉ mới là người lớn được có mỗi ba năm thôi. Tớ chắc rằng mình luôn cảm thấy như một đứa trẻ khi ở trong rừng. Những chuyến đi từ trường về nhà này hầu như là khoảng thời gian duy nhất để tớ mơ mộng... à, còn khoảng nửa tiếng trước khi tớ chìm vào giấc ngủ nữa chứ. Tớ quá bận rộn với việc dạy học, tự học và giúp bác Marilla trông coi hai đứa trẻ song sinh đến mức chẳng có thời gian tưởng tượng nữa. Cậu không biết tớ đã trải qua những cuộc phiêu lưu tuyệt vời thế nào sau khi tớ leo lên giường ở chái Đông mỗi tối đâu. Tớ

luôn tưởng tượng rằng mình là một ai đó hết sức lộng lẫy, thông minh và thành đạt... một nữ ca sĩ opera, một y tá chữ thập đỏ hay một nữ hoàng. Tớ qua tớ là một nữ hoàng. Thật tuyệt diệu khi tưởng tượng cậu là một nữ hoàng. Cậu sẽ được hưởng mọi niềm vui mà chẳng phải chịu bất kỳ sự phiền phức nào của việc làm một bà hoàng, và cậu có thể không làm nữ hoàng nữa bất cứ khi nào cậu muốn, điều mà cậu không thể thực hiện được trên thực tế. Nhưng ở giữa rừng thế này, tớ nghĩ là nên tưởng tượng ra những điều hoàn toàn khác... Tớ là nữ thần rừng sống trong một cây thông già, hay một yêu cây màu nâu bé nhỏ ẩn mình sau một chiếc lá nhọn. Cây bạch dương trắng mà cậu bắt gặp tớ hôn là em gái của tớ. Điềm

khác biệt duy nhất là cô ấy là một cái cây, còn tớ là một cô gái, nhưng điều đó chẳng có gì quan trọng. Cậu đang đi đâu vậy, Diana?”

“Xuống nhà Dickson. Tớ hứa sẽ giúp Alberta cắt bộ váy mới. Chiều tối nay cậu có thể xuống đó rồi cùng về nhà với tớ không?”

“Có thể... vì Fred Wright đã ra tỉnh rồi,” Anne đáp với một khuôn mặt khá ngây thơ cụ.

Diana đỏ mặt, hất đầu bỏ đi. Tuy nhiên cô không có vẻ giận.

Anne định sẽ đi xuống nhà Dickson lúc chiều tối, nhưng cô không thể. Khi về đến Chái Nhà Xanh, cô gặp một chuyện khiến cô quên sạch mọi suy nghĩ khác.

Bà Marilla chạy ra sân đón cô... vẻ mặt hốt hoảng.

“Anne, Dora mất tích rồi!”

“Dora! Mất tích!” Anne nhìn sang Davy đang đu mình lên cổng sân và thấy vẻ vui sướng trong mắt nó. “Davy, cháu có biết em ở đâu không?”

“Không, cháu không biết,” Davy quả quyết. “Từ lúc ăn chiều cháu chẳng thấy nó đâu, thề đây.”

“Ta đi vắng từ một giờ,” bà Marilla nói. “Thomas Lynde đột nhiên ngã bệnh và Rachel nhấc ta ghé qua liền. Khi ta rời nhà thì Dora đang chơi búp bê trong bếp còn Davy thì làm bánh bunn đăng sau kho. Ta vừa về nhà nửa tiếng trước... và không thấy Dora đâu. Davy

tuyên bố nó không nhìn thấy con bé từ khi ta đi.”

“Cháu không thấy thật mà,” Davy thề thốt.

“Chắc con bé ở quanh đây thôi,” Anne nói. “Con bé không đi đâu xa một mình đâu... bác biết nó nhút nhát thế nào mà. Có lẽ nó đang ngủ gục trong một phòng nào đó chăng.”

Bà Marilla lắc đầu.

“Ta đã tìm hết cả nhà chính rồi. Nhưng cũng có thể nó đang ở trong một công trình phụ nào đó.”

Sau đó là một cuộc tìm kiếm kỹ càng. Mỗi góc nhà, vườn và nhà phụ đều bị lục tung lên bởi hai người đang phát điên vì

lo lắng. Anne chạy khắp vườn cây ăn quả và rừng Ma Ám, cất tiếng gọi Dora. Bà Marilla cầm nến kiểm tra tầng hầm. Davy hết đi theo người này rồi lại chạy đến người kia, khá sáng tạo khi nghĩ ra những nơi Dora có thể chui vào.

Cuối cùng họ gặp lại nhau ở sân.

“Đúng là kỳ quái đến cực điểm,” bà Marilla rên rỉ.

“Nó có thể ở đâu chứ?” Anne tuyệt vọng.

“Nó có thể rơi xuống giếng,” Davy vui vẻ gợi ý.

Anne và bà Marilla nhìn nhau vẻ sợ hãi. Trong khi tìm kiếm, hai người đã từng nghĩ đến khả năng này, nhưng chẳng

ai dám nói ra miệng.

“Nó... nó có thể lắm,” bà Marilla thì thầm.

Anne cảm thấy chao đảo muốn ngất xỉu, chạy đến thành giếng và nhìn xuống. Thùng nước nằm trên cái giá bên trong. Sâu hơn phía dưới là một chút ánh lấp lánh của mặt nước phẳng lặng. Giếng nhà Cuthbert sâu nhất cả vùng Avonlea. Nếu Dora có mệnh hệ gì... nhưng Anne không thể nghĩ tiếp được. Cô rùng mình quay đi.

“Chạy qua bên ông Harrison đi,” bà Marilla nói, tay vắn vẹo.

“Ông Harrison và John Henry không có nhà... hôm nay họ ra tỉnh rồi. Cháu sẽ chạy qua nhờ ông Barry.”

Ông Barry cùng quay lại với Anne, cầm theo một cuộn dây ở một đầu có gắn cái vuốt vốn là phần đuôi của chiếc đinh ba cũ. Bà Marilla và Anne đứng bên cạnh, lạnh cóng, run rẩy vì sợ hãi và khùng hoảng, trong lúc ông Barry dò dò dưới giếng, Davy đứng dạng chân bên công nhìn cả nhóm với vẻ sung sướng không tả nổi.

Cuối cùng ông Barry lắc đầu vẻ nhẹ nhõm.

“Cô bé không thể ở bên dưới đâu. Nhưng hiện giờ cô bé ở đâu thì vẫn là một câu hỏi lớn. Này, cậu trai trẻ, cậu có chắc là không biết em gái ở đâu không?”

“Cháu đã nói hàng chục lần là cháu không biết rồi mà,” Davy đáp vẻ bị xúc

phạm. “Chắc là một kẻ lang thang tới bắt cóc nó rồi.”

“Nhảm nhí,” bà Marilla quát cộc lốc, giờ bà đã thoát khỏi nỗi sợ hãi cái giếng. “Anne, cháu có nghĩ nó đi lạc qua bên nhà ông Harrison không? Nó lúc nào cũng nói về con vẹt từ khi cháu dẫn nó qua chơi.”

“Cháu không tin Dora sẽ đi xa như vậy, nhưng cháu sẽ kiểm tra,” Anne đáp.

Lúc ấy không ai nhìn Davy, nếu không sẽ phát hiện ra vẻ mặt nó thay đổi rõ rệt. Nó lặng lẽ tuột khỏi công rồi co giò chạy hết tốc lực đến kho thóc.

Anne tắt tả băng qua cánh đồng đến nhà ông Harrison, cô cũng chẳng mấy hy vọng Dora có ở đó. Căn nhà khóa cửa,

màn cửa sổ hạ xuống và chẳng có dấu hiệu sự sống nào ở đó. Cô đứng ở hàng hiên cất cao giọng gọi Dora.

Gùng ở trong bếp phía sau ré lên và chửi rửa một cách hung hãn bất ngờ, nhưng giữa những tràng chửi rửa của nó, Anne nghe thấy một tiếng kêu cầu cứu từ gian nhà nhỏ trong sân nơi ông Harrison cất dụng cụ. Anne phi như bay tới mở cửa và nhìn thấy một bóng dáng nhỏ bé, mặt đẫm lệ đang ngồi cô độc trên một thùng đing úp ngược.

“Ôi, Dora, Dora, cháu làm cả nhà sợ chết khiếp! Sao cháu lại ở đây?”

“Davy và cháu sang đây thăm Gùng,” Dora nức nở, “nhưng bọn cháu không nhìn thấy nó, Davy chỉ đá vào cửa

để chọc cho nó chửi rửa trôi. Rồi sau đó Davy dẫn cháu đến đây, rồi chạy ra đóng cửa, cháu không sao ra ngoài được. Cháu khóc, khóc mãi, cháu sợ, và ôi chao, cháu vừa đói vừa lạnh, cháu sợ cô sẽ không bao giờ tới, cô Anne ơì.”

“Davy ư?” Nhưng Anne không nói thêm được gì nữa. Cô ẵm Dora về nhà với trái tim nặng trĩu. Niềm vui khi tìm được đứa trẻ vẫn bình an vô sự đã bị nỗi đau đớn vì hành vi của Davy nhấn chìm. Cái tội nhốt Dora lại có thể được tha thứ dễ dàng. Nhưng Davy đã nói dối... nói dối thẳng thừng trắng trợn. Đó là sự thật xấu xa mà Anne không thể nhắm mắt bỏ qua được. Cô chỉ muốn ngồi sụp xuống mà òa khóc tuyệt vọng. Cô đã dần yêu Davy hết sức... cho đến tận phút này cô

mới biết mình thương nó đến chừng nào... và cô đau đớn không chịu nổi khi khám phá ra nó đã cố ý nói dối.

Bà Marilla lắng nghe câu chuyện của Anne trong sự im lặng đáng sợ báo trước điềm gở cho nhóc con Davy, ông Barry phá lên cười và khuyên rằng phải xử lý Davy cho rột ráo. Khi ông Barry về nhà, Anne an ủi và sưởi ấm cô bé Dora đang lạnh run sốt mướt, cho cô bé ăn tối rồi đi ngủ. Sau đó cô quay lại nhà bếp ngay lúc bà Marilla nghiêm nghị bước vào, dẫn theo, hay đúng hơn là kéo theo tên tội phạm Davy miễn cưỡng đầy mạng nhện. Bà đã tìm thấy nó trốn trong góc tối nhất của chuồng ngựa.

Bà đẩy nó đến tấm thảm chùi chân đặt giữa sàn nhà rồi đi đến ngồi cạnh cửa sổ

phía Đông. Anne thì ngồi thờ thần nơi cửa sổ phía Tây. Ở giữa bọn họ là tên đầu sỏ. Nó quay lưng lại bà Marilla, cái lưng yếu ớt, cam chịu và sợ hãi; nhưng mặt nó nhìn về phía Anne, và dấu có chút xấu hổ, mắt Davy vẫn lộ vẻ tinh nghịch thân thiết, cứ như nó biết nó làm sai và sẽ bị phạt, nhưng lát nữa vẫn có thể cười thỏa thích với Anne về chuyện đó.

Nhưng chẳng có đến nửa nụ cười kín đáo đáp lại nó trong đôi mắt xám của Anne như lẽ ra vốn có, nếu đây chỉ là một trò tinh nghịch bình thường. Nhưng có những thứ khác... xấu xí đáng kinh tởm.

“Sao cháu có thể cư xử như vậy hả Davy?” cô buồn bã hỏi.

Davy lúng túng như gà mắc tóc.

“Cháu chỉ làm vậy cho vui thôi. Đã lâu rồi mọi thứ ở đây cứ yên tĩnh khủng khiếp, nên cháu nghĩ sẽ rất vui nếu dọa người lớn được một trận. Và quả là như vậy.”

Dẫu sợ hãi và có đôi chút hối hận, Davy vẫn nhăn răng cười khi nhớ lại thành tích của mình.

“Nhưng cháu đã bịa đặt, Davy ạ,” Anne nói, buồn bã như chưa từng được buồn bã.

Davy lộ vẻ không hiểu.

“Bịa đặt gì cơ? Cô muốn nói là nói xạo hả?”

“Ý cô là nói một chuyện không có

thật.”

“Đương nhiên rồi,” Davy thẳng thắn. “Nếu cháu không nói vậy thì mọi người đâu có sợ. Cháu phải nói mà.”

Nãy giờ Anne đang phải chịu đựng phản ứng từ cơn sợ hãi và gắng sức. Thái độ hỗn xược của Davy là giọt nước làm tràn ly. Hai giọt nước mắt to lấp lánh trên mắt cô.

“Ôi, Davy, sao cháu lại làm vậy?” cô nói, giọng run rẩy. “Cháu không biết làm vậy là rất sai hay sao?”

Davy ngẩn người. Anne khóc... nó đã làm Anne khóc! Làn sóng hối hận thực sự dâng trào như thác lũ và nhấn chìm trái tim bé nhỏ của nó. Nó chạy lại gần Anne, chui vào lòng cô, choàng tay qua cổ cô

rồi òa lên khóc.

“Cháu không biết nói xạo là sai,” nó nức nở. “Sao cô lại tưởng cháu biết đó là sai chứ? Đám con nhà Spratt nói xạo thường xuyên mỗi ngày, và còn thề thốt nữa. Chắc Paul Irving không bao giờ nói xạo và cháu đang cố gắng khủng khiếp để ngoan như nó, nhưng giờ cháu cho rằng cô sẽ chẳng bao giờ thương cháu nữa. Nhưng cháu nghĩ lẽ ra cô phải dạy cháu đó là sai. Cháu hối hận khủng khiếp vì đã làm cô khóc, Anne ạ, và cháu sẽ không bao giờ nói xạo nữa.”

Davy dúi đầu vào vai Anne và gào khóc thảm thiết. Anne vui sướng khi đột ngột hiểu Davy, ôm chặt lấy nó và liếc nhìn bà Marilla qua mái tóc quăn lùm xùm của nó.

“Nó không biết bịa chuyện là sai, bác Marilla ạ. Cháu nghĩ chúng ta nên tha thứ cho nó lần này nếu nó hứa không bao giờ bịa đặt nữa.”

“Cháu sẽ không bao giờ vậy nữa, giờ cháu đã biết làm vậy là xấu rồi,” Davy khẳng định giữa những tiếng nức nở. “Nếu cô bắt gặp cháu nói xạo lần nào nữa, cô có thể...” Davy vò đầu bứt tóc để tìm hình phạt thích hợp... “cô có thể lột da cháu, Anne ạ.”

“Đừng nói 'xạo', Davy... nói là 'bịa đặt,’” cô giáo trường làng chỉnh ngay.

“Vì sao vậy?” Davy ngồi xuống cho thoải mái rồi nhìn lên với khuôn mặt tò mò đầy vệt nước mắt. Vì sao nói xạo lại không được hay như bịa đặt? Cháu muốn

biết. Số chữ cũng như nhau mà.”

“Đó là tiếng lóng, các cậu bé trai dùng tiếng lóng là sai.”

“Ôi, số chuyện sai thật là nhiều khủng khiếp,” Davy thở dài. “Cháu chưa bao giờ nghĩ là có nhiều như vậy. Thật tiếc vì nói xạo... bịa đặt là sai, vì bịa đặt tiện khủng khiếp, nhưng vì nó là sai nên cháu sẽ không bao giờ bịa đặt nữa. Cô sẽ phạt cháu thế nào vì đã bịa đặt lần này? Cháu muốn biết.” Anne nhìn bà Marilla vẻ khẩn cầu.

“Ta không muốn quá khắt khe với thằng nhóc,” bà Marilla nói. “Ta dám chắc chẳng ai dạy nó nói dối là sai, và đám con nhà Spratt không xứng là bạn của nó. Mary đáng thương quá bệnh

không thể dạy nó đàng hoàng, và ta cho là chẳng thể mong đợi một đứa bé sáu tuổi biết thế nào là đúng sai nhờ vào bản năng. Có lẽ chúng ta cứ giả sử nó chẳng biết bất cứ thứ gì và dạy lại từ đầu. Nhưng nó phải bị phạt vì nhốt Dora lại, và ta chẳng nghĩ ra cách nào ngoại trừ nhốt nó nhin đói trong phòng, mà cách này cũng được dùng quá nhiều rồi. Cháu có cách nào khác không Anne? Ta nghĩ cháu phải có chứ, ít nhất là nhờ vào trí tưởng tượng mà cháu hay khoe khoang ấy.”

“Nhưng hình phạt rất đáng sợ, mà cháu chỉ thích tưởng tượng những gì dễ thương thôi,” Anne nựng nịu Davy. “Có quá nhiều điều đáng sợ trên thế giới này rồi, chẳng cần thiết phải tưởng tượng

thêm nữa.”

Cuối cùng như mọi khi, Davy bị nhốt vào phòng đến trưa hôm sau. Rõ ràng là nó đã chịu khó ngấm nghĩ, vì lát sau khi Anne lên phòng, cô nghe nó khẽ gọi tên cô. Bước vào phòng nó, cô thấy nó ngồi trên giường, khuỷu tay chống lên đầu gối, tay chống cằm.

“Cô Anne,” nó nói vẻ nghiêm túc, “ai nói xạo... bịa đặt cũng là sai phải không? Cháu muốn biết?”

“Đúng vậy.”

“Người lớn cũng vậy sao?”

“Đúng.”

“Vậy thì,” Davy quả quyết, “bà Marilla rất hư, vì chính bà đã bịa đặt. Và

bà còn tệ hơn cháu, vì cháu không biết đó là sai, còn bà thì biết.”

“Davy Keith, cả đời bác Marilla chưa từng nói dối,” Anne phản nộ.

“Có mà. Thứ Ba tuần trước, bà nói với cháu rằng nếu cháu không cầu nguyện mỗi đêm thì sẽ gặp một chuyện gì đó hết sức đáng sợ. Cháu không cầu nguyện hơn một tuần nay rồi để xem chuyện gì sẽ xảy ra... thế mà chẳng có gì xảy ra cả,” Davy kết luận bằng giọng tổn thương.

Anne cố nhin mong muốn phá lên cười như điên bởi tin chắc rằng cười như vậy thì cô sẽ chết mất, rồi cô bắt đầu tích cực bảo tồn danh dự của bà Marilla.

“Này, Davy Keith,” cô nghiêm túc, “chuyện hết sức đáng sợ vừa xảy ra với

cháu ngay hôm nay thôi mà.”

Davy lộ vẻ nghi ngờ.

“Chắc ý cô là đi ngủ nhin đỏi,” nó nói vẻ khinh thường, “nhưng chỉ như thế thì đâu có đáng sợ. Đương nhiên cháu không thích, nhưng cháu bị nhốt trong phòng quá nhiều lần kể từ khi đến đây đến mức cháu quen rồi. Và cô chẳng để dành được chút gì khi cắt phân ăn tối của cháu, vì lúc nào cháu cũng ăn sáng gấp đôi cả.”

“Cô không muốn nói đến chuyện cháu bị nhốt trong phòng. Cô muốn nói hôm nay cháu đã bịa chuyện. Và Davy à,”... Anne chồm qua giường và lắc lắc ngón tay đầy vẻ biểu cảm với tên thủ phạm... “nói dối gần như là điều tệ hại nhất có

thể xảy đến cho một cậu bé trai... gần như là điều tệ hại khủng khiếp nhất. Nên cháu thấy đây, bà Marilla đã nói sự thực.”

“Nhưng cháu nghĩ điều gì xấu phải hay ho lắm chứ,” Davy phản đối với giọng tổn thương.

“Không thể trách bà Marilla về điều cháu nghĩ. Điều xấu không phải lúc nào cũng hay ho. Thường thì nó rất kinh tởm và ngu ngốc.”

“Dù sao thì nhìn cảnh cô và bà Marilla nhìn xuống giếng cũng tức cười khủng khiếp,” Davy ôm gối.

Anne cố giữ mặt nghiêm cho đến khi xuống dưới nhà, khi đó cô mới ngã xuống trường kỷ phòng khách mà cười đến đau

cả bụng.

“Ước gì cháu kể cho ta nghe câu chuyện làm cháu cười,” bà Marilla nói có chút u ám.

“Hôm nay ta chẳng thấy có gì đáng cười cả.”

“Bảo đảm bác sẽ cười mà.” Anne trấn an. Và bà Marilla quả thật cũng phá lên cười, cho thấy khả năng chấp nhận của bà đã tiến bộ kể từ khi nhận nuôi Anne. Nhưng ngay sau đó bà thở dài.

“Ta cho rằng lẽ ra ta không nên nói vậy với nó, dẫu ta từng nghe một mục sư nói vậy với một đứa bé. Nhưng nó cứ làm ta phát cáu lên. Đó là vào cái đêm cháu đi nghe nhạc ở Carmody và ta cho nó đi ngủ. Nó lý sự cầu nguyện chẳng ích

gì cho tới khi nó đủ lớn để đủ quan trọng với Chúa. Anne à, ta chẳng biết mình phải làm gì với đứa bé đó nữa. Ta chưa từng thấy ai quậy hơn nó. Ta cảm thấy nản lòng quá.”

“Ồ, đừng nói vậy bác Marilla. Nhớ cháu đã hư thế nào khi mới tới đây không.”

“Anne, cháu chẳng bao giờ hư cả... Chẳng bao giờ. Bây giờ thì ta mới thấy vậy, khi hiểu được hư thực sự là thế nào. Ta phải công nhận là cháu luôn dính vào những vụ rắc rối khủng khiếp, nhưng động cơ của cháu là tốt. Còn Davy thì hư hỏng bởi vì nó quá yêu cái xấu.”

“Ồ không, cháu không nghĩ nó hư hỏng thật sự đâu,” Anne van ví. “Chỉ là

tình nghịch thôi mà. Với lại ở đây cũng quá bình lặng đối với nó, bác biết mà. Nó chẳng có ai để chơi nên phải tưởng tượng ra đủ thứ trò. Dora thì nghiêm trang và đúng mực quá, không thể là bạn chơi của một cậu con trai được. Cháu nghĩ ta nên cho bọn chúng đi học, bác Marilla ạ.”

“Không,” bà Marilla kiên quyết, “ba ta luôn nói rằng không nên nhốt trẻ em vào bốn bức tường trường học cho đến khi nó được bảy tuổi, và ông Allan cũng nói thế. Hai đứa song sinh có thể học vài bài vỡ lòng ở nhà, nhưng chúng sẽ không đi đến trường cho đến khi bảy tuổi.”

“Vậy thì chúng ta phải cố cải tạo Davy ở nhà thôi,” Anne hào hứng. “Dẫu có nhiều khuyết điểm, nó vẫn là một cậu

bé dễ thương. Cháu không thể không thương nó. Bác Marilla, có lẽ nói ra thì thật không phải, nhưng thật sự thì cháu thương Davy hơn Dora, vì cô bé quá ngoan đi.”

“Ta chẳng biết tại sao nhưng ta cũng vậy đấy,” bà Marilla thú nhận, “Và thật không công bằng, vì Dora chẳng bao giờ gây chuyện cả. Không thể có một đứa trẻ ngoan hơn nó, thậm chí mình còn không biết nó đang ở trong nhà nữa.”

“Dora quá ngoan,” Anne nói. “Cô bé sẽ cư xử đúng mực dẫu không ai nói cho cô bé biết phải làm gì. Cô bé trưởng thành bẩm sinh, nên không cần chúng ta; và cháu nghĩ,” Anne kết luận, chỉ ra một sự thật cốt lõi, “chúng ta chỉ yêu nhất những người nào cần chúng ta thôi. Davy

rất cần chúng ta.”

“Đúng là nó cần một thứ gì đó thật,”
bà Marilla đồng ý. “Rachel Lynde sẽ nói
là nó cần một trận đòn nhớ đời.”

11. Sự Thật Và Tưởng Tượng

“Dạy học là một nghề rất thú vị,” Anne viết cho một cô bạn thân ở Học viện Queen. “Jane nói cậu ấy thấy nó đơn điệu, nhưng tớ không thấy vậy. Mỗi ngày đều gần như chắc chắn sẽ có chuyện gì đó buồn cười xảy ra, và trẻ em nói những lời thú vị không tả nổi. Jane nói cậu ấy phạt học trò mỗi khi chúng nói những điều ngớ ngẩn; chắc đó là lý do khiến cậu ấy thấy việc dạy học đơn điệu.

Trưa nay, Jimmy Andrews bé bỏng cố gắng đánh vần từ 'lâm tâm' mà mãi không xong. ‘À,’ cuối cùng nó nói, 'em không đánh vần được nhưng em biết nghĩa của nó đấy.'

“'Nghĩa gì?' mình hỏi.

“'Khuôn mặt của St. Clair Donnell, thưa cô.’

“St. Clair đúng là bị tàn nhang đầy mặt, dấu tó cố ngăn mấy đũa khác trêu chọc nó... bởi tó từng bị tàn nhang, và ôi chao tó nhớ rõ mồn một thời đó. Nhưng tó không nghĩ là St. Clair quan tâm. Chỉ vì Jimmy gọi nó là St. Clair mà St. Clair đã tẩn nó một trận trên đường về nhà. Tó nghe nói là có đánh nhau, nhưng không chính thức, vì thế tó nghĩ tó chẳng can

thiếp làm gì.

“Hôm qua, tớ đang tìm cách dạy Lottie Wright làm tính cộng. Tớ nói, 'Nếu em có ba cục kẹo ở một tay và hai cục kẹo ở tay còn lại, vậy thì tổng cộng em có bao nhiêu?' 'Nguyên một miệng kẹo,' Lottie đáp. Và trong giờ sinh vật, khi tớ hỏi đám trẻ cho lý do vì sao không nên giết cóc, Benjie Sloane nghiêm túc trả lời, 'Vì hôm sau trời sẽ mưa.'

“Muốn không cười cũng khó, Stella à. Tớ phải nén cười cho tới khi về nhà, và bác Marilla nói bác ấy lo lắng khi nghe tiếng cười lạnh lạnh vang lên từ chái Đông mà chẳng có lý do gì rõ ràng. Bác ấy nói đó là triệu chứng phát điên của một người đàn ông ở Grafton trước đây.

“Cậu có biết rằng Thomas Becket[4] được xếp là một loại rắn hay không? Rose Bell nói như vậy đấy... và William Tyndale là người viết ra Tân ước. Claude White[5] còn nói 'băng hà' là người bán kem que!

'Tớ nghĩ việc khó nhất trong nghề dạy học, và cũng là việc thú vị nhất, là làm cho học trò thổ lộ với mình suy nghĩ thật sự của chúng. Một ngày bão bùng tuần vừa rồi, tớ kêu đám học trò lại vào buổi ăn trưa và cố khiến chúng nói chuyện với tớ như một người bạn. Tớ hỏi chúng muốn điều gì nhất. Một vài câu trả lời khá bình thường... búp bê, ngựa, giày trượt. Nhưng những câu còn lại đúng là độc đáo. Hester Boulter muốn 'mặc áo đầm Chủ nhật suốt tuần và ăn trong

phòng khách'. Hannah Bell muốn 'ngoan mà chẳng cần phải cố gắng gì'. Marjory White mới mười tuổi thì muốn là một góa phụ. Khi bị hỏi vì sao, cô bé nghiêm túc đáp rằng nếu không lập gia đình thì sẽ bị gọi là gái già, và nếu lấy chồng thì bị chồng ăn hiếp, nhưng nếu là góa phụ thì chẳng phải sợ gì. Điều ước đặc sắc nhất là của Sally Bell. Cô bé muốn có 'tuần trăng mật'. Tớ hỏi cô bé có biết đó nghĩa là gì không thì cô bé đáp đó là một loại xe đạp thật xịn, vì cậu họ của cô bé ở Montreal đi tuần trăng mật sau khi kết hôn, và anh ta luôn có xe đạp đời mới nhất!

“Một hôm khác tớ lại yêu cầu chúng kể cho tớ nghe chuyện xấu nhất mà chúng từng làm. Tớ không cạy răng được đám

trẻ lớn, nhưng đám học lớp ba thì trả lời khá thẳng thắn. Eliza Bell đã 'đốt cháy cuộn băng keo của bà cô'. Khi hỏi nó có cố ý không, nó đã trả lời, 'không hẳn'. Nó chỉ đốt thử một đầu xem cuộn băng keo có cháy không, và cả nguyên cuộn bóc lửa chỉ trong chốc lát sau đó. Emerson Gillis tiêu mười xu mua kẹo trong khi đáng lẽ phải quyên cho từ thiện. Tội lỗi lớn nhất của Annetta Bell là 'ăn quả việt quất mọc trong nghĩa trang'. Willie White đã 'trượt xuống mái chuồng cừu nhiều lần trong khi đang mặc quần dài Chủ nhật'. 'Nhưng em đã bị trừng phạt vì em phải mặc quần vá đến lớp học Chủ nhật suốt mùa hè, và khi đã bị phạt rồi thì không cần phải hối lỗi nữa,' Willie tuyên bố.

“Ước gì cậu được xem một số bài

văn của đám học trò... giá như tớ có thể gửi cho cậu bản sao của vài bài luận được nộp gần đây nhỉ. Tuần trước, tớ nói với lớp bốn rằng tớ muốn chúng viết thư cho tớ về bất cứ điều gì, có gợi ý rằng chúng có thể kể cho tớ nghe về những nơi chúng đã viếng thăm hoặc ai hay cái gì thú vị mà chúng từng gặp. Chúng phải dùng giấy viết thư, bỏ vào bao rồi dán lại, ghi là gửi cho tớ, tự làm mà không được nhờ vả ai. Sáng thứ Sáu vừa rồi, tớ bắt gặp một chồng thư trên bàn, và chiều hôm đó, tớ một lần nữa nhận ra nghề dạy học có vui mà cũng có cả buồn. Nhưng những bài văn đó sẽ giúp tớ cân bằng. Đây là bức thư của Ned Clay, tên người nhận, ngữ pháp và chính tả giữ nguyên.

“Cô giáo ShiRley

“Trái nhà Xanh.

“Đảo hoành tử edward

“ 'chim

“ 'Cô thân mến em nghĩ em sẽ viết cho cô bài văn về chim, chim là động vật rất có lợi. mèo của em bắt chim. Tên nó là William nhưng ba gọi nó là tom, nó xọc vàng và có một lỗ tai bị đóng băng mùa đông năm ngoái, nếu không có vậy thì nó là một con mèo dễ nhìn. Kậu của em có nuôi một con mèo. một ngày nó tới nhà cậu ấy và không chịu đi và cậu nói nó quên nhiều hơn đa số người ta biết. cậu cho nó ngủ trên ghế sôphá và mẹ em nói cậu thích nó hơn cả con. như vậy là không đúng, chúng ta nên đối xử tốt với mèo và cho chúng sữa mới nhưng

chúng ta không nên thích nó hơn cả con chúng ta. đó là tất cả em nghĩ ra bây giờ nên chẳng còn gì nữa từ

“ 'edward blake ClaY.”

“Bài luận của St. Cair Donnell, như mọi khi, ngắn gọn vào thẳng đề. St. Clair không bao giờ nói lời dư thừa. Tôi không nghĩ rằng nó có ý châm chọc khi chọn đề tài hay viết dòng tái bút. Chỉ là nó không khéo léo và không có trí tưởng tượng phong phú cho lắm thôi.”

“Cô Shirley thân mến

“ 'Cô nói chúng em phải mô tả thứ gì lạ mà chúng em từng thấy. Em sẽ miêu tả tòa thị chính Avonlea. Nó có hai cửa, một cửa trong và một cửa ngoài. Nó có sáu cửa sổ và một ống khói. Nó có hai

đầu và hai mặt. Nó sơn màu xanh dương. Đó là điều khiến nó kỳ lạ. Nó được xây trên đường Carmody phía dưới. Đó là tòa nhà quan trọng thứ ba ở Avonlea. Các tòa nhà còn lại là nhà thờ và lò rèn. Ở đó họ tổ chức các cuộc tranh luận, thỉnh giảng và hòa nhạc.

“Trân trọng,

“Jacob Donnell.

“Tái bút: Tòa thị chính có màu xanh dương chói lọi.’

“Lá thư của Annetta Bell khá dài làm tớ kinh ngạc, bởi viết văn không phải sở trường của cô bé và thường thì bài văn của cô bé ngắn y hệt như của St. Clair. Annetta là một cô bé trầm tính và luôn cư xử đúng mực, nhưng chẳng có chút óc

sáng tạo nào. Đây là lá thư của cô bé.

“ 'Cô thân yêu nhất trên đời,

“ 'Em nghĩ em sẽ viết một lá thư để cô biết em yêu cô đến nhường nào. Em yêu cô bằng cả trái tim, linh hồn và tâm trí... bằng tất cả những gì em có... và em muốn phục tùng cô vĩnh viễn. Đó sẽ là đặc quyền lớn lao nhất của em. Đó là lý do em cố gắng ngoan ngoãn trong lớp và học bài.

“ 'Cô thật xinh đẹp, cô giáo của em. Giọng cô như tiếng nhạc và đôi mắt cô như hoa păng xê đầm sương. Cô giống như một nữ hoàng cao lớn uy nghi. Tóc cô như dát vàng. Anthony Pye nói tóc cô màu đỏ nhưng cô không cần để ý tới nó.

“ 'Em chỉ mới biết cô trong vài tháng

nhưng em không thể tưởng tượng ra khi nào em chưa biết cô... khi cô chưa bước vào đời em để ban phước và làm nó trĩu quả. Em sẽ luôn coi năm nay là thời gian tuyệt vời nhất trong đời em vì nó đem cô đến với em. Hơn nữa, đó là năm chúng em chuyên tới Avonlea từ Newbridge. Tình yêu của em dành cho cô đã khiến cho cuộc đời em vô cùng phong phú và nó đã bảo vệ em khỏi tổn thương và sự xấu xa. Tất cả đều nhờ cô, cô giáo ngọt ngào nhất của em.

“ 'Em sẽ không bao giờ quên cô đáng yêu thế nào lần mới đây em gặp cô mặc váy đen với hoa cài trên tóc. Em sẽ luôn ghi khắc hình ảnh đó của cô, ngay cả khi cô trò mình đã bạc đầu. Với em, cô sẽ luôn trẻ đẹp, cô giáo yêu quý nhất đời.

Lúc nào em cũng nghĩ đến cô... vào sáng sớm, lúc ban trưa và độ hoàng hôn. Em yêu cô khi cô cười, khi cô thở dài... thậm chí khi cô nhăn mặt. Em chưa bao giờ thấy cô bực dù Anthony Pye nói cô luôn có vẻ khó tính nhưng em không lấy làm ngạc nhiên khi cô nhìn nó vẻ bực bội vì nó thật đáng đời. Em yêu cô mặc mọi bộ váy... mỗi bộ váy mới cô lại càng trông đáng yêu hơn bộ váy cũ.

“ 'Cô giáo thân yêu nhất đời, chúc cô ngủ ngon. Mặt trời đã lặn và sao trời đang lấp lánh... những ngôi sao sáng rực và mỹ miều như mắt của cô. Em hôn tay và má cô, cục cưng của em. Mong Chúa sẽ dõi theo cô và bảo vệ cô khỏi mọi tổn thương.

“Học trò ngon ngốn của cô,

“ 'Annetta Bell.' ”

“ Lá thư bất thường này khiến tớ rất khó hiểu. Tớ biết rõ Annetta không thể viết ra những lời lẽ ấy cũng chắc chắn như cô bé không biết bay vậy. Hôm sau lúc đến trường, tớ dẫn cô bé đi dạo ven suối vào giờ nghỉ và nhanh chóng bảo cô bé nói thật về lá thư.

Annetta òa khóc và thú thật. Cô bé nói cô bé chưa viết thư bao giờ và chẳng biết phải làm thế nào hay viết cái gì. Nhưng có một chồng thư tình ở ngăn trên cùng bàn làm việc của mẹ cô bé, do một 'tình nhân' cũ viết cho.

“ 'Đó không phải là ba,' Annetta nức nở, 'đó là một người lúc ấy đang học làm mục sư, do vậy ông ta có thể viết những

lá thư tuyệt vời, nhưng cuối cùng mẹ không cưới ông ta. Mẹ nói phân nửa thời gian mẹ chẳng hiểu ông ta nói gì. Nhưng em nghĩ những lá thư đó thật hay và em chép mỗi lá một chút rồi gửi cho cô. Em viết 'cô giáo' mỗi khi ông ta viết 'cô gái', thêm vào vài điều mỗi khi em nghĩ ra gì đó và đổi vài ba chữ. Em thay chữ 'tâm trạng' bằng 'bộ váy'. Em chẳng biết 'tâm trạng' là gì nhưng cho rằng đó là thứ gì đó dễ mặc. Em không nghĩ là cô sẽ nhận ra sự khác biệt. Chẳng hiểu sao cô lại biết không phải do một mình em viết. Cô thật thông minh quá, cô ơi'.

“Tớ nói với Annetta rằng chép thư của người khác rồi nhận bừa là của mình thì thật xấu. Nhưng tớ e rằng Annetta chỉ hối hận vì bị phát hiện thôi.

“ 'Nhưng em yêu cô thật mà, cô giáo,' cô bé nức nở. Tất cả đều là thật, dấu ông mục sư đó viết trước em. Em yêu cô bằng cả trái tim thật mà.”

“Thật khó mà trách mắng nghiêm túc ai đó trong trường hợp thế này.

“Đây là lá thư của Barbara Shaw. Tờ không thể tái hiện lại những vết mực nhòe trên bản gốc.

“ 'Cô thân yêu,

“ 'Cô nói chúng em có thể viết về một chuyến viếng thăm. Từ trước đến nay em mới chỉ đi thăm nhà người khác một lần thôi. Đó là nhà cô Mary của em mùa đông vừa rồi. Cô Mary của em là một người rất kỹ tính và là một bà nội trợ hoàn hảo. Đêm đầu tiên em đến hai cô

cháu ngồi uống trà. Em đụng vào làm vỡ một cái bình. Cô Mary nói cô giữ cái bình đó từ khi mới kết hôn và chưa ai từng làm vỡ nó trước đây. Khi đứng dậy, em giẫm lên váy cô làm những nếp chun bị toạc ra. Sáng hôm sau khi thức dậy em va bình nước vào bồn làm bể cả hai và em còn làm đổ một tách trà xuống khăn trải bàn vào bữa sáng nữa. Khi em phụ cô Mary rửa chén, em làm rơi một cái đĩa sứ và nó vỡ tan. Chiều hôm đó em ngã cầu thang, bong gân mắt cá chân và phải nằm nghỉ suốt tuần. Em nghe cô Mary nói với dựng Joseph thật may vì nếu không em sẽ làm vỡ mọi thứ trong nhà. Khi em khỏe lại thì đã đến lúc phải về nhà rồi. Em không thích đi viếng thăm ai. Em thích đi học hơn, nhất là từ khi em

đến Avonlea.

“Trân trọng,

“Barbara Shaw.’

“Willie White bắt đầu như sau:

“Kính thưa cô,

“Em muốn kể cho cô nghe về bà dì dững cảm của em. Dì sống ở Ontario và một ngày nọ, dì bước ra khỏi kho thóc và nhìn thấy một con chó trong sân. Con chó không được phép vào đó nên dì lấy gậy đập nó một cái đau điếng, đuổi nó vào kho và nhốt lại. Chẳng bao lâu sau một người đàn ông đến gõ cửa tìm một con sư tử siết' (Tự hỏi: có phải Willie muốn nói đến con sư tử làm xiếc?) Vừa chạy khỏi một rạp xiếc. Hóa ra con chó đó là

một con sư tử và bà dì vô cùng dũng cảm của em đã đui nó vào kho bằng một cây gậy. Thật lạ khi dì không bị ớn thịt nhưng dì rất dũng cảm. Emerson Gillis nói nếu dì nghĩ rằng đó là một con chó thì dì chẳng dũng cảm chút nào, vì đối với dì đó chỉ là một con chó thôi. Nhưng Emerson nó ghen tị vì nó chẳng có bà dì dũng cảm nào mà chỉ có toàn cậu.’

“Tớ giữ bài luận hay nhất lại cuối cùng. Cậu từng cười tớ vì tớ cho rằng Paul là thiên tài, nhưng tớ chắc lá thư của cậu bé sẽ thuyết phục cậu rằng Paul không phải một đứa bé tầm thường. Paul sống gần bãi biển với bà nội và không có bạn cùng chơi... không có người bạn thực sự nào. Cậu nhớ giáo sư môn Quản lý Trường học từng nói rằng chúng ta không

được thiên vị học trò nào, nhưng tớ không thể không thương Paul Irving nhất trong đám học trò của mình. Tớ không nghĩ làm vậy sẽ gây ra điều gì có hại, dù sao thì ai cũng mến Paul, kể cả bà Lynde, bà ấy nói rằng bà không thể tin là mình có thể thích một người Yankee đến vậy. Những đứa nhóc khác trong trường cũng thích cậu bé. Paul không hề yếu đuối hay giống con gái dẫu cậu bé hay mơ mộng và tưởng tượng. Cậu bé rất nam tính và dư sức chứng tỏ mình trong các trò chơi. Cậu vừa đánh nhau với St. Clair Donnell vì St. Clair nói là lá cờ Anh thì hơn xa lá cờ đây sọc và sao của Mỹ. Kết quả là một lần đầu đả, hai bên huề nhau và thỏa thuận từ nay trở đi sẽ tôn trọng lòng yêu nước của nhau. St. Clair nói cú đấm của

nó mạnh nhất trong khi Paul có thể đánh ra nhiều lần nhất.”

“Lá thư của Paul.

“ 'Cô giáo thân yêu,

“ 'Cô nói chúng em có thể viết cho cô về những người thú vị mà chúng em biết. Em nghĩ những người thú vị nhất mình biết là những người trên vách đá của em và em định kể cho cô nghe về bọn họ. Em chưa từng kể cho ai nghe về họ trừ bà nội và ba, nhưng em vẫn muốn cô biết họ vì cô luôn thấu hiểu. Có rất nhiều người không thể thấu hiểu, vì vậy có kể với họ cũng chẳng ích gì.’

“ 'Những người trên vách đá của em sống ở bờ biển. Em thường đến thăm họ mỗi buổi chiều tối trước khi mùa đông

đến. Giờ thì đến mùa xuân em mới có thể ra, nhưng họ sẽ vẫn còn đó, bởi những người như vậy không bao giờ thay đổi... đó là điều khiến họ thật tuyệt vời. Nora là người đầu tiên em quen, vậy nên em nghĩ em thích cô ấy nhất. Cô ấy sống ở vịnh Andrews, có mái tóc đen, mắt đen và biết hết mọi thứ về các nàng tiên cá và các thủy thần. Cô nên nghe những câu chuyện mà cô ấy kể. Rồi có cặp Thủy Thủ Song Sinh nữa. Họ chẳng sống cố định ở đâu, lúc nào họ cũng đi biển, nhưng họ thường lên bờ nói chuyện với em. Họ là một cặp vui vẻ da rám nắng, và họ đã nhìn thấy tất cả mọi điều trên thế giới... và còn nhiều hơn thế nữa. Cô biết chuyện gì đã xảy ra với cậu thủy thủ em không? Cậu ấy đang đi thuyền thì tiến

thẳng vào làn trắng. Làn trắng là dấu vết trắng tròn để lại trên mặt nước khi nó nhô lên từ biển, cô biết rồi đấy, cô giáo. Thế là cậu thủy thủ em đi thuyền dọc theo làn trắng cho đến khi tới thẳng mặt trắng. Có một cánh cửa nhỏ xíu bằng vàng ở đó; cậu mở cửa rồi đi thuyền xuyên qua. Cậu ấy trải qua những cuộc phiêu lưu tuyệt vời ở mặt trắng nhưng nếu kể hết thì lá thư này sẽ rất dài.’

“ 'Rồi còn Cô Gái Vàng trong hang động nữa. Một ngày nọ em phát hiện ra một hang động lớn dưới bãi biển, em bước vào đó và một lát sau, em tìm ra Cô Gái Vàng. Mái tóc vàng của cô ấy dài tới tận gót chân, và váy cô ấy lấp lánh chói lọi tựa như vàng sống vậy. Cô ấy còn có một cây đàn hạc bằng vàng, cô

ấy chơi đàn suốt ngày... Đi dọc theo bãi biển, cô có thể nghe thấy tiếng nhạc bất cứ lúc nào nếu chịu khó lắng nghe, nhưng hầu hết mọi người đều nghĩ đó chỉ là tiếng gió lách qua kẽ đá. Em chẳng bao giờ kể cho Nora nghe về Cô Gái Vàng. Em sợ Nora sẽ buồn. Cô ấy thậm chí còn tổn thương nếu em nói chuyện quá lâu với cặp Thủy Thủ Song Sinh nữa mà.’

“Em luôn gặp cặp Thủy Thủ Song Sinh ở Vách Đá Sọc. Cậu em thủy thủ rất dễ tính, nhưng cậu anh thì tinh thông nhìn rất hung hãn. Em hơi nghi ngờ cậu anh thủy thủ. Em cho rằng cậu ta dư sức làm một tên cướp biển. Có điều gì đó rất bí ẩn ở cậu ta. Có lần cậu ta chửi thề, và em bảo rằng nếu cậu ta lặp lại lần nữa thì không cần lên bờ nói chuyện với em, vì

em đã hứa với bà nội là không chơi với ai chứ thề. Cậu ta lộ vẻ khá sợ hãi, em có thể thấy rõ như vậy, và cậu ta nói nếu em tha lỗi, cậu ta sẽ đưa em tới hoàng hôn. Vậy là buổi chiều hôm sau, khi em đang ngồi trên Vách Đá Sọc, cậu anh thủy thủ lái chiếc thuyền phép từ biển ghé vào và em nhảy lên thuyền. Thân thuyền lấp lánh đủ màu cứ như bên trong vỏ trai, và cánh buồm trông tựa ánh trăng, ôi, chúng em lái thuyền đến thẳng hoàng hôn. Cô giáo ơi, cứ nghĩ xem, em đã đến được hoàng hôn. Và cô nghĩ nó như thế nào? Ở hoàng hôn, mặt đất phủ đầy hoa. Chúng em đi thuyền vào một khu vườn thật lớn, những đám mây là những luống hoa. Chúng em cập vào một bến cảng rộng lấp lánh ánh vàng, em bước khỏi

thuyền và lập tức đặt chân lên một đồng cỏ lớn, nơi những bông mao lương to bằng bông hồng. Em ở đó lâu thật là lâu. Tưởng như cả năm trời vậy, nhưng cậu anh thủy thủ nói chỉ mới có vài phút thôi. Cô biết đấy, ở vùng đất hoàng hôn, thời gian trôi chậm hơn ở nơi đây nhiều.’

“ 'Học trò yêu thương của cô,

“ 'Paul Irving.

“ ‘TB: Đương nhiên lá thư này không hoàn toàn là sự thật, cô giáo ạ.

P. I.’”

12. Một Ngày Xui xẻo

Ngày ấy bắt đầu từ đêm hôm trước, với cơn đau răng nhì nhằng khó chịu đến ngủ chẳng yên. Khi Anne thức dậy vào buổi sáng mùa đông lạnh lẽo u ám, cô cảm thấy cuộc đời thật chán chường vô vị và chẳng có gì đáng trông đợi.

Cô đến trường với tâm trạng không mấy tốt. Má cô sưng lên, cả khuôn mặt đau nhức. Phòng học lạnh lẽo ngập khói bởi lò sưởi không chịu cháy và đám học trò ôm nhau run cầm cập xúm xít chung

quanh lò sưởi. Anne bảo chúng quay về chỗ ngồi với giọng nghiêm khắc mà cô chưa bao giờ dùng tới. Anthony vênh vang về chỗ với dáng điệu xác láo thường lệ, và cô thấy nó thì thầm gì đó với bạn cùng bàn rồi nhìn cô nhăn răng cười.

Anne thấy có vẻ như chưa bao giờ có nhiều tiếng bút chì chít chít như sáng hôm đó; và khi Barbara Shaw lên bàn giáo viên nộp bài, cô bé vấp phải thùng đựng than và kết quả thật tai hại. Than lăn ra khắp phòng, bảng đen của cô bé vỡ tan tành, và khi cô bé đứng dậy được thì mặt đã dính đầy bụi than khiến bọn con trai rống lên cười.

Anne quay lại khi đang nghe lớp hai đọc bài.

“Thiệt tình, Barbara,” cô lạnh giọng, “nếu em không thể không ngã vào thứ gì đó khi di chuyển thì tốt nhất em hãy ngồi nguyên chỗ. Đến tuổi của em mà còn vụng về như vậy thì thật là đáng hổ thẹn.”

Barbara đáng thương loạng choạng trở về bàn, nước mắt kết hợp với bụi than tạo thành một hiệu ứng thật kinh tởm. Chưa bao giờ cô giáo dễ thương yêu quý của cô bé lại dùng giọng hay tỏ vẻ như vậy khi nói với cô, vậy nên Barbara cảm thấy rất đau khổ. Chính bản thân Anne cũng thấy hơi cắn rứt lương tâm, nhưng điều đó chỉ làm tăng thêm sự bực bội của cô, và lớp hai nhớ rõ giờ tập đọc hôm đó cũng như giờ số học khôn khổ khôn sở kế tiếp. Khi Anne đang làm phép tính tổng, st. Clair Donnell hỏn hỏn

chạy vội vào.

“Em trễ nửa tiếng đấy, St. Clair,” Anne lạnh giọng nhắc nhở. “Vì sao vậy?”

“Xin lỗi cô, em phải giúp mẹ làm bánh pút đình cho bữa tối vì nhà em có khách mà Clarice Almira lại bị bệnh,” St. Clair trả lời với giọng hết sức lễ phép nhưng dù sao vẫn gây ra một tràng cười hỉ hả trong đám bạn.

“Quay về chỗ ngồi và làm sáu bài toán trang 84 trong sách để chuộc lỗi,” Anne nói. St. Clair khá ngạc nhiên trước giọng nghiêm khắc của Anne nhưng cũng ngoan ngoãn đi lại bàn lấy tấm bảng nhỏ của mình ra. Sau đó nó lén lút đưa một gói nhỏ cho Joe Sloane ở dãy bên kia. Anne bắt gặp tại trận và lập tức đưa ra

án tử cho cái gói.

Bà lão Hiram Sloane dạo này bắt đầu làm bánh quả hạch để bán kiếm thêm chút tiền còm. Loại bánh này đặc biệt được bọn học trò nam ưa thích, thế là mấy tuần nay Anne gặp nhiều rắc rối liên quan đến chúng.

Trên đường đến trường, bọn nam sinh sẽ đầu tư số tiền tiêu vặt ở nhà bà Hiram, đem bánh đến trường và nếu có thể thì ăn và đãi bạn trong giờ học. Anne đã cảnh báo đám học trò là nếu còn đem bánh vào trường, cô sẽ tịch thu, thế mà St. Clair Donnell lại tinh bơ chuyên tay một hộp bánh bọc lớp giấy sọc trắng xanh mà bà Hiram hay dùng, ngay trước mũi cô.

“Joseph,” Anne bình tĩnh, “đem cái

gói đó lại đây.”

Joe giật mình bối rối nhưng vẫn vâng theo. Nó là một thằng nhãi mập ú, lúc nào cũng đỏ mặt và lắp bắp khi sợ hãi. Thật chưa từng thấy ai trông tội lỗi như Joe đáng thương lúc đó.

“Ném nó vào lửa đi,” Anne nói.

Joe ngần ra.

“Đ... đ... đừng mà, thưa... thưa... cô,” nó nói.

“Làm như cô bảo, Joseph, và không cãi một tiếng nào nữa.”

“Nhưng... nhưng... thưa... thưa cô... đó... đó là...” Joe đáp ứng tuyệt vọng.

“Joseph, em có nghe lời tôi hay không?” Anne hỏi.

Kể cả một đũa gan dạ và tự tin hơn Joe Sloane cũng phải bị giọng nói và ánh mắt giận dữ của Anne khuấy phục. Đây là một cô giáo Anne mới mà chẳng có học trò nào từng nhìn thấy trước nay. Joe nhìn St. Clair về trách móc rồi đi đến lò sưởi, mở cánh cửa vuông lớn đằng trước và ném cái gói trắng xanh vào trước khi St. Clair - vừa đứng bật dậy - kịp nói tiếng nào. Sau đó nó nhảy qua một bên tránh vừa kịp lúc.

Trong vài giây sau, những cư dân hoảng loạn của trường Avonlea không biết vừa xảy ra động đất hay là núi lửa phun trào. Cái hộp giấy vô tội mà Anne đã hấp tấp cho rằng chứa bánh quả hạch của bà Hiram trên thực tế chứa đầy pháo nổ và pháo hoa mà hôm trước Warren

Sloane nhờ ba của st. Clair Donnell ra tỉnh mua nhằm chuẩn bị cho một bữa tiệc sinh nhật tối nay. Pháo nổ ùng ùng như sấm và pháo hoa trào ra khỏi cửa quay cuồng khắp phòng, vừa kêu xì xì vừa nổ xèo xèo. Anne ngồi phịch xuống ghế, mặt tái nhợt kinh hoàng còn đám con gái thì rú rít trèo lên mặt bàn. Joe Sloane đứng như trời trồng giữa đám hỗn loạn còn St. Clair đang bò lăn ra cười sằng sặc giữa lối đi. Prillie Rogerson ngất xỉu còn Annetta Bell lên cơn kích động.

Thời gian trôi qua tưởng như dài đằng dặc, dầu thực tế chỉ mới vài ba phút, cho đến khi viên pháo hoa cuối cùng nổ tung. Anne định thần lại, chạy ra mở tung cửa ra vào và cửa sổ để hơi ga và khói đầy phòng bay ra ngoài. Sau đó cô giúp đám

con gái khiêng Prillie bất tỉnh ra hiên, Barbara Shaw khao khát muốn làm người có ích đã dội một thùng đầy nước đá lên mặt và vai của Prillie trước khi bất cứ ai kịp ngăn lại.

Phải mất cả tiếng đồng hồ mới lập lại được trật tự... nhưng sự yên tĩnh đó nặng nề hết mức. Mọi người nhận ra rằng ngay cả vụ nổ cũng không làm cho cơn giận của cô giáo giảm bớt. Không ai, ngoại trừ Anthony Pye, dám thì thào một tiếng. Ned Clay vô tình làm gãy bút chì khi làm tính, bắt gặp ánh mắt của Anne lườm sang và ước gì sàn nhà nứt làm đôi nuốt trọn lấy mình. Lớp địa lý được dẫn dắt qua một lục địa với tốc độ chóng mặt. Lớp ngữ pháp bị ngắt câu và phân tích chính tả đến tận chân tơ kẽ tóc. Chester

Sloane đánh vần chữ “thơm” thành “xơm” và cảm thấy nhục nhã đến mức chẳng muốn sống nữa, dẫu là trong kiếp này hay kiếp sau.

Anne biết mình đã tự bêu riếu mình và vụ việc này sẽ được đem ra mà cười cợt bên hàng chục bàn trà tối nay, nhưng biết vậy chỉ khiến cô càng thêm tức giận. Trong một tâm trạng bình tĩnh hơn, cô có thể cười xòa bỏ qua, nhưng giờ thì điều đó là không thể; do vậy cô lờ sự vụ đi bằng sự lạnh lùng xem thường.

Khi Anne quay lại trường sau bữa trưa, mọi học trò đều ngồi ngay ngắn tại chỗ như thường lệ, mọi khuôn mặt đều cúi xuống chăm chỉ học bài trừ Anthony Pye. Nó liếc nhìn Anne qua rìa sách, đôi mắt đen lấp lánh vẻ tò mò và nhạo báng.

Anne mở ngăn kéo bàn làm việc tìm phân và ở ngay bên dưới tay cô, một con chuột còn sống sờ sờ nhảy ra khỏi ngăn bàn, chạy loăng quăng trên mặt bàn rồi nhảy xuống đất.

Anne rú lên và lùi lại như thể đó là con rắn vậy, thế là Anthony Pye phá lên cười lớn.

Sau đó yên lặng bao trùm... một bầu không khí yên lặng đầy đe dọa và khó chịu. Annetta Bell phân vân không biết có nên lên cơn kích động hay không, nhất là khi cô bé chẳng biết con chuột chạy đi đâu. Nhưng cô bé quyết định không kích động. Ai mà thoải mái lên cơn kích động cho nổi với một cô giáo mặt tái nhợt và mắt rực lửa đứng trước mắt?

“Ai bỏ con chuột đó vào bàn của tôi?” Anne hỏi. Giọng cô khá thấp nhưng vẫn khiến Paul Irving lạnh sống lưng. Joe Sloane bắt gặp ánh mắt của cô, cảm thấy có lỗi từ đầu đến chân, lắp bắp không kèm chế được,

“Không... không... không.... phải... em, cô... giáo, không... không phải em... em.”

Anne không để ý gì đến cậu chàng Joseph khổ sở ấy. Cô nhìn Anthony Pye và Anthony Pye nhìn thẳng lại, không chớp mắt và không hô thẹn.

“Anthony, là em sao?”

“Đúng vậy,” Anthony trả lời xác láo.

Anne rút cây thước từ trong bàn ra. Đó là một cây thước bằng gỗ cứng vừa

dài vừa nặng.

“Lại đây, Anthony.”

Đó còn xa mới là hình phạt nặng nề nhất mà Anthony Pye từng gánh chịu. Dầu có là cô nàng Anne tàn nhẫn vào lúc ấy, cô cũng không tài nào trừng phạt nặng một đứa trẻ. Nhưng cây thước cứ nhịp nhàng lên xuống và cuối cùng bề ngoài can đảm của Anthony đã sụp đổ; nó nhăn mặt và rơi nước mắt.

Anne lương tâm cắn rứt buông thước xuống và cho Anthony về chỗ ngồi. Cô ngồi xuống bàn, cảm thấy xấu hổ, ân hận và mất thể diện một cách cay đắng. Cơn giận của cô đã trôi qua nhanh chóng, và cô sẵn sàng trả bất cứ giá nào để được òa lên khóc cho lòng dịu đi. Sau bao lời

khoe khoang, cuối cùng cũng phải dùng tới chiêu này... cô đã thực sự đánh một học trò. Jane sẽ tha hồ lên mặt! Và ông Harrison tha hồ cười khàn khạch! Nhưng tệ hơn nữa là suy nghĩ chua chát nhất: cô đã mất đi cơ hội cuối cùng để giành được tình thương của Anthony Pye. Nó sẽ không bao giờ thích cô.

Anne, với sự nỗ lực như Hercule theo cách người ta thường nói, cố nén nước mắt cho đến buổi tối về đến nhà. Sau đó cô nhốt mình trong căn phòng chái Đông, trút hết mọi sự xấu hổ, ân hận và thất vọng vào chiếc gối... Cô khóc lâu đến nỗi bà Marilla cảm thấy lo lắng và chạy vào phòng, khăng khăng hỏi chuyện gì đã xảy ra.

“Vấn đề là lương tâm cháu bị cắn

rút,” Anne nức nở. “Ồ, và hôm nay đúng là một ngày xui xẻo, bác Marilla ạ. Cháu xấu hổ về bản thân quá. Cháu đã mất bình tĩnh và đánh Anthony Pye.”

“Ta mừng khi cháu làm vậy,” bà Marilla quả quyết. “Lẽ ra cháu phải làm vậy từ lâu rồi.”

“Ồ, không, không, bác Marilla. Cháu không biết mình còn mặt mũi nào mà nhìn đám trẻ nữa đây. Cháu cảm thấy nhục nhã đến từng tế bào trong cơ thể. Bác không biết cháu cư xử hung hãn, đáng ghét và quá quắt đến thế nào đâu. Cháu không thể quên ánh mắt của Paul Irving... cậu bé trông thật sừng sốt và thất vọng. Ôi, bác Marilla, cháu đã cố gắng biết mấy để kiên nhẫn lấy lòng Anthony... và bây giờ thì trắng tay.”

Bàn tay chai cứng vì làm việc vất vả của bà Marilla dịu dàng vuốt ve mái tóc óng ả hơi rối của cô gái. Khi tiếng nước nở của Anne đã dịu đi, bà nhẹ nhàng khuyên cô,

“Cháu để ý quá nhiều chuyện, Anne à. Chúng ta ai cũng phạm sai lầm... nhưng mọi người đều quên đi điều đó. Và ai cũng có ngày xui xẻo cả. Còn về Anthony Pye, vì sao cháu phải quan tâm nếu nó ghét cháu? Nó là đứa duy nhất mà.”

“Cháu không thể làm khác được. Cháu muốn mọi người yêu cháu, và cháu cảm thấy tổn thương khi có ai đó không như vậy. Và giờ thì Anthony sẽ không bao giờ yêu cháu, ôi, hôm nay cháu cư xử như một con ngốc, bác Marilla ạ. Cháu sẽ kể

cho bác từ đầu đến cuối.”

Bà Marilla lắng nghe toàn bộ câu chuyện, và Anne không bao giờ biết bà có mỉm cười khi nghe một số chi tiết nào đó hay không. Sau khi nghe xong, bà nói ngay,

“Ôi, không cần bận tâm đâu. Ngày hôm nay đã xong rồi, mai lại là một ngày mới, tinh khôi chẳng chút lỗi lầm như cháu thường nói đấy. Hãy xuống lầu ăn tối đi. Cháu sẽ thấy liệu một tách trà ngon và món bánh phòng mạn ta làm hôm nay có làm cháu phấn khởi lên không.”

“Bánh phòng mạn không có tác dụng với tâm bệnh đâu ạ,” Anne ỉu xiu, nhưng bà Marilla thấy đó là dấu hiệu tốt cho thấy cô gái đã bình tĩnh lại đủ để nhớ tới

một đoạn trích dẫn trong sách.

Bàn ăn tối ấm áp với khuôn mặt tươi sáng của hai đứa sinh đôi cùng món bánh phòng mận vô đối của bà Marilla... Davy ăn tới bốn cái... quả thật đã làm cô vui vẻ hơn nhiều. Đêm đó cô ngủ một giấc ngon lành, và sáng hôm sau, khi tỉnh dậy, cô thấy bản thân và cả thế giới đều thay đổi. Suốt đêm trời đổ tuyết nhẹ nhưng khá dày, và lớp tuyết trắng đẹp tuyệt lấp lánh dưới ánh mặt trời giá lạnh, trông chẳng khác gì một tấm áo choàng bao dung che phủ mọi sai lầm và nhục nhã của quá khứ.

“Mỗi sớm mai là một khởi đầu mới.

Mỗi sớm mai là một thế giới mới,”

Anne vừa hát vừa mặc quần áo.

Do trời tuyệt cô phải đi vòng mới đến được trường, và cô cho rằng thật là một sự trùng hợp tình quái khi Anthony Pye đang đạp tuyết tiến lại khi cô mới rời đường Chái Nhà Xanh. Cô cảm thấy có lỗi cứ như vị trí của họ vừa bị đảo ngược, nhưng trước sự ngạc nhiên không kể xiết của cô, Anthony không chỉ nhắc mũ... điều mà trước giờ nó chưa từng làm... mà còn nói một cách thoải mái,

“Đi bộ thật là cực, phải không? Cô giáo, em cầm sách giúp cô nhé?”

Anne đưa sách cho nó và tự hỏi liệu mình có đang nằm mơ không. Anthony đi bên cạnh, im lặng suốt đường đi, nhưng khi Anne lấy sách lại, cô mỉm cười với nó... không phải là nụ cười “thân thiện” khuôn sáo mà cô vẫn liên tục dùng để lấy

lòng nó mà là ánh lửa bất ngờ của tình bạn. Anthony mỉm cười... à không, sự thật là, Anthony nhăn răng cười lại. Một nụ cười nhăn nhở thường không được coi là một hành động lễ phép; nhưng Anne đột nhiên cảm thấy mình không chỉ chiêm được cảm tình của Anthony mà bằng cách nào đó, cô còn đã lấy được sự kính trọng của đứa bé nữa.

Bà Rachel Lynde ghé nhà hôm thứ Bảy và khẳng định điều này.

“Này, Anne, ta nghĩ cháu đã lấy lòng được thằng Anthony Pye, thế đấy. Nó nói nó tin là cháu cũng có chút ưu điểm, dầu cháu là con gái. Nói rằng trận đòn cháu đánh nó y chang như đàn ông đánh.”

“Cháu không ngờ có thể lấy lòng

thằng bé bằng một trận đòn,” Anne nói với vẻ tiếc hận, cảm thấy lý tưởng của mình đã tự đá giò mình. “Làm thế chẳng đúng chút nào. Cháu chắc chắn lý thuyết về tình thương của mình không thể sai được.”

“Không, nhưng họ nhà Pye vốn là ngoại lệ của mọi quy tắc mà, thế đấy,” bà Rachel tự tin khẳng định.

Ông Harrison nói, “Biết là cháu sẽ phải xài chiêu này mà,” khi hay chuyện và Jane đã trêu chọc cô một cách chẳng thương tiếc.

13. Một Buổi Dã Ngoại Tuyệt Vời

Anne, trên đường đến dốc Vườn Quả, gặp Diana đang đi đến Chái Nhà Xanh, nơi cây cầu gỗ cũ phủ rêu bắc ngang qua con suối ở phía dưới rừng Ma Ám. Họ ngồi xuống bên bờ Bong Bóng Nữ Thần Rừng, nơi những cây dương xỉ bé xiu vừa tỉnh dậy từ một giấc ngủ ngắn đang lúc lắc những mái đầu xanh xoắn tít.

“Tớ đang trên đường sang nhờ cậu

giúp tớ tổ chức sinh nhật vào thứ Bảy này,” Anne nói.

“Sinh nhật cậu? Nhưng sinh nhật cậu vào tháng Ba mà!”

“Đó không phải là lỗi của tớ,” Anne phá lên cười. “Nếu bố mẹ tớ chịu hỏi ý tớ thì chuyện đó đã không bao giờ xảy ra. Tớ đương nhiên sẽ chọn sinh vào mùa xuân rồi. Thật tuyệt vời khi tiến vào thế giới này cùng với hoa tháng Năm và hoa violet. Cậu sẽ luôn cảm thấy chúng là em gái nuôi của cậu. Nhưng vì tớ không sinh vào mùa xuân, điều tốt nhất có thể làm là kỷ niệm ngày sinh của mình vào mùa xuân. Priscilla sẽ ghé thăm hôm thứ Bảy, và Jane sẽ về nhà. Bốn người chúng ta sẽ đi vào rừng, dành một ngày tuyệt vời làm quen với mùa xuân. Không ai trong

chúng ta biết xuân là ai, nhưng chúng ta sẽ gặp gỡ nàng ở đó, điều mà chúng ta không tài nào làm được ở nơi khác. Dù sao thì tớ cũng muốn thám hiểm mọi cánh đồng và góc khuất. Tớ tin rằng có vô số góc khuất tuyệt đẹp chưa từng được phát hiện mặc dù có thể đã được nhìn thấy. Chúng ta cũng sẽ làm quen với gió, bầu trời và ánh nắng, rồi đem về mùa xuân trong trái tim.”

“Nghe có vẻ hay khủng khiếp đấy,” Diana có đôi chút thâm nghi ngờ những lời ma thuật của Anne. “Nhưng chẳng phải ở vài ba nơi còn rất ẩm ướt hay sao?”

“Ồ, chúng ta sẽ mang ủng cao su chứ,” Anne lùi bước trước thực tế. “Và tớ muốn cậu qua sớm vào sáng thứ Bảy

giúp tớ chuẩn bị bữa trưa. Tớ sẽ chuẩn bị những món thanh nhã nhất có thể... những món hợp với mùa xuân, cậu hiểu mà... bánh tạc rau câu nhỏ, bánh lười mè, bánh quy bơ phủ kem vàng và hồng, bánh mao lương. Và chúng ta cũng phải làm bánh mì kẹp, dầu chúng chẳng thi vị tí nào.”

Thứ Bảy chúng tớ là một ngày đã ngoại tuyệt vời... gió nhẹ, trời trong xanh, nắng ấm áp, làn gió nghịch ngợm lướt qua đồng cỏ và vườn cây. Nơi nào có ánh nắng chiếu tới cũng ngập tràn màu xanh điểm những bông hoa nhỏ li ti.

Ông Harrison đang cày ruộng ở cuối nông trại, cảm nhận tác phẩm mê hoặc của nàng xuân lay động ngay trong bầu máu đứng tuổi nghiêm túc của mình, thì

nhìn thấy bốn cô gái giở trữu nặng trong tay, dung dăng dung dẻ đi qua phía cuối cánh đồng của ông, nơi giáp ranh với một rặng cây bạch dương và linh sam. Giọng nói cười vui tươi của họ vọng lại đến tận tai ông.

“Hạnh phúc trong một ngày thế này thật dễ dàng, phải không?” Anne nói, trung thành với triết lý của Anne. “Hãy cố biến hôm nay thành một ngày tuyệt vời thực sự, một ngày chúng ta luôn có thể nhớ lại đầy hứng thú. Chúng ta đi tìm cái đẹp và cương quyết không nhìn thấy bất cứ gì khác. 'Những thứ chán phèo, hãy coi chừng!' Jane, cậu lại đang nghĩ tới vấn đề gì đó xảy ra ở trường hôm qua rồi.”

“Sao cậu biết?” Jane ồ lên ngạc

nhiên.

“À, tớ biết rõ về mặt đó... Tớ cảm thấy nó quá nhiều lần trên mặt của mình mà. Nhưng bỏ nó ra khỏi tâm trí của cậu đi, ngoan đi mà. Nó sẽ chờ được tới thứ Hai... nếu nó không chờ được thì càng tốt. ồ, các cô gái, nhìn cụm hoa violet kia kìa! Lại có thêm một cái gì đó cho bộ sưu tập hình ảnh trong trí nhớ của tớ. Khi tớ tám mươi tuổi... nếu tớ sống tới tuổi đó... tớ sẽ nhắm mắt lại và nhìn thấy những đóa violet đó rõ ràng như tớ nhìn thấy bây giờ. Đó là món quà tốt đẹp đầu tiên mà ngày hôm nay tặng cho chúng ta.”

“Nếu có thể nhìn thấy một nụ hôn, chắc nó sẽ trông giống như đóa hoa violet,” Priscilla nói.

Anne như bừng sáng.

“Tớ rất vui khi cậu nói ra suy nghĩ đó, Priscilla ạ, thay vì chỉ giữ riêng cho mình. Thế giới này sẽ thú vị hơn nhiều... dẫu rằng nó vốn đã rất thú vị rồi... nếu mọi người chịu nói ra suy nghĩ thực sự của họ.”

“Khi đó một số người sẽ gặp rắc rối đây,” Jane khôn ngoan nhận xét.

“Tớ cho rằng cũng có thể thế, nhưng đó là lỗi của họ khi nghĩ những điều xấu xa. Dù sao thì hôm nay chúng ta có thể nói ra mọi suy nghĩ của mình, bởi chúng ta sẽ chỉ có những suy nghĩ đẹp đẽ mà thôi. Mọi người chỉ cần nói điều gì vừa hiện ra trong đầu. Đó mới là đối thoại thực sự. Ô, đây là một lỗi mòn tớ chưa

thấy bao giờ. Chúng ta hãy khám phá nó nào.”

Lối đi quanh co, hẹp đến nỗi các cô gái phải đi nối đuôi nhau, và những cành linh sam cứ quét qua mặt họ. Dưới hàng linh sam là lớp đệm rêu mượt như nhung, và sau đó, khi cây cối bắt đầu nhỏ dần và thưa thớt, đủ loại cây bụi xanh mọc đầy mặt đất.

“Ôi, nhiều cây tai voi quá,” Diana kêu lên. “Tớ sẽ hái một bó to; chúng đẹp quá.”

“Sao một loại cây duyên dáng và mềm mại thế kia lại có cái tên khủng khiếp như vậy nhỉ?” Priscilla hỏi.

“Bởi vì người đầu tiên đặt tên cho chúng chẳng có chút trí tưởng tượng nào

hoặc có quá nhiều trí tưởng tượng,” Anne nói. “Ồ các cô gái, nhìn kia!”

“Kìa” là một cái hồ nông ở giữa một trảng rừng thưa nằm cuối lối đi. Đến giữa mùa xuân, hồ sẽ cạn khô và đáy phủ đầy dương xỉ; nhưng giờ thì nó như một tờ giấy phẳng lặng lấp lánh, tròn như cái đĩa và trong suốt như pha lê. Một hàng bạch dương non mảnh mai bao lấy hồ và những cây dương xỉ viền quanh nó.

“Ôi thật là đáng yêu!” Jane lên tiếng.

“Chúng ta hãy khiêu vũ vòng quanh nó như các nàng tiên rừng đi,” Anne kêu lên, đặt giỏ xuống và chìa tay ra.

Nhưng bài khiêu vũ không được thành công vì mặt đất lầy lội và ủng cao su của Jane bị tuột ra.

“Cậu không thể là tiên rừng nếu phải mang ủng cao su,” cô quyết định như vậy.

“Ồ, chúng ta phải đặt tên cho nơi này trước khi rời đi,” Anne nói, chấp nhận sự thật hợp lý không thể chối cãi. “Mỗi người đề nghị một tên và chúng ta sẽ rút thăm. Diana?”

“Hồ Bạch Dương,” Diana nói ngay.

“Hồ Pha Lê,” Jane lên tiếng.

Anne đứng đằng sau, dùng mắt van vì Priscilla đừng đặt những cái tên tầm thường tương tự và Priscilla tỏa sáng với cái tên “Thủy Tinh Lấp Lánh.” Anne chọn “Gương Tiên.”

Những cái tên được viết trên những mảnh vỏ bạch dương bằng một cây bút

chì do cô giáo làng Jane lấy ra, rồi những mảnh vỏ cây này được đặt vào mũ Anne.

Sau đó Priscilla nhắm mắt rút ra một cái. “Hồ Pha Lê,” Jane đắc thắng. Vậy là nó có tên hồ Pha Lê, và nếu Anne có nghĩ rằng số phận đã chơi cái hồ một vỏ, cô cũng không nói ra miệng.

Len qua đám cây bụi, các cô gái đi ra khoảng rừng non khuất nẻo ở đằng sau đồng cỏ của ông Silas Sloane. Băng qua đó, họ phát hiện ra lối dẫn vào một con đường xuyên rừng và quyết định sẽ thám hiểm nó. Cuộc chinh phục của họ được tưởng thưởng hàng loạt những bất ngờ thú vị. Đầu tiên, ở rìa đồng cỏ của ông Sloane là một công vòm toàn cây anh đào dại đang nở hoa. Các cô gái hạ mũ

mắc vào tay rồi lấy những đóa hoa mềm mại trắng nõn cài lên đầu. Sau đó lúi đi rẽ sang phải, đâm thẳng vào khoảng rừng vân sam vừa rậm vừa tối, họ đi trong ánh sáng lờ mờ như vào lúc chạng vạng, không nhìn thấy một mảnh trời hay một tia sáng nào.

“Đây là nơi những yêu cây xấu sinh sống,” Anne thì thầm. “Bọn chúng rất tinh quái và hiểm độc nhưng không thể làm hại chúng ta, vì chúng không được làm điều ác trong mùa xuân. Vừa có một tên nhìn lên chúng ta từ sau cây linh sam cong queo già cỗi kia, và các cậu có thấy một đám bọn chúng trên cái nấm dù lốm đốm to đùng mà chúng ta vừa đi qua không? Tiên tốt thì luôn sống ở những nơi ngập tràn ánh nắng.”

“Tớ ước gì tiên có thật,” Jane thốt. “Thật là tuyệt nếu có ba điều ước... một điều cũng được, chẳng phải sao? Nay các cô gái, các cô sẽ ước gì nếu có một điều ước? Tớ ước sẽ giàu có, xinh đẹp và thông minh.”

“Tớ ước mình sẽ cao và thanh mảnh,” Diana nói.

“Tớ ước được nổi tiếng,” Priscilla nói. Anne nghĩ tới mái tóc của mình và lập tức bác bỏ suy nghĩ tầm thường đó.

“Tớ ước gì lúc nào cũng là mùa xuân, trong trái tim mỗi người và trong cuộc đời của chúng ta,” cô nói.

“Nhưng như vậy,” Priscilla nói, “chẳng khác gì ước cả thế giới này giống như thiên đường.”

“Chỉ là một phần của thiên đường thôi, ở những nơi khác sẽ có mùa hè và mùa thu... ừ thì cả một chút mùa đông nữa. Tớ nghĩ tớ muốn có những cánh đồng lấp lánh tuyết và sương giá trắng muốt trên thiên đường, thỉnh thoảng thôi. Cậu có muốn vậy không, Jane?”

“Tớ... tớ không biết.” Jane cảm thấy bất an. Jane là một cô gái ngoan, thành viên của nhà thờ, luôn có ý thức cố gắng sống xứng đáng với nghề nghiệp đã chọn và tin vào những điều được dạy. Nhưng cô không bao giờ nghĩ tới thiên đường nhiều hơn mức cô phải nghĩ, vì những điều nói trên.

“Một hôm Minne May hỏi tớ liệu chúng ta có thể mặc bộ áo váy đẹp nhất mỗi ngày trên thiên đường không,” Diana

phá lên cười.

“Thế cậu có nói với cô bé là được không?” Anne hỏi.

“Chúa rủ lòng thương, không đâu! Tớ nói với nó là chúng ta sẽ không nghĩ gì đến váy áo ở trên đây.”

“Ồ, tớ nghĩ chúng ta sẽ nghĩ tới đấy... chỉ một chút thôi,” Anne hào hứng. “Chúng ta sẽ có rất nhiều thời gian trong vịnh hằng để nghĩ tới váy áo mà không bỏ bê những chuyện quan trọng hơn. Tớ tin là chúng ta sẽ đều mặc những bộ váy xinh đẹp... hoặc tớ cho rằng dùng tùy phục thì phù hợp hơn. Đầu tiên, tớ sẽ muốn mặc màu hồng ít nhất là vài thế kỷ... tớ đoán phải lâu cỡ vậy thì tớ mới chán màu hồng, tớ chắc thế đấy. Tớ thật

sự yêu màu hồng, thế mà tớ chẳng thể nào mặc nó trong cuộc đời này.”

Qua hàng vân sam, lối đi chúc xuống một khoảnh đất nhỏ ngập nắng, nơi một nhịp cầu gỗ bắc ngang qua một dòng suối; và sau đó là một rừng sồi dưới ánh nắng đẹp đến sững sờ, nơi không khí tựa như rượu vang vàng óng trong suốt, vòm lá tươi mới xanh ngấn ngát, nên rừng bên dưới chẳng khác gì tranh ghép bởi những tia nắng mặt trời lung linh. Rồi thêm vài cây anh đào dại, một thung lũng nhỏ đầy những cây linh sam uyển chuyển, rồi một ngọn đồi dốc đứng đến mức mấy cô gái leo lên hết cả hơi; nhưng khi bọn họ lên đến đỉnh và bước ra ngoài khoảng đất trống, sự bất ngờ thú vị nhất đang chờ đợi bọn họ.

Xa xa kia là cánh đồng phía sau của các trang trại, trải rộng tới tận đường Carmody phía trên. Còn ngay trước mặt họ, được viền quanh bởi sỏi và linh sam và mở rộng về phía Nam là một góc khuất nhỏ, bên trong có một khu vườn... hay nơi đã từng là một khu vườn. Một bức tường đá xiêu vẹo rêu cỏ mọc đầy bao quanh khoảnh đất. Dọc theo sườn phía Đông là một hàng anh đào trở hoa trắng xóa như bông, vẫn còn lại dấu vết lờ mờ của những lối đi cũ và một luống đôi toàn những bụi hồng ở chính giữa; nhưng phần còn lại đều phủ đầy thủy tiên trắng và vàng nở rộ đang đong đưa một cách duyên dáng theo làn gió nhẹ phía trên mặt cỏ xanh non.

“Ôi, thật là tuyệt vời quá!” ba cô gái

kêu lên. Anne chỉ giương mắt ngắm nhìn trong sự yên lặng còn hùng hồn hơn bao lời khen ngợi.

“Trời ơi, làm sao ở nơi này lại có một khu vườn cơ chứ?” Priscilla ngạc nhiên.

“Chắc là khu vườn của Hester Gray đấy,” Diana nói. “Tớ đã nghe mẹ tớ kể nhưng chưa từng thấy lần nào, và tớ cũng không đời nào ngờ rằng khu vườn ấy vẫn còn tồn tại. Cậu đã nghe câu chuyện đó chưa hả Anne?”

“Chưa, nhưng cái tên nghe có vẻ quen quen.”

“Ồ, chắc cậu đã nhìn thấy trong nghĩa trang. Cô ấy được chôn ở đó trong góc cây dương. Cậu biết bia mộ nâu nhỏ có

khắc cánh cửa đang mở và dòng chữ ‘Tuởng nhớ tới Hester Gray, hai mươi hai tuổi’ chứ. Jordan Gray được chôn ngay bên cạnh cô ấy, nhưng không có bia mộ. Thật lạ khi bác Marilla không kể cho cậu nghe, Anne ạ. Đương nhiên, chuyện xảy ra ba mươi năm rồi, và mọi người đều đã lãng quên.”

“Ồ, nếu có một câu chuyện thì chúng ta nhất định phải nghe,” Anne nói. “Hãy ngồi xuống ngay đây giữ an hưởng đóa thủy tiên và Diana sẽ kể chúng ta nghe, ôi, các cô gái, có hàng trăm đóa thủy tiên... chúng che phủ mọi thứ. Cứ như khu vườn được trải một lớp thảm làm từ ánh trắng và ánh mặt trời kết hợp lại. Đây là một khám phá đáng ghi nhớ. Nghĩ xem, tở sống cách nơi này chưa tới một dặm suốt

sáu năm trời mà chưa từng nhìn thấy nó lần nào! Giờ thì kể đi, Diana.”

“Lâu lắm rồi,” Diana bắt đầu, “tràng trai này thuộc về ông lão David Gray. Ông ấy không sống ở đây... mà sống ở nơi Silas Soane đang ở. Ông ấy có một đứa con trai tên là Jordan, một mùa đông nọ; anh ta đến Boston làm việc, và ở đó anh đem lòng yêu một cô gái tên Hester Murray. Cô ấy làm ở một cửa hàng và căm ghét công việc của mình. Cô lớn lên ở vùng quê và luôn muốn quay trở về đó. Khi Jordan cầu hôn, cô ấy nói sẽ đồng ý nếu anh chịu đưa cô tới một nơi nào yên tĩnh mà cô chỉ thấy toàn đồng ruộng và cây cối. Thế là anh ấy dẫn cô tới Avonlea. Bà Lynde nói anh ấy quá sức mạo hiểm khi cưới

một người Yankee, và rõ ràng là Hester khá yếu ớt và chẳng giỏi tề gia nội trợ, nhưng mẹ tớ nói cô ấy rất xinh đẹp và dịu dàng, Jordan tôn thờ cô ấy. À, ông Gray cho Jordan nông trại này, anh ấy xây một căn nhà nhỏ ở đây và sống cùng Hester ở đó suốt bốn năm. Cô ấy chẳng hay ra ngoài và hầu như chẳng có ai đến thăm ngoại trừ mẹ tớ và bà Lynde. Jordan làm khu vườn này cho cô ấy, cô ấy mê tít và dành phần lớn thời gian của mình cho nó. Cô ấy không giỏi nội trợ nhưng đặc biệt mát tay trồng hoa. Rồi sau đó cô ấy bị bệnh. Mẹ tớ cho rằng cô ấy bị lao phổi từ trước khi đến đây. Cô ấy chưa bao giờ thực sự nằm liệt giường mà chỉ mỗi ngày một yếu hơn. Jordan không nhờ bất cứ ai chăm sóc cô ấy. Anh

ấy tự làm mọi chuyện và mẹ nói rằng anh ấy dịu dàng chu đáo như một phụ nữ. Mỗi ngày anh ấy lại quấn cô trong tấm khăn choàng để đưa cô ấy ra vườn và cô ấy vui vẻ nằm ngả người trên một băng ghế. Nghe đồn cô ấy từng yêu cầu Jordan quỳ xuống bên cô mỗi sáng và mỗi tối, cùng cầu nguyện với cô để cô có thể nhắm mắt trong vườn khi thời điểm định mệnh ấy đến. Và lời cầu nguyện của cô đã được chấp thuận. Một ngày nọ, Jordan ẵm cô ra băng ghế, rồi hái tất cả hoa hồng vừa nở chất đầy trên người cô; và cô ấy mỉm cười với chồng... rồi nhắm mắt... và,” Diana khe khẽ kết luận, “đó là kết thúc.”

“Ôi, đúng là một câu chuyện cảm động,” Anne thở dài lau nước mắt.

“Chuyện gì xảy ra với Jordan?” Priscilla hỏi.

“Anh ấy bán nông trại sau khi Hester mất rồi quay lại Boston. Ông Jabez Sloane mua nông trại và chuyển căn nhà nhỏ ra sát mép đường. Jordan chết mười năm sau đó, anh ấy được đưa về nhà chôn cất bên cạnh Hester.”

“Tớ không hiểu nổi vì sao cô ấy lại muốn sống ở tí nơi này, cách xa mọi thứ,” Jane nói.

“Ồ, tớ có thể dễ dàng hiểu được lý do.” Anne trầm ngâm “Bản thân tớ thì không muốn mãi sống như vậy, bởi vì dẫu yêu đồng ruộng và cây cối, tớ cũng yêu con người nữa. Nhưng tớ có thể hiểu được quyết định của Hester. Cô ấy đã

chán tiếng ồn ào nơi thành phố lớn và đám người đông đúc hết đến rồi đi mà chẳng quan tâm gì đến mình. Cô ấy chỉ muốn thoát khỏi tất cả, đến một nơi yên tĩnh, xanh tươi và thân thiện để nghỉ ngơi. Và cô có được đúng điều mình mong muốn, chẳng mấy người được như thế đâu, tớ biết mà. Cô ấy có bốn năm tuyệt đẹp trước khi chết... bốn năm hạnh phúc hoàn hảo, nên tớ nghĩ rằng nên ghen tị chứ không nên thương hại cô ấy. Và rồi có thể nhắm mắt ngủ giữa những đóa hồng, với người chồng yêu nhất trên đời đang mỉm cười với mình... ồ, tớ cho rằng điều đó thật tuyệt!”

“Cô ấy trông những cây anh đào đang kia.” Diana nói. “Cô ấy nói với mẹ tớ rằng cô ấy sẽ chẳng sống đến khi chúng

kết quả, nhưng cô ấy muốn nghĩ rằng những thứ mình trông sẽ tiếp tục sống và tô điểm cho thế gian ngay cả sau khi cô ấy qua đời.”

“Tớ thật vui vì chúng ta đã đi lối này.” Anne mắt long lanh. “Hôm nay là ngày tớ được nhận nuôi, các cậu biết đấy, và khu vườn này và câu chuyện về nó là món quà sinh nhật dành cho tớ. Mẹ cậu có bao giờ nói với cậu Hester Gray trông thế nào không, Diana?”

“Không... chỉ nói là cô ấy xinh đẹp.”

“Tớ lại khá thích như vậy, vì tớ có thể tưởng tượng ra vẻ ngoài của cô ấy mà không bị sự thật cản trở. Tớ cho rằng cô ấy nhỏ con và rất mảnh dẻ, với mái tóc đen loăn xoăn mềm mại, đôi mắt to màu

nâu ngọt ngào dịu dàng và khuôn mặt nhỏ
nhọt nhạt đăm chiêu.”

Mấy cô gái để giỏ lại trong khu vườn
của Hester để đi lang thang trong rừng và
những cánh đồng bao quanh suốt buổi
chiều, phát hiện ra rất nhiều lối đi và góc
khuất lãng mạn. Khi đói bụng, bọn họ
ngồi ăn trưa ở nơi đẹp nhất... trên bờ dốc
của một dòng suối róc rách, nơi những
cây bạch dương trắng vươn lên khỏi lớp
cỏ mềm mại. Các cô gái ngồi lên rễ cây
và tận tình thưởng thức những món ăn
kiểu cách của Anne, ngay cả món bánh
mì kẹp chẳng chút thi vị cũng được ủng
hộ nhiệt tình bởi cơn đói sau khi thưởng
thức không khí trong lành và những
chuyến thám hiểm vất vả. Anne có mang
theo ly và nước chanh cho các vị khách

mời, còn phần cô chỉ uống nước suối mát lạnh trong chiếc cốc làm bằng vỏ cây bạch dương. Chiếc cốc bị rò, và nước có mùi đất ẩm, nước suối thường có mùi vị như vậy vào mùa xuân, nhưng Anne cảm thấy thứ thức uống đó hợp với hoàn cảnh hơn là món nước chanh.

“Này, các cậu có nhìn thấy bài thơ đó không?” cô đột nhiên chỉ tay ra.

“Ở đâu?” Jane và Diana dõi theo như hy vọng sẽ nhìn thấy những vần thơ chữ cổ ngoằn ngoèo trên những thân cây bạch dương.

“Ở kia... dưới dòng suối... nước luôn lách qua khúc gỗ mục đầy rêu xanh tạo thành gợn sóng mượt mà cứ như dùng lược để chải, và tia nắng cô đơn chiếu

xiên qua khúc gỗ sâu xuống lòng hồ. ôi, đó là bài thơ đẹp nhất mà tớ từng thấy.”

“Gọi nó là một bức tranh thì đúng hơn.” Jane thốt. “Một bài thơ thì phải có chữ và vần.”

“Ôi trời ơi, không phải.” Anne lúc lắc mái đầu cài vòng hoa anh đào dại mềm mại. “Chữ và vần chỉ là lớp áo bên ngoài một bài thơ, và chẳng thể nào nói diêm đăng ten và viền ren kia là cậu, Jane ạ. Bài thơ thực sự là linh hồn bên trong... và khúc gỗ mục đẹp đẽ kia chính là linh hồn của một bài thơ chưa được viết nên. Không phải ngày nào cũng có dịp nhìn thấy một linh hồn, dẫu đó là linh hồn của một bài thơ.”

“Tớ tự hỏi một linh hồn... linh hồn

của con người... sẽ trông thế nào,” Priscilla mơ màng.

“Tớ nghĩ giống như thế này này.” Anne chỉ vào một vệt nắng rực rỡ chiếu xuyên qua một cây bạch dương. “Đương nhiên là có hình dạng và màu sắc nữa. Tớ thích tưởng tượng linh hồn được tạo thành từ ánh sáng. Và một số thì nhìn xuyên qua được với những vệt loang màu hồng run rẩy... một số lấp lánh dịu dàng như ánh trăng trên biển... một số thì nhạt màu và trong suốt như sương mờ bình minh.”

“Tớ từng đọc ở đâu đó nói rằng linh hồn giống như hoa vậy,” Priscilla nói.

“Vậy thì linh hồn của cậu là một đóa thủy tiên vàng óng,” Anne nói, “còn của

Diana thì giống như một đóa hồng đỏ thắm. Jane là một đóa hoa táo màu hồng, trong trẻo và ngọt ngào.”

“Còn linh hồn của cậu là một đóa violet trắng, với những vệt tím gân trong nhụy,” Priscilla tiếp lời.

Jane thì thảo với Diana là cô thật chẳng hiểu hai người kia đang nói chuyện gì. Cô có thể hiểu được sao?

Các cô gái về nhà trong ánh chiều vàng óng bình yên, giỏ chát đầy những đóa thủy tiên từ vườn của Hester, ngày hôm sau Anne đem vài đóa đến nghĩa trang đặt lên mộ Hester. Những chú chim cổ đỏ hát rong đang huýt sáo trong vòm linh sam, những chú ếch đang đồng ca trên đầm lầy. Những chỗ trũng dọc theo

các ngọn đồi đều lấp lánh ánh sáng hoàng ngọc và lục ngọc.

“Ôi, chúng ta đã thực sự có một khoảng thời gian thú vị,” Diana nói cứ như cô chẳng trông đợi được như thế khi khởi hành.

“Hôm nay đúng là một ngày thực sự tuyệt vời,” Priscilla lên tiếng.

“Bản thân tớ cũng rất thích rừng cây,” Jane nói.

Anne chẳng nói gì. Cô dõi nhìn xa xăm vào bầu trời phía Tây và nghĩ tới Hester Gray bé nhỏ.

14. Tránh Khỏi Mọi Nguy

Một tối thứ Sáu nọ, Anne từ bưu điện về nhà thì gặp bà Lynde, bà vẫn đang bận túi bụi như thường lệ với việc vác tù và hàng tổng.

“Tôi vừa xuống nhà Timothy Cotton để xem có thể nhờ Alice Louise giúp vài ngày được không,” bà nói. “Tuần trước cô nàng tới giúp tôi, dẫu cô ta quá chậm chạp khó mà lo toan mọi chuyện nhưng có vẫn còn hơn không. Nhưng giờ cô ta bị ốm không đến được. Timothy cũng

ngồi thừ ở đó; ho hen và than thở. Ông ta đã hấp hối suốt mười năm trời và sẽ còn tiếp tục hấp hối thêm mười năm nữa. Loại người đó đến chết cũng không thể chết cho dứt khoát được... họ chẳng thể kiên nhẫn đến cùng với bất cứ việc gì, không thể bệnh cho thật lâu để cho chết quách đi. Các gia đình ấy lười biếng khùng khiếp, chuyện gì sẽ xảy đến với họ tôi chịu không biết được, nhưng có lẽ Chúa thì biết đấy.”

Bà Lynde thở dài cứ như nghi ngờ cả Chúa trời cũng phải bó tay.

“Hôm thứ Ba Marilla đi khám lại mắt, phải không? Bác sĩ chuyên khoa nói sao?” bà tiếp.

“Ông ta rất hài lòng,” Anne vui vẻ.

“ông ta nói mắt bác ấy tiên tri tốt và không còn nguy cơ bị mù hẳn nữa. Nhưng ông ta nói bác ấy không thể đọc sách nhiều hay thuê thùa may vá được. Bà chuẩn bị cho buổi bán hàng từ thiện sao rồi?”

Hội Từ thiện Phụ nữ đang chuẩn bị cho một hội chợ và bữa ăn tối, bà Lynde là người đứng đầu và đảm nhiệm việc giao tế cho hội.

“Khá ổn... và câu hỏi của cháu làm tôi nhớ ra một chuyện. Cô Allan nghĩ rằng sẽ thật hay nếu làm một gian hàng giống như nhà bếp thuở xưa và phục vụ một bữa ăn gồm đậu hầm, bánh rán vòng, bánh nhân thịt, vân vân. Chúng tôi đang thu thập những đồ dùng kiểu cũ từ mọi nơi. Bà Simon Fletcher sẽ cho chúng tôi

mượn tấm thảm bện của mẹ bà ấy, bà Levi Boulter vài ba chiếc ghế cũ và dì Mary Shaw một tủ ly cửa kính. Tôi cho rằng Marilla sẽ cho mượn giá nến bằng đồng chứ? Và chúng tôi cần càng nhiều chén đĩa kiểu cũ càng tốt. Cô Allan rất muốn có một cái đĩa sứ men xanh Trung Hoa nếu ta có thể tìm ra một cái. Nhưng dường như chẳng ai có cả. Cháu có biết chúng ta có thể kiếm được nó ở đâu không?”

“Cô Josephine Barry có một cái đó. Cháu sẽ viết thư hỏi mượn cô ấy,” Anne nói.

“Ừ, tôi cũng mong cháu làm thế. Chắc chúng ta sẽ tổ chức bữa ăn trong vòng nửa tháng tới. Bác Abe Andrew dự báo lúc ấy sẽ có mưa bão; và đó là dấu hiệu

khá chắc chắn rằng thời tiết hôm ấy sẽ tốt.”

Vị được mệnh danh là bác Abe có thể coi là một nhà tiên tri, ít nhất thì cũng như các nhà tiên tri khác, ông ta cũng có chút ít tiếng tăm ở quê nhà. Thực ra ông ta được coi là trò đùa sống của cả vùng vì chẳng có mấy lời dự báo thời tiết của ông ta thành hiện thực, ông Elisha Wright, người luôn hành xử cứ như mình là nhà thông thái địa phương, thường nói rằng chẳng ai ở Avonlea cần phải xem dự báo thời tiết hằng ngày trong báo Charlottetown. Không, họ chỉ cần hỏi bác Abe ngày mai trời thế nào và chờ đợi kết quả ngược lại. Không hề nản lòng, bác Abe vẫn tiếp tục tiên tri.

“Chúng ta muốn lo cho xong hội chợ

trước khi cuộc bầu cử bắt đầu,” bà Lynde tiếp, “Vì các ứng cử viên chắc chắn sẽ đến tiêu rất nhiều tiền. Đám Đảng Bảo thủ đút lót tứ tung, vậy ta nên cho họ một cơ hội tiêu tiền cho chính đáng, ít nhất là một lần.”

Anne là một ủng hộ viên tích cực của Đảng Bảo thủ vì trung thành với những ký ức về bác Matthew, nhưng cô chẳng nói gì. Cô biết đừng nên tạo cơ hội cho bà Lynde mở đài nói về chính trị.

Cô nhận được một lá thư gửi cho bà Marilla, dấu bưu điện từ một thị trấn ở British Columbia.

“Chắc là từ cậu của mấy đứa trẻ,” cô kêu lên hồi hộp khi về đến nhà. “ôi, bác Marilla, không hiểu ông ta sẽ nói gì nhỉ.”

“Tốt nhất là cứ mở thư ra coi đi,” bà Marilla cộc lốc. Quan sát kỹ càng thì sẽ phát hiện ra bà cũng khá hồi hộp, nhưng thà chết chứ bà chẳng bao giờ chịu thú nhận như vậy.

Anne xé thư ra, liếc nhanh qua nội dung được viết khá tháu và sai chính tả bên trong.

“Ông ta nói không đón mấy đứa trẻ vào mùa xuân này được... ông ta bị bệnh gần cả mùa đông và phải hoãn đám cưới, ông ta hỏi liệu chúng ta có thể giữ chúng đến mùa thu, khi ấy ông ta sẽ cố tới đón chúng. Đương nhiên chúng ta sẽ làm vậy, phải không bác Marilla?”

“Ta cũng thấy chúng ta chẳng còn cách nào khác,” bà Marilla khô khan đáp

lời, dẫu bà cảm thấy có phần nhẹ nhõm. “Dù sao thì bọn trẻ không còn gây chuyện nhiều như trước nữa... hay là chúng ta đã quen với bọn chúng không biết. Davy đã tiến bộ rất nhiều.”

“Riêng về cách cư xử thì thằng bé rõ ràng đã khá hơn,” Anne dè dặt, cứ như cô không dám chắc về đạo đức của thằng bé.

Tối qua Anne từ trường về nhà, thấy bà Marilla đã đi họp Hội Từ thiện, Dora ngủ trên ghế xô pha trong bếp, Davy trong tủ phòng ăn, đang đê mê thưởng thức lọ mứt mật vàng ngon nổi danh của bà Marilla... “Mứt dành cho khách,” Davy gọi như vậy... mà nó bị cấm không cho động tới. Nó lộ vẻ biết lỗi khi Anne xông tới kéo nó ra khỏi tủ.

“Davy Keith, cháu không biết ăn món mứt đó là rất hư sao, nhất là khi cháu đã được dặn dò không được động vào bất cứ thứ gì trong cái tủ đó?”

“Vâng, cháu biết là sai,” Davy lúng túng thú nhận, “nhưng mứt mận ngon khủng khiếp, cô Anne à. Cháu chỉ thò đầu nhìn một chút, nhưng trông nó ngon quá nên cháu định ném một tí xíu xiu thôi. Cháu thò một ngón tay vào...” Anne rên rỉ... “rồi liếm sạch. Và nó còn ngon hơn cháu tưởng tượng gấp nhiều lần, nên cháu lấy một cái thìa và bắt đầu đánh chén.”

Anne giảng cho Davy một bài dằn dặc về tội ăn vụng mứt mận đến mức lương tâm nó bắt đầu cắn rứt và nó liên tục hôn cô về hối hận, hứa là sẽ không

bao giờ lặp lại nữa.

“Dù sao thì trên thiên đường sẽ có rất nhiều mút, cũng an ủi được đôi chút,” nó cười mãn nguyện.

Anne cố nén nụ cười.

“Có lẽ thế... nếu chúng ta muốn vậy,” cô nói, “nhưng vì sao cháu lại nghĩ vậy?”

“Ồ, trong giáo lý có viết thế mà,” Davy đáp.

“Ồ không, trong giáo lý không hề có nội dung như vậy, Davy ạ.”

“Nhưng cháu nói là có mà,” Davy khẳng định. “Trong câu hỏi bà Marilla dạy cháu Chủ nhật tuần trước. 'Vì sao chúng ta yêu kính Chúa?' Câu trả lời là,

'Bởi vì Ngài làm bảo quản và cứu rỗi chúng ta.' Bảo quản là một cách gọi cao xa của mút mà."

"Cô phải đi uống một ly nước đã," Anne vội nói. Khi quay lại, cô tốn không ít thời gian và công sức giải thích cho Davy rằng một dấu phẩy sẽ làm thay đổi nghĩa trong đoạn giáo lý trên rất nhiều.

"Ôi, cháu cũng nghĩ là đâu dễ có mút ăn thế," cuối cùng nó thở dài vẻ thất vọng. "Hơn nữa, cháu chẳng biết Ngài tìm đâu ra thời gian để làm mút nếu trên thiên đường lúc nào cũng là một ngày Chủ nhật dài vô tận, như trong Thánh ca. Cháu không muốn lên thiên đường. Chẳng lẽ trên thiên đường không có ngày thứ Bảy sao, cô Anne?"

“Có chứ, thứ Bảy và đủ loại ngày tươi đẹp khác nữa. Và mỗi ngày trên thiên đường lại đẹp hơn ngày trước đó, Davy ạ,” Anne trấn an, mừng vì bà Marilla không có ở đó; nếu không bà sẽ bị sốc mất. Khởi nói, bà Marilla dạy dỗ hai đứa song sinh theo kiểu cũ trong Kinh thánh và không khuyến khích bất cứ mơ mộng hão huyền nào. Mỗi Chủ nhật, Davy và Dora lại được dạy một bài thánh ca, một câu hỏi giáo lý và hai tiết Kinh thánh. Dora ngoan ngoãn học thuộc và đọc lại như máy, có lẽ cũng với độ thấu hiểu và hứng thú của một cái máy. Ngược lại, Davy có trí tò mò sâu sắc, thường xuyên đặt những câu hỏi khiến bà Marilla run sợ cho số phận của nó sau này.

“Chester Sloane nói trên thiên đường chúng ta chẳng làm gì cả mà chỉ mặc váy trắng đi vòng vòng và chơi đàn hạc, nó còn nói nó hy vọng đến lúc già mới phải lên đó, may ra tới lúc ấy nó sẽ thích thiên đường hơn. Và nó cho rằng mặc váy thật tởm, cháu cũng nghĩ thế. Vì sao thiên thần nam không thể mặc quần hả cô Anne? Chester Sloane quan tâm đến những chuyện đó vì gia đình nó muốn nó thành mục sư. Nó phải trở thành mục sư vì bà nội nó để lại tiền cho nó học đại học, nhưng nó không thể lấy số tiền đó trừ phi trở thành mục sư. Bà nó cho rằng mục sư sẽ mang lại danh giá cho gia đình. Chester nói nó cũng chẳng phiền gì... dù nó thích làm thợ rèn hơn... nhưng nó nhất định sẽ chơi cho thỏa thích trước

khi bắt đầu làm mục sư, vì sau khi làm mục sư thì chẳng còn gì vui vẻ nữa. Cháu sẽ không làm mục sư đâu. Cháu muốn làm chủ cửa hàng, như ông Blair, và có hàng đồng kẹo với cả chuối. Nhưng cháu khá thích đi đến thiên đường kiểu cô miêu tả, nếu họ cho cháu chơi kèn thay vì đàn hạc. Cô nghĩ họ có đồng ý không?”

“Ừ, cô nghĩ nếu cháu muốn thì họ sẽ cho phép,” Anne chỉ nói được đến thế.

Tối hôm đó Hội cải tạo Làng Avonlea họp ở nhà ông Harmon Andrew và yêu cầu mọi thành viên phải có mặt, vì họ phải thảo luận một chuyện quan trọng. Hội đang phát triển và đạt được những thành tích vang dội. Hội đầu xuân, ông Major Spencer đã thực hiện lời hứa của mình, đào gốc cây, san đất và gieo hạt cỏ

ở lề đường phía trước nông trại. Hàng chục người khác, một số quyết tâm không để một người nào nhà Spencer giành lấy hết vinh quang, một số bị các cải tiến viên trong nhà thuyết phục, đã học theo ông ta. Kết quả là có một dải cỏ nhưng mịn ven đường nơi trước đây chỉ là những bụi cây hay cỏ dại xấu xí. Những nông trại không làm như vậy ở phía trước nhìn xấu hơn hẳn, khiến cho chủ nhân của chúng cảm thấy thậm xấu hổ và quyết tâm sẽ làm thử vào mùa xuân tới. Mảnh đất tam giác ở ngã ba đã được dọn sạch và gieo hạt xong xuôi, luống hoa phong lữ của Anne được gậy dựng ở giữa mà không bị con bò tham ăn nào tàn phá.

Tóm lại, các cải tiến viên cho rằng họ

đang đi đúng hướng, đầu khi một ủy ban được lựa chọn cẩn thận của bọn họ đến tiếp xúc với ông Levi Boulter về việc ngôi nhà cũ ở nông trại phía trên, ông ta đã lỗ mãng bảo không muốn ai động vào nhà ông ta hết.

Vào buổi họp đặc biệt hôm nay, bọn họ định sẽ viết đơn thỉnh nguyện cho ủy ban trường học xin xây một hàng rào quanh vườn trường, và thảo luận kế hoạch trồng vài ba cây cảnh bên cạnh nhà thờ nếu quỹ hội cho phép... bởi vì, như Anne nói, khi tòa thị chính vẫn còn được sơn xanh dương thì đừng hòng xin thêm được một đồng quyền góp nào. Các thành viên đang tụ tập trong phòng khách nhà Andrews và Jane vừa đứng dậy chuẩn bị đề cử một ủy ban có trách

nhiệm tìm hiểu và báo cáo giá cả của cây cảnh thì Gertie Pye xông vào, tóc chải bóng bẩy và ăn mặc diện đến tận răng. Gertie có thói quen đến trễ... “đề gây ấn tượng đấy mà,” những người ác ý gièm pha. Lần này cô nàng quả thật đã gây ấn tượng, bởi cô nàng làm điệu làm bộ dừng lại giữa phòng, giơ tay lên trời, đảo mắt rồi kêu lên, “Tớ vừa nghe một chuyện thực sự khủng khiếp. Các cậu biết gì không? Judson Parker sẽ cho thuê toàn bộ hàng rào nhìn ra đường cái của nông trại anh ta để cho một công ty sáng chế thuốc sơn biển quảng cáo.”

Lần đầu tiên trong đời, Gertie Pye khiến mọi người chấn động như mình muốn. Dầu có quăng bom thẳng vào các Cải tiến viên đang tự mãn, cô cũng chẳng

làm họ sống sờ hơn thế này.

“Điều đó không thể là sự thật,” Anne ngân ngời.

“Tớ cũng nói y hệt như thế khi vừa nghe tin, cậu không biết sao,” Gertie nói với vẻ hết sức đắc ý. “Tớ nói điều đó không thể là sự thật... rằng Judson Parker không đời nào nữ làm như thế, cậu không biết sao. Nhưng hồi trưa nay ba tớ gặp anh ta hỏi về việc đó và anh ta đã khẳng định như vậy. Cứ tưởng tượng thử xem! Nông trại của anh ta nằm ngay đường Newbridge, và nó sẽ trông khủng khiếp thế nào nếu được sơn đầy quảng cáo thuốc uống và thuốc cao, các cậu không biết sao?”

Các Cải tiến viên thực sự biết rõ, rất

rõ là đẳng khác. Ngay cả người kém sức tưởng tượng nhất cũng có thể hình dung cái hình ảnh kinh tởm là hàng rào gỗ dài nửa dặm được tô điểm toàn những loại quảng cáo kê trên. Mọi suy nghĩ về nhà thờ và sân trường đều biến mất trước mối nguy mới này. Luật dân chủ và các quy tắc đều bị bỏ quên, và Anne đã bó tay không thể tiếp tục ghi chép biên bản vì tuyệt vọng. Mọi người nhao nhao lên náo loạn không thể chịu nổi.

“Ôi, hãy bình tĩnh,” Anne van nài dẫu là người xúc động nhất trong bọn, “ráng nghĩ thử xem có cách nào ngăn anh ta lại hay không.”

“Tớ không biết cậu có thể làm sao để ngăn anh ta lại,” Jane kêu lên chua chát. “Ai cũng biết Judson Parker là hạng

người gì. Anh ta sẵn sàng làm mọi thứ vì tiền. Anh ta chả có chút xíu tinh thần cộng đồng hay tí tẹo khiếu thẩm mỹ nào.”

Tình hình có vẻ không mấy tươi sáng. Judson Parker và chị gái anh ta là những người họ Parker duy nhất ở Avonlea, nên không thể nhờ người trong nhà khuyên ngăn được. Martha Parker là một quý bà đã đứng tuổi, bà ta phản đối đám thanh niên nói chung và các Cải tiến viên nói riêng. Judson là một người vui vẻ dẻo miệng, luôn tươi cười và ôn tồn đến mức thật đáng ngạc nhiên là anh ta có quá ít bạn. Có lẽ anh ta đã chiếm phần hơn trong quá nhiều vụ làm ăn... điều khiến sự mền mọ dành cho anh ta giảm đáng kể. Anh ta nổi tiếng là “ma mãnh” và mọi người cho rằng anh ta “chẳng có nguyên

tắc.”

“Nếu Judson Parker có cơ hội 'làm ăn lương thiện', như anh ta vẫn ra rả, anh ta sẽ không bao giờ buông tay đâu,” Fred Wright tuyên bố.

“Không ai có thể tác động đến anh ta à?” Anne tuyệt vọng.

“Anh ta tán tỉnh Louisa Spencer ở White Sands,” Carrie Sloane đề xuất. “Có lẽ cô ta có thể khuyên anh ta đừng cho thuê hàng rào.”

“Không đời nào,” Gilbert nhấn mạnh. “Tôi biết rõ Louisa Spencer. Cô ta không 'tin' vào các Hội cải tạo Làng quê, mà chỉ tin vào tiền mà thôi. Cô ta có khi còn khuyến khích Judson không chùng chừ đời nào mà khuyên anh ta.”

“Chỉ còn cách bổ nhiệm một ủy ban đến gặp anh ta để phản đối,” Julia Bell nói, “Và ta phải chọn các cô gái, bởi vì anh ta chẳng tử tế gì với đám con trai đâu... nhưng tớ sẽ không đi, nên đừng ai đề cử tớ.”

“Tốt nhất là cho Anne đi một mình,” Oliver Sloane nói. “Nếu có ai thuyết phục được Judson thì đó là cậu ấy.”

Anne phản đối. Cô sẵn sàng đi thuyết phục anh ta, nhưng phải có ai khác đi theo để “ủng hộ tinh thần.” Do vậy, Diana và Jane được chỉ định đi ủng hộ cô, và các Cải tiến viên giải tán, phần nộ như ong vỡ tổ. Anne quá lo lắng đến mức gần sáng mới chợp mắt được, rồi cô mơ thấy ủy ban trường học đặt hàng rào quanh trường, trên đó sơn kín dòng chữ:

“Hãy dùng thử thuốc tím.”

Chiều hôm sau ủy ban cải tiến đến gặp Judson Parker. Anne van vủ anh ta với những lý lẽ hùng hồn chống lại ý định cho thuê đáng kinh tởm, Jane và Diana dũng cảm đứng bên ủng hộ tinh thần cho cô. Judson ăn nói khéo léo ngọt xớt, khen ngợi bọn họ dịu dàng như hoa hướng dương, cảm thấy thật khó xử khi từ chối các quý cô yêu kiều như vậy... nhưng làm ăn là làm ăn, không thể để tình cảm xen vào thời buổi khó khăn thế này được.

“Nhưng tôi sẽ làm thế này này,” anh ta nói, đôi mắt to màu nhạt lấp lánh. “Tôi sẽ bảo người đại diện chỉ được dùng các màu đẹp dễ ngon mắt... đỏ, vàng, vân vân. Tôi sẽ bảo ông ta không được phép

sơn màu xanh dương với bất cứ giá nào.”

Ủy ban cải tiến âm thầm rút lui, trong đầu suy nghĩ những điều quá kinh khủng không thể nói ra miệng.

“Chúng ta đã làm hết sức và giờ thì chỉ tùy ý trời thôi,” Jane nói, bất giác bắt chước giọng điệu và thái độ của bà Lynde.

“Tớ tự hỏi ông Allan có làm gì được không,” Diana trầm ngâm.

Anne lắc đầu.

“Không, làm phiền ông Allan cũng vô ích thôi, nhất là hiện giờ con ông ấy đang bệnh như thế. Judson sẽ tuột ra khỏi tay ông ấy trơn tru như với chúng ta thôi, dẫu hiện giờ anh ta bắt đầu đi nhà thờ khá

thường xuyên. Đó chỉ vì cha của Louisa Spencer đã lớn tuổi và rất khó tính về những chuyện như thế.”

“Judson Parker là người duy nhất ở Avonlea dám nghĩ đến chuyện cho thuê hàng rào,” Jane cảm phẫn. “Ngay cả Levi Boulter hay Lorenzo White cũng chẳng đến mức tệ hại như vậy, dầu họ khá là keo kiệt tính toán. Họ rất để ý đến công luận.”

Công luận đương nhiên đã ném đá vào Judson Parker khi mọi người biết chuyện, nhưng cũng chẳng giải quyết được gì. Judson cười thầm và bất chấp tất, trong cuộc họp kế tiếp, khi các cải tiến viên đang cố gắng cam chịu viễn cảnh phần đẹp nhất của đường Newbridge sẽ bị dán đầy quảng cáo thì

Anne lặng lẽ đứng dậy lúc hội trưởng đề nghị các ủy ban báo cáo, cô tuyên bố rằng Judson Parker đã nhờ cô báo cho hội rằng anh ta sẽ không cho công ty sáng chế thuốc thuê hàng rào nữa.

Jane và Diana sửng sờ như không tin vào tai mình. Quy tắc dân chủ được các cải tiến viên nghiêm ngặt tuân thủ không cho phép họ nhao nhao đặt câu hỏi để thỏa mãn trí tò mò; nhưng sau khi cuộc họp kết thúc, Anne bị vây lấy đòi giải thích. Anne chẳng có gì để giải thích. Judson Parker đuổi kịp cô trên đường chiều hôm trước, nói rằng anh ta đã quyết định chiều theo cái ý kiến kỳ lạ của Hội cải tạo đối với các quảng cáo. Lúc đó và cả về sau nữa, câu trả lời của Anne chỉ có vậy thôi và đó cũng là sự

thật. Nhưng trên đường về nhà, Jane Andrews thú thật với Oliver Sloane rằng cô tin chắc có gì đó nằm sau sự thay đổi bí ẩn của Judson Parker nhiều hơn những gì Anne Shirley tiết lộ, và cô cũng đã nói sự thật.

Chiều hôm trước, Anne đi xuống nhà bà già Irving theo đường ven biển rồi về nhà bằng con đường tắt dẫn qua cánh đồng thấp ven biển, xuyên qua khu rừng sồi dưới nhà của Robert Dickson, men theo một lối mòn dẫn ra đường chính ngay phía trên hồ Lập Lánh... mà những người không giàu óc tưởng tượng gọi là hồ Barry.

Có hai người đang ngồi trên xe ngựa ghìm cương tấp vào lề đường, ngay trước lối ra của con đường tắt. Một là

Judson Parker; người kia là Jerry Corcoran, một người sống ở Newbridge mà chưa ai chứng tỏ được là ông ta có hành vi mờ ám nào, bà Lynde sẽ nhấn mạnh một cách hùng hồn như vậy. Ông ta là đại diện bán công cụ nông nghiệp và là một nhân vật nổi bật trong các vấn đề chính trị. Ông ta luôn nhúng tay... một số người nói là nhúng cả hai tay... vào mọi miếng bánh chính trị, và vì sắp có tổng tuyển cử ở Canada, Jerry Corcoran bận bịu suốt mấy tuần liền đi vận động khắp hạt cho các ứng cử viên đảng ông ta. Anne vừa bước ra khỏi lùm cây sồi um tùm thì nghe thấy Corcoran nói,

“Parker, nếu cậu bầu cho Amesbury... ừm, tôi sẽ tặng không cặp bừa cậu vừa mua vào mùa xuân. Tôi cho rằng cậu

không phản đối lấy lại tiền chứ, thế nào?”

“Àà..., nếu ông đã nói thế,” Judson dài giọng cười nhăn nhở, “tôi nghĩ là tôi sẽ làm thế. Phải biết tự bảo vệ lợi ích riêng trong thời buổi nhiễu như này.”

Cả hai chợt nhìn thấy Anne và cuộc nói chuyện đột ngột gián đoạn. Anne lãnh đạm cúi chào rồi bước tiếp, cảm hơi hắt lên so với bình thường. Chẳng mấy chốc Judson Parker đã đuổi kịp cô.

“Cần đi nhờ không, Anne?” anh ta ân cần.

“Không, cảm ơn,” Anne lịch sự đáp, giọng khinh khỉnh sắc như dao đủ để đâm xuyên qua lương tâm chẳng mấy chốc cảm của Judson Parker. Mặt anh ta đỏ

bừng lên, tay vịn vẹo dây cương một cách giận dữ; nhưng ngay sau đó, sự cân nhắc cẩn trọng quay lại với anh ta. Anh ta lo lắng nhìn Anne đang thoăn thoắt bước đi, mặt hướng thẳng về phía trước. Liệu cô có nghe thấy lời đề nghị trắng trợn của Corcoran và lời đồng ý rõ ràng của anh ta không? Corcoran chết tiệt! Nếu anh ta không nói năng cân nhắc, sớm muộn gì anh ta cũng sẽ gặp rắc rối to. Lũ giáo làng chết tiệt tóc đỏ quạch với thói quen nhảy bô từ rừng sồi ra nơi mình chẳng có phận sự gì. Nếu Anne đã nghe thấy, Judson Parker lấy dạ tiểu nhân đo lòng quân tử như lời xưa từng nói, rồi tự lừa dối mình như hạng tiểu nhân thường làm, tin chắc Anne sẽ bêu riếu chuyện đó khắp nơi. Judson Parker vốn không quá

quan tâm đến dư luận, nhưng chuyện nhận hối lộ nếu bị lộ ra thì thật chẳng khác gì một vố đięng người; và nếu bằng cách nào đó Isaac Spencer biết được chuyện này, anh ta chỉ có nước vĩnh biệt hy vọng cưới được Louisa Jane với triển vọng thừa kế một nông trại sung túc. Judson Parker biết hiện giờ ông già Spencer cũng chẳng mấy đánh giá cao mình, anh ta không thể mạo hiểm được.

“Hừm... Anne, tôi đang định gặp cô về chút chuyện nhỏ chúng ta vừa thảo luận hôm trước. Tôi đã quyết định không cho thuê hàng rào nữa. Một hội với mục đích cao cả như các cô cần được ủng hộ.”

Anne dụi xuống một chút bé xiu gần như không nhận ra được.

“Cảm ơn,” cô nói.

“Và... và... cô không cần đề cập với ai về cuộc trò chuyện giữa tôi và Jerry.”

“Tôi không hề định đề cập chuyện này trong bất cứ trường hợp nào,” Anne lạnh lùng đáp, vì cô thà để mọi hàng rào của Avonlea bị sơn quảng cáo còn hơn là khom lưng mặc cả với một kẻ đi bán phiếu bầu.

“Chính thế... chính thế,” Judson đồng ý, tưởng lầm rằng cả hai đều hiểu ý nhau. “Tôi cũng không cho là cô sẽ làm vậy. Đương nhiên là tôi chỉ lừa Jerry thôi... hẳn cứ tưởng hẳn thông thái tháo vát lắm. Tôi không hề có ý định bầu cho Amesbury. Tôi sẽ bầu cho Grant như vẫn làm trước giờ... cô sẽ biết khi có kết quả

bầu cử. Tôi chỉ dẫn dụ Jerry để xem hẳn định đi đến đâu. Và đừng lo về vụ hàng rào... cô có thể báo với các cải tiến viên như thế.”

“Phải có đủ loại người từ thượng vàng đến hạ cám mới tạo nên được thế giới này, mình thường nghe nói vậy, nhưng mình nghĩ một số loại không có còn tốt hơn,” tối hôm đó Anne nói với bóng mình trong gương ở chái Đông. “Dù sao thì mình cũng sẽ không bao giờ nói cái chuyện đáng xấu hổ này cho bất cứ ai, do vậy lương tâm mình hoàn toàn trong sạch về vụ đó. Mình thật không biết phải cảm ơn ai hay cái gì cho kết quả này. Mình chẳng hề nhúng tay chút nào, và thật khó tin rằng Chúa trời làm việc theo cách giống như những trò chính trị

mà Judson Parker và Jerry Corcoran hay chơi.”

15. Kỳ Nghỉ Bắt Đầu

Một buổi chiều vàng yên tĩnh, Anne khóa cửa trường học khi gió âu yếm vuốt ve hàng vân sam quanh sân chơi và những bóng cây lười biếng ngả dài ven rừng. Cô đút chìa khóa vào túi rồi thở dài sung sướng. Năm học đã kết thúc, và cô được nhận tiếp tục dạy cho năm sau, với nhiều lời khen ngợi hài lòng... chỉ có ông Harmon Andrews nói là cô nên dùng roi da thường xuyên hơn... và hai tháng nghỉ hè thú vị xứng đáng đang vẫy gọi cô. Cô cảm thấy bản thân mình và cả thế

giới đều bình yên khi đi dọc xuống đồi, tay cầm một giỏ hoa. Từ khi những bông hoa tháng Năm sớm nhất bùng nở, Anne chưa hề bỏ lỡ chuyến viếng thăm hằng tuần đến mộ của Matthew. Mọi người ở Avonlea, trừ bà Marilla, đã quên đi ông Matthew Cuthbert lặng lẽ, nhút nhát và tầm thường, nhưng hình bóng ông vẫn còn rất rõ rệt trong tim Anne, và sẽ luôn luôn ghi khắc nơi đó. Cô không thể nào quên được ông già tốt bụng là người đầu tiên cho cô tình yêu và sự cảm thông mà thời thơ ấu thiếu thốn của cô luôn khao khát.

Ở dưới chân đồi, một cậu bé đang ngồi trên hàng rào dưới bóng cây vân sam... một cậu bé với cặp mắt to mơ màng và khuôn mặt đẹp trai nhạy cảm.

Cậu nhảy xuống chạy lại gần Anne, mỉm cười nhưng má vẫn còn vương lệ.

“Em định đợi cô, cô giáo, vì em biết cô sẽ đến nghĩa trang,” cậu nói, luồn tay vào tay cô. “Em cũng đến đó... Em sẽ đặt bó hoa phong lữ này lên mộ của ông nội Irving thay cho bà nội. Và nhìn này, cô giáo, em sẽ đặt bó hoa hồng trắng này bên cạnh mộ của ông để tưởng nhớ đến người mẹ nhỏ bé của em... bởi vì em không thể đi đặt nó lên mộ mẹ. Nhưng cô có nghĩ rằng mẹ cũng sẽ biết hay không?”

“Ừ, cô chắc là mẹ em sẽ biết, Paul ạ.”

“Cô thấy đấy, cô giáo, hôm nay là ba năm kể từ ngày mẹ em mất. Thời gian đã lâu, lâu lắm rồi nhưng cảm giác vẫn đau đớn như thuở nào... và em vẫn nhớ mẹ

nhiều như thuở nào. Đôi lúc em tưởng như mình không chịu đựng nổi, thật là đau đớn quá.”

Giọng Paul nghẹn lại và môi cậu run rẩy. Cậu nhìn xuống bó hồng, hy vọng cô giáo sẽ không để ý thấy nước mắt trong mắt cậu.

“Ấy thế nhưng,” Anne dịu dàng, “em lại không muốn nỗi đau ấy ngừng lại... em không muốn quên mẹ em, ngay khi em có thể quên.”

“Không, quả thực em không muốn... đó chính là điều em cảm thấy. Cô thật thấu hiểu em, cô giáo ạ. Chẳng ai hiểu em như vậy... ngay cả bà nội, dẫu bà đối xử rất tốt với em. Ba em cũng hiểu, nhưng em chẳng thể nói nhiều với ba về

mẹ, vì điều đó làm ba rất đau. Khi ba lấy tay che mặt, em luôn biết đó là lúc nên dừng lại. Ba đáng thương, ba nhất định là vô cùng cô đơn khi không có em, nhưng cô thấy đây, giờ thì ba chỉ có một bà quản gia thôi, mà ba cho rằng quản gia thì không thể nuôi dạy một cậu bé nên người, nhất là khi ba phải vắng nhà thường xuyên vì công việc làm ăn. Bà thì tốt hơn, chỉ kém mẹ thôi. Một ngày nào đó, khi lớn lên rồi, em sẽ quay về với ba và hai ba con sẽ không bao giờ chia ly nữa.”

Paul đã kể với Anne rất nhiều về ba mẹ cậu đến mức cô cảm thấy như mình quen biết họ. Cô nghĩ mẹ cậu bé nhất định rất giống cậu, cả tính cách và khí chất, và cô cho rằng Stephen Irving là

một người khá khép kín với bản tính sâu sắc và dịu dàng mà ông luôn giấu kín trước người ngoài.

“Ba không dễ thân cận đâu,” Paul từng kể. “Em chưa từng thực sự thân thiết với ba, cho đến khi mẹ em mất. Nhưng ba thật tuyệt vời một khi cô đã hiểu ông. Em yêu ba nhất trên đời, bà Irving kế tiếp, sau đó là cô, cô giáo ạ. Em sẽ yêu cô ngay sau ba, nếu em không có trách nhiệm phải yêu bà nội Irving nhiều nhất, bởi vì bà đã làm rất nhiều việc cho em. Cô biết mà, cô giáo. Dù sao thì em vẫn ước bà cho em để đèn trong phòng cho đến khi em ngủ hẳn. Bà đem đèn ra ngoài ngay sau khi đắp chăn cho em, vì bà nói rằng em không thể nhất gan như vậy. Em không sợ, nhưng em thích có ánh sáng

hơn. Người mẹ bé nhỏ của em luôn ngồi bên cạnh cầm tay em cho đến khi em ngủ. Em nghĩ mẹ chiều em đến hư. Thỉnh thoảng các bà mẹ thường vậy, cô biết mà.”

Không, Anne không biết điều đó, đâu cô có thể tưởng tượng ra được. Cô buồn bã nghĩ tới “người mẹ nhỏ bé” của cô, người nghĩ cô “hoàn toàn xinh đẹp”, đã qua đời từ lâu và được chôn cất bên cạnh người chồng trẻ măng của mình trong một ngôi mộ không người thăm dọn ở xa rất xa. Anne không thể nhớ ra khuôn mặt của mẹ, vì vậy cô gần như ghen tị với Paul.

“Sinh nhật em vào tuần tới,” Paul nói khi họ leo lên con đồi đất đỏ tẩm mình dưới ánh mặt trời tháng Sáu, “Và ba viết

thư nói sẽ gửi cho em thứ gì đó mà em thích nhất, hơn bất cứ món quà nào khác mà ba có thể gửi. Em tin là món quà đã đến nơi, vì bà khóa chặt ngăn kéo tủ sách, và đó là chuyện lạ. Khi em hỏi vì sao thì bà lộ vẻ bí mật mà nói rằng các cậu bé không nên quá tò mò. Được tổ chức sinh nhật thật là thích cô nhỉ? Em sẽ được mười một tuổi. Nhìn em cô cũng không ngờ, phải không cô? Bà nói em trông nhỏ con quá so với tuổi và tất cả là do em không ăn đủ lượng cháo cần thiết. Em cố hết sức nhưng bà múc đầy quá... Bà không hề keo kiệt đâu, em đảm bảo với cô là vậy. Kể từ cái hôm từ lớp học Chủ nhật về nhà, cô và em trò chuyện về việc cầu nguyện, cô giáo ạ... khi cô nói chúng ta nên cầu nguyện về mọi khó khăn

của chúng ta... mỗi đêm em đều cầu Chúa ban ơn để em đủ sức ăn sạch cháo vào bữa sáng. Nhưng em chưa hề làm được điều đó, và em thực sự không biết đó là vì em nhận được quá ít ân phúc hay vì cháo quá nhiều. Bà nói ba em lớn lên nhờ món cháo, và trong trường hợp của ba em thì cháo đã có tác dụng tốt, cô cứ nhìn bờ vai vạm vỡ của ba em là thấy. Nhưng có lúc,” Paul kết luận với tiếng thở dài về trầm tư, “em thật sự tin rằng cháo sẽ làm em chết mất.”

Anne cho phép mình mỉm cười, vì Paul không nhìn cô. Cả Avonlea biết bà già Irving nuôi dạy cậu cháu trai theo chế độ ăn uống và đạo đức lỗi thời.

“Hãy hy vọng không đến nỗi vậy, bé cưng,” cô vui vẻ. “Những người bạn ở

vách đá của em sao rồi? Cậu anh thủy thủ vẫn cư xử đàng hoàng chứ?”

“Cậu ta phải như vậy,” Paul nhấn mạnh. “Cậu ta biết em sẽ không chơi với cậu ta nếu cậu ta hư. Em nghĩ cậu ta rất đáng gờm.”

“Và Nora đã biết về Cô Gái Vàng chưa?”

“Chưa, nhưng em nghĩ cô ấy có nghi ngờ. Em gần như chắc rằng cô ấy theo dõi em lần gân đây nhất khi em chui vào hang. Em không ngại nếu cô ấy tìm ra... chỉ vì cô ấy mà em không muốn cô ấy biết thôi... để cô ấy khỏi đau lòng. Nhưng nếu cô ấy quyết tâm bị đau lòng thì chẳng còn cách nào.”

“Nếu cô ra bãi biển cùng với em một

tôi nào đó, em nghĩ cô có thể gặp những người bạn đá của em không?”

Paul nghiêm túc lắc đầu.

“Không, em không nghĩ cô có thể nhìn thấy những người bạn đá của em. Em là người duy nhất có thể nhìn thấy họ. Nhưng cô có thể nhìn thấy những người bạn đá của cô. Cô là kiểu người có thể nhìn thấy họ. Chúng ta cùng một típ người mà. Cô biết đấy, cô giáo,” cậu nói thêm, siết chặt tay cô một cách thân thiết. “Là típ người đó thì thật là tuyệt, phải không cô?”

“Rất tuyệt,” Anne đồng ý, đôi mắt xám lấp lánh nhìn xuống đôi mắt xanh lơ lấp lánh. Anne và Paul đều biết

“Vùng đất tươi đẹp,

Nơi trí tưởng tượng mở lối,”

và cả hai đều biết cách đi tới vùng đất hạnh phúc ấy. Những đóa hồng của niềm vui vĩnh viễn nở rộ trong thung lũng và bên dòng suối, mây không bao giờ che bóng bầu trời nắng đẹp, tiếng chuông ngọt ngào không bao giờ lạc nhịp và tri âm tri kỷ đâu đâu cũng có. Hiểu biết về vị trí của vùng đất ấy... “phía Đông mặt trời, phía Tây mặt trăng”... là truyền thuyết vô giá, không bán ở bất cứ khu chợ nào. Đó chắc phải là món quà của bà tiên thiện khi ta vừa mới sinh ra, và năm tháng chẳng thể nào làm phai nhòa hay mang nó đi mất. Thà có nó mà sống trong một túp lều tranh còn hơn sống trong lâu đài mà chẳng có nó.

Nghĩa trang Avonlea là một nơi yên ả

cỏ mọc xanh um như xưa nay vẫn thế. Đương nhiên, các cải tiến viên đã chú ý đến nó và Priscilla Grant đã đọc một bản tham luận về các nghĩa trang trước buổi họp mới đây của Hội. Trong tương lai gần, các cải tiến viên định sẽ thay hàng rào gỗ nghiêng ngả bám đầy địa y bằng dây kẽm gai gọn gàng, cắt ngắn cỏ và dựng thẳng lại các bia mộ.

Anne đặt hoa lên mộ Matthew rồi đi đến góc nhỏ dưới bóng cây dương nơi Hester Gray yên nghỉ. Kể từ ngày xuân đã ngoài hôm ấy, Anne bắt đầu đặt hoa lên mộ Hester mỗi lần cô đến thăm Matthew. Chiều hôm trước, cô đã làm một cuộc hành hương trở lại khu vườn nhỏ bỏ hoang trong rừng và hái vài đóa hồng trắng của Hester đem đến đây.

“Em nghĩ chị sẽ thích chúng hơn bất cứ loại hoa nào khác, chị yêu quý,” cô dịu dàng nói.

Anne vẫn còn ngồi đó cho đến khi một bóng người phủ lên cỏ, cô nhìn lên và thấy cô Allan. Họ cùng quay về nhà.

Khuôn mặt cô Allan không còn là khuôn mặt của cô dâu trẻ mà mục sư đưa đến Avonlea năm năm về trước. Nó đã mất đi một ít tươi thắm và những đường nét trẻ trung, thay vào đó là những nếp nhăn nhỏ kiên định ở quanh miệng và mắt. Một số gây ra bởi một ngôi mộ bé xíu trong chính nghĩa trang này; một số nếp nhăn mới hơn đến trong cơn bệnh mới rồi của cậu con trai nhỏ, giờ đã may mắn bình phục. Nhưng nụ cười lúm đòng tiền của cô Allan vẫn ngọt ngào và bất

ngờ như trước, đôi mắt trong trẻo, sáng rực và chân thành, và khuôn mặt cô có thêm phần dịu dàng và nghị lực thay cho vẻ trẻ trung vô tư ngày cũ.

“Chắc cháu rất trông ngóng kỳ nghỉ này, phải không Anne?” cô hỏi khi họ rời nghĩa trang.

Anne gật đầu.

“Vâng... 'Kỳ nghỉ', từ ấy cứ như một viên kẹo ngọt cuộn tròn trong lưỡi của cháu vậy. Cháu nghĩ mùa hè sẽ đáng yêu lắm đây. Bởi vì bà Morgan sẽ đến đảo vào tháng Bảy, và Priscilla sẽ dẫn bà ấy đến đây. Chỉ nghĩ đến thôi mà cháu đã cảm thấy cơn 'hung phấn' cũ quay trở lại.”

“Cô mong cháu sẽ có một khoảng thời

gian vui vẻ, Anne ạ. Năm vừa qua cháu đã làm việc vất vả, và cháu đã thành công.”

“Ôi, cháu cũng không biết nữa. Cháu vẫn còn quá nhiều thứ chưa đạt được. Cháu chưa thực hiện được những điều cháu muốn làm khi bắt đầu dạy học mùa thu trước. Cháu đã không sống được theo lý tưởng của mình.”

“Có ai làm được chứ,” cô Allan thở dài. “Nhưng này, Anne, cháu biết Lowell từng nói đây, ‘Thà thất bại chứ đừng hạ thấp mục tiêu,’ Chúng ta phải có lý tưởng và cố sống trung thành với nó, dẫu chẳng bao giờ thành công hoàn toàn cả. Nếu không có lý tưởng thì cuộc đời thật chán. Có lý tưởng, đời sẽ vĩ đại và tuyệt vời. Hãy giữ vững lý tưởng của mình,

Anne ạ.”

“Cháu sẽ thử. Nhưng cháu đã từ bỏ hầu hết các lý thuyết của mình rồi,” Anne cười một thoáng. “Cháu có một tập hợp lý thuyết đẹp đẽ vô cùng khi cháu bắt đầu làm cô giáo làng, nhưng từng cái một đã thất bại, lúc này hay lúc khác.”

“Ngay cả lý thuyết về đánh đòn học trò à,” cô Allan trêu.

Nhưng Anne đỏ bừng mặt.

“Cháu sẽ không bao giờ tha thứ cho mình vì đã đánh đòn Anthony.”

“Đừng nói bậy, cưng à, thằng nhóc đáng bị thế. Và điều đó tốt cho nó. Kể từ đó cháu chẳng gặp vấn đề gì với nó nữa, và nó bắt đầu cho rằng chẳng có ai được

như cháu. Lòng tốt của cháu đã chiếm được tình yêu của nó, sau khi ý tưởng 'con gái là đồ bỏ' được nhô ra khỏi đầu óc bướng bỉnh của thằng bé.”

“Có thể nó đáng bị thế, nhưng đó không phải là vấn đề. Nếu cháu bình tĩnh và cương quyết đánh nó vì cháu cho rằng đó là một hình phạt xứng đáng, cháu sẽ không cảm thấy khó chịu như vậy. Nhưng sự thật là, cô Allan ạ, chỉ vì cháu phát điên lên nên mới đánh nó. Lúc đó cháu không nghĩ gì đến chuyện xứng đáng hay không... nếu nó không đáng tội thì cháu vẫn cứ đánh. Đó là điều làm cháu cảm thấy nhục nhã.”

“Ồ, tất cả chúng ta đều phạm sai lầm, cưng ạ, vì vậy hãy bỏ nó lại phía sau. Chúng ta phải hối tiếc sai lầm và rút kinh

nghiệm từ nó, nhưng đừng bao giờ vác nó theo vào tương lai. À, Gilbert Blythe đang đánh xe kia... chắc là cũng về nhà nhân kỳ nghỉ. Hai đứa học hành thế nào rồi?”

“Khá tốt ạ. Chúng cháu định kết thúc tuyển tập Virgil tối nay... chỉ còn hai mươi dòng nữa thôi. Sau đó chúng cháu sẽ chẳng học thêm gì cả cho tới tháng Chín.”

“Liệu cháu có vào đại học không?”

“Ôi, cháu cũng không biết nữa.” Anne mơ màng nhìn về chân trời sắc trắng đục nơi xa. “Mắt bác Marilla sẽ không bao giờ khá hơn bây giờ, dẫu hai bác cháu rất biết ơn Chúa vì chúng đã không tệ hơn. Lại còn hai đứa trẻ song sinh nữa...”

chẳng hiểu sao cháu không tin rằng ông cậu chúng sẽ có ngày đến đón chúng. Có lẽ trường đại học đang nằm ở khúc quanh phía trước, nhưng cháu vẫn chưa đi tới khúc quanh ấy, và cháu không nghĩ nhiều về nó vì sợ rằng mình sẽ dần trở nên bất mãn.”

“Ồ, cô rất muốn cháu đi học đại học, Anne ạ, nhưng nếu không được thì cũng đừng bất mãn. Xét cho cùng, chúng ta có thể sống tốt dù ở đâu chẳng nữa... đại học chỉ giúp làm việc đó dễ dàng hơn thôi. Cuộc đời rộng hay hẹp là do chúng ta đem đến cho đời những gì, không phải chúng ta lấy được những gì. Cuộc đời phong phú và đầy đủ ở đây... ở mọi nơi... chỉ cần chúng ta học được cách mở rộng trái tim để đón nhận.”

“Cháu nghĩ mình hiểu ý cô,” Anne trầm ngâm, “và cháu biết mình phải tạ ơn Chúa vì rất nhiều việc... ồ, nhiều lắm... công việc của cháu này, Paul Irving này, cặp song sinh và tất cả bạn bè của cháu. Cô Allan, cô biết không, cháu rất biết ơn vì có bạn bè. Tình bạn làm cuộc đời này đẹp biết bao.”

“Tình bạn chân chính thực sự rất hữu ích,” cô Allan nói, “và chúng ta phải đặt nó ở một tầm rất cao, đừng để nó như bản bởi sự dối trá hay không chân thành. Cô e là tình bạn thường hay bị hạ xuống thành một loại cảm giác gần gũi mà chẳng có chút tình cảm chân thành nào.”

“Vâng... cũng như Gertie Pye và Julia Bell vậy. Hai người họ rất thân thiết và đi đâu cũng có nhau, nhưng lúc nào

Gertie cũng nói xấu sau lưng Julia, và mọi người cho rằng cô nàng ghen với Julia vì cô nàng luôn hài lòng khi có ai phê bình Julia. Nếu gọi đó là tình bạn thì thật xúc phạm cho tình bạn quá. Nếu là bạn bè, chúng ta chỉ nên nhìn vào điểm tốt của nhau và cho họ điều tốt đẹp nhất của mình, cô có nghĩ vậy không? Khi đó tình bạn sẽ là điều đẹp đẽ nhất trên thế giới này.”

“Tình bạn đúng là rất đẹp đẽ,” cô Allan mỉm cười, “nhưng một ngày nào đó...”

Cô dừng lại đột ngột. Khuôn mặt thanh tú, vàng trán trắng ngần, đôi mắt thẳng thắn và những đường nét linh động bên cạnh cô vẫn còn mang nhiều vẻ trẻ thơ hơn là của một người phụ nữ. Cho tới

giờ, trong tim Anne chỉ ấp ủ những giấc mơ về tình bạn và khát vọng, và cô Allan không muốn làm mất đi sự ngây thơ ngọt ngào ấy. Nên cô bỏ lửng câu nói của mình cho những năm tháng tương lai.

16. Bản Chất Của Những Cao Vọng

“Cô Anne,” Davy nài nỉ, trèo lên chiếc ghế xô pha bọc da bóng bẩy trong bếp Chái Nhà Xanh nơi Anne đang ngồi đọc thư, “Cô Anne, cháu đói bụng khủng khiếp. Cô không biết đâu.”

“Cô sẽ lấy một miếng bánh mì bơ ngay cho cháu,” Anne lơ đãng. Lá thư rõ ràng mang tin tức gì đó thú vị, vì đôi má của cô ửng đỏ như những đóa hồng ở bụi hoa lớn ngoài kia, và đôi mắt cô lấp lánh theo kiểu chỉ mình cô mới có

được.

“Nhưng cháu không đói bánh mì bơ,” Davy phần nộ. “Cháu đói bánh mận cơ.”

“Ồ,” Anne phá lên cười, đặt lá thư xuống và choàng tay ôm chặt Davy, “đó là loại đói có thể dễ dàng chịu đựng được, cậu bé Davy à. Cháu biết đấy, một trong những quy tắc của bà Marilla là các cháu không được ăn gì trừ bánh mì bơ giữa hai bữa ăn.”

“Ồ, vậy thì cho cháu một miếng đi... làm ơn.”

Cuối cùng Davy đã được dạy phải nói “làm ơn”; nhưng thường thì nó hay bỏ quên hai tiếng đó ở tận cuối câu. Nó hài lòng nhìn lát bánh mì dày cộm mà Anne đem tới. “Cô Anne, cô lúc nào cũng trét

rất nhiều bơ lên. Bà Marilla thì chỉ phết một lớp mỏng dính. Có nhiều bơ thì dễ nuốt hơn nhiều.”

Nhìn vào sự biến mất nhanh chóng của miếng bánh mì thì xem ra nó đã được “nuốt trôi” một cách khá dễ dàng. Davy trượt khỏi xô pha, lộn nhào hai lần trên tấm thảm rồi ngồi dậy và cương quyết tuyên bố,

“Cô Anne, cháu đã có quyết định về việc lên thiên đường rồi. Cháu không muốn đến đó.”

“Sao vậy?” Anne nghiêm túc hỏi.

“Bởi vì thiên đường ở góc xép nhà Simon Fletcher, mà cháu thì chẳng ưa ông ấy.”

“Thiên đường ở... gác xếp nhà Simon Fletcher!” Anne nghẹn giọng, quá ngạc nhiên đến nỗi không thể phá lên cười nổi. “Davy Keith, cái gì khiến cháu có một ý nghĩ kỳ quặc đến thế?”

“Milty Boulter nói vậy mà. Chủ nhật tuần trước ở trường Chủ nhật ấy. Bài giảng nói về Elijah và Elisha, cháu đứng dậy hỏi cô Rogerson là thiên đường ở đâu. Cô Rogerson nhìn có vẻ bực bội kinh khủng. Dù sao thì cô ấy cũng khó chịu này giờ rồi, vì khi cô ấy hỏi tụi cháu Elijah để lại cái gì cho Elisha khi ông ta lên thiên đường, Milty Boulter đáp, 'Quần áo cũ', thế là cả đám bọn cháu phá lên cười chẳng ý tứ chút nào. Cháu ước gì mình có thể suy nghĩ kỹ trước khi làm, vì khi ấy cháu sẽ chẳng làm như vậy nữa.

Nhưng Milty không có ý báng bổ gì đâu. Chỉ là nó không nghĩ ra tên của vật đó mà thôi. Cô Rogerson nói thiên đường là nơi Chúa ở nên cháu không được hỏi những câu hỏi như vậy. Milty huých cháu thì thầm, ‘Thiên đường ở trên gác xép nhà chú Simon, tớ sẽ giải thích kỹ hơn trên đường về nhà,’ Vậy là trên đường về nhà, nó đã giải thích cho cháu nghe. Milty giỏi giải thích lắm. Dầu nó không biết gì cả, nó vẫn có thể bịa ra một đồng chuyện, và thế là cô nghe giải thích là hiểu liền. Mẹ nó là chị của bà Simon, và nó đi chung với mẹ đến lễ tang của bà chị họ Jane Ellen. Mục sư bảo là chị ấy lên thiên đường, dầu Milty nói rằng rõ ràng chị ấy đang nằm trong quan tài ngay trước mặt họ. Nhưng nó cho rằng sau đó

người ta sẽ đưa quan tài lên gác xép. Khi Milty và mẹ nó lên lầu lấy mũ sau khi lễ tang hoàn tất, nó hỏi mẹ thiên đường mà Jane Ellen đi đến là ở đâu, thế là mẹ nó chỉ lên trần nhà nói, 'Trên đó.' Milty biết phía trên trần nhà chẳng có gì ngoài cái gác xép, nhờ vậy mà nó mới vỡ lẽ ra. Và từ đó nó sợ khủng khiếp mỗi lần tới nhà chú Simon của nó."

Anne đặt Davy lên đầu gối rồi gắng sức gỡ thẳng bé ra khỏi mớ bông bong lý luận viển vông này. Cô hợp với công việc này hơn là bà Marilla, vì cô còn nhớ rõ tuổi thơ của mình và có một sự thông cảm bản năng với những ý tưởng đôi khi kỳ quặc của những đứa bé bảy tuổi về những vấn đề vốn vô cùng đơn giản và rõ ràng với người trưởng thành.

Cô vừa thuyết phục Davy thành công rằng thiên đường không nằm ở gác xép nhà Simon Fletcher thì bà Marilla từ vườn bước vào, bà và Dora đang hái đậu ở ngoài ấy này giờ. Dora là một cô bé chăm chỉ và vui sướng hết mức khi được tham gia “giúp đỡ” các công việc vặt phù hợp với đôi tay mũm mĩm của mình. Cô bé cho gà ăn, nhặt củi vụn, lau đĩa và làm vô số việc vặt. Cô bé gọn gàng, nghe lời và giỏi quan sát, không cần phải chỉ cách làm việc đến lần thứ hai và chẳng bao giờ quên những nhiệm vụ bé nhỏ của mình. Ngược lại, Davy thì lơ đãng và hay quên, nhưng nó có tài thu hút lòng người bẩm sinh, và cả Anne và bà Marilla đều yêu thương nó hơn.

Khi Dora tự hào tách hạt đậu và Davy

lấy vỏ đậu làm thuyền, với cột buồm bằng que diêm và buồm bằng giấy, Anne kể cho bà Marilla nghe về nội dung tuyệt vời trong lá thư của mình.

“Ồ, bác Marilla, bác biết gì không? Cháu nhận được thư từ Priscilla và cậu ấy nói bà Morgan hiện đang ở đảo, và nếu trời đẹp thì thứ Năm này họ sẽ đánh xe đến Avonlea và đến nơi vào khoảng mười hai giờ. Họ sẽ ở lại suốt buổi chiều với chúng ta và đến khách sạn ở White Sands vào buổi tối, vì vài người bạn Mỹ của bà Morgan cũng đang ngụ ở đó.Ồ, bác Marilla, thật tuyệt quá phải không? Cháu không thể tin mình đang tỉnh nữa.”

“Ta dám chắc bà Morgan cũng chẳng khác người bình thường mấy đâu,” bà

Marilla nói khô khốc, dẫu bản thân bà cũng cảm thấy đôi chút hào hứng. Bà Morgan là một phụ nữ nổi tiếng, chuyên viếng thăm của bà không thể coi là chuyện thường được. “Vậy họ sẽ ăn trưa ở đây sao?”

“Vâng, và ôi, bác Marilla, cháu có thể nấu tất cả các món được không? Cháu muốn mình có thể làm gì đó cho nữ tác giả quyền 'Vườn nụ hồng', dẫu chỉ là một bữa ăn trưa mà thôi. Bác sẽ không phiền, phải không bác?”

“Trời ơi, ta không ham quần quật bên ngọn lửa hừnghực vào tháng Bảy đến mức giận dữ khi có ai chịu làm thay mình đâu. Cháu muốn làm thì cứ làm đi.”

“Ôi, cảm ơn bác,” Anne nói cứ như

bà Marilla vừa ban cho cô một ân huệ thật to lớn, “Đêm nay cháu sẽ suy nghĩ thực đơn.”

“Tốt nhất là cháu đừng có làm quá cầu kỳ,” bà Marilla cảnh báo, hơi lo lắng khi nghe đến từ “thực đơn”. “Nếu không cháu sẽ làm khổ mình đấy.”

“Ôi, cháu không làm gì 'cầu kỳ' đâu, nếu ý bác là làm những món chúng ta không thường dùng trong các dịp lễ hội,” Anne trấn an. “Làm thế thì màu mè quá, và dẫu cháu không đủ khôn ngoan chín chắn như một cô gái mười bảy tuổi và một cô giáo làng lẽ ra phải thế, cháu cũng không ngốc đến vậy đâu. Nhưng cháu muốn mọi thứ tốt đẹp và ngon lành hết mức có thể. Bé Davy, đừng để vỏ đậu lên cầu thang đằng sau... sẽ dễ trượt chân

lắm. Cháu sẽ khai vị bằng một món xúp nhẹ... bác biết cháu làm món xúp kem hành rất ngon mà... rồi một vài con gà quay. Cháu sẽ làm thịt hai con gà trống trắng. Cháu thực sự rất mến hai con gà này, chúng chẳng khác gì vật cưng trong nhà kể từ khi con gà mái xám chỉ ấp nở ra mỗi hai con gà con... những túm lông vàng như quả bóng. Nhưng cháu biết sớm muộn gì cũng phải hy sinh chúng, và chắc chắn không có dịp nào xứng đáng hơn dịp này. Nhưng bác Marilla ơi, cháu không thể giết chúng... ngay cả là vì bà Morgan. Cháu sẽ phải nhờ John Henry Carter ghé qua làm giúp cháu thôi.”

“Đề cháu làm cho,” Davy xung phong, “nếu bà Marilla giữ chặt chân chúng, vì cháu nghĩ mình phải dùng cả hai tay để

giữ cái rìu. Thật là vui kinh khủng khi nhìn thấy lũ gà nhảy loi choi với cái đầu cụt.”

“Rồi cháu sẽ làm món đậu Hà Lan, đậu cô ve, khoai tây xốt kem và rau diếp trộn, đó là món rau,” Anne tiếp, “còn món tráng miệng sẽ là bánh chanh phủ kem đánh bông, cà phê, pho mát và bánh lười mè. Mai cháu sẽ làm bánh chanh và bánh lười mè rồi giặt ủi cái váy xa tanh màu trắng. Và cháu sẽ phải báo cho Diana ngay tối nay, vì cậu ấy cũng sẽ muốn giặt ủi cái váy của mình. Những nữ nhân vật chính trong truyện của bà Morgan gần như lúc nào cũng mặc váy xa tanh trắng, Diana và cháu đã quyết định sẽ mặc váy xa tanh trắng nếu có dịp gặp bà ấy. Đó chính là một lời khen ngợi

tê nhị, bác có nghĩ vậy không? Davy yêu quý, cháu không được nhét vỏ đậu vào vết nứt trên sàn. Cháu phải mời ông bà Allan và cô Stacy đến dùng bữa trưa nữa, bởi vì họ cũng rất mong mỏi được gặp bà Morgan. Thật may là bà ấy đến đây lúc cô Stacy ghé thăm. Davy yêu quý, đừng thả vỏ đậu vào thùng nước... hãy ra ngoài máng xối ấy. Ô, cháu thực sự hy vọng thứ Năm trời đẹp, và cháu tin là thế, vì bác Abe khi đến thăm ông Harrison tối qua đã nói là trời sẽ mưa gần như suốt tuần.”

“Đó là dấu hiệu tốt đấy,” bà Marilla đồng ý.

Tối hôm đó Anne chạy băng qua dốc Vườn Quả để báo tin cho Diana, cô nàng cũng hết sức phấn khởi khi nghe tin, hai

người bạn bắt đầu tính toán công việc trên chiếc võng đong đưa dưới cây liễu cổ thụ trong vườn nhà Barry.

“Ồ, Anne, tớ có thể giúp cậu nấu ăn được không?” Diana van nài. “Cậu biết là tớ làm món rau diếp trộn ngon tuyệt mà.”

“Được, cậu cứ làm đi.” Anne không ích kỷ chút nào. “Và tớ cũng muốn cậu giúp tớ trang trí nhà cửa nữa. Tớ muốn biến phòng khách thành một vườn hoa... và cắm hoa hồng đại trên bàn ăn. Ôi, tớ hy vọng mọi chuyện sẽ suôn sẻ. Các bậc anh thư của bà Morgan chẳng bao giờ gặp rắc rối do cư xử đại dốt hoặc bị rơi vào tình thế bất lợi, bọn họ lúc nào cũng bình tĩnh và là những người nội trợ tuyệt vời. Họ dường như bẩm sinh đã là như

vậy. Cậu còn nhớ nhân vật Gertrude trong 'Những ngày ở Edgewood' trông coi nhà cửa cho cha lúc cô bé chỉ mới tám tuổi không? Hồi tám tuổi, ngoài trông trẻ ra thì tớ chẳng biết làm gì. Bà Morgan nhất định phải là một chuyên gia về con gái vì bà ấy đã viết nhiều như vậy về các cô gái cơ mà, vậy nên tớ muốn bà ấy đánh giá cao chúng mình. Tớ đã tưởng tượng đến chục lần... bà ấy trông như thế nào, bà ấy sẽ nói gì và tớ sẽ đáp lại ra sao. Và tớ lo cho cái mũi của tớ quá. Cậu thấy đấy, bên trên có tới bảy nốt tàn nhang lận. Đó là do bữa dã ngoại của Hội cải tạo, tớ ra ngoài nắng mà không đội mũ. Tớ cho rằng thật vô ơn khi lo lắng về chúng khi mà lẽ ra tớ phải tạ ơn trời vì chúng đã không lan ra khắp mặt tớ

như hồi xưa; nhưng thực sự là tớ mong chúng đừng có xuất hiện... Các bậc anh thư của bà Morgan đều có làn da hoàn hảo cả. Tớ chẳng nhớ được có ai có tàn nhang hay không.”

“Mấy nốt tàn nhang của cậu không rõ rệt lắm đâu,” Diana an ủi. “Tối nay thoa một ít nước chanh lên thử xem.”

Ngày hôm sau, Anne làm bánh nướng và bánh lười mè, ủi cái váy xa tanh, quét và phủ bụi mọi phòng trong nhà... một quy trình tương đối không cần thiết vì cũng như thường lệ, Chái Nhà Xanh sạch bong ngăn nắp như ý bà Marilla. Nhưng Anne vẫn cảm thấy chỉ một hạt bụi thôi cũng làm ô ւế căn nhà sắp có vinh dự được Charlotte E. Morgan viếng thăm. Cô thậm chí còn dọn dẹp sạch sẽ

cái tủ chứa đồ tạp nhạp dưới gầm cầu thang, dầu chẳng có tí xíu khả năng bà Morgan sẽ nhìn ngó vào bên trong đó chút nào.

“Nhưng cháu muốn cảm thấy nó thực sự ngăn nắp, dầu bà ấy không có dịp thấy nó,” Anne nói với bà Marilla. “Bác biết đấy, trong quyển 'Chìa khóa vàng', bà ấy đã để hai nữ nhân vật chính Alice và Louisa chọn phương châm làm việc theo đoạn thơ của Longfellow:

“Vào những ngày nghệ thuật xa xưa,

Các thợ xây làm việc cần cù

Vào mỗi giây phút và tại mỗi góc
khuất,

Bởi các vị thần nhìn khắp muôn nơi,’

Và vì vậy bọn họ luôn cọ sạch cầu thang xuống tầng hầm và không bao giờ quên quét bụi dưới gầm giường. Lương tâm cháu sẽ cắn rứt nếu cháu biết cái tủ này lộn xộn khi bà Morgan đang ở trong nhà. Kể từ khi đọc quyển 'Chìa khóa vàng' tháng Tư vừa rồi, Diana và cháu cũng đã chọn đoạn thơ trên làm kim chỉ nam cho mình.”

Tối hôm đó, John Henry Carter và Davy hợp tác xử tử hai con gà trống trắng, Anne vặt lông hai con gà mập ú, công việc đáng tởm thường ngày giờ lại có vẻ đẹp đẽ hơn trong mắt cô.

“Cháu không thích vặt lông gà,” cô nói với bà Marilla, “nhưng thật may chúng ta không cần phải đặt cả tâm hồn vào việc mà tay chúng ta đang làm. Cháu

dùng tay vặt lông gà, nhưng trí tưởng tượng của cháu đang dạo chơi trên dải Ngân Hà.”

“Ta thấy cháu làm vung vãi lông ra sàn nhiều hơn bình thường đấy,” bà Marilla nhận xét.

Sau đó Anne cho Davy đi ngủ và bắt nó hứa mai sẽ cư xử ngoan ngoãn.

“Nếu cháu cố gắng ngoan hết mức vào ngày mai, liệu cô có thể cho phép cháu tha hồ hư vào ngày một không?” Davy hỏi.

“Cô không thể làm vậy,” Anne thận trọng dụ dỗ, “nhưng cô sẽ dẫn cháu và Dora đi bơi thuyền tới cuối hồ, và rồi chúng ta sẽ lên bờ cát ăn uống ngoài trời.”

“Đúng là một món hời,” Davy kêu lên. “Cháu sẽ ngoan mà, cô yên tâm đi. Cháu vốn định chạy sang nhà ông Harrison bắn hạt đậu từ súng hơi mới vào con Gừng, nhưng chuyện đó để sang hôm khác cũng được. Cháu cứ nghĩ ngày mai sẽ chán như Chủ nhật, nhưng đã ngoại ở bờ hồ thì cũng đủ để đèn bù rồi.”

17. Một Chuỗi Rủi Ro

Anne tỉnh giấc ba lần trong đêm và lò dò mò ra cửa sổ để đảm bảo rằng lời dự đoán của bác Abe không trở thành sự thật. Cuối cùng, ánh bình minh trong suốt lấp lánh chiếu trên bầu trời rực rỡ ánh bạc, và một ngày tuyệt vời bắt đầu.

Ngay sau bữa sáng Diana đã có mặt, một tay cầm giỏ hoa, tay kia vắt chiếc váy xa tanh của mình... vì phải chuẩn bị xong bữa trưa mới mặc được cái váy đó. Trong lúc chờ đợi, cô mặc một chiếc váy in họa tiết màu hồng và tạp dề vải ba tít

diêm xếp nếp đẹp nhưng diêm dứa đèn phát sợ, nhìn cô thật gọn gàng, xinh đẹp và tươi tắn.

“Trông cậu đáng yêu cực kỳ,” Anne thán phục.

Diana thở dài.

“Nhưng tớ vừa phải nói tất cả các bộ váy của mình một lần nữa. Tớ nặng thêm gần hai ký so với hồi tháng Bảy. Anne, chừng nào tớ mới thôi phì ra đây? Các bậc anh thư của bà Morgan đều cao và thanh mảnh cả.”

“Ồ, hãy quên đi ưu phiền và nghĩ tới những điều may mắn mà chúng ta có được,” Anne vui vẻ khuyên. “Cô Allan nói rằng mỗi khi có thứ gì khiến chúng ta khó chịu, chúng ta nên nghĩ đến những

điều tốt đẹp để giúp chúng ta chông lại nó. Nếu cậu hơi tròn một chút thì cậu sẽ có nụ cười lúm đồng tiền dễ thương hết mức, và nếu tớ có một cái mũi đầy tàn nhang thì dù sao hình dáng của nó vẫn ổn. Cậu thấy nước chanh có tác dụng không?”

“Ừ, tớ thấy vậy mà,” Diana nghiêm túc nhận xét, và Anne vui sướng dẫn đường ra vườn, nơi bóng cây mát rượi và những tia nắng vàng óng rung rinh.

“Mình sẽ trang trí phòng khách trước. Chúng mình còn ối thời giờ, vì Priscilla nói họ sẽ đến đây vào khoảng mười hai giờ hoặc muộn nhất là mười hai rưỡi, vậy chúng ta sẽ dùng bữa trưa lúc một giờ.”

Dám chắc là chẳng có cô gái nào ở Canada hay ở Mỹ vui vẻ và hào hứng hơn hai người bạn này bây giờ. Mỗi khi một cành hồng, mẫu đơn, hoa chuông xanh rơi xuống, tiếng kéo xành xạch lại như reo vui, “Hôm nay bà Morgan tới.” Anne tự hỏi làm sao ông Harrison có thể thản nhiên cắt cỏ khô trên cánh đồng bên kia đường cứ như chẳng có chuyện gì xảy ra.

Phòng khách ở Chái Nhà Xanh vốn là một gian khá nặng nề và ảm đạm với nội thất màu lông ngựa cứng nhắc, màn đăng ten hồ cứng, áo ghế trắng luôn nằm ngay ngắn đúng nơi đúng chỗ, trừ những lúc nó bị vướng vào nút áo của một người không may mắn nào đó. Ngay cả Anne cũng chẳng tài nào nhúng tay làm phòng

khách duyên dáng hơn, vì bà Marilla khẳng khẳng không cho phép thay đổi gì. Nhưng có điều kỳ diệu gì mà hoa lá không thể làm khi ta cho chúng cơ hội chứ; khi Anne và Diana trang trí xong, căn phòng đã hoàn toàn khác hẳn.

Một bát hoa tuyết xanh thật lớn xòe tung giữa cái bàn lên nước bóng. Bệ lò sưởi đen bóng đặt đầy hoa hồng và dương xỉ. Mỗi ngăn tủ đều được trang trí một bó hoa chuông xanh, góc tối hai bên lò sưởi sáng lên bởi hai lọ hoa mẫu đơn đỏ thắm, còn trong lò như được thấp lửa bởi màu vàng của hoa anh túc. Với những đóa hoa lộng lẫy đủ màu ấy, kết hợp với ánh mặt trời xuyên qua đám dây kim ngân rợp lá leo trên cửa sổ tạo thành những bóng xám nhảy nhót trên tường và

sàn nhà, căn phòng nhỏ âm đạm thường ngày đã biến thành một “Vườn hoa” thực sự như trong trí tưởng tượng của Anne, đến bà Marilla cũng phải thốt lên ngưỡng mộ khi bước vào để phê phán nhưng rồi lại phải dừng chân khen ngợi.

“Giờ thì chúng ta phải bày bàn ăn thôi,” Anne nói với giọng của một nữ tu đang chuẩn bị thực hiện những nghi lễ thiêng liêng vinh danh một vị thần. “Chúng ta sẽ đặt một cái bình lớn cắm đầy hoa hồng dại ở giữa bàn và một bông hồng đang trổ trước đĩa của từng người - riêng đĩa của bà Morgan thì sẽ đặt một bó đầy những nụ hồng, ám chỉ quyển sách ‘Vườn nụ hồng’ đấy, cậu biết mà.”

Bàn ăn được dọn trong phòng ăn, với khăn ăn vải lanh đẹp nhất cũng như đồ

sứ, thủy tinh và đồ bạc hạng nhất của bà Marilla. Có thể hoàn toàn chắc chắn rằng mỗi dụng cụ trên bàn đều được đánh bóng, kỳ cọ đến mức long lanh lấp lánh hoàn hảo nhất.

Rồi các cô gái nhún nhảy bước xuống bếp, mùi thơm phức tỏa ra từ lò nướng nơi hai con gà đang kêu xèo xèo. Anne gọt khoai tây và Diana nhặt đậu cô ve cùng đậu Hà Lan. Sau đó, khi Diana chui vào phòng lương thực để chế biến món rau diếp trộn, Anne với đôi má đã bắt đầu ửng đỏ vì ánh lửa cũng như vì hào hứng, ra tay chuẩn bị nước xốt bánh mì cho món gà, băm nhỏ hành cho món xúp rồi đánh kem cho món bánh nướng chanh.

Trong suốt thời gian kể trên, Davy

đang ở đâu? Liệu nó có tuân thủ lời hứa sẽ ngoan ngoãn không? Nó quả có nghe lời. Đương nhiên, nó nằng nặc đòi ở lại trong bếp vì tò mò muốn quan sát mọi chuyện. Nhưng vì nó ngồi ngoan ngoãn trong góc, bện bện tháo những nút thắt trong một mảng lưới đánh cá trích mang về từ lần ra bãi biển kỳ trước, chẳng ai phản đối sự có mặt của nó cả.

Lúc mười một rưỡi, món rau diếp trộn đã xong xuôi, bánh nướng vàng rộm được phủ đầy kem tươi, mọi thứ cần sôi xèo xèo hay sôi sùng sục đều đang xèo xèo và sùng sục.

“Chúng ta đi thay váy thôi,” Anne nói, “Vì có thể bọn họ sẽ đến vào mười hai giờ. Chúng ta phải ăn trưa đúng một giờ, vì món xúp phải được dọn lên ngay

sau khi sôi.”

Những nghi thức trang điểm diễn ra hết sức nghiêm túc ở chái Đông. Anne lo lắng quan sát cái mũi và vui sướng nhận thấy mấy nốt tàn nhang không hề nổi rõ, không biết là do nước chanh hay nhờ vào vẻ ửng hồng khác thường của đôi má cô. Khi đã sẵn sàng, hai cô gái trông ngọt ngào, gọn gàng và trong sáng như mọi “bạc anh thư của bà Morgan”.

“Tớ thực sự hy vọng thỉnh thoảng mình có thể nói được chút gì chứ không ngồi câm như hến,” Diana lo lắng. “Mọi nhân vật nữ chính của bà Morgan đều nói chuyện rất hay. Nhưng tớ sợ mình sẽ ngọng nghịu và ngu ngốc. Và chắc chắn tớ sẽ nói thành 'tôi thấy'. Từ khi học với cô Stacy tớ không thường nói vậy nữa,

nhưng vào những lúc quá hồi hộp, nhất định là tớ sẽ buột miệng thôi. Anne, nếu tớ mà lỡ nói “tôi thấy” trước mặt bà Morgan, tớ sẽ chết vì nhục mất. Nhưng nếu không có gì để nói thì cũng tệ không kém.”

“Tớ lo lắng về nhiều chuyện lắm,” Anne nói, “nhưng riêng chuyện có thể nói được hay không thì tớ không nghĩ rằng có gì đáng e ngại”.

Và quả tình Anne không cần sợ thật.

Anne phủ một chiếc tạp dề lớn lên trên bộ đồ xa tanh lộng lẫy của mình và đi xuống khuấy xúp. Bà Marilla cũng ăn diện cho mình và hai đứa song sinh, nhìn bà có vẻ hào hứng hơn hẳn lúc trước. Lúc mười hai giờ rưỡi, ông bà Allan và

cô Stacy tới. Mọi thứ đều ổn nhưng Anne bắt đầu cảm thấy bất an. Rõ ràng giờ này Priscilla và bà Morgan phải đến nơi rồi chứ. Cô không ngừng chạy ra cửa và lo lắng nhìn xuôi con đường cứ như nhân vật trùng tên với mình trong truyện “Yêu râu xanh” nhòm xuống từ cửa sổ tháp canh.

“Lỡ họ không tới thì sao?” cô rên rỉ.

“Đừng có giả sử vậy. Nếu thế thì quá rủi đi,” Diana nói nhưng cũng bắt đầu cảm thấy có chút nghi ngại.

“Anne,” bà Marilla gọi, bước ra khỏi phòng khách, “cô Stacy muốn xem cái đĩa men Trung Hoa của cô Barry.”

Anne vội chạy đến cái tủ trong phòng ăn để lấy đĩa. Theo đúng lời hứa với bà

Lynde, cô đã viết thư cho cô Barry ở Charlottetown xin mượn cái đĩa. Cô Barry là một người bạn lâu năm của Anne, vì vậy cô đã nhanh chóng gửi cái đĩa cho Anne cùng một lá thư dặn dò Anne phải giữ gìn nó hết sức cẩn thận, vì cô đã mua cái đĩa đó mất hai mươi đô la. Cái đĩa đã làm tròn trách nhiệm của mình ở hội chợ từ thiện và sau đó quay trở về kệ tủ ở Chái Nhà Xanh, vì Anne không tin tưởng ai ngoại trừ chính mình có thể đem nó lên thị trấn an toàn.

Cô cẩn thận đem cái đĩa men ra cửa trước nơi các vị khách đang ngồi tận hưởng làn gió mát từ suối thổi tới. Mọi người vừa xem xét vừa tấm tắc khen ngợi cái đĩa, rồi khi Anne vừa định chính tay đem trả nó về chỗ cũ thì chợt có tiếng rơi

vỡ loảng xoảng vang lên từ phòng lương thực. Bà Marilla, Diana và Anne chạy ào vào, Anne chỉ kịp dừng lại chốc lát để đặt vội cái đĩa quý giá lên bậc thang thứ hai của cầu thang.

Bước vào phòng lương thực, trước mắt họ là một cảnh tượng thật đau lòng... một cậu bé vẻ hơi lồi lúi húi tuột từ trên bàn xuống, cái áo vải in họa tiết sạch sẽ lúc đầu giờ dính đầy nhân bánh vàng, và trên bàn là dấu tích còn lại của thứ đã từng là hai cái bánh nướng chanh phết kem ngon mắt.

Davy đã gỡ xong cái lưới cá trích rồi quấn dây cước thành một cuộn tròn. Sau đó nó đi vào phòng lương thực để cất cuộn cước lên cái kệ phía trên bàn, nơi hiện đang cất giữ mấy chục cuộn tương

tự. Tác dụng duy nhất được khám phá cho đến nay của đồng cước chỉ là mang lại niềm vui sở hữu cho cậu chủ nhỏ của chúng. Davy phải leo lên bàn rồi chồm lên kệ ở một góc độ nguy hiểm.. Bà Marilla đã cấm tiệt nó không được làm vậy vì nó đã ném mùi đầu đón một lần rồi. Lần này kết quả thật là thảm họa. Davy trượt chân té thẳng úp người vào bánh nướng chanh. Cái áo sạch bị vấy bẩn tạm thời, còn hai chiếc bánh nướng thì vĩnh viễn không còn cơ hội lên đĩa được nữa. Dù sao thì cái rủi của người này lại là cái may của người khác, con lợn cuối cùng lại là kẻ hưởng lợi từ vụ rủi ro của Davy.

“Davy Keith,” bà Marilla lắc mạnh vai nó, “chẳng phải ta đã cấm cháu

không được trèo lên bàn nữa sao? Có hay không?”

“Cháu quên mất,” Davy thút thít. “Bà cấm cháu nhiều điều khủng khiếp nên cháu chẳng tài nào nhớ được hết cả.”

“Hừ, cháu hãy lên lầu và ở đó cho tới sau bữa trưa đi. Có lẽ đến lúc ấy cháu sẽ nhớ ra hết đấy. Không, Anne, cháu không cần bào chữa cho nó. Ta không phạt vì nó làm hỏng bánh của cháu... đó chỉ là rủi ro. Ta phạt vì nó không vâng lời. Đi, Davy, ta đã bảo rồi mà.”

“Vậy cháu có được ăn trưa không?” Davy gào lên.

“Sau bữa trưa cháu có thể đi xuống ăn trong bếp.”

“Ô, vậy thì được,” Davy được an ủi phần nào. “Cháu biết cô Anne sẽ để dành vài miếng ngon cho cháu, phải không cô Anne? Cô biết đấy, cháu không cố ý ngã lên bánh mà. Cô Anne ơi, dù sao thì chúng cũng đã hỏng rồi, cháu có thể lấy một miếng lên lầu được không?”

“Không, cậu Davy, không một miếng bánh nào cả,” Bà Marilla đẩy nó ra hành lang.

“Vậy chúng ta làm gì để tráng miệng đây?” Anne tiếc nuối nhìn đồng bánh vụn vỡ tan.

“Lấy một lọ mứt dâu đi,” bà Marilla an ủi. “Còn nhiều kem tươi trong bát mà.”

Một giờ chiều... nhưng chẳng thấy

Priscilla hay bà Morgan đầu. Anne như bò trên chảo nóng. Các món ăn đều đầu vào đó còn xúp thì ngon lành cành đào, nhưng không thể để lâu hơn nữa.

“Ta nghĩ là họ sẽ không tới đâu,” bà Marilla bực bội.

Anne và Diana nhìn vào mắt nhau tìm kiếm sự an ủi.

Tới một giờ rưỡi, bà Marilla một lần nữa đi ra khỏi phòng khách.

“Các cô gái, chúng ta phải dùng bữa trưa thôi. Mọi người đã đói meo rồi và đợi lâu hơn cũng chẳng để làm gì. Rõ ràng là Priscilla và bà Morgan sẽ không tới, và chờ đợi cũng chẳng ích gì.”

Anne và Diana lúi húi dọn bữa trưa,

nhưng chẳng còn chút hào hứng nào.

“Chắc tớ sẽ chẳng ăn nổi một miếng nào mất,” Diana buồn rĩ.

“Tớ cũng thế, nhưng tớ hy vọng bữa ăn sẽ tốt đẹp vì cô Stacy và ông bà Allan,” Anne thờ thẩn đáp.

Khi Diana múc đậu ra, cô ném một miếng rồi mặt lộ vẻ kỳ quái.

“Anne, cậu có cho đường vào không?”

“Có,” Anne tán nhuyễn khoai tây một cách miễn cưỡng. “Tớ bỏ một muỗng đường vào. Nhà tớ luôn làm vậy. Cậu không thích sao?”

“Nhưng tớ cũng cho một muỗng khi đặt lên bếp,” Diana nói.

Anne bỏ cái nghiên khoai xuống và ném thử đậu. Rồi cô nhăn mặt.

“Ghê quá! Tớ không ngờ cậu bỏ đường vào, vì tớ biết mẹ cậu không bao giờ làm vậy. Không hiểu sao tớ lại tình cờ nhớ tới chuyện đó... tớ vốn hay quên lắm... nên tớ bỏ vào một muỗng đây.”

“Chắc là quá nhiều đầu bếp nên mới ra nông nổi này,” bà Marilla nói với vẻ mặt khá hối hận sau khi lắng nghe cuộc trò chuyện của hai cô gái. “Ta không nghĩ là cháu nhớ bỏ đường, Anne ạ, vì ta hoàn toàn chắc là trước nay cháu chẳng bao giờ nhớ cả... nên ta cũng bỏ vào một muỗng.”

Các vị khách trong phòng khách nghe hết tràng cười này đến tràng cười khác

vang lên từ bếp, nhưng họ chẳng bao giờ biết được nguyên nhân cả. Dù sao thì cũng không có món đậu trên bàn ăn trưa hôm đó.

“Ôi,” Anne bình tĩnh lại rồi thở dài điếm danh các món ăn, “dù sao thì chúng ta cũng còn món rau trộn, và món đậu cô ve chắc chẳng bị ảnh hưởng gì. Hãy dọn đồ ăn lên cho xong việc thôi.”

Không thể nói bữa ăn trưa hôm đó thành công về mặt xã giao. Gia đình Allan và cô Stacy cố gắng hết sức cứu vãn tình hình và vẻ thản nhiên thường lệ của bà Marilla cũng không bị khuấy động mấy. Nhưng Anne và Diana thì chìm đắm trong nỗi thất vọng và sau cú sốc hồi sáng họ chẳng thể nói năng ăn uống gì được. Anne anh dũng cố gắng tham gia

vào cuộc trò chuyện vì các vị khách của mình, nhưng bây giờ mọi ánh sáng đã rời khỏi cô và mặc dù cô rất yêu quý gia đình Allan và cô Stacy, cô vẫn không thể không nghĩ sẽ tuyệt vời biết bao nếu mọi người về nhà ngay để cô có thể đập đầu vào gối, chìm đắm trong mệt mỏi và thất vọng ở chái Đông.

Có một câu ngạn ngữ cũ rất ứng nghiệm: “Họa vô đơn chí.” Những khổ nạn của ngày hôm đó vẫn chưa kết thúc. Ngay khi ông Allan vừa nói xong lời cảm ơn, một âm thanh kỳ lạ đáng sợ vang lên nơi cầu thang, như thể có một vật cứng nặng nẩy xuống từng bậc rồi kết thúc bằng một tiếng vỡ lớn ở dưới cùng. Mọi người chạy ngay ra hành lang. Anne rú lên kinh hãi.

Dưới chân cầu thang là một vỏ ốc xà cừ lớn màu hồng nằm giữa những mảnh vỡ vốn từng là cái đĩa men xanh của cô Barry, và ở đầu cầu thang, Davy quỳ gối vẻ khiếp hãi, mắt mở to nhìn cảnh tàn phá bên dưới.

“Davy,” bà Marilla gầm lên, “cháu có ý ném con ốc xà cừ ấy xuống hả?”

“Không, cháu không mà,” Davy thút thít. “Cháu chỉ quỳ gối ở đây, im phăng phắc quan sát mọi người qua tay vịn cầu thang, rồi chân cháu va phải cái đồ cũ rích ấy khiến nó lăn xuống... và cháu đói khủng khiếp... và cháu thực sự mong bà cứ đánh quách cháu cho xong, chứ đừng tổng cháu lên lầu buồn chán chết đi được.”

“Đừng trách Davy,” Anne vừa nói vừa dọn dẹp những mảnh vỡ, tay run lẩy bẩy. “Đó là lỗi của cháu. Cháu để cái đĩa ở đó rồi quên khuấy mất. Cháu đáng bị trừng phạt vì sự vô ý của mình, nhưng chao ôi, cô Barry sẽ nói gì đây?”

“Ồ, cậu biết là cô ấy chỉ mua cái đĩa này thôi, nên nó không quan trọng như một món đồ gia truyền đâu,” Diana cố an ủi.

Các vị khách rời đi ngay sau đó, cho rằng đó là điều lịch thiệp nhất nên làm, rồi Anne và Diana rửa chén đĩa, những lời trao đổi với nhau ít đến kỷ lục. Sau đó Diana quay về nhà với cái đầu nhức ong ong, còn Anne thì mang một cái đầu nhức khác lên chái Đông, ở lì trong đó cho tới khi bà Marilla từ bưu điện về

nhà lúc hoàng hôn, cầm theo một lá thư của Priscilla gửi ngày hôm trước. Bà Morgan bị bong gân mắt cá nặng đến mức không thể rời phòng.

“Và chao ôi, Anne yêu quý,” Priscilla viết, “tớ hết sức xin lỗi nhưng tớ e là dì cháu tớ không thể nào ghé qua Chái Nhà Xanh được, vì lúc mắt cá của dì tớ khỏi hẳn thì dì ấy phải quay lại Toronto mất rồi. Dì ấy không thể dời ngày về được.”

“Ôi,” Anne thở dài, đặt lá thư xuống bậc thềm đá đỏ ở cổng sau, cô đang ngồi đó trong ánh chiều chập choạng phủ xuống từ bầu trời loang lổ, “mình luôn cho rằng việc bà Morgan đến đây quá tốt đẹp để trở thành sự thật. Nhưng này... câu nói đó nghe bi quan như là giọng của cô Eliza Andrews vậy, và mình thật xấu

hồ khi thốt ra miệng. Dù sao chẳng nữa, chuyện đó đâu có quá tốt đẹp đến mức không thực... còn nhiều việc tốt đẹp hơn thế nữa vẫn thường xuyên xảy đến với mình đấy thôi. Với lại mình cho rằng những chuyện xảy ra trong ngày hôm nay cũng có mặt tức cười của chúng. Có lẽ khi mình và Diana đã già héo cả ra, chúng mình sẽ có thể phá lên cười khi nhớ lại. Nhưng giờ thì mình cảm thấy mình chưa làm được vậy, vì hôm nay đúng là một ngày thất vọng cay đắng.”

“Cháu có thể còn gặp rất nhiều thất vọng nặng nề hơn thế trong cuộc đời,” bà Marilla nói, cho rằng mình đang an ủi Anne. “Anne ạ, ta thấy cháu sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi cái thói dốc hết lòng hết sức để làm một việc gì đó, rồi sau đó rơi

xuống tuyệt vọng vì không đạt được nó.”

“Cháu biết là cháu có khuynh hướng đó thật,” Anne buồn bã đồng ý. “Khi cháu nghĩ sắp có chuyện gì đó thật hay xảy ra, cháu như được chấp đôi cánh chờ mong bay lên thật cao; rồi sau đó cháu đột nhiên nhận ra mình bị rớt cái bịch xuống mặt đất. Nhưng thật ra, bác Marilla ạ, bay bổng như vậy hết sức tuyệt vời, ít nhất là trong khi còn đang bay... cứ như vút lên trong ánh hoàng hôn vậy. Cháu nghĩ có ngã cái rầm cũng gần như là đáng giá.”

“Ừ, có lẽ là thế thật,” bà Marilla thừa nhận. “Có điều ta thà đi bộ thông dong mà chẳng cần bay hay té ngã làm gì. Nhưng mỗi người có một cách sống khác nhau... ta từng nghĩ chỉ có một cách đúng

đần mà thôi... nhưng từ khi ta nuôi dạy cháu và hai đứa sinh đôi, ta không còn chắc chắn về điều đó nữa. Cháu định xử lý chuyện cái đĩa men của cô Barry thế nào?”

“Trả lại cho cô ấy số tiền hai mươi đô mà cô ấy đã bỏ ra mua nó, chắc thế thôi ạ. Cháu hết sức biết ơn Chúa khi nó không phải là một vật quý gia truyền, bởi vì nếu vậy thì chẳng tiền nào có thể thay thế được.”

“Có lẽ cháu nên tìm xem có cái đĩa nào giống vậy mà mua trả lại cho cô ấy.”

“Cháu e là không được. Cái đĩa xưa như vậy rất hiếm. Bà Lynde còn chẳng tìm được cái nào cho bữa tối từ thiện mà. Cháu chỉ ước chi mình có thể tìm

được, vì đương nhiên cô Barry sẽ không để ý nếu cháu trả lại cho cô ấy cái đĩa cô hàng thật giống cái bị vỡ. Bác Marilla ơi, nhìn ngôi sao to phía trên khu rừng phong của ông Harrison kia, với bầu trời bạc mang vẻ thần thánh xung quanh nữa. Nó khiến cháu có cảm giác như mình đang cầu nguyện. Xét cho cùng, một khi có thể nhìn thấy bầu trời và những ngôi sao như vậy, những thất vọng và rủi ro nhỏ nhoi chẳng đáng gì, phải không?”

“Davy đâu?” Bà Marilla liếc nhìn ngôi sao chẳng có chút hứng thú gì.

“Trên giường. Cháu đã hứa mai sẽ dẫn nó và Dora đi dã ngoại ở bờ hồ. Đương nhiên, thỏa thuận ban đầu là nó phải ngoan ngoãn. Nhưng nó đã cố gắng ngoan ngoãn... mà cháu thì không nữa làm

nó thất vọng.”

“Cháu hay hai đứa nhỏ sẽ chết đuối mất thôi khi chèo cái thuyền dỏm đó trên hồ,” bà Marilla làu bàu. “Ta đã sống ở đây sáu chục năm trời mà chẳng bao giờ đặt chân tới cái hồ đó.”

“Ồ, vẫn chưa quá muộn đâu,” Anne tinh nghịch. “Hay là mai bác đi với bọn cháu đi. Chúng ta sẽ đóng cửa Chái Nhà Xanh và dành cả ngày trên bờ hồ, gạt bỏ cả thế giới qua một bên.”

“Không, cảm ơn,” bà Marilla gằn giọng phần nộ. “Nhìn ta chắc sẽ đẹp mặt lắm khi chèo lòng vòng quanh hồ trên một cái thuyền nhỉ? Chưa gì ta đã nghe thấy tiếng Rachel bày tỏ ý kiến về hành động đó rồi đây này. Kìa, ông Harrison

đang đánh xe đi đâu đó thì phải. Cháu có cho lời đồn ông Harrison đang cưa cẩm Isabella Andrews là thật không?”

“Không, cháu chắc là không đúng đâu. Ông ấy chỉ ghé qua một buổi chiều để bàn chuyện làm ăn với ông Harmon Andrews, bà Lynde nhìn thấy và tuyên bố là biết ngay ông ấy đang đi cưa cẩm vì ông ấy mặc áo cổ còn trắng. Cháu không tin ông Harrison chịu lập gia đình đâu. Ông ấy dường như có thành kiến với hôn nhân.”

“Ôi, đám đàn ông độc thân già đây khó nói lắm. Và nếu ông ta mặc áo cổ còn trắng thật thì ta đồng ý với Rachel là rất đáng nghi, vì ta chắc chắn chưa từng thấy ông ta mặc áo cổ còn trắng lần nào.”

“Chắc ông ấy mặc thế chỉ vì muốn ký một hợp đồng làm ăn với ông Harmon Andrews mà thôi,” Anne nói. “Cháu có nghe ông ấy nói rằng đó là lúc duy nhất một người đàn ông cần phải quan tâm đến bề ngoài, vì nếu ông ta nhìn có vẻ giàu có thì phía bên kia ít có khả năng lừa ông ta hơn. Cháu cảm thấy thương cho ông Harrison; cháu không tin rằng ông ấy hài lòng với cuộc sống hiện tại của mình. Chắc là rất cô đơn khi chẳng có ai khác để quan tâm ngoài một con vẹt, bác có nghĩ vậy không? Nhưng cháu để ý thấy ông Harrison không thích bị thương hại. Không ai thích thế, cháu nghĩ vậy.”

“À, Gilbert đến kìa,” bà Marilla nói. “Nếu cậu ta muốn rủ cháu đi chèo thuyền

thì cháu đừng quên mặc áo khoác và đi ủng cao su vào nhé. Tối nay sương nhiều đấy.”

18. Một Chuyến Phiêu Lưu Trên Đường Bảo Thủ

“Cô Anne,” Davy ngồi trên giường, hai tay chống cằm, “cô Anne ơi, giấc ngủ ở đâu? Mọi người đi ngủ mỗi đêm, và đương nhiên cháu biết giấc ngủ là nơi để cháu làm những điều cháu mơ ước, nhưng cháu muốn biết nó ở đâu, làm sao cháu đến đó rồi quay về mà chẳng biết tí gì về nó cả... mà còn mặc đồ ngủ nữa chứ. Nó ở đâu vậy?”

Anne đang quỳ bên cửa sổ chái Tây nhìn bầu trời hoàng hôn tựa như một

bông hoa lớn với cánh hoa nghệ tây và nhụy hoa màu vàng chói lọi. Cô quay lại khi nghe câu hỏi của Davy và lơ đãng đáp,

“Qua dãy núi trên mặt trăng,
Dưới thung lũng của bóng tối.”

Paul Irving sẽ hiểu ý của cô, hoặc tự rút ra ý tưởng của mình; nhưng Davy là một cậu bé thực tế như Anne thường thất vọng nhận xét, chẳng có chút xiu trí tưởng tượng nào nên nó chỉ bối rối và bực tức.

“Cô Anne, cháu nghĩ cô chỉ toàn nói vở vẩn.”

“Đương nhiên là thế rồi, cậu bé đáng yêu. Cháu không biết là chỉ những người

rất ngu si mới nói chuyện có lý mọi lúc mọi nơi sao?”

“Ồ, cháu nghĩ cô nên trả lời hợp lý khi cháu hỏi một câu hỏi có lý,” Davy lộ vẻ tổn thương.

“Ôi, cháu còn bé quá chẳng hiểu được đâu,” Anne nói. Nhưng cô cảm thấy khá xấu hổ khi nói vậy, vì chẳng phải chính cô, luôn ghi khắc những lần bị lờ đi tương tự thời thơ ấu, đã long trọng thề rằng sẽ không bao giờ nói với bất cứ đứa trẻ nào rằng nó còn quá nhỏ để hiểu một điều gì đó? Thế mà giờ cô lại làm đúng như vậy... đôi khi khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế quá xa nhau.

“Ồ, cháu đang cố hết sức để lớn lên đây,” Davy nói, “nhưng đó là chuyện

không thể quá hấp tấp được. Nếu bà Marilla không quá keo giữ khư khư hũ mút thì cháu tin là cháu còn lớn nhanh hơn nữa.”

“Bác Marilla không keo, Davy à,” Anne nghiêm giọng. “Cháu thật vô ơn khi nói thế.”

“Có một từ khác ý y hệt vậy nhưng nghe lịch sự hơn, nhưng cháu không nhớ ra,” Davy nhăn tít trán. “Hôm nọ cháu nghe bà Marilla tự nhận mình như thế mà.”

“Nếu cháu muốn nói là tiết kiệm thì đó hoàn toàn khác hẳn với keo đay nhé. Tiết kiệm là một đức tính tốt. Nếu bác Marilla keo kiệt thì bác ấy sẽ không nhận nuôi cháu và Dora khi mẹ cháu qua đời

đâu. Cháu có thích sống với bà Wiggins không?”

“Ôi, cô có thể cực là cháu không thích rồi!” Davy hoàn toàn chắc chắn về điều đó. “Cháu cũng không muốn đến chỗ cậu Richard nữa. Cháu thích sống ở đây hơn nhiều, ngay cả nếu bà Marilla khá là tiết-tiết gì đấy với hũ mút, vì có cô ở đây, cô Anne ạ. Nói xem, cô Anne, cô sẽ kể chuyện cho cháu trước khi cháu ngủ nhé? Cháu không muốn nghe chuyện cô tích, cô tích chỉ dành cho bọn con gái thôi, cháu muốn truyện gì hồi hộp hơn kia... nhiều chém giết và bắn nhau ấy, nhà bốc cháy và những chuyện thú vị tương tự.”

Thật may cho Anne, bà Marilla gọi cô từ trong phòng.

“Anne, Diana nháy tín hiệu liên tục kia. Cháu đi xem nó cần gì đi.”

Anne chạy sang chái Đông và nhìn thấy ánh sáng từ cửa sổ phòng Diana chấp chới xuyên qua ánh chiều chạng vạng, năm lần mỗi lượt, theo mật mã tuổi thơ của họ, điều đó có nghĩa là, “Hãy sang đây ngay vì tớ có chuyện quan trọng cần nói.” Anne quấn khăn choàng trắng lên đầu rồi hấp tấp đi qua rừng Ma Ám, băng ngang góc đồng cỏ của ông Bell để tới dốc Vườn Quả.

“Tớ có tin tốt cho cậu đây, Anne ạ,” Diana nói. “Hai mẹ con tớ vừa từ Carmody về, và tớ gặp Mary Sentner ở Spencervale trong cửa hàng của ông Blair. Cô ta nói mấy bà cô già nhà Copp

trên đường Bảo Thủ có một cái đĩa men Trung Hoa trông y hệt như cái đĩa chúng ta dùng ở bữa tối từ thiện. Cô ta nói họ rất có thể sẽ bán nó, vì Martha Copp chẳng bao giờ giữ lại thứ gì mà cô ta có thể bán cả, nhưng nếu họ không bán thì còn một cái đĩa khác ở nhà Wesley Keyson ở Spencervale, và cô ta biết họ muốn bán, nhưng không chắc liệu nó có cùng kiểu như của cô Josephine hay không.”

“Mai tớ sẽ đi ngay đến Spencervale,” Anne cương quyết, “và cậu phải đi với tớ. Nếu được thì đúng là nhẹ cả người, vì ngày một tớ phải ra tỉnh và làm sao tớ có thể nhìn mặt cô Josephine của cậu nếu không có cái đĩa men xanh? Chuyện ấy còn tệ hơn cái lần tớ phải thú tội là đã

nhảy trên cái giường trong phòng dành cho khách.”

Hai cô gái phá lên cười trước kỷ niệm ngày cũ... và nếu có bất cứ độc giả nào tò mò không biết, thì xin hãy tham khảo câu chuyện thời thơ ấu của Anne.

Trưa hôm sau, hai cô gái lên đường bắt đầu chuyến săn tìm đĩa cổ. Spencervale cách đó mười dặm và thời tiết chẳng dễ chịu lắm cho việc đi lại. Trời rất nóng và không có gió, bụi đường nhiều kinh khủng sau sáu tuần không mưa.

“Ôi, tớ ước gì trời sẽ sớm mưa,” Anne thở dài. “Mọi thứ đều khô như ngói. Những cánh đồng tụi nghiệp nhìn thật đáng thương, và hàng cây như

đang vươn tay ra khấn cầu trời mưa. Còn khu vườn của tớ nữa, mỗi lần ra vườn tớ lại thấy đau lòng. Tớ cho rằng mình không nên than phiền vì một khu vườn trong khi vụ mùa của nhiều nông dân đang bị tàn phá. Ông Harrison nói đồng cỏ của ông ấy khô cháy đến mức mấy con bò cái chẳng tìm được chút gì để ăn, và ông ấy cảm thấy mình tàn ác với thú vật quá mỗi khi nhìn vào mắt chúng.”

Sau chuyến đánh xe mệt mỏi, hai cô gái đến Spencervale và quẹo vào đường “Bảo Thủ”... một con đường đơn độc rợp bóng cây, cỏ mọc giữa những vệt bánh xe cho thấy nơi đây hiếm có người qua lại. Dọc theo phần lớn con đường là hàng cây vân sam non um tùm mọc tràn cả xuống đường, đôi chỗ lại điểm xuyết

khoảng ruộng phía sau một trang trại vươn ra sát hàng rào, hay những gốc cây rục màu cỏ lá liễu và hoa roi vàng.

“Vì sao nó lại có tên là đường Bảo Thủ nhỉ?” Anne hỏi.

“Ông Allan nói việc này chẳng khác gì gọi một nơi là rừng khi nơi đó chẳng có một cái cây nào,” Diana nói, “Vì chẳng có ai ngoài chị em nhà Copp và ông già Martin Bovyer ở đầu bên kia sống trên con đường này, mà bọn họ đều theo đảng Tự do cả. Chính quyền đảng Bảo thủ làm con đường này khi họ nắm quyền, chỉ để cho thấy là họ có làm cái gì đó.”

Cha của Diana theo đảng Tự do, đó là lý do cô và Anne không bao giờ bàn luận

chuyện chính trị. Những người ở Chái Nhà Xanh luôn luôn theo đảng Bảo thủ.

Cuối cùng hai cô gái cũng đến nhà của chị em Copp... một nơi ngân nắp sạch sẽ đến mức Chái Nhà Xanh cũng phải thấy xấu hổ. Ngôi nhà xây theo kiểu rất xưa, nằm trên một cái dốc, chính vì vậy ở một đầu nhà phải xây móng bằng đá. Ngôi nhà và các công trình phụ đều được quét vôi trắng đến mức hoàn hảo, lóa cả mắt, không thấy bóng dáng một ngọn cỏ dại nào trong khu vườn ngăn nắp bao quanh bởi hàng rào sơn trắng.

“Mành cửa kéo xuống hết cả,” Diana thất vọng. “Tớ nghĩ chả có ai ở nhà.”

Quả thật là như vậy. Hai cô gái ngần ngừ nhìn nhau.

“Tớ chẳng biết phải làm gì nữa,” Anne nói. “Nếu tớ biết chắc cái đĩa đúng là loại mình cần tìm thì tớ không ngại đợi đến khi họ về đâu. Nhưng nếu không phải thì có thể sẽ muộn quá không kịp đến nhà Wesley Keyson.”

Diana nhìn vào một ô cửa sổ nhỏ phía trên tầng hầm. “Đó là cửa sổ phòng lương thực, tớ chắc đấy,” cô nói, “Vì nhà này y hệt như nhà cậu Charles ở Newbridge, và họ cũng để phòng lương thực ở đó. Mành cửa không hạ xuống, nên nếu chúng ta leo lên nóc cái chuồng nhỏ kia thì có thể nhìn xuống phòng lương thực và may ra thì thấy được cái đĩa. Cậu nghĩ thế có hại gì không?”

“Chắc không sao đâu,” Anne dứt khoát sau khi đã suy nghĩ kỹ, “Vì động

ơ của chúng ta không phải là tò mò rảnh hơi.”

Khi đã giải quyết xong vấn đề đạo đức quan trọng, Anne chuẩn bị leo lên “cái chuồng nhỏ” nói trên, một công trình bằng gỗ; mái nhọn, có thuở từng được dùng để nuôi vịt. Các cô gái già nhà Copp đã từ bỏ việc nuôi vịt... “bởi vì chúng là loại ở do”... nên cái chuồng bị bỏ hoang vài năm, chỉ dùng làm nơi cho gà mái đẻ. Dầu được quét vôi trắng kỹ lưỡng, nó cũng đã khá xiêu vẹo và Anne cảm thấy hơi lo lắng khi cô leo lên từ điểm tựa là một cái thùng đặt trên một hộp gỗ.

“Tớ sợ là nó không chịu nổi sức nặng của tớ,” Anne rón rén đặt chân lên nóc chuồng.

“Tựa vào bệ cửa sổ ấy,” Diana khuyên và Anne nghe theo. Nhòm qua mặt kính, cô hết sức vui sướng thấy cái đĩa men xanh Trung Hoa đúng loại cô cần tìm đang nằm trên cái kệ ngay trước cửa sổ. Cô chỉ nhìn thấy được như vậy trước khi thảm họa ập đến. Trong lúc vui sướng, Anne quên bémng chỗ đặt chân bấp bênh của mình, vô ý không tựa vào bệ cửa sổ mà bốc đồng nhảy lên mừng rỡ... và ngay sau đó cô bị rơi thụt xuống mái tới tận nách, và cứ treo lơ lửng ở đó không sao thoát ra được. Diana chạy vào chòi vịt, ôm lấy eo cố kéo người bạn xui xẻo của mình xuống.

“Úi... đừng,” Anne đáng thương hét tướng lên. “Có mấy cái dầm dài đâm vào tớ. Cậu xem có đặt được vật gì đó dưới

chân tở không... có lẽ nhờ đó mà tở chui ra đợc.”

Diana vội vã kéo cái thùng nói ở trên tởi và Anne nhận ra nó vừa đủ cao để bảo đảm cho chân cô trụ vững. Nhưng cô vẫn không chui ra đợc.

“Nếu tở bò lên thì có kéo cậu ra đợc không?” Diana đờnghị.

Anne lắc đầu tuyệt vọng.

“Không... mấy cái dằm đâm đau quá. Nếu kiếm đợc rìu thì cậu có thể phá chúng để cứu tở ra. ôi trời ơi, giờ thì tở thực sự tin rằng mình đợc sinh ra dưới một ngôi sao xấu.”

Diana lục tung lên nhưng không tìm ra cái rìu nào.

“Tớ phải đi tìm người giúp đỡ thôi,” cô nói, quay lại với kẻ tù nhân bất đắc dĩ.

“Không, đừng, cậu đừng đi,” Anne kịch liệt phản đối. “Nếu cậu làm vậy thì câu chuyện sẽ lan ra khắp nơi và tớ sẽ xấu hổ không dám chường mặt ra mắt. Không, chúng ta phải đợi đến khi các bà cô nhà Copp về nhà và buộc họ giữ bí mật. Họ sẽ biết chỗ cất rìu và giúp tớ thoát ra. Tớ không khó chịu lắm đâu, miễn là tớ đứng yên không động đậy... ít nhất là không khó chịu trên cơ thể, ý tớ là vậy. Tớ tự hỏi các cô gái nhà Copp có coi trọng cái chuồng này không. Tớ sẽ phải trả tiền cho những thiệt hại mình đã gây ra, nhưng tớ không phiền, chỉ cần chắc chắn là họ hiểu rõ động cơ của tớ

khi nhòm qua cửa sổ phòng lương thực của họ thôi. Niềm an ủi duy nhất của tớ là cái đĩa đó đúng loại tớ cần, và nếu cô Copp chịu bán nó cho tớ thì tớ sẵn sàng chấp nhận những gì đã xảy ra.”

“Nếu các bà cô nhà Copp đến tối... hoặc đến mai mới về thì sao?” Diana hỏi.

“Nếu lúc hoàng hôn mà họ vẫn chưa về thì chắc cậu phải đi nhờ giúp đỡ thôi, tớ nghĩ vậy,” Anne miễn cưỡng, “nhưng cậu không cần đi khi chưa thực sự cần thiết. Ôi trời ơi, tình cảnh này thật khủng khiếp. Tớ không phiền nếu những nỗi bất hạnh của tớ lãng mạn một chút, như những bậc anh thư trong truyện của bà Morgan đấy, nhưng bất hạnh của tớ toàn là thứ nhảm nhí mà thôi. Nghĩ xem các

bà cô nhà Copp sẽ nghĩ thế nào khi họ đánh xe vào sân, thấy đầu và vai của một cô gái thò ra khỏi nóc chuồng vịt nhà họ.

Nghe kìa... một chiếc xe hả? Không, Diana, tớ nghĩ là tiếng sấm đấy.”

Không nghi ngờ gì nữa, đó là tiếng sấm, Diana sau khi rảo bước một vòng quanh căn nhà đã quay lại tuyên bố: một đám mây đen kịt đang ùn ùn kéo tới ở phía Tây Bắc.

“Tớ nghĩ sắp có một cơn mưa dông lớn,” cô kêu lên tuyệt vọng. “Ôi Anne ơi, chúng ta phải làm sao đây?”

“Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng,” Anne bình tĩnh nói. Một cơn mưa dông chỉ là thứ vặt vãnh sau những chuyện vừa xảy ra. “Tốt nhất cậu nên đánh xe ngựa

vào cái kho mở đằng kia. Thật may là trên xe có dù của tớ. Này... cầm theo cái mũ của tớ đi. Bác Marilla bảo tớ thật ngốc khi đội chiếc mũ đẹp nhất để đi đến đường Bảo Thủ, và bác ấy đã đúng, như từ trước đến giờ.”

Diana tháo ngựa và đánh xe vào kho, vừa lúc những hạt mưa to đùng đầu tiên rơi xuống. Cô ngồi đó quan sát trận mưa như trút nước, làn mưa dày nặng đến mức cô chỉ thấy Anne lơ mờ, tay dững cằm cằm cây dù che trên mái đầu trần. Sấm sét không nhiều lắm, nhưng cơn mưa vui vẻ rơi suốt gần một tiếng đồng hồ. Thỉnh thoảng Anne ngả dù ra sau một chút rồi vẫy tay khích lệ bạn, nhưng xa như vậy thì không thể nào trò chuyện được. Cuối cùng cơn mưa cũng tạnh, mặt

trời ló dạng và Diana băng qua khoảnh sân sũng nước.

“Cậu có ướt lắm không?” cô lo lắng hỏi.

“Ồ không,” Anne vui vẻ đáp. “Đầu và vai tớ khá khô ráo, còn váy tớ chỉ ẩm một chút khi mưa luồn qua vách ván. Đừng thương hại tớ, Diana ạ, vì tớ chẳng để tâm gì chuyện ướt át đâu mà. Tớ cứ nghĩ cơn mưa này thật tốt quá, khu vườn của tớ chắc đang vui sướng lắm đây, và tớ tưởng tượng những đóa hoa và mầm cây nghĩ gì khi những giọt mưa bắt đầu rơi. Tớ tưởng tượng ra một đoạn đối thoại cực kỳ thú vị giữa cây cúc tây, cây đậu ngọt, chim hoàng yến hoang ẩn trong bụi tử đinh hương cùng với vị thần giám hộ khu vườn. Khi về nhà tớ sẽ viết nó ra.

Tớ ước gì có bút chì và giấy để ghi ngay lúc này, vì tớ dám chắc là tớ sẽ quên khá nhiều khi về đến nhà đấy.”

Diana, người bạn trung thành, có đem theo bút chì và phát hiện một tờ giấy gói trong một cái hộp trên xe ngựa. Anne gấp cây dù ướt sũng lại, đội mũ vào, trải tấm giấy gói trên một tấm ván Diana chuyên lên và viết câu chuyện lãng mạn về khu vườn của mình trong hoàn cảnh khó có thể coi là thích hợp cho văn chương. Dù sao chẳng nữa, kết quả khá là tuyệt vời và Diana “thích mê” khi Anne đọc cho cô nghe.

“Ôi Anne, thật đáng yêu quá... đáng yêu quá. Hãy gửi nó tới báo Phụ nữ Canada đi.”

Anne lắc đầu.

“Ồ không, không hợp đâu. Không có cốt truyện, cậu thấy đấy. Chỉ là một chuỗi tưởng tượng mà thôi. Tôi thích viết những đoạn văn như thế, nhưng đương nhiên, chẳng hề thích hợp để đăng báo, vì các biên tập viên đòi phải có cốt truyện, Priscilla nói vậy đấy.Ồ, cô Sarah Copp đã về rồi kìa. Làm ơn, Diana, đi giải thích cho tớ đi.”

Cô Sarah Copp có thân hình nhỏ bé, mặc bộ đồ màu đen tối tàn, đội chiếc mũ theo phong cách che mưa gió chứ không phải để ăn diện màu mè. Cô ngạc nhiên như đã dự đoán khi nhìn thấy hoạt cảnh kỳ lạ trong sân, nhưng khi nghe xong lời giải thích của Diana, cô hết sức thông cảm. Cô vội vã mở cửa sau, lôi cây rìu

ra và sau vài cú bổ ngoạ̣n mụ̣c, Anne đã được giải phóng. Anne có chút mệt mỏi và người cứng đờ, mau chóng chui ra khỏi nhà tù trở lại kiếp tự do, lòng đầy biết ơn.

“Cô Copp,” cô chân thành nói. “Cháu bảo đảm với cô là cháu nhòm vào cửa sổ phòng lương thực chỉ để xem cô có cái đĩa sứ men xanh hay không. Cháu không nhìn bất cứ thứ gì khác... cháu không tìm bất cứ thứ gì khác.”

“Chúa ban phước lành, mọi chuyện ổn rồi mà,” cô Sarah thân thiện nói. “Cháu đừng lo, không có gì tai hại cả. Tạ ơn Chúa, những người nhà Copps luôn giữ ngăn nắp phòng lương thực nên chúng tôi chẳng thấy phiền nếu có ai nhòm vào. Còn về cái chòi vịt cũ đó, tôi mừng vì nó

bị sụp, có lẽ giờ thì Martha sẽ đồng ý giật sập nó. Trước đây chị ấy không muốn vì e là nó còn dùng được vào dịp nào đó; và tôi phải sơn trắng lại nó mỗi mùa xuân. Nhưng thà cãi với đầu gối còn hơn tranh luận với Martha. Bữa nay chị ấy ra tỉnh, tôi đánh xe đưa chị ấy ra ga. Thế cháu muốn mua đĩa của tôi à? Vậy cháu trả bao nhiêu?”

“Hai mươi đô,” Anne đáp vì chưa bao giờ bàn việc làm ăn với một người nhà Copp, nếu có thì cô đã không nói thẳng giá ngay từ đầu như vậy.

“Ồ, để xem xem,” cô Sarah dè dặt. “May là cái đĩa là của tôi, nếu không tôi không đời nào dám bán nó khi Martha vắng mặt. Bởi vì dám chắc là chị ấy sẽ làm trận làm thương cho coi. Martha là

bà chủ của nơi này, tôi cho các cháu biết thế. Tôi đã chán khủng khiếp khi phải sống cảnh vâng vâng dạ dạ với một người phụ nữ khác rồi. Nhưng mời vào, mời vào, chắc các cháu mệt và đói lắm. Tôi sẽ pha trà ngon nhất có thể, nhưng nói trước là các cháu đừng hy vọng gì hơn ngoài món bánh mì bơ và dưa chuột. Martha đã cắt hết bánh ngọt, pho mát và mứt trước khi đi. Chị ấy luôn làm thế vì cho rằng tôi quá phung phí mỗi khi có khách.”

Các cô gái đã đói meo nên sẵn sàng chén sạch bất cứ thứ gì, và họ đã thưởng thức nhiệt tình bánh mì bơ ngon tuyệt cùng với món “dưa chuột” của cô Sarah. Khi xong bữa, cô Sarah nói,

“Tôi không biết tôi có muốn bán cái

đĩa không, Nhưng nó có giá đến hai mươi lăm đô đây. Nó đã xưa lắm rồi.”

Diana đá nhẹ chân Anne dưới bàn, ý muốn nhắc nhở, “Đừng có đồng ý, nếu cậu cứng tay một chút thì cô ấy sẽ bán với giá hai mươi đô thôi.” Nhưng Anne không muốn mạo hiểm tí nào với cái đĩa quý giá đây. Cô lập tức đồng ý trả hai mươi lăm đô và cô Sarah có vẻ tiếc nuối vì không đòi tới ba mươi.

“Ồ, vậy thì cháu cứ lấy đi. Tôi cần phải gom tiền càng nhiều càng tốt. Sự thật là...” - cô Sarah hát đầu vể quan trọng, đôi má hóp ửng hồng tự hào - “... tôi sắp lập gia đình, với Luther Wallace. Anh ấy muốn cưới tôi từ hai mươi năm trước. Tôi rất thích anh ấy nhưng lúc đó anh ấy nghèo nên cha tôi đã đá anh ấy đi.

Tôi cho rằng tôi không nên ngoan ngoãn mà bỏ anh ấy đi như thế, nhưng tôi quá nhát và sợ cha. Hơn nữa, tôi không biết đàn ông lại chẳng kiên trì đến thế.”

Khi đã đi được một khoảng an toàn, Diana đánh xe còn Anne cẩn thận ôm cái đĩa quý giá trên đùi, con đường Bảo Thủ tĩnh mịch xanh mượt tươi tắn sau cơn mưa, sinh động hơn hẳn bởi tiếng cười giòn tan của hai cô gái.

“Mai ra tỉnh tứ sẽ làm bà Josephine của cậu cười ngất với 'câu chuyện sôi động lạ kỳ' về buổi chiều hôm nay mất thôi. Chúng ta đã khá vất vả, nhưng giờ tất cả đã xong xuôi. Tứ có được cái đĩa và cơn mưa làm bụi lắng xuống một cách tuyệt vời. Thật là 'một kết thúc mỹ mãn'.”

“Chúng ta chưa về đến nhà đâu,” Diana có vẻ bi quan, “và không biết được còn chuyện gì có thể xảy ra trước khi chúng ta về đến nhà. Cậu đúng là một người có máu phiêu lưu, Anne ạ.”

“Phiêu lưu dường như là máu thịt của một số người,” Anne tỉnh như không. “Hoặc có năng khiếu, hoặc là không.”

19. Chỉ một ngày hạnh phúc

“Xét cho cùng,” có lần Anne nói với bà Marilla, “cháu tin rằng những ngày tươi đẹp và ngọt ngào nhất không phải là ngày diễn ra những việc vĩ đại, phi thường hay hứng khởi, mà chỉ là ngày đem lại những niềm vui nho nhỏ giản dị nối tiếp nhau, cứ như những viên ngọc trai trượt khỏi dây đeo vậy.”

Cuộc sống ở Chái Nhà Xanh tràn ngập những ngày như thế, vì các cuộc phiêu lưu và sự cố không mong muốn của Anne, cũng như những người khác, không

xảy ra cùng lúc mà rải rác suốt năm, ở giữa là những ngày hạnh phúc vô hại kéo dài, tràn đầy công việc, ước mơ, tiếng cười và những bài học quý giá. Một ngày như thế bắt đầu vào cuối tháng Tám.

Buổi sáng, Anne và Diana chèo thuyền đưa hai đứa trẻ sinh đôi háo hức đến bãi cát để hái “cỏ ngọt” và lướt trên đầu những ngọn sóng, gió vi vút một khúc nhạc cổ xưa học được khi thế giới này còn ở thời tuổi trẻ.

Buổi trưa, Anne đi xuống nhà cô Irving để gặp Paul. Cô thấy cậu bé đang nằm dài trên bờ cỏ cạnh khu rừng linh sam rậm rạp che chắn phía Bắc căn nhà, chìm đắm trong một quyển truyện cổ tích. Cậu bé đứng dậy, hớn hờ ra mặt khi nhìn thấy cô.

“Ôi, em rất vui vì cô đã đến, cô giáo ạ,” cậu nhiệt tình chào đón, “Vì bà nội không có nhà. Cô sẽ ở lại dùng trà với em nhé, được không cô? Dùng trà một mình thì cô đơn lắm. Cô biết mà, cô giáo. Em đã nghiêm túc định bảo chị Mary Joe ngồi dùng trà với em, nhưng em cho là bà nội sẽ không ưng. Bà nói là phải đặt bọn người Pháp vào đúng chỗ. Với cả dù sao cũng thật khó mà trò chuyện với Mary Joe. Chị ta cứ cười mà nói, ‘ồ, cậu kác ả nững đứa trẻ mà tôi bít.’ Đó không phải cuộc đối thoại mà em muốn.”

“Đương nhiên là cô sẽ ở lại dùng trà,” Anne vui vẻ đáp. “Cô đang mòn mỏi chờ lời mời của em đây. Cô đã ứa nước miếng thèm món bánh bơ giòn ngon

tuyệt kể từ lần trước dùng trà ở đây.”

Paul lộ vẻ trầm tư.

“Nếu em có quyền quyết định, cô giáo a,” cậu đứng trước mặt Anne, tay rút túi và khuôn mặt đẹp trai bé bỏng đột nhiên bị nỗi lo lắng che phủ, “cô muốn ăn bánh bơ giòn bao nhiêu tùy thích. Nhưng tất cả phụ thuộc vào Mary Joe. Em nghe bà nội dặn chị ta trước khi đi rằng chị ta không được cho em ăn bánh bơ giòn vì nó không tốt cho bao tử của các bé trai. Nhưng có thể Mary Joe sẽ lấy một ít cho cô nếu em hứa là em sẽ không đụng tới. Hãy hy vọng vào điều tốt nhất thôi.”

“Ừ, cứ vậy đi,” Anne đồng ý, cô rất hợp với tư tưởng lạc quan này, “và nếu Mary Joe cứng rắn không cho cô ăn bánh

bơ giòn thì cũng chẳng sao, nên em không cần phải lo đâu.”

“Cô chắc là cô không sao nếu chị ta không đem bánh ra chứ?” Paul lo lắng hỏi lại.

“Trăm phần trăm, bé cưng ạ.”

“Vậy thì em sẽ không lo lắng nữa,” Paul thở dài nhẹnhõm, “nhất là vì em nghĩ Mary Joe sẽ nghe theo lẽ phải thôi. Chị ta không phải là một người vô lý bẩm sinh, nhưng chị ta đã có kinh nghiệm xương máu rằng không nên cãi lời bà nội. Bà nội rất tuyệt nhưng mọi người phải nghe theo lời bà. Bà rất hài lòng với em sáng nay vì cuối cùng em đã ăn sạch đĩa cháo. Phải nỗ lực dữ lắm nhưng mà em đã thành công. Bà nội nói coi bộ có

thể biến em thành một người đàn ông chân chính được. Nhưng cô giáo ơi, em muốn hỏi cô một câu hết sức quan trọng. Cô sẽ trả lời thực cho em chứ, phải không cô?”

“Cô sẽ cố gắng,” Anne hứa.

“Cô có nghĩ thần kinh của em có vấn đề không?” Paul hỏi với vẻ nghiêm túc cứ như sự tồn tại của cậu được quyết định bởi câu trả lời của Anne.

“Trời ơi, không đâu Paul,” Anne kêu lên ngạc nhiên. “Đương nhiên là em bình thường rồi. Ai khiến em có ý nghĩ như thế?”

“Mary Joe... nhưng chị ta không biết là em nghe thấy. Cô gái giúp việc cho bà Peter Sloane, Veronica, đến thăm Mary

Joe chiều hôm trước và em nghe họ nói chuyện trong bếp khi em đi qua hành lang. Em nghe Mary Joe nói, ‘Cậu Paul đó, cậu ta là một cậu pé kia lạ. Cậu ta nói năng ết sứt kia lạ. Tôi nghĩ tần kìn cậu ta có vấn đề.’ Suốt đêm qua em không ngủ được, em cứ nghĩ về điều đó và tự hỏi liệu Mary Joe có đúng không. Em không dám hỏi bà nhưng em quyết định sẽ hỏi cô. Em rất mừng khi cô nghĩ là thần kinh em vẫn ổn.”

“Đương nhiên là vậy rồi. Mary Joe là một cô gái ít học ngớ ngẩn, em không bao giờ cần quan tâm đến những điều cô ta nói đâu,” Anne phẫn nộ thốt, thậm chí quyết định sẽ khéo léo nhắc nhở bà Irving rằng cần ghìm bởi cái lưỡi nhiều chuyện của Mary Joe.

“Ôi, thế là nhẹ cả người,” Paul nói. “Giờ em hoàn toàn vui sướng rồi, cô giáo à, nhờ cô đó. Có gì đó không ổn trong thần kinh của mình thì thật chẳng hay ho, phải không cô? Em cho là Mary Joe tưởng em như vậy là vì thỉnh thoảng em kể cho chị ta nghe suy nghĩ của em về sự vật.”

“Đó là một hành động mạo hiểm đấy,” Anne công nhận, dựa vào kinh nghiệm của chính mình.

“Ồ, lát nữa em sẽ kể cho cô những suy nghĩ em đã nói với Mary Joe và cô hãy tự quyết định xem có gì kỳ quặc không nhé,” Paul nói, “nhưng em phải đợi đến lúc trời sập tối đã. Đó là lúc em khao khát muốn nói chuyện với người khác nhất, và khi không có ai ở cạnh bên,

em phải nói với Mary Joe. Nhưng sau này em sẽ không làm vậy nữa, nếu điều đó làm chị ta cho rằng thần kinh em có vấn đề. Em khao khát nhưng sẽ cố nén.”

“Và nếu nổi khao khát quá trào dâng, em có thể đến Chái Nhà Xanh kể cho cô nghe suy nghĩ của mình,” Anne đề nghị với vẻ nghiêm túc khiến cô trở nên hết sức gần gũi với trẻ em, vì những đứa trẻ lúc nào cũng thích được coi trọng cả.

“Vâng, em sẽ làm vậy. Nhưng em hy vọng Davy không có đó khi em tới, vì nó cứ nhăn mặt dọa em. Em không bực lắm vì nó còn bé tí mà em đã khá lớn rồi, nhưng bị nhăn mặt dọa thì chẳng dễ chịu tí nào. Với cả Davy nhăn mặt nhìn khủng khiếp lắm. Thỉnh thoảng em sợ mặt nó không trở về bình thường được mất. Nó

làm mặt quỷ dọa em trong nhà thờ, khi lẽ ra em nên nghĩ đến những điều thiêng liêng. Nhưng Dora thích em, em cũng thích cô bé, nhưng không thích nhiều như lúc em chưa nghe cô bé nói với Minnie May Barry rằng cô bé sẽ lấy em khi em lớn lên. Khi lớn chắc em sẽ cưới ai đó, nhưng giờ thì em còn quá trẻ để nghĩ đến những việc kiểu ấy, cô có nghĩ vậy không cô giáo?”

“Quá trẻ thật,” cô giáo đồng ý.

“Nói đến đám cưới em lại nhớ ra một chuyện làm em băn khoăn dạo gần đây,” Paul tiếp.

“Tuần trước bà Lynde có ghé xuống đây một bữa để dùng trà với bà nội, và bà nội bảo em cho bà Lynde coi tấm ảnh

của mẹ em... tấm ảnh ba gửi cho em làm quà sinh nhật ấy. Em không muốn cho bà Lynde coi lắm. Bà Lynde là một phụ nữ tốt, đôn hậu nhưng bà ấy không phải loại người mình muốn cho coi ảnh của mẹ. Cô biết mà, cô giáo. Nhưng đương nhiên là em vâng lời bà nội. Bà Lynde nói mẹ rất đẹp nhưng có vẻ màu mè và chắc là trẻ hơn ba kinh khủng. Rồi bà ấy nói, ‘Có lẽ một ngày nào đó ba cháu sẽ tái hôn. Cháu có thích một người mẹ mới không, cậu Paul?’ Ô, phải nói ý tưởng đó làm em gằn như không thở nổi, cô giáo ạ, nhưng em không đời nào cho bà Lynde thấy phản ứng ấy. Em chỉ nhìn thẳng vào mặt bà ấy... như thế này này... và em nói, ‘Bà Lynde, ba đã lựa chọn rất đúng người mẹ đầu tiên của cháu, và cháu có

thể tin tưởng ba sẽ chọn một người tốt như vậy lần thứ hai.’ Và em có thể tin tưởng ba, cô giáo ạ. Nhưng em vẫn hy vọng, nếu ba có đem về cho em một người mẹ mới, ba sẽ hỏi ý kiến em về cô ấy trước khi quá muộn. Kia, Mary Joe đến gọi chúng ta dùng trà kia. Em sẽ đi bàn bạc với chị ta về món bánh bơ giòn.”

Kết quả của cuộc “bàn bạc” là Mary Joe cắt bánh bơ giòn và thêm một đĩa mút vào danh mục món ăn. Anne rót trà, cô và Paul có một bữa ăn vui vẻ trong phòng ăn cũ mờ mờ ảo ảo, cửa sổ mở rộng đón gió từ vịnh thổi vào, và họ nói toàn những lời “Vớ vẩn” đến mức Mary Joe bị sốc và kể với Veronica chiều hôm sau rằng “kô dáo lán” cũng kỳ quặc y hệt

Paul. Sau bữa trà, Paul dẫn Anne lên phòng để khoe tấm ảnh của mẹ, đó chính là món quà sinh nhật bí ẩn được bà Irving cất trong tủ sách. Căn phòng nhỏ trần thấp của Paul là sự kết hợp của ánh sáng đỏ xoay nhẹ từ mặt trời đang lặn xuống mặt biển và bóng râm đu đưa của những cây linh sam mọc gần vuông cửa sổ sâu. Giữa vầng sáng mềm mại và duyên dáng này nổi bật một khuôn mặt phụ nữ đáng yêu trẻ trung với đôi mắt dịu dàng của người mẹ, bức ảnh được treo trên tường ở chân giường.

“Đó là người mẹ bé nhỏ của em,” Paul nói tràn đầy yêu thương và tự hào. “Em xin bà treo nó ở đó để em có thể nhìn thấy ngay khi mở mắt vào buổi sáng. Giờ thì em không còn cần ánh sáng khi đi

ngủ nữa, vì cứ như mẹ đang ở ngay đây với em. Ba biết rõ em muốn thứ gì cho quà sinh nhật, dầu ba chẳng hề hỏi em. Thật tuyệt khi những người cha biết được nhiều đến thế, phải không cô?”

“Mẹ em rất đẹp, Paul ạ, và em có nét giống mẹ. Nhưng mắt và tóc của bà ấy sẫm màu hơn của em.”

“Mắt em có màu y hệt mắt ba,” Paul nói, chạy vòng quanh phòng để chất mọi tấm đệm lên chỗ ngồi nơi cửa sổ, “nhưng tóc ba đã hoa râm. Ba có rất nhiều tóc, nhưng đều bạc hết cả rồi. Cô biết đấy, ba đã gần năm mươi. Tuổi đó là già lắm rồi, phải không? Nhưng ba chỉ già ở bên ngoài thôi. Bên trong ba trẻ như bất kỳ ai khác. Nào, cô giáo ơi, xin hãy ngồi ở đây, và em sẽ ngồi dưới chân cô. Em có

thể dựa đầu vào đầu gối cô được không? Em và mẹ thường hay ngồi thế này. Ôi, thật là tuyệt vời, em nghĩ thế đấy.”

“Bây giờ thì cô muốn nghe những suy nghĩ mà Mary Joe cho rằng hết sức kỳ quái,” Anne nói, vuốt ve mái đầu loăn xoăn bên cạnh. Paul không cần bất cứ lời khuyến khích nào để nói lên suy nghĩ của mình... ít nhất là đối với những tâm hồn tri kỷ.

“Em nghĩ ra chúng vào một đêm trong rừng linh sam,” cậu mơ màng. “Đương nhiên em không tin vào chúng, nhưng em vẫn cứ nghĩ. Cô biết mà, cô giáo. Và rồi em muốn kể với một ai đó, mà chẳng có ai khác ngoài Mary Joe. Mary Joe đang nhào bột bánh mì trong phòng lương thực, em ngồi xuống băng ghế bên cạnh

chị ta và nói, ‘Mary Joeef chị có biết em nghĩ gì không? Em nghĩ Sao Hôm là ngọn hải đăng ở xứ tiên.’ Và Mary Joe nói, ‘ồ, cậu đún là kia quặt. Làm rì có tiên tiéc chứ.’ Em đã hết sức tức giận. Đương nhiên em biết tiên không có thật, nhưng cứ nghĩ là có thì có sao đâu. Cô hiểu mà, cô giáo. Nhưng em còn kiên nhẫn thử thêm một lần nữa. Em nói, ‘Vậy thì, Mary Joe, chị biết em nghĩ gì không? Em nghĩ một thiên thần đi dạo khắp thế gian sau khi mặt trời lặn... một thiên thần vĩ đại, cao lớn, trắng toát với đôi cánh gập lại óng ánh bạc... và hát ru những bông hoa cùng chim chóc vào giấc ngủ. Trẻ con có thể nghe được tiếng của thiên thần nếu chúng biết cách lắng nghe.’ Thế là Mary Joe giơ đôi tay dính đầy bột lên

và nói, ‘ồ, cậu đún là cậu pé kia quặt. Cậu lèm tôi xợ.’ Và nhìn chị ta có vẻ sợ hãi thật. Thế là em ra ngoài thì thầm những suy nghĩ còn lại của mình cho khu vườn. Có một cây bạch dương nhỏ trong vườn bị chết. Bà nội nói rằng muối phun đã giết nó, nhưng em nghĩ nữ thần ngự ở cái cây đó là một cô nàng ngốc nghếch, đi lang thang tìm hiểu thế giới và lạc đường. Và cái cây nhỏ bé quá cô đơn, nó chết vì trái tim tan vỡ.”

“Và khi nữ thần cây bé bỏng, ngu ngốc, đáng thương chán đi lang thang và quay về với cái cây của mình, trái tim của nàng ta cũng sẽ tan vỡ,” Anne tiếp.

“Vâng, nhưng các nữ thần cây phải chịu trách nhiệm về sự ngu ngốc của mình, như là người thực vậy,” Paul

nghiêm túc. “Cô có biết em nghĩ trắng non là gì không, cô giáo? Em nghĩ nó là một con thuyền vàng nhỏ chạt đầy những giấc mơ.”

“Và khi nó vấp phải một đám mây, vài giấc mơ sẽ bị sánh ra ngoài rơi vào giấc ngủ của chúng ta.”

“Chính xác, cô giáo ạ. ôi, cô hiểu hết cả. Và em nghĩ hoa violet là mảnh trời rơi xuống khi các thiên thần khoét lỗ trên bầu trời để ánh sáng của các vì sao có thể chiếu xuyên qua. Và hoa mao lương được tạo thành từ ánh mặt trời xưa cũ, hoa đậu sẽ biến thành bướm bướm khi lên thiên đường. Giờ thì cô giáo ơi, cô thấy những suy nghĩ này có gì kỳ quặc không?”

“Không đâu, chàng trai yêu quý, chúng không có gì kỳ quặc cả; đối với một bé trai thì những ý nghĩ ấy thật khác lạ và đẹp đẽ, vậy nên những kẻ dẫu có cố cả trăm năm trời vẫn không thể nghĩ ra những điều tương tự mới cho là chúng kỳ quặc. Nhưng cứ tiếp tục suy nghĩ như vậy đi, Paul ạ... một ngày nào đó em sẽ trở thành một nhà thơ, cô tin là vậy.”

Khi Anne về nhà, cô nhìn thấy một cậu bé kiểu khác hẳn đang chờ được đưa đi ngủ. Davy có vẻ sung sủa, và khi Anne thay áo cho nó xong, nó nhảy phắt lên giường rồi vùi đầu vào gối.

“Davy, cháu quên cầu nguyện rồi,” Anne trách móc.

“Không, cháu không quên,” Davy

bướng bĩnh, “nhưng cháu sẽ không bao giờ cầu nguyện nữa. Cháu sẽ không thêm cố gắng ngoan ngoãn nữa, vì dẫu cháu có ngoan đến chừng nào thì cô cũng thích Paul Irving hơn. Vậy thì cháu thà hư và tận hưởng niềm vui của riêng mình còn hơn.”

“Cô không thích Paul Irving hơn,” Anne nghiêm túc. “Cô thương cháu cũng như thế, chỉ là theo một cách khác thôi.”

“Nhưng cháu muốn cô thương cháu theo đúng kiểu đó,” Davy phụng phịu.

“Cháu không thể thích những người khác nhau theo cùng một kiểu được. Cháu đâu có thích Dora và cô y hệt nhau, phải không?”

Davy ngồi dậy ngẫm nghĩ.

“Khôngggg,” cuối cùng nó cũng thừa nhận, “cháu thương Dora vì nó là em gái cháu, nhưng cháu thương cô vì cô là cô.”

“Và cô thương Paul vì cậu ấy là Paul, cô thương Davy vì cậu ấy là Davy,” Anne vui vẻ tiếp lời.

“Ồ, giờ thì cháu lại ước giá như mình đã cầu nguyện,” Davy đã bị thuyết phục bởi lý luận này của Anne. “Nhưng giờ mà chui ra khỏi giường cầu nguyện thì phiền quá. Sáng mai cháu sẽ cầu nguyện gấp đôi, cô Anne nhé. Vậy cũng được mà, phải không?”

Không, Anne thực sự cho rằng thế là không ổn. Vậy là Davy bò ra quỳ xuống bên gối cô. Khi đã cầu nguyện xong, nó

đứng dậy trên đôi chân trần nhỏ bé rám nắng mà ngược nhìn cô.

“Cô Anne ơi, cháu ngoan hơn hồi trước rồi đó.”

“Ừ, đúng vậy đấy, Davy ạ,” Anne không bao giờ ngần ngại ban phát lời khen cho người xứng đáng.

“Cháu biết là cháu ngoan hơn mà,” Davy tự tin, “và cháu sẽ cho cô biết vì sao cháu biết. Hôm nay bà Marilla đưa cho cháu hai miếng bánh mì phết mứt, một cho cháu, một cho Dora. Một miếng lớn hơn hẳn miếng kia và bà Marilla không nói miếng nào của cháu. Nhưng cháu đưa miếng lớn cho Dora. Làm vậy là ngoan, phải không?”

“Rất ngoan, rất nam tính, Davy ạ.”

“Đương nhiên,” Davy đồng ý, “Dora không đói bụng lắm nên chỉ ăn có nửa miếng rồi đưa phần còn lại cho cháu. Nhưng khi đưa miếng lớn cho nó, cháu không biết nó sẽ làm vậy cho nên cháu đã rất ngoan, cô Anne ạ.”

Trong ánh chiều chạng vạng, Anne đang thơ thẩn tản bộ ra suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng thì thấy Gilbert Blythe đang đi xuyên qua rừng Ma Ám u tối. Đột nhiên cô nhận ra Gilbert không còn là một cậu học sinh nữa. Và nhìn anh mới nam tính làm sao - cao lớn, khuôn mặt bộc trực, đôi mắt trong sáng chân thành, bờ vai rộng. Anne nghĩ Gilbert là một cậu thanh niên rất đẹp trai, dẫu anh chẳng giống người đàn ông lý tưởng của cô chút nào. Từ thuở xa xưa, cô và Diana

đã xác định loại đàn ông nào khiến họ ngưỡng mộ, và gu của họ y hệt nhau. Anh ta phải cao, bề ngoài ấn tượng, đôi mắt buồn sâu thẳm khó dò và một giọng trầm ấm cảm thông. Chẳng có gì buồn bã hay khó dò trên nét mặt của Gilbert, nhưng đương nhiên, là bạn bè thì đâu cần phải xét nét đến thế!

Gilbert bước khỏi đám dương xỉ cạnh suối Bong Bóng và nhìn Anne vẻ khen ngợi. Nếu phải miêu tả người phụ nữ lý tưởng, câu trả lời của Gilbert sẽ giống Anne đến từng chi tiết nhỏ, kể cả sự tồn tại đáng ghét của bảy nốt tàn nhang bé xíu vẫn đang làm cho cô bứt rứt chẳng yên. Gilbert chỉ mới lớn hơn một cậu bé chút ít, nhưng ngay cả một cậu bé cũng có những giấc mơ như mọi người, và

trong tương lai của anh luôn có một cô gái với đôi mắt xám to trong vắt cùng khuôn mặt dịu dàng và tinh tế như một đóa hoa. Anh cũng đã quyết tâm xây dựng tương lai xứng đáng với nữ thần của mình. Ngay cả chốn Avonlea yên tĩnh cũng có nhiều cám dỗ cần đôi mắt. Đám thanh niên ở White Sands có tiếng là khá “ăn chơi”, và Gilbert rất được mến mộ ở bất cứ nơi nào anh đặt chân tới. Nhưng anh luôn giữ cho mình xứng đáng với tình bạn của Anne, và ở một ngày xa xôi nào đó, với tình yêu của cô. Và anh không chế nghiêm ngặt mọi lời nói, suy nghĩ và hành động của mình cứ như đôi mắt trong sáng của cô nhìn thấu tất cả. Cô đã bắt giắc ảnh hưởng đến anh, loại ảnh hưởng mà mọi cô gái có lý tưởng

cao cả và trong sáng thường gây ra cho những người bạn mình, loại ảnh hưởng sẽ tồn tại chừng nào cô còn trung thành với lý tưởng của mình, và đương nhiên, sẽ mất đi nếu cô lỡ đi ngược lại chúng. Trong mắt Gilbert, nét quyến rũ nhất của Anne là cô chẳng bao giờ hạ mình làm những hành động nhỏ nhen như rất nhiều cô gái Avonlea khác: ghen tuông lật vặt, tị nạnh lừa dối, giành giật cảm tình. Anne tự đặt mình ra ngoài những hành động đó một cách vô thức và chẳng chủ định, vì chúng hoàn toàn xa lạ với bản chất trong sáng và bốc đồng của cô, mọi động cơ và khát vọng của cô đều hết sức trong trẻo.

Nhưng Gilbert không cố diễn tả những suy nghĩ của mình thành lời nói, vì anh

có rất nhiều kinh nghiệm cho thấy Anne sẽ lạnh lùng không thương tiếc bẻ gãy mọi cố gắng tỏ tình từ trong trứng, hay là tệ hơn gấp mười lần, phá lên cười vào mặt anh.

“Cậu trông như một nữ thần rừng thực sự dưới cây bạch dương đó,” anh trêu cô.

“Tớ yêu những cây bạch dương,” Anne nói, áp má vào lớp vỏ cây mượt mà như nhung, một cử chỉ âu yếm đáng yêu hết sức tự nhiên đối với cô.

“Vậy thì chắc cậu vui lắm khi biết ông Major Spencer đã quyết định trồng một hàng bạch dương dọc theo con đường trước nông trại của mình, để ủng hộ Hội Cải tạo,” Gilbert nói.

“Ông ấy đã nói với tớ hôm qua. Major Spencer là người tiên bộ và có tinh thần cộng đồng nhất ở Avonlea. Và ông William Bell sẽ trồng một hàng rào vân sam dọc theo con đường phía trước và lối rẽ vào nông trại. Hội của chúng ta đang phát triển rất tuyệt, Anne ạ. Nó đã trải qua giai đoạn thử nghiệm và đã được chấp nhận. Người lớn bắt đầu quan tâm đến nó và người dân ở White Sands đang bàn tính lập một hội tương tự. Ngay cả Elisha Wright cũng đã bị thuyết phục kể từ ngày những người Mỹ ở khách sạn đi dã ngoại ở bờ biển. Họ tấm tắc khen những con đường của chúng ta, nói chúng đẹp hơn bất cứ nơi nào khác trên đảo. Và khi các trại chủ khác chịu theo gương ông Spencer mà trồng cây cảnh, dựng

hàng rào dọc theo con đường trước mặt, Avonlea sẽ là vùng đất đẹp nhất tỉnh.”

“Hội Từ thiện đang tính sửa sang lại nghĩa trang,” Anne nói, “và tớ hy vọng họ sẽ làm vậy, vì nếu làm thì phải quyên tiền, hội của chúng ta đừng hòng quyên tiền thêm lần nào nữa sau vụ tòa thị chính. Nhưng Hội Từ thiện sẽ chẳng bao giờ đụng đến việc này nếu Hội chúng ta không ngấm ngầm gieo suy nghĩ đó vào đầu họ. Đám cây chúng ta trồng trên đất nhà thờ đang tươi tốt, và ủy ban trường học đã hứa năm tới sẽ rào lại sân trường. Nếu họ làm vậy, tớ sẽ tổ chức ngày trồng cây, mỗi học sinh sẽ trồng một cây, rồi chúng ta sẽ có một khu vườn ngay góc sân cạnh con đường.”

“Chúng ta đã thành công trong hầu hết

các kế hoạch, ngoại trừ việc giật sập căn nhà cũ của nhà Boulter,” Gilbert nói, “Và tớ đành tuyệt vọng buông tay thôi. Levi không giật sập nó chỉ để chọc tức chúng ta thôi. Người nhà Boulter luôn có thói chống đối, và đến ông ta thì cái thói đó mọc rễ mạnh mẽ.”

“Julia muốn đưa một ủy ban nữa tới nói chuyện với ông ta, nhưng tớ cho rằng tốt hơn nên để cho ông ta yên thân,” Anne nói vẻ thông hiểu.

“Và tin vào ý trời, như bà Lynde nói,” Gilbert mỉm cười. “Đương nhiên, không một ủy ban nào nữa. Chỉ chọc tức thêm ông ta thôi. Julia Bell cho rằng cứ có ủy ban ủy biếc thì sẽ làm được mọi thứ. Mùa xuân tới, Anne ạ, chúng ta phải phát động phong trào làm đẹp sân vườn và

bãi cỏ. Chúng ta sẽ gieo rắc ý tưởng đó trong mùa đông này. Tớ có một quyển chuyên đề về bãi cỏ và gieo trồng cỏ, tớ sẽ sớm viết một bản tham luận về chủ đề này. ồ, tớ thấy là kỳ nghỉ hè của chúng ta sắp kết thúc rồi. Trường học khai giảng vào thứ Hai. Ruby Gillies có được nhận dạy ở trường Carmody không?”

“Có, Priscilla viết thư nói là cậu ấy nhận dạy trường ở ngay quê nhà, nên ủy ban trường Carmody đã giao vị trí Priscilla bỏ lại cho Ruby. Thật tiếc vì Priscilla sẽ không quay lại, nhưng cũng vì vậy, tớ mừng khi Ruby dạy ở trường đó. Cậu ấy sẽ về nhà thứ Bảy hằng tuần, và mọi thứ sẽ y như xưa, cậu ấy, Jane, Diana và tớ sẽ lại được ở bên nhau.”

Bà Marilla vừa quay về từ nhà bà

Lynde, khi Anne trở lại thì bà đang ngồi trên bậc thềm hiên sau.

“Rachel và ta đã quyết định mai sẽ ra tỉnh,” bà nói. “Ông Lynde tuần này đã khá hơn và Rachel muốn đi trước khi ông ấy bị ốm lần nữa.”

“Sáng mai cháu định sẽ dậy thật sớm vì cháu có quá nhiều việc phải làm,” Anne tràn đầy quyết tâm. “Trước tiên, cháu phải chuyển lông ngỗng từ chăn cũ sang chăn mới. Lẽ ra cháu phải làm từ lâu rồi nhưng cháu cứ trì hoãn mãi... đó đúng là một công việc đáng ghét. Trì hoãn những việc đáng ghét là một thói quen rất xấu, và cháu sẽ không bao giờ lặp lại nữa, nếu không thì cháu không thể đường hoàng khuyên nhủ học sinh đừng làm vậy. Như thế là giả dối. Rồi sau đó

cháu sẽ làm một cái bánh ngọt cho ông Harrison, viết cho xong bản tham luận về vườn tược cho Hội cải tạo, rồi viết thư cho Stella, giặt và hồ bột cái váy xa tanh, may tạp dề mới cho Dora.”

“Cháu không làm được một nửa số việc ấy đâu,” bà Marilla bi quan. “Cứ khi nào ta tính làm thật nhiều việc là thể nào cũng có chuyện gì đó xảy ra ngăn cản kế hoạch ấy.”

20. Chuyện vẫn Hay Xảy Ra Như Thế

Sáng hôm sau, Anne dậy thật sớm, vui sướng đón chào một ngày mới khi lá cờ bình minh đang tung bay chiến thắng giữa bầu trời màu ngọc trai. Chái Nhà Xanh nằm trong biển ánh nắng điễm xuyết những bóng cây linh sam và dương liễu nhún nhảy. Bên kia đường là ruộng lúa mì của ông Harrison, cánh đồng mênh mông vàng óng dập dềnh trong gió.

Thế giới tươi đẹp đến mức Anne tồn tại mười phút bình yên lẫn quần quanh

cửa vườn, say sưa với vẻ yêu kiều của cảnh vật.

Sau bữa sáng, bà Marilla chuẩn bị lên đường. Dora sẽ đi với bà, đây là phần thưởng được hứa hẹn từ lâu của cô bé.

“Nào Davy, cháu phải ngoan và đừng làm phiền cô Anne,” bà nghiêm khắc cảnh cáo nó. “Nếu cháu ngoan, ta sẽ mua cho cháu một cây kẹo socola từ thị trấn.”

Than ôi, bà Marilla cũng đã hạ mình dính vào thói quen xấu: hồi lộ để người khác chịu cư xử tốt!

“Cháu sẽ không cố ý hư, nhưng giả sử cháu lỡ hư thì sao?” Davy muốn hỏi cho cặn kẽ.

“Cháu phải ý thức được hành động

của mình chứ,” bà Marilla khuyên nhủ. “Anne, nếu ông Shearer ghé qua hôm nay, cháu hãy mua một miếng thịt quay ngon và vài miếng lát tét nhé. Nếu ông ấy không ghé thì bữa trưa mai cháu phải giết gà đấy.”

Anne gật đầu.

“Hôm nay cháu chẳng vợ việc mà nấu cả bữa trưa cho chỉ mình hai cô cháu đâu,” cô nói. “Khúc thịt nguội kia cũng đủ cho bữa trưa rồi, và cháu sẽ chiên vài miếng lát tét cho bác khi bác về tối nay.”

“Sáng nay cháu sẽ giúp ông Harrison vận chuyển tảo đỏ,” Davy tuyên bố. “Ông ấy đã nhờ cháu và chắc ông ấy sẽ mời cháu dùng bữa trưa luôn, ông Harrison tốt bụng khiếp, ông ấy rất dễ gần. Cháu

ước gì lớn lên giống như ông ấy. Ý cháu là cư xử như ông ấy... Cháu không muốn trông như ông ấy... Nhưng cháu nghĩ chẳng cần phải lo, vì bà Lynde nói cháu rất xinh trai. Cô có nghĩ là cháu sẽ giữ được vẻ đẹp trai không hả cô Anne? Cháu muốn biết.”

“Cô dám chắc là được mà,” Anne nghiêm túc đáp. “Cháu quả là một cậu bé đẹp trai, Davy ạ,”... bà Marilla lộ vẻ không tán thành... “nhưng cháu phải sống cho xứng đáng với vẻ ngoài của mình và phải đáng yêu nhĩ nhận hết mức có thể.”

“Nhưng bữa trước, khi thấy Minnie May Barry khóc vì bị trêu là xấu xí, cô bảo nó là nếu nó ngoan, tử tế và đáng yêu, người ta sẽ không để ý tới vẻ ngoài của nó nữa,” Davy bất bình. “Cháu thấy

không thể thoát khỏi chuyện phải ngoan ngoãn trên thế giới này, dù là vì lý do này hay lý do khác. Cuối cùng thì vẫn phải cư xử cho tốt thôi.”

“Cháu không muốn là một cậu bé ngoan à?” Bà Marilla hỏi, bà đã học được rất nhiều nhưng vẫn chưa tránh được thói quen hỏi những câu hỏi vô ích như vậy.

“Vâng, cháu muốn ngoan, nhưng đừng có ngoan quá,” Davy cẩn trọng. “Không cần phải ngoan quá để rồi trở thành giám thị trường Chủ nhật. Như thầy Bell đấy, thầy ấy là một người xấu thực sự.”

“Không đời nào,” bà Marilla phẫn nộ.

“Đúng mà... chính miệng thầy ấy nói thế,” Davy long trọng xác nhận. “Tuần

trước khi cầu nguyện ở trường Chủ nhật, thầy ấy nói vậy mà. Thầy ấy nói thầy ấy là một con sâu thấp hèn, một tội đồ đau khổ và phải chịu trách nhiệm cho những tội ác đen tối nhất. Thầy ấy làm gì mà tệ như vậy hả bà Marilla? Thầy ấy giết ai hả? Hay là trộm một bộ sưu tập tiền xu? Cháu muốn biết.”

Thật may, ngay lúc đó bà Lynde đánh xe vào lối đi và bà Marilla chạy đi, cảm giác như mình vừa thoát khỏi bẫy rập và tha thiết ước mong ông Bell đừng có cầu nguyện quá hình tượng bóng bẫy ở nơi công cộng như thế nữa, nhất là trong tầm nghe của những cậu bé lúc nào cũng “muốn biết.”

Ở lại một mình trong tâm trạng vui vẻ, Anne hăng say làm việc. Cô quét sàn,

dọn giường, cho gà ăn, giặt váy xa tanh và phơi trên dây. Sau đó cô chuẩn bị chuyển lông ngỗng. Cô trèo lên gác xếp và mặc cái váy cũ tóm được đầu tiên... một chiếc váy len casomia màu xanh dương cô mặc hồi mười bốn tuổi. Nó ngắn cũn cỡn và “ôm sát” người như bộ váy len trứ danh Anne từng mặc vào lần đầu tiên xuất hiện ở Chái Nhà Xanh, nhưng ít nhất nó sẽ không bị lông tơ và lông vũ làm hư. Anne hoàn tất phục sức của mình bằng cách buộc quanh đầu tấm khăn tay đỏ chấm trắng to đùng từng thuộc về Marilla, và trong bộ dạng ấy, cô hùng dũng tiến vào bếp, bà Marilla đã giúp cô mang tấm chăn lông tới đó trước khi lên đường.

Bên cửa sổ treo một tấm gương nứt,

và trong một phút giây xui xẻo, Anne nhìn vào gương. Có bảy nốt tàn nhang trên mũi cô, rõ ràng hơn bao giờ hết, hay ít nhất thì chúng cũng có vẻ như vậy trong ánh sáng chói lọi xuyên qua cửa sổ không che màn.

“Ôi, tôi qua mình lại quên bôi kem rồi,” cô nghĩ bụng. “Tốt nhất là mình nên chạy xuống phòng lương thực bôi ngay bây giờ.”

Anne đã chịu đựng rất nhiều phương pháp để cố loại bỏ mấy nốt tàn nhang này. Có lần da mũi của cô tróc ra hết nhưng tàn nhang thì vẫn còn nguyên. Vài ngày trước, cô đọc thấy công thức kem trị tàn nhang trong một quyển tạp chí, và vì các thành phần đều có sẵn, cô lập tức pha chế, không để ý gì tới sự ghê tởm

của bà Marilla - bà cho rằng nếu Chúa trời đã đặt tàn nhang lên mũi ta thì ta phải có trách nhiệm để yên chúng ở đó.

Anne hấp tấp chạy xuống phòng lương thực, căn phòng lúc nào cũng tranh tối tranh sáng vì bị cây liễu lớn mọc gần cửa sổ chắn sáng, giờ lại gần như tối om vì màn che đã được kéo xuống để chặn ruồi. Anne chộp lấy cái lọ đựng kem bôi trên giá và hào phóng bôi lên mũi bằng một miếng bọt biển nhỏ dành riêng cho việc bôi trát này. Làm xong nhiệm vụ quan trọng ấy, cô quay lại công việc chính. Ai đã từng chuyển lông ngỗng từ tấm chăn này sang tấm chăn khác sẽ biết ngay Anne trông khùng khiếp thế nào khi làm xong việc. Cái váy của cô trắng xóa đầy lông tơ và nùi bông, tóc mái của cô

tuột ra khỏi vòng buộc của tấm khăn tay, lông ngỗng bám vào đó như một vàng hào quang. Đúng giây phút ngặt nghèo này thì có tiếng gõ vang lên ở cửa nhà bếp.

“Chắc là ông Shearer đây,” Anne nghĩ bụng. “Trông mình thật lôi thôi phát sợ, nhưng mình phải để nguyên mà chạy xuống thôi, vì lúc nào ông ấy cũng vọi cả.”

Lông tơ bay theo Anne cho tới tận cửa bếp. Nếu có một sàn nhà tốt bụng nào từng nứt ra nuốt chửng một cô nương đau khổ dính đầy lông thì sàn hàng hiên Chái Nhà Xanh lẽ ra nên kéo ngay Anne xuống vào thời điểm đó. Trên bậc cửa là Priscilla đang đứng, xinh đẹp tuyệt trần trong bộ váy lụa, một quý bà thấp lùn

mập mạp tóc muối tiêu mặc áo vải tuyết, một quý bà khác cao lớn, ăn mặc đẹp đẽ sang trọng với khuôn mặt mỹ lệ cao quý và đôi mắt tím với hàng mi đen dài cong vút, người mà Anne “linh cảm” thấy, theo cách nói thời thơ ấu của cô, chính là bà Charlotte E. Morgan.

Vào giây phút bối rối đó, một suy nghĩ tách ra khỏi mớ bòng bong trong đầu Anne, cô bám vào đó như bám vào phao cứu sinh. Tất cả các nhân vật chính của bà Morgan đều có đặc điểm là “giỏi ứng phó.” Dầu gặp phải rắc rối gì, họ đều ứng phó một cách dễ dàng và cho thấy sự ưu việt của mình trước mọi bất hạnh về thời gian, không gian hay số lượng. Do vậy, Anne cảm thấy mình phải có trách nhiệm ứng phó với tình hình, và

cô làm đúng như vậy một cách hoàn hảo đến mức sau đó, Priscilla phải tuyên bố rằng cô chưa bao giờ khâm phục Anne Shirley đến thế. Dầu cảm xúc dâng trào nhộn nhạo đến đâu, cô cũng không hề để lộ ra mặt. Cô chào Priscilla, được giới thiệu làm quen với những người đồng hành với vẻ bình tĩnh và tự chủ cứ như cô đang mặc bộ váy áo lỏng lẫ nhất. Đương nhiên, cô cảm thấy hơi choáng váng khi phát hiện quý bà mà cô linh cảm là bà Morgan không phải bà Morgan, mà là một bà Pendexter không rõ nào đó, trong khi người phụ nữ thấp bé mập mạp tóc muối tiêu mới chính là bà Morgan, nhưng so với cú sốc ban đầu thì lần choáng váng này chẳng đáng gì. Anne rồi rít mời các vị khách vào phòng

nghe rồi sang phòng khách, sau đó cô vội vã chạy ra ngoài giúp Priscilla tháo ngựa.

“Thật tệ khi đến nhà cậu bất ngờ thế này,” Priscilla xin lỗi, “nhưng tới tôi qua tớ mới biết là chúng tớ sẽ đến đây. Di Charlotte sẽ đi vào thứ Hai, và dì ấy đã hứa đến thăm một người bạn ở thị trấn vào hôm nay. Nhưng tới qua bạn dì ấy gọi điện bảo đừng đến bởi họ bị cách ly vì sốt ban đỏ. Thế là tớ đề nghị tới nhà cậu, vì tớ biết cậu mong ngóng gặp dì tớ biết nhường nào. Bọn tớ ghé qua khách sạn White Sands và đón bà Pendexter theo. Bà ấy là bạn của dì tớ, sống ở New York và có chồng là tỉ phú. Chúng tớ không thể ở lại quá lâu, vì bà Pendexter phải quay về khách sạn vào

lúc năm giờ.”

Khi cất ngựa, vài lần Anne thấy Priscilla lén nhìn cô với vẻ khó hiểu.

“Cậu ấy không nên nhìn mình như thế,” Anne nghĩ bụng với đôi chút hậm hực. “Dẫu cậu ấy không biết đôi lông ngỗng cực đến chừng nào thì cậu ấy cũng phải tưởng tượng ra được chứ.”

Khi Priscilla quay lại phòng khách, trước khi Anne kịp chạy lên lầu, Diana bước vào bếp. Anne chớp lấy tay người bạn đang sửng sờ của mình.

“Diana Barry, cậu đoán xem ai đang ở trong phòng khách ngay lúc này nào? Bà Charlotte E. Morgan... và bà vợ của một tỉ phú New York... và tớ thì trông thế này... và trong nhà chẳng có gì cho

bữa trưa ngoài khúc thịt nguội, Diana ơi!”

Đến lúc này, Anne nhận thấy Diana đang nhìn mình với vẻ ngỡ ngàng y hệt như Priscilla khi nãy. Thật là quá đáng.

“Ôi, Diana, đừng nhìn tớ như thế,” cô van nài. “It nhất thì cậu phải biết là người chinh tề nhất thế giới cũng không thể dốc hết lông ngỗng từ một tấm chăn này sang một tấm chăn khác mà vẫn giữ được vẻ chinh tề chứ”

“Không... không... không phải là lông ngỗng,” Diana ngần ngừ. “Đó... đó... là mũi của cậu, Anne ạ.”

“Mũi của tớ? Ôi trời, Diana, chắc là không có gì tồi tệ xảy ra với nó chứ!”

Anne chạy đến trước tấm gương nhỏ đặt phía trên bồn rửa chén. Một cái liếc mắt đã tiết lộ sự thật chết người. Mũi của cô đỏ chói!

Anne ngồi phịch xuống xô pha, tinh thần bất khuất của cô cuối cùng cũng bị khuất phục.

“Có chuyện gì thế?” Diana hỏi, nổi tò mò đã chiến thắng sự tế nhị.

“Tớ cứ nghĩ mình thoa kem trị tàn nhang lên mũi, nhưng nhất định tớ đã lấy lộn lọ thuốc nhuộm đỏ mà bác Marilla dùng để đánh dấu hoa văn trên thảm,” đó là câu trả lời tuyệt vọng của Anne. “Tớ phải làm gì đây?”

“Rửa sạch đi,” Diana thực tế.

“Nhỡ nó không trôi thì sao. Lần đầu tớ nhuộm tóc, rồi sau đó thì nhuộm mũi. Bác Marilla cắt tóc của tớ khi tớ nhuộm nó, nhưng biện pháp này không thể áp dụng đối với cái mũi. Ôi, đây là một sự trừng phạt nữa cho thói phù phiếm của tớ, tớ cho rằng thế cũng thật đáng đời... dẫu rằng nói vậy chẳng đem lại chút an ủi nào. Thực sự điều này làm tớ tin vào vận rủi, dẫu bà Lynde nói làm gì có vận rủi, vì mọi thứ đều được định sẵn hết rồi.”

Thật may là lớp thuốc nhuộm trôi đi dễ dàng, Anne cảm thấy an ủi được một chút bắt đầu lê bước lên chái Đông trong khi Diana chạy về nhà. Bây giờ Anne lại xuống lầu, ăn mặc chỉnh tề và đầu óc bình tĩnh trở lại. Chiếc váy xa tanh cô

từng mong được mặc giờ đang tung bay vui vẻ trên dây phơi bên ngoài, vì vậy cô buộc phải hài lòng với bộ váy vải ba tít đen. Cô bật bếp đun trà khi Diana trở lại. Ít nhất thì Diana cũng mặc bộ váy xa tanh của mình, tay cầm một cái đĩa có đậy nắp.

“Mẹ tớ gửi cho cậu này,” cô nói, nhắc nắp đĩa phô ra món gà được chặt rất khéo trước đôi mắt biết ơn của Anne.

Món gà đi chung với bánh mì mới trắng muốt, bơ và pho mát ngon tuyệt, bánh trái cây của bà Marilla và một đĩa mút mạn trôi bồng bênh trên nước xi rô vàng óng như ánh nắng hè ngưng đọng. Có một bát lớn thả đầy hoa cúc tây hồng trắng để trang trí, nhưng mọi thứ có vẻ thật khiêm tốn so với lần bài trí lộng lẫy

lúc trước dành riêng cho bà Morgan.

Tuy nhiên, những vị khách đang đói ngấu của Anne dường như không để ý tới bất cứ thiếu sót gì, họ tận hưởng bữa ăn đơn giản với vẻ hứng thú rõ rệt. Nhưng sau vài phút đầu tiên thì Anne không còn để ý tới thứ gì đang có mặt hay vắng mặt trong thực đơn của mình nữa. Bên ngoài của bà Morgan có thể hơi đáng thất vọng, ngay cả những tín đồ trung thành của bà cũng buộc phải thừa nhận như thế, nhưng rõ ràng bà là một người nói chuyện hết sức thú vị. Bà đi du lịch rất nhiều nơi và là một người kể chuyện tuyệt vời. Bà đã gặp rất nhiều loại người và kết tinh kinh nghiệm của mình trong những câu nói dí dỏm và những lời trào phúng khiến người nghe cảm thấy họ đang lắng nghe

một nhân vật thông thái từ trong sách. Nhưng bên dưới vẻ ngoài lấp lánh đó là một luồng nước ngầm mạnh mẽ của sự chân thành, sự cảm thông đầy nữ tính và sự tốt bụng, khiến bà chiếm được cảm tình của người khác một cách dễ dàng cũng như sự tài hoa của bà khiến người ta ngưỡng mộ vậy. Bà cũng không hề độc thoại. Tài cạy miệng người khác của bà cũng chẳng kém gì tài ăn nói, Anne và Diana thấy mình nói chuyện với bà hết sức thoải mái. Bà Pendexter nói rất ít, bà chỉ mỉm cười với đôi môi và ánh mắt đẹp tuyệt trần, ăn gà, bánh trái cây và mút với vẻ yêu điệu tinh tế khiến người ta có cảm giác như bà đang ném phấn hoa và mật ong vậy. Nhưng như Anne nói riêng với Diana sau đó, một người đẹp

tuyệt trần như bà Pendexter không cần phải nói chuyện, chỉ để cho người ta ngắm là đủ rồi.

Sau bữa trưa, họ đi dạo qua đường Tình Nhân và thung lũng Tím rồi đến lối Bạch Dương, băng qua rừng Ma Ám đến suối Bong Bóng Nữ Thần Rừng, ở đó họ ngồi xuống trò chuyện vui vẻ nửa tiếng đồng hồ. Bà Morgan muốn biết vì sao rừng Ma Ám lại có tên như vậy, và phá lên cười đến chảy nước mắt khi nghe đầu đuôi câu chuyện đầy kịch tính của Anne về chuyến đi đáng ghi nhớ qua rừng Ma Ám vào giờ hoàng hôn đầy ma thuật.

“Đó đúng là một bữa tiệc tinh thần hết sức thú vị, phải không?” Anne lên tiếng khi các vị khách đã ra về, cô và Diana chỉ còn lại một mình. “Tớ không biết

mình thích lắng nghe bà Morgan hay ngắm nhìn bà Pendexter hơn. Tớ nghĩ chúng mình đã có một khoảng thời gian thú vị hơn hẳn lần chúng mình biết trước họ đến và bỏ công bỏ sức ra chuẩn bị. Cậu phải ở lại dùng trà với tớ, Diana ạ, và chúng ta sẽ tha hồ bàn tán.”

“Priscilla nói chị chồng của bà Pendexter cưới một bá tước người Anh, thế mà bà ấy ăn món mứt mận đến hai lần,” Diana nói cứ như hai chuyện này không hề tương thích với nhau.

“Tớ dám chắc ngay cả vị bá tước người Anh đó cũng không dám nhăn cái mũi quý tộc của mình trước món mứt mận bác Marilla đâu,” Anne tự hào.

Tối hôm đó, Anne không nhắc gì đến

nổi bật hãnh giáng xuống cái mũi của cô khi cô kể cho bà Marilla nghe chuyện trong ngày. Nhưng cô lấy lọ kem trị tàn nhang đổ ra ngoài cửa sổ.

“Mình sẽ không bao giờ đụng vào cái mớ đồ làm đẹp nào nữa,” cô quyết tâm sắt đá. “Chúng có thể hợp với những người cẩn thận để ý, nhưng với một kẻ lúc nào cũng phạm lỗi một cách không sửa chữa được như mình thì thể nào cũng có chuyện.”

21. Cô Lavendar Đáng Yêu

Trường học khai giảng và Anne quay lại làm việc, với ít lý thuyết nhưng rõ ràng là nhiều kinh nghiệm hơn hẳn. Cô có vài học trò mới, những đứa bé mới sáu hay bảy tuổi ngơ ngác bước vào thế giới đầy mới lạ. Trong đó có cả Davy và Dora. Davy ngồi cạnh Milty Boulter, cậu này đã đi học được một năm, do vậy có thể coi là một người khá từng trải. Tuần trước ở trường Chủ nhật, Dora đã hứa hẹn ngồi chung với Lily Sloane, nhưng Lily Sloane không đi học bữa đầu tiên,

thê là cô bé tạm thời được phân ngồi cạnh Mirabel Cotton, cô nàng này đã được mười tuổi, vì vậy được coi là một “cô gái trưởng thành” trong mắt Dora.

“Cháu nghĩ trường học rất thú vị,” Davy nói với bà Marilla khi nó về nhà tối hôm đó. “Bà nói cháu sẽ thấy khó mà ngồi yên, đúng như vậy... bà gần như toàn nói đúng, cháu để ý thế... nhưng cháu có thể co duỗi chân dưới gầm bàn, nhờ vậy cũng đỡ được nhiều lắm. Có nhiều cậu bạn chơi chung thật là tuyệt. Cháu ngồi kế Milty Boulter và nó cũng hay. Nó cao hơn cháu nhưng bề ngang cháu to hơn. Ngồi ở ghế chót thì thích hơn, nhưng ta không thể ngồi ở đó cho tới khi chân dài đủ để chạm đất. Milty vẽ hình cô Anne trên bảng của nó, cái hình xấu khủng

khiếp và cháu dọa là nếu nó dám vẽ hình Anne như vậy nữa thì cháu sẽ unction nó vào giờ ra chơi. Ban đầu cháu định vẽ hình nó có sừng và đuôi, nhưng cháu sợ làm tổn thương cảm xúc của nó, cô Anne bảo là không bao giờ được làm tổn thương cảm xúc của người khác. Đừng như là bị tổn thương cảm xúc thì đáng sợ lắm. Thà đánh gục một thằng con trai còn hơn là làm tổn thương cảm xúc của nó, nếu mà phải cho nó một bài học. Milty nói nó không sợ cháu, nhưng nó liền đổi tên bức tranh để triệu ý cháu, thế là nó xóa tên cô Anne và viết tên Barbara Shaw vào. Milty không thích Barbara, dì con bé gọi nó là bé trai đáng yêu và có lần còn xoa đầu nó nữa.”

Dora nghiêm nghị nói rằng thích đi

học, nhưng cô bé trở nên quá sức yên lặng hơn hẳn ngày thường, và khi trời chập choạng, bà Marilla bảo cô bé lên lầu đi ngủ, cô bé ngần ngừ rồi òa lên khóc.

“Cháu... cháu sợ,” cô bé nức nở.
“Cháu... cháu không muốn lên lầu một mình trong bóng tối.”

“Cháu nghĩ cái quái gì trong đầu thế?” bà Marilla hạch hỏi. “Rõ ràng cháu đi ngủ một mình suốt mùa hè mà có sợ hãi khi nào đâu.”

Dora vẫn thút thít, thế là Anne ẵm cô bé lên, đu đưa dịu dàng và thì thầm hỏi,

“Kể cho cô Anne nghe đi, bé yêu. Cháu sợ gì vậy?”

“Sợ... sợ chú của Mirabel Cotton,” Dora nức nở. “Hôm nay khi ở trường Mirabel Cotton kể hết cho cháu nghe về gia đình của chị ấy. Gần như mọi người trong gia đình chị ấy đều đã chết., ông này, bà này, rồi vô số cậu và dì nữa. Họ quen thói chết, Mirabel nói thế. Mirabel tự hào khùng khiếp khi có nhiều họ hàng chết như vậy, và chị ấy kể cho cháu nghe lý do họ chết, họ đã nói gì và họ trông thế nào trong quan tài. Và Mirabel nói rằng một người chú của chị ấy đi vòng vòng trong nhà sau khi đã được chôn cất. Mẹ chị ấy đã chính mắt thấy. Cháu không ngại những người còn lại, nhưng cháu không thể không nghĩ tới người chú đó.”

Anne lên lầu chung với Dora và ngồi bên cạnh cho đến khi cô bé ngủ thiếp đi.

Ngày hôm sau, Mirabel Cotton bị giữ lại trong lớp vào giờ ra chơi và được khuyên nhủ một cách “nhẹ nhàng nhưng cương quyết” rằng dẫu cô bé quá xui xẻo khi có một người chú cứ cương quyết đi loanh quanh trong nhà ngay sau khi được chôn cất đàng hoàng, thì cô bé cũng nên tế nhị mà không kể về quý ông lập di đó cho bạn cùng bàn còn nhỏ tuổi nghe. Mirabel cho rằng lời khuyên này thật khắc nghiệt. Nhà Cotton chẳng có bao nhiêu thứ để mà kiêu hãnh. Làm sao cô bé có thể giữ uy tín với bạn học khi mà bị cấm khoe mẽ về các hồn ma trong gia đình chứ?

Tháng Chín lùi đi nhường lối cho vẻ đẹp đỏ vàng thanh lịch của tháng Mười. Một chiều thứ Sáu nọ, Diana ghé sang

chơi.

“Hôm nay tớ nhận được thư của Ella Kimball, Anne ạ, và cậu ấy muốn chúng mình đến nhà dùng trà vào trưa mai để gặp chị họ của cậu ấy, Irene Trent, mới từ thành phố về. Nhưng tớ không thể lấy ngựa của nhà đi được, vì mai chúng bị dùng hết cả rồi, còn con ngựa của cậu thì bị đau chân... nên tớ cho rằng chúng ta không thể đi được.”

“Sao chúng ta không đi bộ?” Anne đề nghị. “Nếu chúng ta đi thẳng xuyên qua khu rừng, chúng ta sẽ đến đường Tây Grafton không xa nhà Kimball mấy. Mùa đông năm ngoái tớ đã đi đường đó và tớ biết đường mà. Không đến bốn dặm, và chúng ta sẽ không phải đi bộ về, vì chắc chắn Oliver Kimball sẽ đánh xe đưa

chúng ta về. Anh ta sẽ rất vui trước cái có này, vì anh ta đang tán tỉnh Carrie Sloane nhưng nghe đồn ba anh ta hiếm khi nào đưa ngựa cho anh ta.”

Theo đó, họ quyết định rằng sẽ đi bộ, và buổi trưa hôm sau, họ khởi hành, đi theo đường Tình Nhân đến mặt sau nông trại nhà Cuthbert, ở đó họ nhìn thấy một con đường dẫn sâu vào hàng mẫu rừng sồi và rừng phong, cả vạt rừng nhuộm màu vàng đỏ rực rỡ, chìm đắm trong ánh chiều yên bình và tĩnh lặng.

“Cứ như tháng năm đang quỳ gối cầu nguyện trong một giáo đường mêng mêng đây ánh sáng êm dịu vậy, phải không?” Anne mơ màng. “Đi vội đi vàng qua rừng có vẻ như thật không nên không phải nhỉ? Có vẻ bất kính, như là chạy

trong nhà thờ vậy.”

“Nhưng chúng ta phải nhanh chân lên,” Diana liếc nhìn đồng hồ. “Chúng ta chỉ còn rất ít thời gian.”

“Ồ, tớ sẽ đi nhanh nhưng đừng yêu cầu tớ nói chuyện,” Anne nói, chân bước nhanh hơn.

“Tớ chỉ muốn tận hưởng vẻ đáng yêu của ngày hôm nay... Tớ cảm thấy ngày hôm nay ngọt ngào như một ly rượu bông bênh ngay môi tớ, và tớ nhắm nháp từng ngụm một theo mỗi bước đi.”

Có lẽ bởi vì quá chuyên tâm “tận hưởng” mà Anne queo trái khi họ đi đến một ngã ba. Lẽ ra cô nên queo sang phải, nhưng sau này cô cho rằng đó là sai lầm may mắn nhất trong cuộc đời mình. Cuối

cùng họ đi đến một con đường vắng vẻ cỏ xanh um, không có gì trong tầm mắt ngoại trừ những hàng cây vân sam non.

“Ôi, chúng ta đang ở đâu đây?” Diana kêu lên bối rối. “Đây không phải là đường Tây Grafton.”

“Không, đó là đường ranh giới ở Trung Grafton,” Anne nói vẻ xấu hổ. “Chắc tớ đã quẹo sai hướng lúc ở ngã ba. Tớ không biết chính xác mình đang ở đâu, nhưng chắc chắn là phải cách nhà Kimball ba dặm.”

“Vậy thì chúng ta không thể đến đó đúng năm giờ, vì giờ đã là bốn giờ rưỡi rồi,” Diana nhìn đồng hồ vẻ tuyệt vọng. “Chúng ta sẽ đến sau khi họ đã dùng trà xong, và thế là phải phiền họ dọn ra cho

chúng ta lần nữa.”

“Thế thì ta hãy quay về nhà thôi vậy,” Anne yếu ớt đề nghị. Nhưng Diana sau khi suy nghĩ kỹ đã phủ quyết.

“Không, tốt nhất chúng ta cứ đi dung dăng dung dẻ suốt buổi chiều, dù gì cũng đã bỏ công đến tận đây.”

Đi thêm vài thước nữa, các cô gái lại tới một ngã ba đường.

“Chúng ta đi lối nào đây?” Diana băn khoăn.

Anne lắc đầu.

“Tớ không biết, nhưng chúng ta không thể mắc thêm bất cứ sai lầm nào nữa. Ở đây có một cánh cổng và một lối đi dẫn thẳng vào rừng. Chắc sẽ có một

căn nhà ở đâu bên kia. Mình đi xuống hỏi thăm đi.”

“Đúng là một lối mòn lằng mạn,” Diana nói khi họ đi dọc theo lối đi ngoằn ngoèo. Nó chạy dưới hàng linh sam cổ thụ cành lá đan xen vào nhau, bóng râm u ám khiến chẳng có gì bên dưới mọc được trừ rêu. Hai bên lối đi đều là nên rừng nâu sẫm, thỉnh thoảng lại có vài vệt nắng chập chới. Bầu không khí yên tĩnh và xa vắng, cứ như cả thế giới và mọi mối ưu tư đều bị cách ly ở rất xa.

“Tớ cảm giác như chúng mình đang đi qua một khu rừng bị phù phép,” Anne thì thầm.

“Cậu có cho rằng mình sẽ tìm được lối trở về thế giới thực không, hả Diana?”

Chúng ta sẽ sớm đi đến một cung điện có một nàng công chúa đang ngủ say, tớ nghĩ vậy đó.”

Đến khúc quanh kế tiếp, đập vào mắt họ không hẳn là một lâu đài nhưng cũng là một căn nhà nhỏ hết sức đặc biệt, chẳng khác gì một tòa cung điện giữa những căn nhà nông trại bằng gỗ trong tỉnh vốn giống nhau đến từng chi tiết cứ như là mọc lên từ cùng một hạt giống vậy. Anne dừng phắt lại vẻ hân hoan và Diana kêu lên, “Ôi, tớ biết chúng mình đang ở đâu rồi. Đó là căn nhà đá nhỏ nơi cô Lavendar Lewis sống... Nhà Vọng, cô ấy gọi nó như vậy đó, tớ nhớ thế. Tớ thường nghe kể về nó nhưng chưa bao giờ chính mắt nhìn thấy. Nơi đây thật lãng mạn phải không?”

“Đây là nơi xinh đẹp đáng yêu nhất mà tớ từng thấy hay từng tưởng tượng ra,” Anne vui sướng reo lên. “Nhìn cứ như một ngôi nhà từ quyển sách truyện hay từ một giấc mơ vậy.”

Ngôi nhà có mái sà xuống thấp, dựng lên từ những khối sa thạch đỏ trên đảo được đỡ đỡ không hề tô điểm, từ mái nhà chóp nhọn trở ra hai cửa sổ mái che bằng gỗ nhìn hay hay là lạ cùng hai ống khói không lồ. Cả căn nhà bao phủ dây thường xuân tươi tốt bám chặt vào mặt đá xù xì và được sương giá mùa thu nhuộm màu đồng ửng màu rượu vang đỏ đẹp tuyệt.

Trước nhà là một khu vườn hình chữ nhật, cánh cổng nơi hai cô gái đang đứng mở rộng dẫn vào vườn. Căn nhà một mặt trông ra vườn, ba mặt còn lại được một

bờ tường đá cũ kỹ bao quanh, rêu, cỏ, dương xỉ um tùm đến mức nó chẳng khác gì một dải đất cao xanh ngắt, ở bên phải và bên trái, hàng vân sam cao vút sẫm màu vươn dài cành lá như lòng bàn tay che bóng mát; nhưng bên dưới lại là một cánh đồng nhỏ xanh ươm cỏ ba lá, chạy dọc xuống vệt xanh lờ mờ của con sông Grafton. Không có căn nhà hay khoảnh đất trống nào trong tầm mắt... chỉ có đồi núi và thung lũng phủ đầy cây linh sam non tơ.

“Tớ tự hỏi cô Lewis là người thế nào,” Diana suy đoán khi họ mở cửa bước vào vườn.

“Họ nói cô ấy khá kỳ lạ.”

“Vậy cô ấy chắc sẽ thú vị đây,” Anne

quả quyết. “ít nhất thì những người kỳ lạ luôn như vậy, dẫu họ có hoặc không có những đặc tính khác. Tớ có nói với cậu là chúng ta sẽ đến một cung điện bị phù phép mà, phải không? Tớ biết những yêu tinh đã không bỏ công giảng mắc pháp thuật trên con đường đó mà.”

“Nhưng cô Lavendar Lewis đâu có gì giống với một nàng công chúa ngủ say,” Diana phá lên cười. “Cô ấy là một cô gái già... bốn mươi lăm tuổi và tóc đã muối tiêu rồi, tớ nghe đồn thế.”

“Ôi, đó chỉ là do bùa phép giáng xuống mà thôi,” Anne tự tin. “Trái tim cô ấy vẫn còn trẻ trung và tươi đẹp... và nếu chúng ta biết cách cởi bỏ lời nguyền, cô ấy sẽ bước ra sáng rực và mỹ lệ như xưa. Nhưng chúng ta không biết cách...”

luôn luôn chỉ có hoàng tử biết được biện pháp mà thôi... và hoàng tử của cô Lavendar vẫn chưa tới. Có lẽ anh ta đã gặp phải rủi ro chí tử nào... dẫu như thế là trái với luật của mọi truyện cổ tích.”

“Tớ e là anh ta đã đến đây từ lâu rồi lại bỏ đi rồi,” Diana nói. “Nghe đồn cô ấy từng đính hôn với Stephen Irving... cha của Paul... khi cả hai còn trẻ. Nhưng họ cãi vã rồi chia tay nhau.”

“Suyt,” Anne cảnh báo. “Cửa mở kìa.”

Hai cô gái đứng ở hiên nhà dưới những tua thường xuân, gõ vào cánh cửa đang đẽ ngổ. Có tiếng bước chân lộp cộp bên trong và một bóng người nhỏ bé khá kỳ lạ xuất hiện... một cô bé khoảng mười

bồn, mặt tàn nhang, mũi hếch, miệng rộng cứ như kéo dài từ “lỗ tai này đến lỗ tai kia” và hai bím tóc vàng dài thướt thắt lơ xanh to đùng.

“Cô Lewis có nhà không?” Diana hỏi.

“Vâng, thưa cô. Mời vào, thưa cô... Lối này, thưa cô... và mời cô ngồi, thưa cô. Cháu sẽ nói với cô Lavendar là các cô đã đến, thưa cô. Cô ấy đang ở trên lầu, thưa cô.”

Nói đoạn, cô giúp việc bé nhỏ vụt thoát khỏi tầm mắt, hai cô gái còn lại một mình nhìn quanh vẻ hứng thú. Nội thất bên trong căn nhà nhỏ tuyệt vời này cũng lý thú như bề ngoài của nó vậy.

Căn phòng có trần thấp và hai cửa sổ vuông nhỏ lắp kính, màn cửa diềm xa

tanh. Đồ đạc đều theo kiểu xưa nhưng được giữ gìn cẩn thận và khéo léo gây cảm giác rất dễ chịu.

Nhưng phải thẳng thắn thừa nhận rằng điểm hấp dẫn nhất, đối với hai cô gái khỏe mạnh vừa đi bộ bốn dặm đường trong khí thu se lạnh, là một cái bàn bày đầy đồ sứ xanh nhạt và những món ăn ngon lành, những cành dương xỉ ngả vàng lác rác trên tấm khăn trải đem lại cho nó một “không khí lễ hội” như Anne vẫn thường hay gọi.

“Chắc cô Lavendar đang đợi khách tới dùng trà,” cô thì thầm. “Có sáu chỗ. Nhưng cô bé khi này thật tức cười. Cứ như một sứ giả từ vùng đất thần tiên vậy. Tớ cho rằng cô bé chỉ đường cho chúng ta cũng được rồi, nhưng tớ cứ tò mò

muôn gặp cô Lavendar. C... c... cô ấy xuống kia.”

Và thế là cô Lavendar Lewis đang đứng ở ngưỡng cửa. Hai cô gái quá kinh ngạc đến quên cả phép lịch sự, chỉ giương mắt nhìn chằm chằm. Trong vô thức, họ mong đợi sẽ nhìn thấy hình ảnh một bà cô ế chồng như mình vẫn hay gặp... một người khá góc cạnh, tóc muối tiêu chải gọn cứng nhắc và cặp kính lão. Không thể tưởng tượng ra điều gì đối lập với cô Lavendar đến thế.

Cô là một quý cô nhỏ nhắn, tóc bạch kim dày gọn sóng được khéo léo uốn thành lọn. Mái tóc ôm lấy khuôn mặt còn rất trẻ, má hồng, môi mềm, mắt nâu to dịu dàng và lúm đồng tiền... lúm đồng tiền thực sự. Cô mặc váy xa tanh thanh

nhã màu kem in hoa hồng màu nhạt... một chiếc váy có vẻ trẻ trung đến mức lộ bịch cho phần lớn phụ nữ ở lứa tuổi của cô nhưng lại hợp với cô Lavendar một cách kỳ lạ khiến người ta không hề nhớ đến vấn đề tuổi tác.

“Charlotta Đệ Tứ nói là các cháu muốn gặp tôi,” giọng nói của cô rất hợp với bề ngoài.

“Chúng cháu muốn hỏi đường tới Tây Grafton,” Diana nói. “Chúng cháu được mời dùng trà ở nhà ông Kimball nhưng đã đi sai đường trong rừng và đến đường ranh giới thay vì đường Tây Grafton. Giờ chúng cháu nên rẽ trái hay rẽ phải từ công nhà cô đây ạ?”

“Rẽ trái,” cô Lavendar nói, ngăn ngừa

liếc sang bàn trà. Sau đó cô kêu lên như vừa có một quyết định đột ngột.

“Nhưng ồ, sao các cháu không ở lại dùng trà với tôi? Làm ơn đi mà. Khi các cháu tới nơi thì bữa trà nhà ông Kimball cũng xong rồi. Và Charlotta Đệ Tứ cùng tôi sẽ rất vui được đón tiếp các cháu.”

Diana im lặng hỏi ý Anne.

“Chúng cháu muốn ở lại lắm,” Anne nói ngay vì cô đã quyết định rằng mình muốn biết thêm về cô Lavendar kỳ thú này, “nếu không làm phiền cô. Nhưng cô còn các vị khách khác nữa, phải không?”

Cô Lavendar liếc nhìn bàn trà lần nữa rồi đỏ mặt.

“Tôi biết các cháu sẽ cho rằng tôi thật

ngu ngốc,” cô nói. “Tôi quả thật là ngu ngốc... và luôn cảm thấy xấu hổ vì điều đó khi bị phát hiện, nhưng chỉ khi tôi bị phát hiện thôi. Tôi chẳng có vị khách nào cả... Tôi chỉ giả vờ thế thôi. Các cháu thấy đây, tôi rất cô đơn. Tôi thích có khách khứa đến chơi... đương nhiên là những vị khách hợp với tôi ấy... nhưng có rất ít người ghé qua đây vì nó quá xa đường cái. Charlotta Đệ Tứ cũng cô đơn lắm. Cho nên tôi giả vờ mình sắp tổ chức một buổi tiệc trà. Tôi nấu nướng... trang trí bàn ăn... rồi bày ra bộ đồ sứ mà mẹ tôi được tặng dịp đám cưới... rồi ăn diện sửa soạn.”

Diana nghĩ bụng cô Lavendar này cũng kỳ dị đúng như những người khác hình dung. Cứ nghĩ xem, một phụ nữ bốn

mười lăm chơi trò tổ chức tiệc trà, cứ như cô ta còn bé bỏng lắm vậy! Nhưng Anne với đôi mắt lấp lánh kêu lên vui sướng, “ồ, cô cũng hay tưởng tượng các thứ sao?”

Chữ “cũng” đó đã để lộ một tâm hồn tri âm với cô Lavendar.

“Vâng, đúng thế,” cô mạnh dạn thú nhận. “Đương nhiên thật ngớ ngẩn với một người vào độ tuổi như tôi. Nhưng làm một bà cô già độc lập có lợi gì nếu ta không được quyền ngớ ngẩn như ta muốn, một khi nó chẳng ảnh hưởng đến ai? Một người phải có chút đèn bù chứ. Tôi không tin tôi còn sống được đến giờ nếu không giả vờ chuyện này chuyện kia. Dù sao thì tôi cũng không thường bị bắt tại trận, và Charlotta Đệ Tứ không bao

giờ bép xép. Nhưng tôi vui vì bị phát hiện hôm nay, vì các cháu đã đến thực sự, và tôi có sẵn thức ăn chờ đón các cháu. Các cháu lên phòng nghỉ cất mũ nhé? Đó là căn phòng có cánh cửa màu trắng ở ngay đầu cầu thang. Tôi phải chạy xuống bếp xem Charlotta Đệ Tứ có để trà quá lửa không. Charlotta Đệ Tứ là một cô bé rất ngoan, nhưng luôn để trà quá lửa.”

Cô Lavendar hấp tấp chạy vào bếp với mục đích tận tình chiêu đãi khách, hai cô gái đi một mình lên phòng nghỉ, căn phòng sơn trắng muốt như màu cửa, được chiếu sáng bởi cửa sổ áp mái đầy dây thường xuân, và như Anne luôn nói, y hệt nơi những giấc mơ hạnh phúc nảy mầm.

“Đây đúng là một cuộc phiêu lưu nhỉ?” Diana hỏi. “Và cô Lavendar thật dễ thương phải không, dấu cô ấy có đôi chút kỳ lạ? Cô ấy nhìn chẳng giống một bà cô già gì cả.”

“Cô ấy trông như tiếng nhạc vậy, tớ nghĩ thế.” Anne trả lời.

Khi họ xuống nhà, cô Lavendar đang bung ấm trà và phía sau là Charlotta Đệ Tứ cầm đĩa bánh quy nóng về hết sức mãn nguyện.

“Bây giờ các cháu phải cho tôi biết tên nhé,” cô Lavendar nói. “Tôi rất mừng khi các cháu là những cô gái trẻ. Tôi rất yêu các cô gái trẻ. Thật dễ giả vờ như mình vẫn còn trẻ khi được ở bên cạnh họ. Tôi rất ghét”... cô hơi chau mày...

“nghĩ rằng mình đã già. Nào, các cháu tên gì... để gọi cho tiện ấy mà? Diana Barry? Và Anne Shirley? Vậy thì tôi có thể vờ như tôi đã quen các cháu được cả trăm năm và gọi thẳng các cháu là Anne và Diana được không?”

“Vâng được ạ,” hai cô gái đồng thanh.

“Vậy thì hãy ngồi xuống cho thoải mái và ăn sạch mọi thứ đi,” cô Lavendar vui vẻ nói.

“Charlotta, cháu ngồi ở cuối bàn giúp cắt thịt gà nhé. Thật là may vì tôi đã làm bánh xốp và bánh rán vòng. Đương nhiên, làm những món đó cho các vị khách tưởng tượng thì thật là ngốc... tôi biết Charlotta Đệ Tứ đã nghĩ vậy, phải không Charlotta? Nhưng cháu thấy chưa

Charlotta, mọi chuyện đã đầu vào đó. Đương nhiên dù sao thì đồ ăn cũng không bỏ phí đâu, vì Charlotta Đệ Tứ và tôi có thể ăn từ từ. Nhưng món bánh xốp không phải là loại để dành được lâu.”

Đó là một bữa ăn vui vẻ đáng nhớ; khi ăn xong, họ đi cả ra vườn và nằm xuống dưới ánh chiều rực rỡ.

“Cháu nghĩ chỗ ở của cô là nơi tuyệt vời nhất ở đây,” Diana nhìn quanh vẻ thán phục.

“Vì sao cô lại gọi nơi này là Nhà Vọng?” Anne hỏi.

“Charlotta,” cô Lavendar gọi; “Vào nhà đem cái còi thiếc nhỏ treo trên kệ đồng hồ ra đi.”

Charlotta Đệ Tứ tung tăng chạy đi và quay lại với chiếc còi.

“Thôi đi, Charlotta,” cô Lavendar ra lệnh.

Charlotta thổi, tiếng còi khàn khàn khá là nhức óc. Im lặng một thoáng... rồi từ cánh rừng bên kia sông, một chuỗi tiếng vọng kỳ diệu truyền lại, ngọt ngào, lấp lánh, khó nắm bắt, cứ như “còi của xứ thần tiên” vừa thổi lên hòa vào buổi hoàng hôn. Anne và Diana kêu lên vui sướng.

“Giờ thì cười đi, Charlotta... cười to lên.”

Charlotta chắc cũng sẽ vâng lời nếu cô Lavendar yêu cầu đi đâu xuống đất, cô bé trèo lên cái ghế đá, phá lên cười

thật to và chân thành. Tiếng vọng văng lại, như thể có một nhóm tiểu tiên đang bắt chước tiếng cười của cô bé trong cánh rừng tím sẫm và dọc theo những khoảng đất được cây linh sam vây quanh.

“Mọi người đều tán phục những tiếng vọng của tôi,” cô Lavendar nói cứ như đó là tài sản riêng của cô vậy. “Tôi cũng rất thích chúng. Chúng là những người bạn tốt... với một chút tưởng tượng. Vào những buổi chiều tối yên ả, Charlotta Đệ Tứ và tôi thường ngồi ngoài đây đùa giỡn với chúng. Charlotta, cất cái còi vào đúng chỗ nhé.”

“Vì sao cô lại gọi cô bé ấy là Charlotta Đệ Tứ?” Diana này giờ đang hết sức hiếu kỳ.

“Chỉ để phân biệt cô bé khỏi những Charlotta khác trong đầu tôi thôi,” cô Lavendar nghiêm túc đáp. “Bọn họ trông giống nhau quá đến mức chẳng phân biệt được. Tên của cô bé vốn không phải là Charlotta. Đó là... để tôi nhớ xem... là gì nhỉ? Tôi nghĩ đó là Leonora... đúng, chính là Leonora. Các cháu hiểu không, chuyện là thế này. Khi mẹ tôi qua đời mười năm trước, tôi không thể sống một mình ở đây... mà tôi lại không đủ tiền để trả lương cho một cô gái trưởng thành. Thế là tôi gọi Charlotta Bowman đến ở chung bao ăn bao mặc. Tên của cô nàng chính thật là Charlotta... đó là Charlotta Đệ Nhất. Lúc đó cô nàng mới mười ba tuổi. Cô nàng ở với tôi cho đến mười sáu rồi đến Boston, vì ở đó thì tìm được việc

tốt hơn. Thế là cô em đến ở với tôi. Tên cô bé là Julietta... Bà Bowman thích những cái tên thật kêu, tôi nghĩ thế... nhưng cô bé trông y hệt như Charlotta làm tôi cứ gọi sai mãi... và cô bé cũng không phiền. Thế là tôi từ bỏ không cố nhớ tên thật của cô bé làm gì nữa. Đó là Charlotta Đệ Nhị, và khi cô bé đi, Evelia đến và đó là Charlotta Đệ Tam. Giờ thì tôi có Charlotta Đệ Tứ, nhưng khi cô bé lên mười sáu tuổi... hiện giờ cô bé chỉ mới mười bốn... cô bé sẽ muốn đi Boston, và khi ấy tôi sẽ ra sao thì thực sự tôi cũng không biết nữa. Charlotta Đệ Tứ là cô con gái cuối cùng của nhà Bowman, và là cô gái tuyệt nhất. Những Charlotta kia luôn cho tôi thấy rằng họ nghĩ tôi ngốc nghếch khi chơi trò giả vờ,

nhưng Charlotta Đệ Tứ chẳng bao giờ làm vậy, dầu cô bé có nghĩ gì trong đầu. Tôi không quan tâm mọi người nghĩ gì về tôi nếu họ không để lộ cho tôi thấy suy nghĩ của họ.”

“Ôi,” Diana liếc nhìn mặt trời lặn một cách tiếc nuối. “Cháu nghĩ chúng cháu phải đi thôi, nếu muốn tới nhà ông Kimball trước khi trời tối. Chúng cháu đã rất vui, cô Lewis ạ.”

“Các cháu sẽ quay lại thăm tôi chứ?” cô Lavendar van nài.

Anne cao lớn choàng tay qua vai quý cô bé nhỏ.

“Nhất định mà,” cô hứa. “Giờ khi chúng cháu đã phát hiện ra cô; chúng cháu sẽ lợi dụng tôi đa lòng hiếu khách

đế đến gặp cô. Vâng, chúng cháu phải đi rồi... 'buộc mình phải rời đi', như Paul Irving thường nói mỗi lần cậu bé đến Chái Nhà Xanh.”

“Paul Irving?” Giọng cô Lavendar hơi run một thoáng. “Là ai vậy? Tôi không nghĩ ra ai có tên như thế ở Avonlea.”

Anne cảm thấy bực bội trước sự vô tâm của mình. Cô đã quên mất chuyện tình cũ của cô Lavendar mà buột miệng nhắc đến tên của Paul.

“Đó là một cậu học trò nhỏ của cháu,” cô từ từ giải thích. “Năm ngoái cậu bé từ Boston chuyển về đây sống với bà nội, bà Irving trên đường bờ biển.”

“Cậu bé là con trai của Stephen

Irving sao?” cô Lavendar hỏi, cúi xuống hàng rào hoa oải hương trùng tên với cô để giấu đi khuôn mặt của mình.

“Đúng vậy.”

“Tôi sẽ tặng cho mỗi cháu một bó oải hương,” cô Lavendar vui vẻ nói cứ như không hề nghe thấy câu trả lời. “Mùi hương của nó rất ngọt ngào, các cháu có nghĩ vậy không? Mẹ tôi rất yêu mùi hương đó. Mẹ tôi trồng những hàng rào này lâu lắm rồi. Ba tôi đặt tên cho tôi là Lavendar vì ông rất thích loài hoa này. Lần đầu tiên ông gặp mẹ tôi là khi ông cùng với anh trai bà đến thăm nhà bà ở Đông Grafton. Ông yêu bà ngay từ cái nhìn đầu tiên, họ mời ông vào ngủ trong phòng dành riêng cho khách, tấm ga trải giường thoang thoang mùi oải hương,

ông thao thức suốt đêm mơ mộng về bà. Từ đó về sau, ông đã đem lòng yêu mùi oải hương... đó là lý do ông đặt tên tôi là Lavendar. Đừng quên sớm ghé thăm tôi nhé, các cô gái yêu dấu. Chúng tôi sẽ chờ các cháu, cả Charlotta Đệ Tứ và tôi.”

Cô mở cánh cửa dưới tầng linh sam để họ đi qua. Cô chợt có vẻ già nua và mệt mỏi, vàng sáng rạng rỡ trên khuôn mặt đã mờ đi; nụ cười tạm biệt của cô vẫn ngọt ngào và thanh xuân vĩnh viễn như trước, nhưng khi hai cô gái quay đầu nhìn lại trước khúc quanh, họ thấy cô ngồi trên băng ghế đá cũ kỹ dưới tầng cây dương óng ánh bạc giữa khu vườn, đầu gục lên tay mệt mỏi.

“Cô ấy có vẻ cô đơn,” Diana nhẹ

nhàng thốt. “Chúng ta nên đến thăm cô ấy thường xuyên.”

“Tớ nghĩ cha mẹ cô ấy đã đặt cho cô ấy cái tên duy nhất có thể hợp với cô ấy,” Anne nói. “Nếu họ mù quáng đặt tên cô ấy là Elizabeth, Nellie hay Muriel, cô ấy vẫn chỉ là Lavendar mà thôi, tớ nghĩ thế. Cái tên đó gợi nhớ đến hương vị ngọt ngào, vẻ duyên dáng xưa cũ và 'trang phục bằng lụa bông bành'. Thế mà tên của tớ thì đầy mùi bánh mì bơ, mụn vá và việc nhà.”

“Ồ, tớ không nghĩ vậy đâu,” Diana nói. “Đối với tớ, tên Anne rất oai nghiêm như một vị nữ hoàng. Nhưng nếu cậu có tên là Kerrenhappuch thì tớ cũng yêu cái tên đó. Tớ nghĩ người thế nào thì tên sẽ đẹp hay xấu như thế ấy. Giờ thì tớ chẳng

chịu được những cái tên như Josie hay Gertie, nhưng trước khi quen mấy đứa con gái nhà Pye, tớ từng nghĩ chúng rất đẹp.”

“Đó là một ý tưởng thật đáng yêu, Diana ạ,” Anne hào hứng. “Sống sao để cho tên mình đẹp lên, dẫu ban đầu nó không được đẹp cho lắm... khiến nó tượng trưng cho điều gì đó thật đáng yêu và dễ chịu trong suy nghĩ của người khác mà họ không cảm nhận được từ riêng mỗi cái tên. cảm ơn Diana.”

22. Những Chuyện Vụn Vặt

“Vậy là cháu dùng trà ở ngôi nhà đá của Lavendar Lewis?” bà Marilla hỏi trên bàn ăn sáng vào sáng hôm sau. “Giờ cô ta thế nào? Lần cuối ta gặp cô ta là mười lăm năm trước... một ngày Chủ nhật ở nhà thờ Grafton. Ta cho rằng cô ta đã thay đổi rất nhiều. Davy Keith, khi cháu cần thứ gì ở ngoài tầm tay, hãy yêu cầu người khác đưa nó cho cháu chứ đừng chồm qua bàn cái kiểu như thế. Cháu có bao giờ thấy Paul Irving làm vậy mỗi lần đến dùng bữa không?”

“Nhưng tay của Paul dài hơn tay cháu,” Davy lúng búng trong miệng. “Chúng phát triển trong suốt mười một năm, còn tay cháu mới có bảy năm thôi. Mới cả, cháu có hỏi đấy chứ, nhưng bà và cô Anne quá bận nói chuyện nên không để ý. Mới cả, Paul đã bao giờ đến ăn bữa nào khác ngoại trừ bữa trà đầu, và để lịch sự vào bữa trà hơn là bữa sáng. Lúc đó thì đầu có đói bằng. Khoảng cách giữa bữa tối và bữa sáng lâu khủng khiếp. Nay cô Anne, cái muống đó trông chẳng to hơn năm ngoái chút nào, nhưng cháu thì đã lớn hơn nhiều.”

“Đương nhiên cháu không biết cô Lavendar lúc trước trông ra sao, nhưng chẳng hiểu sao cháu không nghĩ là cô ấy

đã thay đổi nhiều lắm,” Anne nói sau khi đã múc hai muỗng đầy xi rô nhựa phong để cho thằng bé đừng phàn nàn nữa. “Tóc cô ấy bạc trắng nhưng gương mặt vẫn tươi tắn và trẻ trung, và cô ấy có đôi mắt nâu vô cùng dịu dàng... màu sẫm như màu gỗ với ánh vàng lấp lánh bên trong... và giọng cô ấy khiến người ta nghĩ tới xa tanh trắng, nước róc rách và tiếng chuông cổ tích hòa trộn với nhau.”

“Khi còn trẻ thì cô ta nổi danh xinh đẹp,” bà Marilla nói. “Ta không biết rõ cô ta lắm, nhưng với những gì ta biết thì ta quý cô ta. Ngay từ hồi ấy đã có người cho rằng cô ta khá kỳ quặc. Davy, nếu bà còn bắt gặp cháu giở trò như vậy thì cháu sẽ phải ăn sau mọi người đấy nhé, như đám người giúp việc người Pháp vậy.”

Đa số các cuộc trò chuyện giữa Anne và bà Marilla khi có mặt hai đứa trẻ sinh đôi đều bị đứt quãng bởi những lời trách móc hướng về phía Davy. Lần này, thật buồn khi phải kể rằng Davy khi không thể dùng muông vét sạch giọt xi rô cuối cùng, đã giải quyết khó khăn bằng cách cầm lấy đĩa bằng cả hai tay rồi thè lưỡi liếm. Anne nhìn nó với ánh mắt khiếp hãi đến mức kẻ tội phạm bé nhỏ đỏ bừng mặt và áp úng nửa hồi lỗi nửa bào chữa,

“Làm vậy để không bỏ phí chút nào.”

“Những ai khác người thì thường bị kẻ khác gọi là kỳ lạ,” Anne nói. “Và cô Lavendar thì quả thật là khác thường, dẫu khó mà nói rõ khác ở chỗ nào. Có lẽ bởi vì cô ấy là kiểu người không bao giờ già đi.”

“Khi tất cả những người cùng thời đều già đi thì tốt nhất là nên già theo,” bà Marilla sảng giọng. “Nếu không thì chối mắt lắm. Theo như ta biết thì Lavendar Lewis dứt bỏ tất cả. Cô ta sống ở cái chỗ khi ho cò gáy đó cho đến khi mọi người quên hẳn mình. Căn nhà đá đó là một trong những căn nhà xưa nhất trên đảo. Ông lão Lewis xây nó tám mươi năm về trước khi vừa từ Anh quốc tới. Davy, đừng có lắc khuỷu tay của Dora. Ô, ta chính mắt nhìn thấy! Đừng có làm bộ vô tội nữa. Sao sáng nay cháu lại cư xử như thế hả?”

“Có lẽ vì cháu bước xuống giường sai hướng đấy,” Davy gợi ý. “Milty Boulter nói rằng nếu xuống giường sai hướng thì mọi việc trong ngày sẽ đảo lộn cả lên.

Bà nội nó nói với nó như vậy. Nhưng hướng nào mới là đúng đây? Và phải làm sao nếu giường được đặt sát tường? Cháu muốn biết.”

“Ta lúc nào cũng tự hỏi chuyện gì đã xảy ra giữa Stephen Irving và Lavendar Lewis;” bà Marilla lờ Davy đi. “Rõ ràng họ đã đính hôn hai mươi lăm năm trước rồi bất thành linh hủi hôn. Ta không biết có vấn đề gì, nhưng chắc chuyện phải khủng khiếp lắm, vì anh ta bỏ sang Mỹ và không bao giờ quay về nhà nữa.”

“Có thể đó không phải chuyện gì đáng sợ cả. Cháu nghĩ những chuyện vặt vãnh trong cuộc sống còn phiền phức hơn hẳn những việc lớn nữa,” Anne nói trong một khoảnh khắc sâu sắc bất chợt mà ngay cả kinh nghiệm cũng phải cúi đầu. “Bác

Marilla, đừng kể gì về việc cháu đến nhà cô Lavendar với bà Lynde nhé. Bà ấy chắc sẽ hỏi cả trăm câu hỏi và chẳng hiểu sao cháu không thích như vậy chút nào... nếu cô Lavendar biết thì cô ấy cũng không vui đâu, cháu chắc thế.”

“Bác dám chắc là Rachel sẽ tò mò lắm đây,” bà Marilla công nhận, “dẫu bà ấy không còn nhiều thời gian quan tâm đến chuyện của người khác như trước nữa. Bây giờ bà ấy bị giữ rịt ở nhà lo cho Thomas và cảm thấy khá buồn bã, vì có vẻ như bà ấy bắt đầu mất niềm tin rằng ông chồng sẽ khỏe lên được. Rachel sẽ còn lại cô đơn một mình nếu có chuyện gì xảy ra với Thomas, vì con cái họ đều đi về phía Tây sống cả, trừ Eliza trên thị trấn, mà bà ấy lại không ưa thẳng

chồng.”

Cách nói của bà Marilla dễ gây hiểu lầm rằng Eliza không yêu chồng, mà thực ra thì hoàn toàn ngược lại.

“Rachel nói nếu Thomas chịu gồng mình quyết tâm thì ông ta sẽ khỏe thôi. Nhưng sao lại phí công bắt một con sứa ngồi thẳng làm gì?” bà Marilla tiếp. “Thomas Lynde làm gì có quyết tâm mà gồng mình chứ. Ông ta bám váy mẹ cho tới khi lấy vợ, và rồi Rachel tiếp tục truyền thống của mẹ chồng. Thật lạ khi ông ta dám bệnh mà không hỏi ý Rachel. Nhưng thôi, ta không nên nói như vậy. Rachel là một người vợ tốt đối với ông ta. Ông ta sẽ không làm nên trò trống gì nếu không có bà ấy, rõ là thế. Ông ta sinh ra là để bị đè đầu cưỡi cổ, và cũng may

là ông ta rơi vào tay một người tháo vát thông minh như Rachel. Ông ta cũng chẳng lấy cung cách độc đoán của vợ làm phiền. Có vợ như thế thì ông ta đỡ phải mất công ra quyết định về bất cứ việc gì mà. Davy, đừng có vắn vẹo như một con lươn thế.”

“Cháu chẳng có gì khác để làm cả,” Davy phản đối. “Cháu không thể ăn thêm nữa, mà nhìn bà và cô Anne ăn cũng chẳng vui vẻ gì.”

“À, vậy thì cháu và Dora ra ngoài cho gà ăn lúa mì đi,” bà Marilla nói. “Và đừng có nhờ thêm một sợi lông đuôi nào của con gà trống trắng đấy nhé.”

“Cháu muốn có vài cọng lông để làm mũ kiểu người da đỏ,” Davy đối. “Milty

Boulter có một cái thịt ngon, làm từ lông con gà tây già mà mẹ nó giết thịt. Bà cũng phải cho cháu vài cái lông chứ. Lông con gà trống đó dư cho nó xài mà.”

“Cháu có thể lấy cái chổi lông gà cũ trên gác xép,” Anne nói, “rồi cô sẽ nhuộm xanh đỏ vàng cho cháu.”

“Cháu chiều thằng nhóc đó quá đi,” bà Marilla nói khi Davy mặt sáng rỡ đi theo cô bé Dora nghiêm trang ra ngoài. Sáu năm qua bà Marilla đã tiến được những bước khá dài trong lĩnh vực giáo dục trẻ em, nhưng bà vẫn chưa thể bỏ đi ý nghĩ rằng không nên quá chiều trẻ em vì chúng sẽ trở nên hư hỏng.

“Tất cả đám con trai trong lớp nó đều có mũ kiểu người da đỏ, và Davy cũng

muôn có một cái,” Anne đáp. “Cháu biết nó cảm thấy thế nào... Cháu không bao giờ quên được mình từng thềm có áo tay phồng thế nào khi tất cả đám bạn gái đều mặc áo tay phồng. Với lại Davy không bị chiều đến hư đâu. Mỗi ngày nó mỗi ngoan hơn. Nghĩ đến sự khác biệt giữa nó bây giờ và nó khi mới tới đây một năm trước xem.”

“Rõ ràng là nó không nghịch ngợm nhiều nữa kể từ khi đi học,” bà Marilla thừa nhận. “Bác cho rằng nó đã tiêu hết năng lượng với đám con trai kia. Nhưng thật lạ là chúng ta không nhận được lá thư nào từ Richard Keith trước khi trường khai giảng. Không một tin tức nào kể từ tháng Năm năm ngoái.”

“Cháu lại sợ biết tin từ ông ta,” Anne

thở dài, bắt đầu dọn dẹp chén đĩa. “Nếu thư đến, cháu sẽ không dám mở ra, vì sợ nó yêu cầu chúng ta gửi hai đứa trẻ sinh đôi đến chỗ ông ta.”

Một tháng sau đó, một lá thư đến nơi thật. Nhưng không phải do Richard Keith gửi. Một người bạn của ông ta viết thư báo rằng Richard Keith chết vì lao phổi hai tuần trước. Người viết thư là người chấp hành di chúc của ông ta, và theo di chúc, một khoản tiền hai ngàn đô la được ủy thác lại cho bà Marilla Cuthbert giữ giùm cho David và Dora cho đến khi chúng đến tuổi trưởng thành hoặc kết hôn. Trong thời gian chờ đợi, số tiền lời được dùng để nuôi dưỡng hai đứa trẻ.

“Thật đáng sợ khi lại vui mừng về bất

cứ chuyện gì có liên quan đến cái chết,” Anne bình tĩnh lại. “Cháu lấy làm tiếc cho ông Keith đáng thương, nhưng cháu thực sự vui vì chúng ta có thể giữ hai đứa trẻ sinh đôi lại.”

“Số tiền đó đến rất đúng lúc,” bà Marilla luôn thực tế. “Ta muốn nuôi hai đứa trẻ nhưng thực sự không biết lấy tiền từ đâu, nhất là khi chúng lớn lên một chút nữa. Tiền cho thuê nông trại chỉ đủ để giữ căn nhà này, và bà cương quyết không để cháu bỏ ra một xu nào cho bọn chúng. Cháu đã làm quá nhiều cho bọn chúng rồi. Dora chẳng cần cái mũ mới cháu mua tặng cũng như chẳng con mèo nào cần tới hai cái đuôi. Nhưng giờ thì con đường phía trước đã rõ ràng và bọn trẻ đã có nguồn chu cấp rồi.”

Davy và Dora rất vui sướng khi biết sẽ ở lại Chái Nhà Xanh “mãi mãi”. Cái chết của một ông cậu chưa hề gặp chẳng đáng buồn một tí xíu nào so với niềm vui đó. Nhưng Dora vẫn còn chút băn khoăn.

“Cậu Richard được chôn cất đằng hoàng phải không?” cô bé thì thầm hỏi Anne.

“Ừ, đương nhiên rồi bé cưng.”

“Cậu... cậu ấy sẽ không giống như ông chú của Mirabel Cotton chứ?” giọng thì thầm thêm phần kích động. “Cậu ấy sẽ không đi lòng vòng quanh nhà dẫu đã mòm yên mà đẹp, phải không cô Anne?”

23. Chuyện Tình của Cô Lavendar

“Cháu định chiều nay sẽ đi bộ đến Nhà Vọng,” Anne nói vào một buổi trưa thứ Sáu tháng Mười hai.

“Có vẻ như tuyết sắp rơi đây,” bà Marilla bắn khoản.

“Cháu sẽ đến nơi trước khi tuyết xuống, và cháu định ở lại cả đêm. Diana không đi được vì có khách đến, và cháu chắc tối nay cô Lavendar sẽ rất ngóng cháu. Đã hai tuần rồi cháu không ghé

qua.”

Kể từ ngày tháng Mười đó, Anne rất thường đến thăm Nhà Vọng. Thỉnh thoảng cô và Diana đánh xe đi, thỉnh thoảng họ đi bộ băng qua rừng. Khi Diana không đi được, Anne đi một mình. Giữa cô và cô Lavendar đã bùng nổ một tình bạn nhiệt thành và hữu ích chỉ có thể có giữa một phụ nữ vẫn giữ được sự tươi mới của tuổi thanh xuân trong trái tim và tâm hồn cùng một cô gái có trí tưởng tượng và trực giác mạnh mẽ thay cho bề dày kinh nghiệm. Cuối cùng Anne cũng tìm được một “tri âm” thực sự, đồng thời Anne và Diana bước vào cuộc đời cô quanh lẽ loi của cô Lavendar, đem theo niềm vui và niềm hứng khởi lành mạnh của cuộc sống bên ngoài, bởi từ lâu cô đã không còn

giữ lại môi liên hệ gì với “thế giới lãng quên và bị lãng quên” nữa. Nhờ có bọn họ, căn nhà đá nhỏ xinh tràn đầy bầu không khí trẻ trung và sống động. Charlotta Đệ Tứ luôn chào đón họ với nụ cười rộng nhất của mình... và nụ cười của Charlotta lúc nào cũng rộng đến đáng sợ... cô bé yêu quý họ vì cô chủ kính yêu và cũng vì chính bản thân họ. Chưa bao giờ có nhiều “trò đùa tinh nghịch” diễn ra trong ngôi nhà đá như vào mùa thu nấn ná tươi đẹp năm đó, tháng Mười một tựa như tháng Mười lặp lại lần thứ hai, và ngay cả tháng Chạp cũng ngập tràn ánh nắng và hào quang của mùa hè.

Nhưng vào ngày đặc biệt này, dường như chợt nhớ ra mùa đông đã đến, tháng

Chạp trở nên buồn chán ử ê, gió ngưng đọng như đang chờ đợi những bông tuyết sắp rơi. Dù sao chẳng nữa, Anne vẫn vui vẻ tận hưởng chuyến đi bộ xuyên qua mê cung rừng sồi xám xịt khổng lồ, dẫu đi một mình nhưng cô chẳng bao giờ cảm thấy cô độc cả; trí tưởng tượng lấp đầy lối đi của cô bằng những người bạn đồng hành vui vẻ, và cô giả vờ trò chuyện vui nhộn với bọn họ, còn dí dỏm và thú vị hơn trong đời thực, khi người đối thoại thỉnh thoảng lại không được hợp ý như mong đợi. Trong một tập hợp “ảo như thật” gồm những linh hồn được lựa chọn kỹ lưỡng, mọi người luôn nói đúng điều ta muốn họ nói, và vì vậy, ta có cơ hội nói lên đúng điều mà ta muốn nói ra. Vây quanh bởi những người bạn vô hình,

Anne băng qua khu rừng đến lồi đi linh sam ngay khi những bông tuyết lớn mềm mại bắt đầu phát phơ rơi xuống.

Ở khúc quanh đầu tiên, cô bắt gặp cô Lavendar đang đứng dưới một cây linh sam lớn cành lá xum xuê. Cô Lavendar mặc bộ váy màu đỏ sẫm ấm áp, đầu và vai quấn khăn choàng lụa màu xám bạc.

“Cô trông như nữ hoàng của các nàng tiên trong rừng linh sam,” Anne vui vẻ cất tiếng gọi.

“Tôi biết tối nay cháu sẽ tới mà Anne,” cô Lavendar chạy vội tới. “Và tôi vui mừng gấp đôi bình thường, vì Charlotta Đệ Tứ không có nhà. Mẹ cô bé bị bệnh nên cô bé phải về nhà tôi nay. Nếu cháu không tới thì chắc tôi sẽ cô

đơn lắm... những giấc mơ và tiếng vọng không đủ để bầu bạn với tôi. ôi, Anne, cháu đẹp quá,” cô đột nhiên kêu lên, ngẩng nhìn cô gái cao thanh mảnh với khuôn mặt ửng hồng sau chuyến đi bộ dài. “Đẹp và trẻ trung quá! Mười bảy tuổi thật tuyệt vời, phải không cháu? Tôi thật ghen tỵ với cháu,” cô Lavendar thảng thắn.

“Nhưng tâm hồn cô cũng chỉ mới mười bảy tuổi mà,” Anne mỉm cười.

“Không, tôi già rồi... hay đúng hơn là đứng tuổi, nghe còn tệ hại hơn thế,” cô Lavendar thở dài. “Thỉnh thoảng tôi có thể giả vờ là mình chưa già, nhưng những lúc còn lại thì tôi ý thức rõ điều đó. Và tôi không thể dễ dàng chấp nhận như nhiều phụ nữ từng làm được. Hiện giờ

tôi vẫn còn không cam lòng chẳng khác gì khi mới phát hiện sợi tóc bạc đầu tiên. Này, Anne, đừng làm ra vẻ như đang thấu hiểu nữa. Mười bảy tuổi không thể hiểu được đâu. Bây giờ tôi sẽ giả vờ là mình cũng mười bảy tuổi, tôi có thể làm được khi cháu có mặt ở đây. Cháu lúc nào cũng mang lại tuổi thanh xuân trong lòng bàn tay cứ như một món quà vậy. Chúng ta sẽ có một buổi tối vui vẻ. Uống trà trước đã... cháu muốn dùng trà với món gì nào? Chúng ta sẽ ăn bất cứ thứ gì cháu thích. Hãy nghĩ đến món gì đó ngon lành nhưng không dễ tiêu hóa đi.”

Tối hôm đó, những tràng cười lạnh lạnh vui tươi tràn ngập căn nhà đá nhỏ bé. Nấu ăn, đánh chén, làm kẹo, cười đùa và “giả vờ”, rõ ràng cô Lavendar và

Anne cư xử chẳng phù hợp chút nào với phẩm giá của một phụ nữ độc thân bốn mươi lăm tuổi và một cô giáo làng nghiêm trang. Và rồi khi đã mệt mỏi, họ ngồi xuống tâm tâm trước lò sưởi phòng khách, căn phòng chỉ được thắp sáng bởi ánh lửa dịu dàng và phảng phất mùi thơm ngọt ngào tỏa ra từ lọ hoa hồng mở nắp của cô Lavendar trên bệ lò sưởi. Gió bắt đầu nổi lên, thổi dài và gào rú quanh mái hiên, tuyết nhẹ nhàng va vào cửa sổ cứ như hàng trăm yêu tinh tuyết đang gõ cửa xin vào.

“Tôi rất vui khi có cháu ở đây, Anne ạ,” cô Lavendar nhấm nháp thanh kẹo của mình. “Nếu không có cháu, tôi sẽ buồn lắm đấy... buồn hiu... buồn quanh. Thật tuyệt khi mơ mộng với tưởng tượng

vào ban ngày dưới ánh mặt trời, nhưng khi bóng đêm và bão táp kéo tới, chúng không khiến ta thỏa mãn được nữa. Khi ấy những thứ có thật trở nên cần thiết hơn. Nhưng cháu không hiểu đâu... mười bảy tuổi chẳng bao giờ hiểu được. Thử mười bảy tuổi, mơ mộng là đủ lắm rồi, vì cháu biết thực tế đang chờ đợi mình phía trước. Khi tôi mười bảy, Anne ạ, tôi không nghĩ rằng ở tuổi bốn lăm, tôi chỉ là một cô gái già tóc bạc, chẳng có gì khác ngoài những giấc mơ trong đời.”

“Nhưng cô đâu phải là gái già,” Anne mỉm cười nhìn vào đôi mắt nâu sẫm khát khao của cô Lavendar. “Gái già là bẩm sinh... ta không thể trở thành gái già được.”

“Một số người sinh ra đã là gái già,

một số chấp nhận cuộc sống độc thân, và một số bị buộc phải sống độc thân,” cô Lavendar nhại lại một cách châm biếm.

“Vậy thì cô là người chấp nhận cuộc sống độc thân rồi,” An ne phá lên cười, “Và cô đã làm rất tuyệt đến mức nếu mỗi cô gái già đều được như cô thì gái già sẽ trở thành một mất, cháu nghĩ thế.”

“Tôi luôn muốn làm mọi chuyện ở mức tốt nhất có thể,” cô Lavendar trầm tư, “Và vì tôi phải là gái già, tôi quyết tâm phải trở thành một cô gái già hết sức dễ thương. Nhiều người nói tôi kỳ quặc, nhưng đó chỉ vì tôi làm gái già theo cách riêng của tôi và không chịu bước theo lối mòn truyền thống. Anne, có ai kể cho cháu nghe chuyện giữa Stephen Irving và

tôi không?”

“Có ạ,” Anne thành thật, “cháu nghe nói cô và ông ấy từng đính hôn.”

“Đúng vậy... hai mươi lăm năm trước... cả đời người. Và chúng tôi định sẽ cưới nhau vào mùa xuân năm sau đó. Tôi đã may áo cưới, dấu chẳng ai ngoài mẹ tôi và Stephen biết được điều đó. Chúng tôi dường như đã đính hôn với nhau cả cuộc đời rồi, có thể nói như vậy. Khi Stephen còn nhỏ, mẹ anh ấy đưa anh ấy đi cùng mỗi khi đến thăm mẹ tôi; lần thứ hai đến chơi... anh ấy chín tuổi còn tôi sáu tuổi... ở trong vườn anh ấy bảo tôi rằng anh ấy quyết tâm cưới tôi khi lớn lên. Tôi nhớ mình đã nói 'cám ơn'; và khi anh ấy đi rồi, tôi nghiêm túc bảo mẹ mình rằng tôi nhẹ nhõm cả người vì

không còn sợ sẽ trở thành một cô gái già nữa. Ôi, người mẹ tội nghiệp của tôi đã phá lên cười giòn giã!”

“Rồi chuyện gì đã xảy ra?” Anne như dừng thở.

“Chúng tôi cãi nhau về một chuyện ngốc nghếch tầm thường ngớ ngẩn. Tầm thường tới mức, cháu tin không, tôi còn không nhớ nó đã bắt đầu thế nào. Tôi chẳng biết ai mới là người có lỗi nhiều hơn. Stephen là người bắt đầu cuộc cãi vã, nhưng có lẽ tôi đã kích động anh ấy bằng những lời ngu ngốc của mình. Cháu biết đấy, anh ấy có một vài đối thủ cạnh tranh. Tôi tự phụ, thích làm đom và muốn trêu anh ấy một chút. Anh ấy lại là một người đàn ông nhạy cảm dễ kích động. Và thế là chúng tôi giận dữ chia tay nhau.

Nhưng tôi nghĩ mọi chuyện sẽ ổn thôi, và lẽ ra mọi chuyện đã ổn nếu Stephen không quay lại quá sớm. Anne thân yêu, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng”... cô Lavendar hạ giọng như là sắp thú nhận tội giết người, “tôi là một người giận dai khùng khiếp, ồ, cháu đừng cười... đó là sự thật. Tôi rất hay dối, và Stephen quay lại khi tôi vẫn chưa nguôi cơn giận. Tôi không thèm nghe anh ấy, không chịu tha thứ cho anh ấy, vì vậy anh ấy đã ra đi vĩnh viễn. Anh ấy quá kiêu hãnh để quay lại van xin. Và rồi tôi giận vì anh ấy không chịu đến. Lẽ ra tôi nên nhắc cho anh ấy, nhưng tôi không thể hạ mình làm thế. Tôi cũng kiêu hãnh như anh ấy vậy... kiêu hãnh và giận dai là một sự kết hợp tồi tệ, Anne ạ. Nhưng tôi chẳng thể đem

lòng thương bất cứ ai khác, mà tôi cũng chẳng muốn làm thế. Tôi biết tôi thà làm gái già một nghìn năm còn hơn là cưới bất kỳ ai không phải Stephen Irving. ôi, mọi chuyện giờ chẳng khác gì một giấc mơ. Cháu nhìn có vẻ cảm thông quá, Anne ạ... cảm thông đúng kiểu chỉ mười bảy tuổi mới có được. Nhưng đừng làm quá nhé. Tôi thực sự rất hạnh phúc và hài lòng về bản thân, mặc dù trái tim tôi tan vỡ. Tim tôi đã tan vỡ, nếu một trái tim có thể tan vỡ thật, khi tôi hiểu ra Stephen Irving sẽ không quay trở lại. Nhưng Anne ơi, một trái tim tan vỡ trong đời thực không đáng sợ bằng một nửa như trong tiểu thuyết đâu. Nó khá giống như một chiếc răng sâu... dấu cháu không cho rằng cách ví von ấy lãng mạn tí nào.

Thỉnh thoảng nó lại đau nhói từng cơn và khiến cháu mất ngủ, nhưng giữa những cơn đau đó, nó vẫn để cháu tận hưởng cuộc sống, những giấc mơ, tiếng vọng và kẹo đậu phộng cứ như chẳng có gì đáng kể. Và giờ thì cháu có vẻ thất vọng rồi. Cháu nghĩ tôi chẳng thú vị bằng một nửa so với năm phút trước đây, khi cháu cho rằng tôi luôn là nạn nhân của một quá khứ đau thương dẫm cảm nẹp mình dưới nụ cười mạnh mẽ. Đó là điều tồi tệ nhất... hay cũng là điều tốt đẹp nhất... của đời thực, Anne ạ. Nó sẽ không làm cháu tuyệt vọng. Nó cứ liên tục cố gắng làm cháu cảm thấy dễ chịu... và thành công... ngay cả khi cháu quyết trở nên buồn bã một cách lãng mạn. Thanh kẹo này ngon tuyệt phải không? Tôi đã ăn quá nhiều

rồi nhưng tôi cứ mặc kệ.”

Sau một khoảng lặng ngắn, cô Lavendar đột ngột lên tiếng,

“Tôi bị sốc khi nghe về con trai của Stephen ngày đầu tiên cháu đến đây, Anne ạ. Từ đó đến nay, tôi vẫn chưa thể nhắc đến thằng bé với cháu, nhưng tôi luôn muốn biết tất cả mọi chuyện về thằng bé ấy. Nó là người thế nào?”

“Cậu bé ấy là đứa trẻ đáng yêu ngọt ngào nhất mà cháu biết, cô Lavendar ạ... và cậu bé cũng hay tưởng tượng nhiều thứ, cũng như cô cháu mình vậy.”

“Tôi rất mong được gặp thằng bé,” cô Lavendar khẽ thốt, như đang tự nói với mình. “Tôi tự hỏi liệu thằng bé có giống như cậu bé trong mơ sống với tôi ở đây

không... cậu bé trong mơ của tôi.”

“Nếu cô muốn gặp Paul thì lúc nào đó cháu sẽ dẫn cậu bé tới cùng,” Anne nói.

“Tôi muốn chứ... nhưng đừng nhanh quá nhé. Để tôi làm quen với suy nghĩ đó đã. Có thể việc gặp Paul sẽ đau đớn nhiều hơn vui vẻ... lẽ thường bé quá giống Stephen... hay lẽ thường bé không đủ giống anh ấy. Một tháng nữa cháu hãy dẫn cậu bé lại nhé.”

Theo đó, một tháng sau, Anne và Paul đi bộ băng rừng tới căn nhà đá và gặp cô Lavendar đang thơ thẩn trên lối đi. Cô không ngờ là họ tới lúc đó, và mặt cô tái nhợt đi.

“VẬY đây là con trai Stephen,” cô Lavendar thì thào, cầm lấy tay Paul và

quan sát cậu trong khi cậu đứng đó, đẹp trai và ngây thơ trong bộ áo choàng và mũ lông bé nhỏ bảnh bao. “Thằng... thằng bé rất giống cha.”

“Ai cũng nói cháu giống ba như tạc,” Paul thoải mái công nhận.

Anne thở ra một hơi nhẹ nhõm khi quan sát cảnh gặp gỡ này. Cô nhận ra cô Lavendar và Paul đã “hợp” nhau ngay và sẽ không có sự gò bó hay miễn cưỡng nào giữa bọn họ. Cô Lavendar là một người rất khéo léo, dẫu ưa thích mơ mộng và lãng mạn, và sau giây phút thất thần ngắn ngủi đầu tiên, cô giấu đi cảm xúc của mình và vui vẻ chơi đùa với Paul một cách tự nhiên cứ như cậu chỉ là con của một người quen bất kỳ đến thăm cô. Họ có một buổi chiều tuyệt vời bên

nhau cùng một bữa đại tiệc toàn những món béo ngậy thay cho bữa tối, nếu bà Irving biết được thì sẽ gơ tay kinh hãi vì cho rằng những món ăn đó sẽ hủy diệt hệ tiêu hóa của Paul mãi mãi.

“Hãy đến lần nữa nhé, chàng trai,” cô Lavendar bắt tay từ biệt Paul.

“Nếu cô muốn thì cô có thể hôn cháu,” Paul nghiêm túc nói.

Cô Lavendar cúi xuống hôn cậu.

“Vì sao cháu biết cô muốn hôn cháu?” cô khẽ hỏi.

“Bởi vì cách cô nhìn cháu hệt như mẹ cháu từng nhìn khi mẹ muốn hôn cháu. Nói chung cháu không thích hôn hít. Bọn con trai là vậy. Cô biết đấy, cô Lewis.

Nhưng cháu nghĩ cháu cũng thích cô hôn cháu. Và đương nhiên cháu sẽ đến thăm cô nữa. Cháu nghĩ cháu muốn cô trở thành một người bạn đặc biệt của cháu, nếu cô không phản đối.”

“Cô... cô không nghĩ là mình sẽ phản đối,” cô Lavendar đáp rồi quay lưng bước vội vào nhà. Nhưng một lát sau đó; cô đã đứng bên cửa sổ vẫy tay cười chào tạm biệt họ.

“Em thích cô Lavendar,” Paul tuyên bố khi họ đi bộ qua rừng sồi. “Em thích cách cô ấy nhìn em, thích căn nhà đá và thích cả Charlotta Đệ Tứ nữa. Em ước bà nội Irving có Charlotta Đệ Tứ thay vì Mary Joe. Em chắc là Charlotta Đệ Tứ sẽ không nghĩ em bị tâm thần khi nghe em kể về những suy nghĩ của mình. Bữa trà

hôm nay thật tuyệt vời, phải không cô giáo? Bà nội nói một cậu bé không nên suy nghĩ nhiều về thức ăn, nhưng thỉnh thoảng điều đó không thể tránh được khi cậu ta đang đói ngấu. Cô hiểu mà, cô giáo. Em không cho rằng cô Lavendar sẽ ép một cậu bé ăn cháo vào buổi sáng nếu cậu ta không muốn. Cô ấy sẽ làm những thức ngon mà cậu ta thích. Nhưng đương nhiên”... Paul luôn là một cậu bé công bằng... “như vậy thì sẽ không tốt lắm cho cậu ta. Nhưng dù sao thì thỉnh thoảng thay đổi chút cũng tốt, cô giáo ạ. Cô biết mà.”

24. Nhà Tiên Tri Trong Lãnh Địa Riêng

Một ngày tháng Năm nọ, cư dân Avonlea xôn xao vì vài mẫu “Tin vắn Avonlea” ký tên là “Người quan sát” xuất hiện trên tờ Tin hằng ngày của Charlottetown. Người ta đồn tác giả của hàng loạt mẫu tin trên chính là Charlie Sloane, một phần vì anh chàng Charlie này từng dấn thân vào nghiệp viết lách trong quá khứ, một phần vì một trong những mẫu tin vắn trên có ý chế nhạo Gilbert Blythe. Giới trẻ Avonlea khăng

khăng cho rằng Gilbert Blythe và Charlie Sloane hiện đang là đối thủ tranh giành tình cảm của một cô nàng có đôi mắt xám và giàu trí tưởng tượng.

Như thường lệ, tin đồn hoàn toàn sai bét. Gilbert Blythe được Anne tiếp tay và hỗ trợ, đã viết các mẩu tin trên, đồng thời viết một bài tự châm chọc mình để làm bình phong che giấu thân phận. Chỉ có hai mẩu tin vẫn có liên quan đến câu chuyện này:

“Nghe đồn rằng sẽ có một đám cưới diễn ra trong làng chúng ta trước mùa hoa cúc. Một công dân mới đáng kính trọng sẽ dẫn một trong những quý cô được ngưỡng mộ nhất của chúng ta ra trước bàn thờ Chúa.”

“Bác Abe, nhà tiên tri thời tiết nổi tiếng của chúng ta, dự đoán rằng sẽ có một cơn bão sấm sét dữ dội vào chiều tối ngày 23 tháng Năm, bắt đầu vào đúng bảy giờ. Khu vực ảnh hưởng của cơn bão mở rộng ra gần khắp tỉnh. Những người cần phải ra ngoài vào chiều tối hôm đó nhớ cầm theo dù và áo mưa.”

“Bác Abe quả có dự đoán một cơn bão diễn ra vào mùa xuân này,” Gilbert nói, “nhưng cậu cho rằng ông Harrison đi tán tỉnh Isabella Andrews thật sao?”

“Không đâu,” Anne phá lên cười, “tớ chắc là ông ấy chỉ đi chơi cờ với ông Harmon Andrews thôi, nhưng bà Lynde nói rằng bà ấy biết chắc Isabella sắp kết hôn, vì cô ấy trông rất vui vẻ mùa xuân này.”

Bác Abe đáng thương khá bất bình với những mẩu tin trên. Ông nghi ngờ rằng “Người quan sát” muốn giấu cọt mình, ông giận dữ phủ nhận việc xác định ngày cụ thể cơn bão xảy ra, nhưng chẳng ai tin ông cả.

Cuộc sống ở Avonlea vẫn tiếp diễn theo nhịp điệu êm đềm vốn có và thỉnh thoảng có chút thăng trầm. Kế hoạch “trồng cây” bắt đầu tiến hành, các cải tiến viên tổ chức ngày trồng cây. Mỗi cải tiến viên xung phong, hoặc được yêu cầu phải xung phong, trồng năm cây non. Vì hội hiện có bốn mươi thành viên, tổng cộng có hai trăm cây non được trồng. Yếu mạch non xanh ngắt phủ lên những cánh đồng đất đỏ; những cây táo trổ hoa rực rỡ vây quanh các nông trại tựa như

nữ hoàng tuyết đang trang điểm cho ngày cưới. Anne thích mở cửa sổ khi ngủ để hương hoa anh đào phát phơ trên mặt suốt đêm. Cô cho rằng như vậy rất nên thơ. Bà Marilla lại nghĩ rằng cô đang đùa với tính mạng.

“Lễ Tạ ơn nên được tổ chức vào mùa xuân,” Anne nói với bà Marilla vào một buổi chiều nọ, khi họ ngồi trên bậc cửa trước lắng nghe điệp khúc âm vang của lũ ếch nhái. “Cháu nghĩ như vậy sẽ tốt hơn là tổ chức vào tháng Mười một, khi vạn vật đều tàn rụi hay say ngủ. Thế thì chúng ta phải cố nhớ lại mới có thể cảm thấy biết ơn Chúa; nhưng vào tháng Năm thì ta không thể không cảm thấy biết ơn Chúa trời... rằng ta đang sống, nếu không vì bất cứ điều gì khác. Cháu có cảm giác

y hệt như Eve có lẽ đã cảm thấy trong Vườn Địa đàng trước khi rắc rối nảy sinh, cỏ ở thung lũng đằng kia màu xanh hay vàng rực vậy? Với cháu, bác Marilla ạ, một ngày đẹp đẽ đến nhường này, hoa tươi nở rộ, làn gió chẳng biết thổi tiếp đi đâu vì cảm thấy sung sướng đến điên cuồng, nhất định chẳng khác gì mấy với thiên đường.”

Bà Marilla trông choáng váng, lo lắng nhìn quanh để đảm bảo rằng hai đứa trẻ sinh đôi không đứng trong tầm nghe. Ngay lúc đó, chúng bước ra từ góc nhà.

“Chiều nay đúng là một buổi chiều thơm khúng khiếp, phải không?” Davy hít hà vui sướng, bàn tay cẩu bản vung vẩy cây cuốc. Khi này nó vừa làm việc trong mảnh vườn của mình. Mùa xuân

này, bà Marilla muốn tận dụng niềm đam mê nghịch bòn nghịch đất sét của Davy thành chuyện có ích hơn nên đã phân cho nó và Dora một mảnh đất nhỏ để làm vườn, cả hai đều hăng hái bắt tay làm việc, đương nhiên với hai phong cách đặc trưng khác nhau. Dora gieo hạt, nhổ cỏ dại, tưới nước một cách chăm chỉ, có hệ thống và cẩn thận. Kết quả là mảnh đất của cô bé xanh um những luống rau và hoa ngấn ngậy ngay hàng thẳng lối đều tăm tắp. Còn Davy thì làm việc sốt sắng có thừa nhưng lại thận trọng không đủ, nó đào, xới, cào cỏ, tưới nước, ghép cành một cách hăng hái đến mức những hạt giống chẳng có cơ hội để nảy mầm.

“Vườn của cháu sao rồi, cậu bé Davy?” Anne hỏi.

“Khá là chậm,” Davy thở dài. “Cháu chẳng hiểu nổi vì sao mấy thứ đó chẳng phát triển tốt hơn được. Milty Boulter nói chắc cháu đã gieo hạt lúc không có trăng, đó là nguyên nhân của mọi rắc rối. Nó nói không bao giờ được gieo hạt, giết heo, cắt tóc hay làm những chuyện quan trọng khi trăng tàn. Có phải vậy không cô Anne? Cháu muốn biết.”

“Có lẽ nếu cháu không nhổ cây lên xem mỗi ngày để xem chúng lớn ra sao ở 'đầu bên kia' thì chúng sẽ phát triển tốt hơn đấy,” bà Marilla châm biếm.

“Cháu chỉ nhổ có sáu cây thôi mà,” Davy phản đối. “Cháu muốn xem có giò ở rễ hay không. Milty Boulter nói nếu không phải lỗi của mặt trăng thì nhất định là giò giở trò. Nhưng cháu chỉ tìm thấy

mỗi một con giòi. Con giòi đó to ðùng béo mập mọng nước lại còn xoắn xoắn nữa chứ. Cháu ðặt nó lên một cục ðá rồi ðùng một cục ðá khác ðập nó bẹp ðí. Nó kêu chót một tiếng thiệt vui tai. Cháu tiếc là không có nhiều giòi hơn. Vườn của Dora gieo hạt cùng lúc với cháu, nhưng mấy thứ cây cỏ của nó mọc ngon lành. Vậy thì không thể do mặt trăng gây nên ðược,” Davy kết luận với vẻ trầm tư.

“Bác Marilla, nhìn cây táo kia kia,” Anne nói. “ôi, y hệt như người thật vậy. Nó ðang vươn những cánh tay dài rón rén vén chiếc váy hồng lên khiến chúng ta ngắm nhìn một cách ngưỡng mộ.”

“Những cây táo Nữ Công Tước Vàng luôn sai quả,” bà Marilla hài lòng nhận xét. “Cái cây đó năm nay sẽ lúc liú quả

cho coi. Bác rất mừng... quả của nó làm bánh nướng ngon tuyệt.”

Nhưng không có bất kỳ ai, kể cả bà Marilla và Anne có phúc được làm bánh nướng từ những trái táo Nữ Công Tước Vàng năm đó.

Ngày hai mươi ba tháng Năm đã đến... một ngày âm áp lạ thường, không ai nhận ra điều đó rõ ràng hơn Anne và đám học trò nhỏ đông đúc như một bầy ong của cô, bọn họ đổ mồ hôi nhễ nhại, tính toán, chia động từ trong phòng học Avonlea. Gió nóng hực thổi suốt buổi sáng, nhưng sau buổi trưa thì trời lặng gió, không khí nặng nề. Lúc ba giờ rưỡi, Anne nghe thấy tiếng sấm ì ầm. Cô lập tức cho nghỉ học để đám trẻ có thể về kịp nhà trước khi cơn bão tới.

Khi họ đi ra sân chơi, Anne cảm nhận thấy bóng tối và bầu không khí ảm đạm bao trùm đầu mặt trời vẫn đang chiếu sáng rực rỡ. Annetta Bell níu chặt tay cô vẻ lo lắng.

“Ôi, cô giáo ơi, nhìn cái đám mây khủng khiếp kia kìa!”

Anne nhìn theo và kêu lên hốt hoảng. Phía Tây Bắc, mây ùn ùn kéo tới, cả đời cô chưa từng thấy cảnh tượng như thế lần nào. Mây đen kìn kịt, viền xoắn lam nham ửng màu trắng lóa. Nó lan ra khắp bầu trời trong xanh, đem lại cảm giác đe dọa không diễn tả nổi. Thình thoảng một tia chớp lóe sáng xuyên qua đám mây đen, kéo theo một tiếng gầm man rợ. Mây đen sà thấp xuống đến nỗi dường như

chạm vào ngọn cây trên các đỉnh đồi.

Ông Harmon Andrews đánh chiếc xe thùng của mình lách cách chạy lên đồi, thúc mấy con ngựa xám chạy hết tốc lực. Ông cho xe dừng lại ngay đối diện trường học.

“Xem ra bác Abe cũng đoán trúng được một lần trong đời, Anne ạ,” ông gọi lớn. “Con bão của bác ấy tới sớm hơn dự đoán một chút. Cháu có bao giờ thấy đám mây nào như thế chưa? Này, mấy cậu bé cô bé, ai đi về hướng nhà tôi thì leo lên nào, số còn lại nếu nhà cách trường hơn một phần tư dặm thì chạy ngay vào buro điện và ở trong đó cho đến khi tạnh mưa.”

Anne nắm chặt tay của Davy và Dora

rồi chạy như bay xuống đồi, băng qua lồi Bạch Dương, thung lũng Tím và hồ Liễu Rủ với tốc độ nhanh nhất mà cặp chân bụ bẫm của hai đứa trẻ sinh đôi chịu nổi. Họ tới Chái Nhà Xanh vừa kịp lúc và gặp bà Marilla vừa chạy đến cửa, sau khi đã đuổi gà vịt vào nơi trú ẩn. Khi họ lao vào bếp thì ánh sáng đã tắt lịm như bị thổi bay đi; đám mây khủng khiếp che khuất mặt trời, bóng tối bao trùm khắp nơi như thể đang lúc chiều muộn. Vào đúng lúc đó, sau tiếng sấm vang rền và ánh chớp lóa mắt, những hạt mưa đá ào ào trút xuống, cơn cuồng nộ trắng xóa làm mờ hết cảnh vật.

Trong cơn bão táp âm âm, lờ mờ nghe được tiếng cành gãy va vào nhà và tiếng kính vỡ chói tai. Trong vòng ba phút, tất

cả kính cửa sổ ở phía Tây và phía Bắc đều vỡ tan, mưa đá ập vào qua lỗ hồng, phủ đầy sàn nhà, hạt nhỏ nhất cũng to bằng quả trứng gà. Suốt bốn mươi lăm phút, cơn bão thịnh nộ hoành hành liên tục, không ai từng trải qua có thể quên được nó. Lần đầu tiên trong đời, bà Marilla mất đi sự bình tĩnh thường ngày mà phát hoảng thực sự, bà quỳ xuống cạnh chiếc ghế bập bênh trong góc bếp, nức nở và thôn thức giữa những chuỗi tiếng sấm ầm ầm tai. Anne mặt trắng bệch, kéo chiếc xô pha ra xa cửa sổ rồi ngồi xuống ôm lấy hai đứa trẻ ở hai bên. Ngay tiếng sấm đầu tiên, Davy đã rú lên, “Cô Anne ơi, cô Anne ơi, có phải đây là Ngày Tận thế không? Cô Anne ơi, cô Anne ơi, cháu sẽ không bao giờ dám hư

nữa,” rồi cứ vùi mặt vào lòng Anne, thân hình bé nhỏ run lên cầm cập. Dora mặt hơi tái một chút nhưng vẫn còn khá bình tĩnh, tay bấu chặt lấy tay Anne, lặng thinh bất động. Kể cả một cơn động đất cũng chưa chắc có thể lay động Dora.

Thế rồi, cũng đột ngột như khi bắt đầu, cơn bão chấm dứt. Mưa đá tạnh hẳn, tiếng sấm lồm bồm lặn về phía Đông, ánh mặt trời sáng rực vỡ òa chiếu rọi một khung cảnh đã đổi khác hẳn, thật không tin nổi sự cải biến đó chỉ diễn ra trong vòng bốn mươi lăm phút ít ỏi.

Bà Marilla chóng gồi đứng dậy, là người run lẩy bẩy rồi ngồi phịch xuống ghế bập bênh của mình. Mặt bà xanh xao và trông bà như già thêm mười tuổi.

“Chúng ta sống sót hết cả chứ?” bà nghiêm trang hỏi.

“Hết chứ, cá luôn,” Davy vui vẻ đáp lời, giờ đã khá bình tĩnh lại. “Cháu chẳng sợ tí nào... chỉ hơi ớn một chút lúc đầu thôi. Nó đến bất ngờ quá. Cháu đã vội vàng quyết định sẽ không đánh thẳng Teddy Sloane vào thứ Hai như đã hứa, nhưng giờ có lẽ cháu sẽ cứ tấn nó thôi. Này, Dora, nói đi, em có sợ không?”

“Vâng, em có sợ một chút,” Dora nghiêm túc đáp, “nhưng em nắm chặt tay cô Anne và lặp đi lặp lại lời cầu nguyện.”

“Ồ, anh chắc cũng sẽ cầu nguyện nếu nhớ ra,” Davy nói, “nhưng,” nó đặc thẳng thêm vào, “em thấy đó, anh cũng

thoát thân an toàn như em dẫu chẳng hề cầu nguyện tí nào.”

Anne rót cho bà Marilla một ly rượu phúc bồn tử cực mạnh... món rượu ấy mạnh thế nào thì hồi nhỏ Anne đã có cơ hội nếm thử... rồi mọi người bước ra cửa để nhìn quang cảnh kỳ lạ trước mắt.

Một tấm thảm trắng rộng mênh mông toàn là tinh thể đá sâu đến đầu gối, đá chất đống dưới mái hiên và trên bậc thềm. Ba bốn ngày sau, khi những hạt mưa đá tan chảy, sự tàn phá chúng gây ra có thể nhìn thấy rõ ràng, bởi bất cứ cành cây ngọn cỏ nào trong vườn hay ngoài đồng đều bị đánh bẹp. Trên những cây táo, chẳng những không còn bông hoa nào mà cành cây tán lá đều bị bẻ gãy. Và toàn bộ hai trăm cây non do các Cải tiến

viên trông đều bị bật gốc hay nát tan từng mảnh.

“Chẳng lẽ đây chính là thế giới cách đây một tiếng đồng hồ trước hay sao?” Anne ngậy người. “Tàn phá nhiều đến vậy phải tốn nhiều thời gian hơn chứ.”

“Cơn bão lớn thế này chưa từng xảy ra ở đảo Hoàng Tử Edward,” bà Marilla nói, “chưa bao giờ. Bác nhớ khi bác còn nhỏ cũng có một trận bão tộ hại, nhưng chẳng đáng gì so với lần này. Chúng ta sẽ nghe được nhiều vụ thiệt hại khủng khiếp đây, cháu cứ chắc chắn là như thế đi.”

“Cháu thực sự hy vọng sẽ không có đứa trẻ nào bị kẹt lại trong cơn bão,” Anne lo lắng lắm lắm. Sau đó, cô được biết không có đứa trẻ nào xảy ra chuyện,

vì những đứa ở xa trường đều nghe theo lời khuyên khôn ngoan của ông Andrews mà lánh nạn trong buro điện.

“John Henry Carter đến kia,” bà Marilla nói.

John Henry lội qua những hạt mưa đá, miệng cười nhăn nhưng vẫn đượm vẻ sợ hãi.

“Ôi, thật khủng khiếp quá phải không, bác Cuthbert? Ông Harrison bảo cháu sang đây xem mọi người có ổn không.”

“Không có ai chết cả,” bà Marilla u ám đáp, “Và không nhà chính nhà phụ nào bị sét đánh cả. Tôi hy vọng bên ấy cũng được như vậy.”

“Ồ bác ơi, không được tốt vậy đâu ạ.

Bên nhà cháu bị sét đánh trúng. Tia sét đánh gãy ống khói nhà bếp, xuyên xuống hất đổ lồng của Gùng, xoáy một lỗ sâu trên sàn tới tận tầng hầm. Chính thế đấy bác ạ.”

“Gùng có sao không?” Anne hỏi.

“Thưa cô. Nó bị thương rất nặng. Chết toi rồi.”

Lát sau, Anne đi sang an ủi ông Harrison. Cô thấy ông ngồi bên bàn, run rẩy vuốt ve xác của Gùng.

“Gùng đáng thương sẽ không mắng cháu nữa đâu, Anne ạ,” ông buồn bã thốt.

Anne không bao giờ có thể tưởng tượng ra mình sẽ khóc vì Gùng, nhưng nước mắt của cô chọt ứa ra.

“Nó là bầu bạn duy nhất của tôi, Anne a... vậy mà giờ nó chết rồi. ôi, ôi, tôi đúng là một lão già ngốc khi buồn đau như thế. Tôi sẽ tỏ vẻ chẳng quan tâm gì. Tôi biết cháu sẽ nói vài lời an ủi ngay khi tôi câm miệng lại... nhưng đừng nhé. Nếu cháu làm thế thì tôi sẽ òa lên khóc như một đứa bé mất. Con bão này thật khủng khiếp phải không? Tôi đoán mọi người sẽ không dám chê cười những lời tiên đoán của bác Abe nữa. Dường như mọi cơn bão không-xảy-ra mà ông ta từng tiên đoán cả đời mình đã đồng loạt ập tới. Thật không ngờ nó lại diễn ra đúng boong ngày luôn, phải không? Nhìn cái đống hỗn độn mà chúng ta phải chịu này. Tôi phải nhanh chân kiếm vài tấm ván lấp cái lỗ trên sàn thôi.”

Ngày hôm sau, người dân Avonlea chẳng làm gì khác ngoài trừ đi thăm viếng lẫn nhau và so sánh mức độ thiệt hại. Xe ngựa không chạy được vì đá chắn đường, vì vậy họ phải đi bộ hay cưỡi ngựa. Thư từ đến trễ với đủ mọi tin xấu từ khắp tỉnh. Nhà bị sét đánh, người chết và bị thương, hệ thống điện thoại và điện tín hỗn loạn, những gia súc nhỏ thả ngoài đồng đều chết sạch.

Sáng sớm hôm sau, bác Abe lội ra lò rèn, vào và ở đó cả ngày. Đó là giây phút chiến thắng của bác ta và bác ta tha hồ mà tận hưởng. Nói bác ta vui vì cơn bão đã xảy ra là sai, nhưng dù gì cơn bão cũng đã diễn ra, nên bác ta vui vì đã dự đoán đúng... ngày cũng chính xác nữa. Bác Abe quên mất là mình từng phủ nhận

ngày cụ thể diễn ra cơn bão. Còn chênh lệch vài giờ đồng hồ thì chẳng đáng gì.

Tối hôm đó, Gilbert ghé qua Chái Nhà Xanh thấy bà Marilla cùng Anne đang bận bịu đóng đinh vải dậu lên các ô cửa sổ vỡ.

“Có trời mới biết chừng nào chúng ta mới mua được kính thay,” bà Marilla nói. “Trưa nay ông Barry đi Carmody nhưng chẳng kiếm được một mảnh kính nào dù trả giá bao nhiêu. Tiệm Lawson và Blair đã bị dân Carmody vét sạch từ mười giờ. ở White Sands cơn bão có khủng khiếp lắm không, Gilbert?”

“Phải nói là có. Cháu bị kẹt lại trường với đám học trò, và cháu nghĩ một vài đũa sớ đến mất trí. Ba đũa ngất

xỉu, hai cô bé lên cơn kích động và Tommy Blewett gân cổ rú lên suốt thời gian cơn bão diễn ra.”

“Cháu chỉ hét có mỗi một tiếng,” Davy tự hào. “Khu vườn của cháu nát bầy cả,” nó buồn bã thốt, “nhưng vườn của Dora cũng thế,” nó thêm vào với giọng trong rui cũng có may.

Anne chạy xuống từ chái Tây.

“Ôi, Gilbert, cậu có nghe tin chưa? Ngôi nhà cũ của ông Levi Boulter bị sét đánh trúng cháy rụi rồi. Tớ cảm thấy mình thật chẳng ra sao khi vui vì điều đó, khi mà khắp nơi bị thiệt hại đến vậy. Ông Boulter nói rằng Hội Cải tạo đã cố ý phê phán ra cơn bão này.”

“Ồ, có một chuyện hoàn toàn chắc

chấn,” Gilbert phá lên cười, “ 'Người quan sát' đã khiến danh tiếng nhà tiên tri thời tiết Abe nổi như cồn. 'Cơn bão của bác Abe' sẽ được ghi vào lịch sử địa phương. Đúng là một sự trùng hợp khác thường, nó xảy ra đúng vào ngày chúng ta đã chọn. Thực sự tớ có cảm giác hơi tội lỗi, cứ như là tớ 'phù phép' gọi nó vậy. Dù sao thì chúng ta cứ vui vẻ vì căn nhà cũ đó bị xóa bỏ đi, bởi chẳng có mấy chuyện để mà vui vẻ nữa, nhất là liên quan đến mấy cái cây non. Chưa tới mười cây còn sống sót.”

“À, chúng ta sẽ phải trồng lại từ đầu vào mùa xuân tới thôi,” Anne nói vẻ đầy tự lự. “Đó là một trong những điềm tốt của thế giới này... chắc chắn sẽ luôn có thêm nhiều mùa xuân nữa.”

25. Vụ Bê Bối Ở Avonlea

Một sáng tháng Sáu tươi đẹp nọ, hai tuần sau cơn bão của bác Abe, Anne từ vườn chậm chậm đi xuyên qua sân trước Chái Nhà Xanh, tay cầm hai cành thủy tiên trắng ẻo ợt.

“Nhìn này, bác Marilla,” cô buồn bã thốt, giơ hai cành hoa lên trước mặt một bà đeo tạp dề vải bông kẻ ô xanh, vẻ mặt nghiêm nghị, tóc cuộn, đang đi vào nhà tay cầm một con gà đã nhổ sạch lông, “chúng là những nụ hoa duy nhất mà cơn bão bỏ qua... nhưng đến cả chúng cũng

không hoàn hảo nữa. Cháu buồn quá... cháu muốn đặt hoa lên mộ bác Matthew. Bác ấy lúc nào cũng thích hoa loa kèn tháng Sáu cả.”

“Ta cũng thấy hơi nhớ nhớ mấy bông hoa,” bà Marilla thú nhận, “dù thương xót hoa hoét như thế thì thật không nên không phải khi có quá nhiều chuyện tồi tệ hơn xảy ra... trái cây lẫn hoa màu đều bị hư hỏng hết cả.”

“Nhưng mọi người đã bắt đầu gieo hạt lại,” Anne an ủi, “và ông Harrison nói nếu mùa hè thời tiết tốt thì hạt giống sẽ nảy mầm thôi mặc dù có muộn một chút. Và mấy cái cây thường niên của cháu lại nhú mầm lên lại... nhưng chao ôi, chẳng gì có thể thay thế những đóa loa kèn tháng Sáu. Hester Grey bé bỏng

đáng thương cũng chẳng có đóa hoa nào. Tôi qua cháu đi đến tận vườn của cô ấy, nhưng hoa đều bị hư hết cả. Chắc cô ấy sẽ nhớ chúng lắm.”

“Ta cho rằng cháu không nên nói những điều như thế, Anne ạ, thực sự là không nên,” bà Marilla nghiêm khắc. “Hester Gray đã chết ba mươi năm nay rồi, và linh hồn cô ta đang ở trên thiên đường... ta hy vọng thế.”

“Vâng, nhưng cháu tin cô ấy vẫn yêu thương nhớ nhung khu vườn của mình ở đây,” Anne nói. “Cháu dám chắc dẫu cháu có sống bao lâu trên thiên đường đi nữa, cháu vẫn sẽ thích nhìn xuống xem xem có ai đặt hoa lên mộ mình không. Nếu cháu có riêng một khu vườn như Hester Gray thì chắc phải mất hơn ba

mười năm trời, dầu là đang ở thiên đường, mới có thể phù phép làm cháu khuây khỏa nỗi nhớ nhung nó.”

“Trời ơi, đừng để hai đứa trẻ sinh đôi nghe cháu nói chuyện như thế,” bà Marilla phản đối một cách yếu ớt rồi đem gà vào trong nhà.

Anne gắn bông thủy tiên lên tóc rồi đi ra công, cô đứng đó một lúc ngắm mình trong ánh nắng tháng Sáu rực rỡ trước khi tắt tả đi làm những công việc sáng thứ Bảy của mình, cảnh sắc đang dần tươi đẹp trở lại, mẹ thiên nhiên đang làm hết sức để gỡ bỏ dấu vết của cơn bão, và dầu trong nhiều tháng tới việc đó vẫn chưa thể hoàn thành, kết quả đạt được lúc này cũng hết sức ấn tượng.

“Ta ước gì được rảnh rỗi nguyên ngày hôm nay,” Anne nói với chú chim sơn ca đang líu lo trên cành liễu, “nhưng một cô giáo làng đang có trách nhiệm phụ giúp nuôi lớn hai đứa trẻ sinh đôi thì không thể đắm mình trong sự lười nhác được, chim cưng à. Giọng hát của mi ngọt ngào quá, chú chim bé nhỏ. Mi đưa mọi cảm xúc của trái tim ta vào bài hát còn thuần thực hơn cả ta nữa. Ô, ai đang đến thế nhỉ?”

Một chiếc xe ngựa tốc hành đang lóc cóc chạy ngược con đường, hai người ngồi ở ghế trước và một cái hòm lớn đằng sau. Khi nó chạy lại gần Anne nhận ra người đánh xe là con ông quản lý trạm xe lửa ở Bright River, nhưng người đồng hành thì không biết là ai... một bóng

phụ nữ nhanh chóng nhảy xuống trước công khi ngựa còn chưa kịp dừng lại hẳn. Bà là một phụ nữ nhỏ bé xinh đẹp, tuổi rõ ràng là gần năm mươi hơn là bốn mươi, nhưng má đỏ hồng, mắt đen lay láy, tóc đen óng ả, đầu đội chiếc mũ đính hoa và lông chim xinh hết chỗ nói. Mặc dầu đi xe dọc đoạn đường bụi bặm dài gần tám dặm, nhìn bà vẫn gọn gàng tề chỉnh cứ y như vừa bước ra khỏi hộp quà.

“Đây có phải là nơi ông James A. Harrison sống không?” bà hỏi nhanh.

“Không, ông Harrison sống ở đằng kia,” Anne ngầnngườì ngạc nhiên.

“Ồ, tôi đã nghĩ rằng nơi này quá sạch sẽ mà... quá sạch nên không thể là nơi ở

của James A., trừ phi ông ta đã thay đổi chóng mặt kể từ lần cuối tôi gặp,” quý bà nhỏ nhắn ríu rần. “Có phải James A. sắp cưới một phụ nữ nào đó sống ở vùng này không?”

“Không, không đâu,” Anne kêu lên, đỏ bừng mặt vẻ hối lỗi khi thấy người phụ nữ lạ mặt này tò mò nhìn mình, cứ như bà ta nghi ngờ rằng cô có ý đồ hôn nhân gì đó với ông Harrison vậy.

“Nhưng tôi đọc thấy vậy trên một tờ báo của đảo mà,” quý bà xinh đẹp lạ mặt khẳng khẳng. “Một người bạn gửi một bản có đánh dấu cho tôi... bạn bè lúc nào cũng sẵn sàng làm những việc kiểu ấy. Tên của James A. được viết ngay phía trên 'công dân mới.'”

“Ồ, mầu tin ấy chỉ là để đùa thôi,” Anne nghẹn lời kinh ngạc. “Ông Harrison không có ý định kết hôn với bất cứ ai cả. Cháu đảm bảo với bác như thế.”

“Tôi rất vui khi biết thế,” quý bà hồng hào đáp, thoăn thoắt leo lên chỗ của mình trên xe ngựa, “bởi vì ông ta lỡ lập gia đình trước rồi. Tôi là vợ của ông ta. Ồ, cô cứ tự nhiên mà lộ vẻ ngạc nhiên đi. Tôi cho rằng ông ta đã giả danh là một người độc thân và làm hàng đồng trái tim tan vỡ đây. Hừ hừ, James A.” bà gục gặc đầu về căn nhà trắng dài ở bên kia cánh đồng, “trò vui của ông đã kết thúc rồi. Tôi đã đến đây... dẫu tôi chẳng định đến làm gì cho phiền nếu không nghĩ rằng ông đang giở trò quỷ quái. Tôi cho

rằng,” bà quay sang Anne, “cái con vẹt của ông ta vẫn láo toét như thường lệ, phải không?”

“Con vẹt của ông ấy... đã chết... hình như thế,” Anne lấp bắp, lúc này đến tên mình là gì cô còn không chắc nữa là.

“Chết! Vậy thì mọi việc sẽ ổn thỏa thôi,” quý bà hồng hào reo lên vui sướng. “Tôi có thể xử lý James A. nếu con chim đó khuấy mắt tôi.”

Nói xong những lời bí ẩn như vậy, bà vui vẻ tiếp tục lên đường còn Anne chạy ngay tới cửa bếp để tìm bà Marilla.

“Anne, người phụ nữ đó là ai vậy?”

“Bác Marilla,” Anne long trọng nói nhưng ánh mắt lộ vẻ tinh nghịch, “trông

cháu có giống như đang phát điên không?”

“Cũng chẳng điên hơn thường ngày bao nhiêu,” bà Marilla nói, nhưng chẳng có ý châm biếm nào.

“Ồ, vậy thì bác nghĩ cháu có tỉnh táo không?”

“Anne, cháu lại nói nhằm gì thế? Ta hỏi là người phụ nữ đó là ai?”

“Bác Marilla, nếu cháu không điên và không ngủ say, vậy thì bà ấy không phải xuất hiện trong giấc mơ của cháu... bà ấy là người thực. Dù sao chẳng nữa, cháu chắc chắn mình không thể tưởng tượng ra một cái mũ như thế. Bà ấy nói mình là vợ ông Harrison, bác Marilla ạ.”

Đến phiên Marilla cũng sờ nhìn cô.

“Vợ ông ta! Anne Shirley! Vậy thì ông ta giả vờ độc thân để làm quái gì?”

“Thực ra cháu không cho rằng ông ấy cố ý làm thế,” Anne cố đánh giá công bằng, “ông ấy chả bao giờ nói là mình chưa lập gia đình. Mọi người chỉ mặc định thế thôi. Ôi bác Marilla, bà Lynde sẽ nói thế nào về chuyện này đây?”

Họ biết được bà Lynde đã nói gì khi bà ghé thăm vào chiều hôm đó. Bà Lynde thậm chí cũng không ngạc nhiên nữa! Bà Lynde lúc nào cũng trông chờ một điều gì đó tương tự! Bà Lynde luôn biết có điều gì đó không ổn ở ông Harrison!

“Ai mà ngờ là ông ta bỏ rơi vợ chứ!” bà phần nộ. “Cứ như chuyện trong mấy

tờ báo bên Mỹ vậy, nhưng ai ngờ lại xảy ra ở ngay Avonlea này?”

“Nhưng chúng ta đâu có chắc là ông ấy đã bỏ rơi vợ,” Anne phản đối, kiên quyết tin tưởng sự vô tội của bạn mình khi chưa có bằng chứng xác thực. “Chúng ta còn không biết chuyện xảy ra thế nào nữa là.”

“Ồ, sẽ sớm biết thôi. Tôi đi thẳng qua bên đó đây,” trong từ điển của bà Lynde chẳng có từ “tế nhị”. “Cứ cho là tôi chẳng biết gì về chuyện bà ta đến, và hôm nay ông Harrison có đem vài loại thuốc từ Carmody về cho Thomas, cho nên đó là một lý do tốt để ghé qua. Tôi sẽ tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện rồi kể lại với cả nhà trên đường về.”

Bà Lynde hấp tấp đến nơi mà Anne ngại ngần không dám đặt chân vào. Chẳng có gì có thể khiến cô ghé qua nhà ông Harrison bây giờ, nhưng dù sao thì cô cũng có tính tò mò bẩm sinh kha khá, và cô mừng thầm rằng bà Lynde sẽ lần ra manh mối của vụ bí ẩn này. Cô và bà Marilla bồn chồn chờ đợi bà Lynde quay về, nhưng đợi mãi mà chẳng có ai. Tối đó bà Lynde không ghé qua Chái Nhà Xanh như đã hứa. Lúc chín giờ, Davy từ nhà Boulter về, đã cho họ biết lý do.

“Cháu gặp bà Lynde và một phụ nữ lạ mặt ở dưới thung lũng,” nó giải thích. Và trời ơi, cứ nhìn hai người họ nói chuyện cùng lúc xem! Bà Lynde bảo cháu nói với mọi người bà ấy xin lỗi vì đã quá muộn nên không thể ghé qua.

Anne, cháu đói khủng khiếp. Bọn cháu dùng trà ở nhà Milty lúc bốn giờ, và cháu nghĩ bà Boulter thật là keo kiệt. Bà ta chẳng cho cháu chút mứt hay bánh ngọt nào... đến bánh mì còn khô nữa là.”

“Davy, khi đến chơi nhà người khác thì không được chê bai đồ ăn người ta mời,” Anne nghiêm giọng. “Cư xử như vậy không hay chút nào.”

“Được rồi... cháu chỉ nghĩ thôi chứ không nói nữa,” Davy vui vẻ thốt. “Nhưng hãy cho cậu bé này ăn chút gì đi, cô Anne ơi.”

Anne nhìn sang bà Marilla, bà đã theo cô vào phòng lương thực và cẩn thận đóng cửa lại.

“Cháu phết ít mứt lên bánh mì của nó

đi, bác biết bữa trà ở nhà Levi Boulter là như thế nào rồi.”

Davy cầm lát bánh mì phết mứt của mình rồi thở dài.

“Xét cho cùng thế giới này cũng khá là đáng chán,” nó nhận xét. “Milty có một con mèo hay ngát xiu... nó ngát xiu đều đặn mỗi ngày suốt ba tuần liên. Milty nói nhìn nó tức cười khủng khiếp. Hôm nay cháu cố ý xuống để xem nó ngát xiu, nhưng cái đồ mèo già nhỏ nhen ấy chẳng chịu ngát xiu gì cả mà cứ khỏe như vâm, dẫu Milty và cháu lẩn quẩn quanh nó chờ đợi suốt cả buổi chiều. Nhưng chẳng sao”... Davy tươi hân nét mặt khi được món mứt mạn tuyệt vời xoa dịu linh hồn đang đói khát của mình... “có lẽ cháu sẽ xem được vào dịp nào đó. Chẳng có lý

nào nó thôi không ngắt xiú hấn khi đã có thói quen làm vậy lâu rồi, phải không? Món mứt này ngon khủng khiếp.”

Chẳng có nỗi buồn nào của Davy mà món mứt mặn không chữa được.

Ngày Chủ nhật trời mưa tầm tã đến mức chẳng thò chân ra ngoài được, nhưng đến thứ Hai thì mọi người đều nghe được một phiên bản nào đó của câu chuyện gia đình Harrison. Tin đồn rì rầm lan truyền trong trường học, Davy về nhà với hàng đống tin tức mới.

“Bà Marilla, ông Harrison có một bà vợ mới... à, không hẳn là mới, nhưng họ đã ngừng kết hôn trong một thời gian dài, Milty nói vậy đó. Cháu luôn nghĩ rằng người ta phải giữ cuộc hôn nhân đến

cùng khi đã lỡ bắt đầu, nhưng Milty nói không phải vậy, có nhiều cách chấm dứt kết hôn nếu hai bên không thống nhất được ý kiến. Milty nói một trong những cách đó là cứ bỏ ra ngoài để vợ ở lại nhà, và ông Harrison đã làm như vậy. Milty nói ông Harrison bỏ vợ vì bà ấy ném đồ đạc vào người mình... những vật cứng ấy... và Arty Sloane nói lý do là vì bà ấy không cho ông ấy hút thuốc, còn Ned Clay nói là vì bà ấy cứ quở trách ông ấy liên tục. Cháu sẽ không đời nào để vợ của cháu làm những chuyện như thế. Cháu sẽ kiên quyết phản đối, và nói rằng, 'Bà Davy, bà phải làm theo ý của tôi, bởi vì tôi là đàn ông.' Khi ấy cô nàng sẽ ngoan ngoãn hẳn, cháu chắc thế. Nhưng Annetta Clay lại nói bà ấy bỏ ông

ấy vì ông ấy không chịu chùi chân trước khi vào nhà, và nó hoàn toàn không trách bà ấy. Cháu sẽ sang nhà ông Harrison ngay bây giờ để xem bà ấy là người thế nào.”

Davy mau chóng quay lại, có chút tiu nghỉu.

“Bà Harrison không có nhà... bà ấy đi Carmody với bà Rachel Lynde để mua giấy dán tường mới cho phòng khách. Và ông Harrison dặn cháu bảo cô Annesang gặp vì ông ấy muốn nói chuyện với cô Anne. Cho mọi người biết nhé, sàn nhà được chùi sạch, ông Harrison cũng cạo râu đàng hoàng, dẫu hôm qua không phải đi lễ.”

Căn bếp nhà Harrison nhìn hoàn toàn

xa lạ với Anne. Quả thật, sàn nhà sạch như li như lau, và mọi đồ đạc trong phòng cũng y như thế, bếp lò được đánh bóng đến mức có thể soi gương được, tường quét vôi trắng và kính cửa sổ lấp lánh trong ánh nắng, ông Harrison bận bộ đồ lao động ngồi bên bàn, hôm thứ Sáu bộ quần áo đó vẫn còn rách rưới te tua, nhưng giờ nó đã được vá vùi và ủi phẳng. Mày râu ông nhẵn nhụi, tóc ít ỏi còn lại cũng được tỉa tốt cẩn thận.

“Ngồi xuống đi, Anne, ngồi xuống đi,” ông Harrison nói với giọng hơi giống giọng người Avonlea chuyên dùng trong những dịp tang lễ. “Emily đã đi Carmody với Rachel Lynde... bà ấy và Rachel Lynde đã trở thành bạn chí cốt rồi. Đúng là phụ nữ thật là trái ngược.

“Ôi, Anne, thời gian dễ chịu của tôi đã hết rồi... hết thực rồi. Phải sống ngăn nắp và sạch sẽ cho đến cuối cuộc đời, chắc là thế.”

Ông Harrison cố hết sức để giữ giọng u sầu hết mức có thể, nhưng ánh mắt lấp lánh không thể che giấu được đã phản bội ông.

“Ông Harrison, ông rất vui vì vợ mình quay lại,” Anne kêu lên, lúc lắc ngón tay trước mặt ông. “ông không cần giả vờ ngược lại đâu, vì cháu thấy rõ mồn một mà.”

Ông Harrison mặt giãn ra và nở một nụ cười bẽn lẽn.

“À... ừ... thì tôi cũng đang quen dần thôi,” ông thừa nhận. “Không thể nói là

tôi không vui khi gặp lại Emily. Một người đàn ông cần phải có ai đó bảo vệ trong một cộng đồng như thế này, nơi ông ta chẳng thể sang chơi cờ với hàng xóm mà không bị buộc tội là đang đi tán tỉnh em gái hàng xóm và còn bị đăng lên báo nữa chứ.”

“Chẳng ai nghi ngờ bác đi tán tỉnh Isabella Andrews nếu bác không giả vờ là mình còn độc thân đâu,” Anne nghiêm khắc trách cứ.

“Tôi có giả vờ đâu. Nếu có ai hỏi thì tôi sẽ trả lời ngay là mình đã lập gia đình. Nhưng mọi người cứ cho chuyện tôi độc thân là đương nhiên. Tôi chẳng mấy hào hứng muốn nói về việc này... tôi vẫn còn chua chát lắm. Bà Rachel Lynde chắc sẽ sượng đến phát điên nếu biết vợ

tôi đã bỏ tôi, có phải thế không?”

“Nhưng có người nói ông đã bỏ bà ấy.”

“Bà ấy bắt đầu trước, Anne ạ, bà ấy bắt đầu trước. Tôi sẽ kể cho cháu nghe toàn bộ câu chuyện, vì tôi không muốn cháu suy nghĩ xấu về tôi hơn mức tôi đáng nhận... và cả về Emily nữa. Nhưng chúng ta hãy đi ra hàng hiên đi. ở đây mọi thứ ngăn nắp phát sợ, đến mức làm tôi cảm thấy lạc lõng. Chắc một thời gian nữa tôi sẽ quen dần, nhưng nhìn ra sân khiến tôi dễ thở hơn. Emily chưa có thời gian dọn dẹp cái sân.”

Ngay khi họ thoải mái ngồi xuống ghế ở hàng hiên, ông Harrison bắt đầu câu chuyện buồn của mình.

“Tôi sống ở Scottsford, New Brunswick trước khi đến đây, Anne ạ. Chị tôi coi sóc nhà cửa cho tôi và chị ấy rất hợp với tôi, chị ấy chỉ sạch sẽ ở mức vừa phải, để tôi yên và chiều chuộng tôi quá đáng... Emily nói thế đấy. Nhưng chị ấy qua đời ba năm trước. Trước khi qua đời, chị ấy rất lo lắng về sau tôi sẽ thế nào và cuối cùng đã bắt tôi hứa là sẽ lập gia đình. Chị ấy khuyên tôi nên hỏi cưới Emily Scott vì Emily có thu nhập riêng và là một bà nội trợ mẫu mực. Tôi đã nói, 'Emily Scott không thèm để mắt đến em đâu.' Em cứ hỏi đi rồi biết,' chị tôi bảo thế, và để chị yên tâm tôi đã hứa sẽ hỏi. Và tôi đã làm thế thật. Và Emily bảo rằng bà ấy chịu lấy tôi. Chưa bao giờ tôi ngạc nhiên đến thế, Anne ạ... một phụ nữ

bé nhỏ xinh đẹp thông minh như bà ấy và một lão già như tôi. Nói cho cháu biết, ban đầu tôi nghĩ mình thật may mắn. À, chúng tôi cưới nhau, đi nghỉ hai tuần ở St. John rồi về nhà. Chúng tôi về đến nhà lúc mười giờ tối, và tôi thề với cháu, Anne ạ, chỉ sau nửa tiếng, bà ấy đã bắt đầu dọn dẹp nhà cửa. ôi, tôi biết cháu đang nghĩ nhà tôi cần được dọn dẹp... cháu có khuôn mặt rất biểu cảm, Anne ạ, mọi suy nghĩ của cháu hiện rõ mồn một ấy... nhưng nhà tôi không đến nỗi tệ thế. Tôi phải thú nhận là nó khá bừa bãi khi tôi sống có một mình, nhưng trước đám cưới tôi có nhờ một bà đến dọn dẹp và còn sơn sửa lại đáng kể nữa. Tôi nói cho cháu biết, nếu cháu dẫn Emily vào một tòa lâu đài cẩm thạch trắng mới tinh, bà

ấy sẽ bắt tay lau chùi ngay sau khi tìm được một chiếc váy cũ để mặc. À, bà ấy lau chùi căn nhà tới tận một giờ đêm, và bốn giờ sáng bà ấy thức dậy để lau chùi tiếp. Và bà ấy cứ tiếp tục như thế... tôi chẳng thấy bà ấy dừng tay bao giờ cả. Lúc nào cũng chà, quét, phủi bụi, ngoại trừ Chủ nhật, vào Chủ nhật thì bà ấy chỉ mong mỗi mau đến thứ Hai để bắt tay làm tiếp. Nhưng đó là cách giải trí của bà ấy, và tôi cũng sẽ chiều theo nếu bà ấy để tôi yên. Nhưng bà ấy chẳng dễ thế. Bà ấy quyết tâm cải tạo tôi, nhưng tiếc là bà ấy không tóm được tôi khi tôi còn đủ trẻ. Tôi không được phép bước vào nhà trừ phi thay đôi bốt ra và mang đôi dép đặt sẵn ở cửa vào. Tôi chẳng dám hút lấy một điếu thuốc trừ phi chui vào kho. Và

tôi nói chuyện không đúng ngữ pháp như bà ấy muốn. Hồi trẻ Emily từng là cô giáo làng, vậy nên bà ấy không tài nào chấp nhận được cách nói sai ngữ pháp. Rồi bà ấy ghét cái kiểu ăn bằng dao của tôi. Vâng, cứ thế đấy, cần nhằn cầu nhàu mãi không dứt. Nhưng Anne ạ, nói cho cùng, tôi cho rằng mình cũng thuộc loại quạu quọ khó ưa. Tôi không cố cải thiện hành vi như lẽ ra tôi có thể làm... Tôi chỉ phát cáu và bực bội mỗi khi bị bà ấy bới móc. Một ngày nọ, tôi nói với bà ấy là khi tôi cầu hôn thì bà ấy có chê tôi nói không đúng ngữ pháp đâu. Đó không phải là một lời nói khéo léo cho lắm. Một phụ nữ sẽ dễ tha thứ cho một người đàn ông đánh vợ hơn là kẻ dám ám chỉ rằng mình quá hăng hái muốn lấy chồng, ôi, chúng

tôi cứ cãi cọ qua lại như thế và mọi chuyện không hẳn dễ chịu cho lắm, nhưng có thể chúng tôi sẽ chấp nhận nhau sau một thời gian ngắn nếu không có Gừng. Gừng chính là giọt nước làm tràn ly. Emily không thích vết và càng không chịu nổi cách nói chuyện thô tục của nó. Tôi thì thương con chim vì ông anh thủy thủ của mình, ông anh thủy thủ rất thân với tôi khi chúng tôi còn bé xíu, và anh ấy gửi Gừng cho tôi khi anh ấy đang hấp hối. Tôi thấy chả việc gì phải nóng máu vì thói chửi thề của nó. Tôi ghét nhất cái thói hỗn xược ở con người, nhưng bọn vẹt thì chỉ lặp lại những gì chúng nghe mà chẳng hiểu tí gì, cũng như tôi chẳng hiểu tiếng Tàu vậy, nên có thể thông cảm được. Nhưng Emily không chịu nhìn nhận

như thế. Phụ nữ chẳng có lý chút nào. Bà ấy cố bắt Gùrg không được chửi bậy, nhưng chẳng thành công lắm, cũng như khi bắt tôi không được nói là 'tôi tháy' hay 'cái lũ chúng nó'. Dường như bà ấy càng cố thì Gùrg càng tội tệ, tôi cũng thế.

“Ôi, chuyện cứ tiếp diễn như thế, cả hai chúng tôi càng lúc càng gay gắt hơn, cho đến đỉnh điểm. Emily mời vợ chồng mục sư chỗ chúng tôi cùng vợ chồng một mục sư khác đang ở chơi nhà họ đến dùng trà. Tôi hứa là sẽ nhốt Gùrg vào một góc khuất để không ai nghe thấy tiếng của nó... Emily chẳng bao giờ chịu chạm vào cái lồng dù có cách nó chừng chục bước... tôi định sẽ làm theo, vì tôi không muốn các vị mục sư nghe những

lời khó chịu trong nhà mình. Nhưng tôi quên khuấy mất... Emily giày vò tôi quá nhiều về cổ áo sạch với lại ngữ pháp nên tôi có quên vài chuyện cũng chẳng có gì lạ... và tôi chẳng nhớ gì đến con vẹt đáng thương ấy cho đến khi ngồi vào bàn. Ngay khi mục sư số một đang nói lời cầu nguyện, Gùng ở hàng hiên bên ngoài cửa sổ phòng ăn bắt đầu cất giọng. Một con gà tây vừa bước vào sân, mà cứ thấy gà tây là Gùng lại phản ứng tồ tộ. Lần đó nó xuất sắc hơn hẳn ngày thường. Cháu cứ cười đi, Anne, và tôi không phủ nhận mình cũng cười khùng khục sau này khi nhớ lại, nhưng lúc ấy thì tôi thấy xấu hổ chẳng kém gì Emily. Tôi chạy ra đem Gùng vào chuồng bò. Tôi ăn không ngon miệng nữa. Nhìn Emily tôi biết ngay

Gùng và James A. sắp gặp rắc rối to rồi. Khi khách khứa ra về, tôi đi ra đồng cỏ chăn bò, và trên đường đi, tôi suy nghĩ dữ lắm. Tôi cảm thấy tội cho Emily và cho rằng mình không thông cảm với bà ấy như đáng ra phải thế; ngoài ra, tôi còn lo không biết các mục sư có cho rằng Gùng học mấy lời chợ búa ấy từ tôi hay không. Nghĩ tới nghĩ lui, tôi quyết định tốt nhất là nên tống khứ Gùng đi, và khi đưa bò về nhà, tôi bước vào định nói với Emily như vậy. Nhưng bà ấy không ở nhà, và trên bàn có một lá thư... y chang như trong truyện vậy. Emily viết rằng tôi phải chọn giữa bà ấy và Gùng, bà ấy quay về nhà mình và ở nguyên đấy cho tới khi tôi đến đón và bảo với bà ấy là tôi đã tống khứ con vẹt đi.

“Tôi tức điên lên, Anne ạ, tôi nói bà ấy cứ ở đó mà chờ cho tới ngày tận thế đi, và tôi cứ kiên quyết tới cùng như thế. Tôi dọn đồ của bà ấy và gửi hết sang cho bà ấy. Chuyện đó khiến mọi người bàn tán phát khiếp lên được... Scottsford cũng bà tám y hệt như Avonlea này vậy... và mọi người đều thông cảm với Emily. Điều đó làm tôi quạu quọ khó chịu, và tôi thấy rằng mình phải đi thôi nếu muốn yên thân. Tôi quyết định ra đảo. Hồi còn nhỏ tôi từng đến đây và thích vùng này, nhưng Emily lúc nào cũng nói rằng bà ấy sẽ không sống ở một nơi mà người dân không dám bước ra khỏi nhà vào buổi tối vì sợ té xuống nước. Thế là, để làm trái ý bà ấy, tôi chuyển tới đây. Và đó là toàn bộ câu chuyện. Tôi không biết tí tin tức

gì về Emily cho đến khi tôi từ cánh đồng phía sau về nhà hôm thứ Bảy thì thấy bà ấy đang cạo sàn, nhưng trên bàn có bữa trưa ngon lành đầu tiên mà tôi có được từ khi bà ấy bỏ đi. Bà ấy bảo tôi cứ ăn đi rồi nói chuyện... do đó tôi kết luận rằng Emily đã học được cách sống hòa hợp với một người đàn ông. Thế là bà ấy ở đây, và sẽ ở lại luôn... khi thấy rằng Gùg đã chết và đảo lớn hơn hẳn so với điều bà ấy nghĩ trước đây. Bà Lynde và bà ấy về rồi kìa. Không, đừng đi, Anne. ở lại làm quen với Emily đi. Bà ấy khá ấn tượng với cháu hôm thứ Bảy rồi.... muốn biết cô gái tóc đỏ xinh đẹp ở nhà bên cạnh là ai.”

Bà Harrison nồng nhiệt chào đón Anne và nhất định ép cô ở lại dùng trà.

“James A. đã kể rất nhiều về cháu, cháu đã tốt bụng làm bánh trái và đủ thứ cho ông ấy ra sao,” bà nói. “Tôi muốn làm quen với tất cả các láng giềng mới của mình càng sớm càng tốt. Bà Lynde là một phụ nữ dễ mến, phải không? Hết sức thân thiện.”

Khi Anne đi về nhà trong ánh hoàng hôn dịu dàng tháng Sáu, bà Harrison cùng đi băng qua cánh đồng với cô, nơi đom đóm đang thắp lên những ngọn đèn nhấp nháy như sao.

“Chắc,” bà Harrison tâm tình, “James A. đã kể cho cháu nghe câu chuyện của chúng tôi?”

“Đúng vậy.”

“Thế thì tôi cũng chẳng cần kể lại

nữa, vì James A. là một người công bằng và chỉ nói sự thật. Lỗi còn xa mới chỉ thuộc về ông ấy. Giờ tôi mới nhận ra điều đó. Về nhà chưa được một tiếng tôi đã bắt đầu hối hận giá như mình đừng có hấp tấp như vậy, nhưng tôi không chịu lùi bước. Giờ tôi mới thấy mình mong đợi quá nhiều ở một người đàn ông. Và tôi thật ngốc nghếch khi để ý đến ngữ pháp tồi tệ của ông ấy. Đàn ông có nói sai ngữ pháp cũng chẳng sao, chỉ cần ông ấy kiếm tiền nuôi gia đình và đừng có đo lọ nước mắt đếm củ dưa hành là được. Tôi cho rằng James A. và tôi giờ sẽ hạnh phúc thực sự. Tôi ước gì mình biết 'Người quan sát' là ai để nói lời cảm ơn. Tôi quả thật đã mang nợ ân tình của ông ta.”

Anne giữ im lặng và bà Harrison không bao giờ biết rằng lòng biết ơn của bà đã được gửi cho đúng đối tượng. Anne cảm thấy khá hoang mang trước những hệ quả sâu rộng của những “mẫu tin” ngớ ngẩn đó. Chúng đã giúp hai vợ chồng làm hòa với nhau và khiến một nhà tiên tri trở nên nổi tiếng.

Bà Lynde đang ở trong bếp Chái Nhà Xanh. Bà đang kể đầu đuôi câu chuyện cho bà Marilla.

“Ồ, cháu có thích bà Harrison không?” bà Lynde hỏi Anne.

“Rất thích. Cháu nghĩ bà ấy là một phụ nữ thực sự dễ thương.”

“Hoàn toàn chính xác,” bà Rachel nhấn mạnh, “và như tôi vừa nói với

Marilla, tôi nghĩ chúng ta nên bỏ qua tính lập dị của ông Harrison vì bà ấy, và giúp bà ấy làm quen với cuộc sống ở đây, thế đấy. ôi, tôi phải về nhà thôi. Thomas chắc đang trông tôi lắm. Tôi đi ra ngoài được một chút vì Eliza tới, và ông ấy trông khá hơn nhiều mấy bữa nay, nhưng tôi chẳng bao giờ muốn rời ông ấy quá lâu. Nghe nói Gilbert Blythe đã xin nghỉ dạy học ở White Sands. Tôi cho rằng cậu ta sẽ đi học đại học vào mùa thu.”

Bà Rachel liếc mắt sắc lẹm nhìn sang Anne, nhưng Anne đang cúi xuống bé Davy đang ngủ gà ngủ gật trên xô pha và mặt cô kín bung bung. Cô ẵm Davy đi, gò má con gái của cô áp lên mái tóc xoắn vàng của nó. Khi họ đi lên cầu thang,

Davy quàng cánh tay mệt mỏi quanh cổ Anne, ôm chặt cô và hôn một cái hôn ướt nhẹ lên má cô.

“Cô dễ thương khủng khiếp, cô Anne ạ. Milt Boulter viết lên bảng cho Jenni Sloane coi hôm nay,

'Hoa hồng thì đỏ, violet thì xanh.

Đường thì ngọt và em cũng thế.’

Và những lời đó diễn tả chính xác cảm xúc của cháu đối với cô, cô Anne ạ.”

26. Khúc Quanh

Thomas Lynde rời bỏ cõi đời một cách lặng lẽ không kèn không trống đúng như cách sống của ông. Vợ ông là một nữ hộ lý dịu dàng kiên nhẫn và không hề mệt mỏi. Thỉnh thoảng Rachel cũng khá là nghiêm khắc với Thomas khi ông còn khỏe mạnh, khi sự chậm chạp hay nhút nhát của ông làm bà phát điên. Nhưng khi ông lâm bệnh, giọng bà luôn hết sức khẽ khàng, bàn tay luôn hết sức dịu dàng khéo léo và chẳng ai trông nom ông tí mĩ không than vãn như bà.

“Bà là một người vợ tốt, Rachel ạ,” một lần ông nói như vậy, khi bà ngồi cạnh ông trong ánh hoàng hôn, bàn tay chai sần của bà giữ chặt lấy đôi tay gầy guộc tái nhợt của ông.

“Một người vợ tốt. Tôi xin lỗi vì không để lại được gì cho bà, nhưng đám con sẽ chăm sóc bà chu đáo. Chúng là những đứa trẻ thông minh có năng lực, hết như mẹ của chúng. Một người mẹ tốt... một phụ nữ tốt...”

Ông gà gât thiếp đi, và sáng hôm sau, khi bình minh sáng rỡ dâng lên khỏi ngọn linh sam trong thung lũng, bà Marilla rón rén bước vào chái Đông đánh thức Anne dậy.

“Anne, Thomas Lynde qua đời rồi...”

cậu bé làm thuê của họ vừa báo tin. Ta xuống chỗ Rachel ngay đây.”

Hôm sau lễ tang của Thomas Lynde, bà Marilla đi khắp Chái Nhà Xanh với vẻ suy tư lạ thường. Thỉnh thoảng bà liếc nhìn Anne, dường như định nói gì đó rồi lại lắc đầu và ngậm miệng lại. Sau bữa trà, bà đi xuống thăm bà Rachel, trở về bà đi thẳng tới chái Đông nơi Anne đang chăm bải.

“Bà Lynde tối nay thế nào rồi ạ?” Anne hỏi.

“Bà ấy đã bình tĩnh lại,” bà Marilla đáp rồi ngồi xuống giường của Anne... hành động này để lộ ra tâm thần bà kích động khác thường, vì theo luật gia đình của bà Marilla, ngồi lên một chiếc

giường đã được dọn gọn gàng là một hành vi không thể tha thứ. “Nhưng bà ấy rất cô đơn. Eliza phải về nhà hôm nay... con cô ta không khỏe nên cô ta cảm thấy không thể ở lâu hơn nữa.”

“Chăm bài xong cháu sẽ chạy qua nói chuyện một lát với bà Lynde,” Anne nói. “Cháu định học một ít tiếng Latinh tối nay, nhưng để sau cũng được.”

“Chắc Gilbert Blythe sẽ đi học đại học mùa thu này đây,” bà Marilla ngập ngừng nói.

“Cháu có muốn đi luôn không Anne?”

Anne nhìn lên vẻ ngạc nhiên.

“Đương nhiên là cháu muốn rồi, bác Marilla ạ. Nhưng không thể nào.”

“Ta cho rằng có thể được chứ. Lúc nào ta cũng nghĩ cháu nên đi. Ta chẳng bao giờ thấy thoải mái được khi nghĩ cháu từ bỏ tất cả vì ta.”

“Nhưng bác Marilla ơi, cháu chẳng hối hận một giây phút nào vì đã ở nhà. Cháu rất hạnh phúc... ôi, hai năm vừa qua thật tuyệt vời.”

“Ồ, phải, ta biết cháu khá thỏa mãn. Nhưng đó không phải là câu hỏi của ta. Cháu nên tiếp tục việc học của mình. Cháu đã đề dành đủ để học một năm ở Redmond, và tiền bán gia súc sẽ đủ cho một năm nữa... lại còn học bổng và những thứ tương tự mà cháu có thể giành được.”

“Vâng, nhưng cháu không thể đi được,

bác Marilla ạ. Đương nhiên giờ mắt bác đã tốt hơn, nhưng cháu không thể để bác lại một mình với hai đứa bé sinh đôi. Chúng cần phải được chăm sóc rất nhiều.”

“Ta sẽ không ở một mình với chúng. Đó là điều ta định bàn với cháu. Tối nay ta vừa nói chuyện khá lâu với Rachel. Anne ạ, bà ấy cảm thấy buồn bã kinh khủng về rất nhiều chuyện. Bà ấy chẳng còn lại bao nhiêu tiền. Hình như tám năm trước họ đã thế chấp nông trại để cho tiền đưa con trai út khởi nghiệp ở miền Tây, và họ chẳng thể trả nhiều hơn số tiền lãi mỗi năm. Và rồi dĩ nhiên căn bệnh của Thomas cũng tiêu tốn không ít, về mặt này hay mặt khác. Phải bán nông trại, và Rachel nghĩ rằng sau khi trả hết

nợ thì cũng chẳng còn lại được bao nhiêu. Bà ấy nói bà ấy phải đến ở với Eliza, và trái tim bà ấy tan vỡ khi nghĩ đến chuyện phải rời Avonlea. Một phụ nữ vào tuổi bà ấy không dễ kết bạn mới hay thay đổi mối quan tâm của mình. Và này, Anne ạ, khi bà ấy tâm sự, ta chợt nảy ra ý đề nghị bà ấy đến sống với ta, nhưng ta nghĩ mình nên bàn với cháu trước khi nói với bà ấy. Nếu Rachel đến sống với ta, cháu có thể đi học đại học. Cháu thấy sao?”

“Cháu thấy... như là... ai đó... đưa cho cháu... mặt trăng... và cháu không biết... chính xác... phải làm gì... với nó,” Anne ngần người. “Nhưng chuyện mời bà Lynde đến đây thì phải do bác quyết định, bác Marilla ạ. Bác có nghĩ... bác

có chắc... là bác sẽ thích điều đó không? Bà Lynde là người tốt và là một hàng xóm đáng mến, nhưng... nhưng...”

“Nhưng bà ấy cũng có khuyết điểm, cháu muốn nói vậy phải không? Ồ, đương nhiên là bà ấy có khuyết điểm, nhưng ta nghĩ ta thà chịu đựng những khiếm khuyết kinh khủng hơn thế nhiều còn hơn để Rachel rời khỏi Avonlea. Ta sẽ nhớ bà ấy khủng khiếp. Bà ấy là người bạn thân duy nhất của ta ở đây, ta sẽ rất cô đơn nếu không có bà ấy. Bọn ta đã là láng giềng bốn mươi lăm năm mà chưa cãi nhau bao giờ... dẫu có lần suýt cãi nhau khi cháu nổi cơn với Rachel vì bà ấy dám bảo cháu tóc đỏ và thô kệch. Cháu còn nhớ không Anne?”

“Có chứ ạ,” Anne rầu rĩ nói. “Không

để quên những chuyện như thế đâu. Lúc ấy cháu ghét bà Rachel đáng thương biết nhường nào!”

“Và rồi lời 'xin lỗi' của cháu với bà ấy nữa chứ. ôi, thật lòng mà nói, cháu thật khó dạy, Anne ạ. Ta từng cảm thấy hết sức bối rối hoang mang chẳng biết xử trí cháu thế nào. Matthew hiểu cháu rõ hơn ta.”

“Bác Matthew hiểu rõ mọi điều,” Anne nói với giọng dịu dàng như mỗi khi nhắc tới ông.

“Ồ, ta nghĩ mình có thể thu xếp để ta và Rachel không xung đột với nhau. Đối với ta, lý do hai phụ nữ không thể sống hòa thuận một nhà là vì họ cố dùng chung một gian bếp và làm rối chân nhau. Bây

giờ, nếu Rachel đến đây, bà ấy có thể ngủ ở chái Bắc và nấu ăn ở phòng dành riêng cho khách, vì chúng ta chẳng cần căn phòng đó làm gì. Bà ấy có thể đặt bếp ở đó và đặt những đồ nội thất mà bà ấy muốn giữ lại, đồng thời cảm thấy thoải mái và độc lập. Đương nhiên bà ấy có đủ tiền để sống... đám con bà ấy sẽ lo việc này... nên ta chỉ giúp bà ấy chỗ ở thôi. Anne à, đối với ta thì ta sẽ thích như vậy.”

“Vậy thì bác hỏi ý bà ấy đi,” Anne nói ngay. “Cháu cũng sẽ rất buồn nếu bà Rachel đi khỏi Avonlea.”

“Và nếu bà ấy đến đây,” bà Marilla tiếp, “cháu có thể đi học đại học tùy thích. Bà ấy sẽ bầu bạn với ta và giúp cặp sinh đôi những chuyện mà ta không

làm được, vì vậy chẳng có lý do gì trên đời khiến cháu không nên đi cả.”

Đêm đó, Anne trầm tư thật lâu bên cửa sổ. Niềm vui và nỗi tiếc nuối giằng xé trong tim cô. Cuối cùng cô cũng đi đến khúc quanh của con đường... một cách đột ngột, bất ngờ; và trường đại học ở ngay bên kia, với hàng trăm hy vọng và viễn cảnh lấp lánh cầu vồng; nhưng đồng thời Anne cũng nhận ra, khi rẽ ở khúc quanh đó, cô sẽ phải bỏ lại rất nhiều thứ tốt đẹp đằng sau... những mối quan tâm và trách nhiệm nho nhỏ không những đã trở nên vô cùng thân thiết với cô trong hai năm qua mà còn nở rộ thật đẹp đẽ hân hoan nhờ bao nhiệt tình tâm sức cô dồn vào. Cô phải rời bỏ ngôi trường của mình... và cô yêu từng đứa học trò, ngay

cả những đũa ngọc nghêch và nghịch ngợm nhất. Chỉ nghĩ đến Paul Irving thôi đã khiến cô tự hỏi Redmond có đáng giá đến vậy hay không.

“Hai năm qua mình đã bén rễ khá nhiều ở nơi đây,” Anne nói với vàng trắng trên cao, “và khi phải nhổ rễ lên, mình sẽ đau đớn lắm đây. Nhưng mình nghĩ đi là tốt nhất, và cũng như bác Marilla nói, chẳng có lý do nào khiến mình không đi cả. Mình phải lấy hết khát vọng khỏi rương và phúi bụi cho chúng thôi.”

Hôm sau, Anne gửi đơn xin nghỉ việc, còn bà Rachel sau một cuộc nói chuyện chân thành với bà Marilla đã vui vẻ chấp nhận lời đề nghị đến sống ở Chái Nhà Xanh. Tuy vậy, bà vẫn quyết định ở lại

nhà mình hết mùa hè, đến mùa thu bà mới bán nông trại vì vẫn còn rất nhiều việc phải thu xếp.

“Rõ ràng mình chẳng bao giờ ngờ là mình sẽ sống ở một nơi xa đường chính như Chái Nhà Xanh,” bà Rachel thở dài tự nhủ. “Nhưng thực sự thì Chái Nhà Xanh không còn khi ho cò gáy như lúc trước nữa... Anne có rất nhiều bạn, và cặp song sinh cũng khiến nơi đó sinh động hơn. Với cả, dù sao thì mình thà sống ở đáy giếng còn hơn rời Avonlea.”

Hai quyết định này khi được tiết lộ ra ngoài đã gây chấn động trong mạng lưới ngòi lê đôi mách địa phương hơn hẳn vụ bà Harrison chuyển đến. Những mái đầu thông thái lúc lắc không tán thành hành vi hấp tấp của bà Marilla Cuthbert khi

mời bà Rachel đến ở chung. Mọi người đoán là họ sẽ chẳng hợp nhau. Cả hai đều thuộc loại “chỉ thích làm theo ý mình” và nhiều dự đoán âu sầu đã được đưa ra, nhưng chẳng gì có thể làm phiền những bên liên quan. Họ đã hiểu rõ ràng rành mạch những nghĩa vụ và quyền lợi tương ứng trong cuộc sống mới của mình và quyết tâm tuân thủ chúng.

“Tôi sẽ không can thiệp vào chuyện của cô và cô cũng thế,” bà Rachel quả quyết, “còn về cặp song sinh, tôi sẽ rất vui khi làm hết sức cho chúng, nhưng tôi sẽ không lãnh phần trả lời những câu hỏi của Davy đâu, thế đấy. Tôi chả phải bách khoa toàn thư, cũng càng không phải là một luật sư ở Philadelphia. Cô sẽ nhớ Anne vì điều đó đấy.”

“Nhiều lúc câu trả lời của Anne cũng quái dị như những câu hỏi của Davy vậy,” bà Marilla khô khan đáp. “Cặp song sinh sẽ nhớ Anne lắm, chắc chắn thế, nhưng con bé không thể hy sinh tương lai vì lòng khao khát tri thức của Davy được. Khi nó đặt câu hỏi mà tôi không trả lời được, tôi sẽ bảo nó con nít đừng có nhiều chuyện. Đó là cách tôi được nuôi dạy, tôi chẳng biết nhưng cách đó cũng hay chẳng kém những khái niệm mới lạ trong việc dạy trẻ em hiện nay.”

“Hừm, phương pháp của Anne khá hữu hiệu với Davy đấy,” bà Lynde mỉm cười. “Nó đã cải tà quy chính, thế đấy.”

“Bản chất nó không phải là tệ,” bà Marilla thừa nhận. “Tôi chẳng bao giờ ngờ mình sẽ thương đám trẻ đến vậy.”

Davy bằng cách nào đó đã khiến chúng ta phải mến nó... và Dora rất đáng yêu, dẫu có chút... có chút... ồ, có chút...”

“Đơn điệu? Chính xác,” bà Rachel xen vào. “Giống như một quyển sách mà mọi trang y hệt nhau, thế đấy. Dora sẽ là một phụ nữ tốt đáng tin cậy nhưng nó chẳng bao giờ lộn tung nhà lên cả. Ô, tí người đây thì dễ chịu thật, dẫu không thú vị như tí người kia.”

Gilbert Blythe có lẽ là người duy nhất hoàn toàn vui mừng khi biết tin Anne xin nghỉ dạy. Đám học trò của cô coi đó là một thảm họa khủng khiếp. Annetta Bell lên cơn co giật khi về đến nhà. Anthony Pye đánh lộn hai trận kịch liệt mà chẳng có nguyên do gì với đám con trai, để giải tỏa cảm xúc của nó. Barbara Shaw khóc

suốt đêm. Paul Irving bướng bỉnh nói với bà nội rằng đừng mong cậu ăn chút cháo nào suốt tuần.

“Cháu không ăn nổi, bà ạ,” cậu nói. “Cháu thực sự không biết mình có thể ăn nổi bất cứ thứ gì không. Cháu cảm thấy có một cục nghẹn to đùng trong cổ họng. Cháu lẽ ra đã khóc trên đường về nhà nếu Jake Donnell không nhìn cháu. Cháu nghĩ cháu sẽ khóc sau khi lên giường. Chắc sáng mai mắt cháu sẽ không sưng đâu, phải không? Nếu được như vậy thì thật nhẹ người. Nhưng dù sao chẳng nữa, cháu không thể ăn cháo đâu. Cháu cần vận hết tâm trí để chịu đựng điều này, bà nội ạ, nên cháu chẳng còn hơi đâu mà chiến đấu với tô cháo nữa. ôi bà nội ơi, cháu chẳng biết phải làm gì khi cô giáo

xinh đẹp ra đi. Milty Boulter nói nó cá là cô Jane Andrews sẽ dạy tiếp. Cháu nghĩ cô Andrews rất tốt. Nhưng cháu biết cô ấy sẽ chẳng thấu hiểu như cô Shirley đâu.”

Diana cũng có cái nhìn rất bi quan về mọi chuyện.

“Mùa đông tới ở đây sẽ cô đơn khủng khiếp,” cô than vãn. Một buổi chiều muộn khi ánh trăng đang “dát bạc” lên những cành anh đào và chái Đông tràn ngập ánh sáng mềm mại mơ mộng, hai cô gái cùng nói chuyện tâm tình, Anne ngồi trên ghế bập bênh thấp bên cửa sổ, Diana ngồi xếp bằng trên giường. “Cậu và Gilbert đều đi cả... và gia đình Allan nữa. Ông Allan được gọi đến Charlottetown, và đương nhiên ông ấy sẽ

đồng ý. Thật bất công. Chắc chúng ta sẽ không có mục sư suốt cả mùa đông và phải nghe hàng chuỗi các ứng cử viên thuyết giảng... phân nửa số đó chẳng hay ho gì.”

“Dù sao thì tớ hy vọng mọi người sẽ không mời ông Baxter ở Đông Grafton,” Anne quả quyết, “ông ấy muốn chuyên tới đây, nhưng những bài giảng của ông ấy thật là u ám hết sức. Ông Bell nói ông ấy là mục sư theo trường phái cũ, nhưng bà Lynde bảo ông ấy chẳng có vấn đề gì ngoại trừ chứng khó tiêu. Hình như vợ ông ấy nấu ăn không giỏi, bà Lynde nói là khi một người đàn ông cứ ba tuần thì đến hai tuần phải ăn bánh mì ôi thì lý luận thần học của ông ấy chắc chắn sẽ bị tắc nghẽn ở đâu đó. Cô Allan cảm thấy

rất nặng nề khi phải rời đi. Cô nói mọi người đã đối xử rất tốt với mình từ khi cô tới đây với tư cách một cô dâu mới cưới, vậy nên cô cảm thấy như phải rời bỏ những người bạn từng sống với mình cả cuộc đời vậy. Và rồi còn có cả ngôi mộ của đứa bé nữa, cậu biết đó. Cô ấy bảo làm sao có thể bỏ đi để lại đứa nhỏ một mình như thế... nó còn bé tí xíu, chỉ mới ba tháng tuổi, cô ấy bảo sợ nó sẽ nhớ mẹ, dẫu biết là thực tế không phải như vậy, và cô ấy không đời nào nói thế với ông Allan. Cô ấy kể rằng gần như đêm nào cô ấy cũng băng qua khu rừng bạch dương sau nhà mục sư để đến nghĩa trang hát ru một bài cho đứa bé. Cô ấy kể cho tớ nghe mọi chuyện vào chiều qua khi tớ đi lên đặt vài đóa hồng đại nở sớm

lên mộ bác Matthew . Tớ hứa với cô là một khi tớ còn ở Avonlea, tớ sẽ đặt hoa lên mộ đứa bé, và khi tớ đi vắng, tớ chắc là...”

“Tớ sẽ làm thay cho cậu,” Diana chân thành thốt. “Đương nhiên tớ sẽ làm vậy. Và tớ cũng sẽ đặt hoa lên mộ bác Matthew , vì cậu, Anne ạ.”

“Ôi, cảm ơn cậu. Tớ cũng định nhờ cậu như vậy. Và cậu cũng đặt hoa lên mộ của Hester Gray nữa nhé? Xin đừng quên cô ấy. Cậu có biết không, tớ suy nghĩ và mơ mộng về Hester Gray nhiều đến nỗi đôi với tớ cô ấy đã trở nên chân thực một cách lạ lùng. Ngồi nơi góc vườn tĩnh mịch xanh um mát mẻ của Hester, tớ nghĩ đến cô ấy và tưởng tượng rằng nếu tớ có thể lên đến đó một buổi chiều xuân nào

đây, vào đúng giây phút huyền diệu khi ánh sáng và bóng tối trộn lẫn, rón rén thật khẽ bước qua khu rừng sồi trên đồi sao cho bước chân mình không làm kinh động cô ấy, tớ sẽ nhìn thấy khu vườn đúng như nó thuở trước, ngập tràn loa kèn tháng Sáu và hoa hồng nở sớm ngọt ngào, căn nhà nhỏ phía xa xanh ngắt dây leo, và Hester Gray bé nhỏ ở ngay đó, với đôi mắt dịu dàng cùng mái tóc sẫm màu rối tung trong gió, đi lang thang trong vườn, đặt đầu ngón tay bên dưới cầm từng bông loa kèn và thủ thỉ tâm sự bí mật với những đóa hồng, và tớ sẽ bước tới, bước thật khẽ khàng, chìa tay ra nói với cô ấy, 'Hester Gray bé nhỏ ơi, chị sẽ cho em chơi cùng chứ, vì em cũng yêu hoa hồng lắm?' Và rồi bọn tớ sẽ ngồi

xuống băng ghế cũ kỹ, nói chuyện một tí, mơ mộng một tí, hay chỉ ngồi im lặng bên cạnh nhau mà thôi. Và rồi mặt trăng nhô lên, tớ nhìn quanh... chẳng có Hester Gray, chẳng có ngôi nhà phủ đầy dây leo, chẳng có hoa hồng... chỉ còn một khu vườn cũ bỏ hoang, hoa loa kèn thối Sầu điếm xuyết trên mặt cỏ, làn gió thổi dài, ôi, thật là buồn thương, lướt qua những cây anh đào. Và tớ chẳng biết đó là thật hay chỉ là trí tưởng tượng của mình nữa.”

Diana bò lên dựa lưng vào đầu giường. Khi phải nghe một người bạn kể những câu chuyện liêu trai vào lúc trời chạng vạng, tốt nhất là đừng để cho mình có cơ hội tưởng tượng có thứ gì đó đang ở sau lưng.

“Tớ sợ Hội Cải tạo sẽ xuống dốc khi

cả cậu và Gilbert cùng đi,” cô buồn thảm thốt.

“Chẳng sợ tí nào,” Anne nói nhanh, từ cõi mơ quay trở lại với những vấn đề thực tế. “Gốc rễ nó đã bám rất chắc rồi, nhất là khi người lớn đã trở nên hết sức nhiệt tình. Hãy nhìn họ đã làm gì với lối đi và bãi cỏ nhà mình trong mùa hè này đi. Hơn nữa, tớ sẽ tham khảo thêm nhiều ý tưởng hay ở Redmond, viết một bản tham luận vào mùa đông tới và gửi về đây. Đừng có nhìn sự việc một cách ảm đạm thế, Diana ạ. Và đừng tỏ vẻ không bằng lòng với những giờ phút vui sướng hân hoan ngắn ngủi của tớ. Sau này, khi phải ra đi, tớ sẽ chẳng vui nổi đâu.”

“Cậu vui cũng phải mà... cậu đi học đại học, cậu sẽ có một khoảng thời gian

tuyệt vời và có hàng đồng bạn bè đáng yêu mới.”

“Tớ hy vọng mình sẽ có bạn bè mới,” Anne trầm tư. “Có thêm được nhiều bạn, cuộc đời này sẽ hấp dẫn hơn hẳn. Nhưng dẫu tớ có thêm bao nhiêu bạn bè nữa, họ sẽ không bao giờ thân thương như những người bạn cũ đâu... đặc biệt là một cô gái có đôi mắt đen và má lúm đồng tiền. Cậu có đoán ra cô ấy là ai không, Diana?”

“Nhưng ở Redmond sẽ có vô số cô gái thông minh,” Diana thở dài, “còn tớ chỉ là một cô gái quê khờ khạo bé nhỏ, thỉnh thoảng còn nói 'tôi tháy'... dẫu tớ có khá hơn rồi khi chịu suy nghĩ trước khi mở miệng, ôi, đương nhiên hai năm vừa qua quá sức tốt đẹp đến mức chẳng thể

kéo dài được lâu hơn. Dù sao thì tớ biết có người sẽ rất vui khi cậu đi học ở Redmond. Anne, tớ hỏi cậu một câu nhé... hỏi nghiêm túc đấy. Đừng có bực và hãy trả lời thực lòng. Cậu có để ý tí nào đến Gilbert không?”

“Rất nhiều, như một người bạn, nhưng chẳng có chút nào theo ý cậu nói cả,” Anne đáp bình tĩnh và quả quyết; cô cũng nghĩ rằng câu trả lời của mình rất thật lòng.

Diana thở dài. Chẳng hiểu sao, cô ước Anne trả lời khác đi.

“Cậu có nghĩ là khi nào đó cậu sẽ kết hôn không, Anne?”

“Có lẽ... một ngày nào đó... khi tớ gặp được đúng người,” Anne mỉm cười mơ

màng với ánh trăng.

“Nhưng sao cậu dám chắc khi nào cậu gặp được đúng người?” Diana vẫn chưa thôi.

“Ôi, tớ sẽ biết ngay chứ... có thứ gì đó sẽ cho tớ biết. Cậu biết tiêu chuẩn của tớ mà, Diana.”

“Nhưng tiêu chuẩn của con người thỉnh thoảng cũng thay đổi chứ.”

“Tớ thì không đâu. Và tớ không thể chấp nhận một người đàn ông không thỏa mãn được tiêu chuẩn của tớ.”

“Nếu cậu không bao giờ gặp được anh ta thì sao?”

“Thì tớ sẽ làm gái già đến chết chứ sao,” cô vui vẻ trả lời. “Tớ dám nói đó

chẳng phải là cái chết khổ sở nhất.”

“Ôi, tớ cho rằng chết thì dễ thôi, nhưng tớ chẳng thích sống đời gái già đâu,” Diana chẳng có ý đùa chút nào. “Mặc dù tớ không ngại làm một cô gái già lắm nếu tớ được như cô Lavendar. Nhưng tớ không đời nào được thế. Khi tớ bốn lăm tuổi, tớ sẽ mập khủng khiếp. Một cô gái già thanh mảnh thì may ra còn có chút lãng mạn, nhưng một cô gái già béo phì thì chắc chắn sẽ trắng tay. ôi, cậu biết không, ba tuần trước Nelson Atkins đã cầu hôn Ruby Gillis. Ruby kể hết cho tớ nghe. Cậu ấy nói cậu ấy không hề có ý định chấp nhận anh ta, bởi vì ai cưới anh ta sẽ phải sống với cả gia đình chồng; nhưng Ruby nói lời cầu hôn của anh ta thật lãng mạn và đẹp đẽ đến mức hoàn

hảo, nó khiến cậu ấy hết sức xúc động. Nhưng cậu ấy không muốn hành động hấp tấp nên xin một tuần để suy nghĩ; rồi hai ngày sau, cậu ấy đến dự một buổi gặp mặt của Hội May vá ở nhà mẹ, và có một quyển sách 'Hướng dẫn các quy tắc xã giao' nằm trên bàn phòng khách. Ruby nói cậu ấy không thể diễn tả được cảm xúc của mình khi đọc thấy dưới mục 'Các cách tán tỉnh và cầu hôn' toàn bộ lời cầu hôn của Nelson, đúng đến từng chữ một. Cậu ấy về nhà viết cho anh ta một lời từ chối cực kỳ gay gắt; cậu ấy còn kể cha mẹ anh ta phải thay phiên theo dõi con trai vì sợ anh ta nhảy sông tự tử; nhưng Ruby nói họ không cần phải lo, vì trong phần 'Các cách tán tỉnh và cầu hôn' có chỉ cách một người bị từ chối nên cư xử

thế nào, trong đó chẳng nhắc gì đến nhảy sông cả. Cậu ấy nói Wilbur Blair thực sự tiêu tụy héo hon vì cậu ấy nhưng cậu ấy bó tay chẳng biết làm sao.”

Anne phác một cử chỉ thiếu kiên nhẫn.

“Tớ ghét phải nói ra lời như thế này... có vẻ thật không một lòng một dạ với bạn bè... nhưng, ôi chao, giờ tớ chả thích Ruby Gillis chút nào. Tớ thích cậu ấy dạo chúng tớ đi học ở đây và ở trường Queen... đương nhiên là không thích bằng cậu và Jane rồi. Nhưng năm vừa rồi ở Carmody, cậu ấy có vẻ khác quá... quá... quá...”

“Tớ hiểu,” Diana gật đầu. “Đó là máu của nhà Gillis đấy... cậu ấy cũng chả có cách nào khác. Bà Lynde nói rằng từ

dáng đi tới lời nói, các cô gái nhà Gillis chẳng để lộ ra mỗi quan tâm nào khác ngoài trừ đám con trai. Cậu ấy chỉ toàn kể về bọn con trai, nào là những lời khen tặng họ dành cho cậu ấy, nào là tất cả bọn họ đều điên cuồng thế nào vì cậu ấy ở Carmody. Và điều lạ là, bọn họ thực sự điên cuồng vì cậu ấy...” Diana thừa nhận có chút chua chát. “Tôi qua, khi tớ gặp cậu ấy ở tiệm nhà ông Blair, cậu ấy thì thầm với tớ rằng mình vừa có một 'người hâm mộ' mới. Tớ không hỏi đó là ai vì tớ biết cậu ấy chờ mong được hỏi đến chết được, ôi, tớ cho rằng đó là điều Ruby luôn mong mỏi. Cậu còn nhớ khi còn nhỏ cậu ấy luôn miệng nói rằng muốn có hàng chục bạn trai khi lớn lên và chơi bời cho thỏa thích trước khi ổn định cuộc

sống. Cậu ấy hoàn toàn khác hẳn với Jane, phải không? Jane là một cô gái hiền hòa dễ mến và cư xử đúng đắn.”

“Jane là một viên ngọc quý đấy,” Anne đồng ý, “nhưng,” cô nghiêng mình vồ nhẹ vào bàn tay mũm mĩm xinh xắn phía trên gối, “xét cho cùng chẳng có ai bằng được Diana của tớ. Cậu còn nhớ buổi chiều chúng mình gặp lần đầu tiên không, Diana, và 'thề thốt' tình bạn vĩnh cửu trong vườn nhà cậu đấy? Tớ nghĩ chúng mình đã giữ được 'lời thề' ấy... chúng mình chưa bao giờ cãi nhau hay chơi trò chiến tranh lạnh. Tớ sẽ không bao giờ quên cảm giác kích động ngày cậu nói là cậu yêu tớ. Trái tim trẻ thơ của tớ cô đơn và khao khát tình yêu biết bao. Đến giờ tớ mới nhận ra nó thật sự cô đơn

và khao khát tình yêu đến mức nào. Chẳng ai thèm quan tâm hay muốn dính dáng gì tới tớ. Tớ sẽ khổ sở lắm nếu không có cuộc-đời-ảo tự mình dựng lên, nơi tớ tưởng tượng ra tất cả bạn bè và tình yêu mà tớ thèm khát. Nhưng khi đến Chái Nhà Xanh, tất cả đã thay đổi. Rồi tớ gặp được cậu. Cậu không biết tình bạn của cậu có ý nghĩa thế nào với tớ đâu. Ngay lúc này đây tớ muốn cảm ơn cậu, người bạn yêu quý ạ, vì những tình cảm chân thành và ấm áp mà cậu luôn dành cho tớ.”

“Luôn luôn, luôn luôn như vậy,” Diana nức nở. “Tớ sẽ không bao giờ yêu bất cứ ai... bất cứ cô gái nào... bằng một nửa tớ yêu cậu. Và nếu có khi nào tớ lập gia đình và có một cô con gái, tớ sẽ đặt

tên nó là Anne.”

27. Một Buổi Chiều Ở Căn Nhà Đá

“Cô đi đâu mà diện vậy, Anne?” Davy muốn biết. “Nhìn cô đẹp tí tò lò trong cái váy đó.”

Anne đi xuống ăn trưa trong bộ váy muxơlin màu xanh lá cây nhạt... chiếc váy màu mè đầu tiên cô mặc kể từ khi Matthew qua đời. Nó hợp với cô một cách hoàn hảo, tôn lên sắc tinh tế như một đóa hoa của khuôn mặt cô và ánh đồng lấp lánh trên mái tóc cô.

“Davy, bao nhiêu lần cô đã dặn cháu là không được dùng cái từ đó mà,” cô trách móc. “Cô sẽ đi Nhà Vọng.”

“Dẫn cháu đi với,” Davy năn nỉ.

“Nếu đánh xe đi thì cô đã dẫn rồi. Nhưng cô sẽ đi bộ; mà đường thì quá xa so với cặp chân mới có tám tuổi của cháu. Hơn nữa, Paul sẽ đi cùng cô, và cô sợ rằng cháu không thích đi chung với cậu ấy.”

“Ồ, cháu thích Paul nhiều hơn trước rồi,” Davy nói, bắt đầu hùng hục tấn công món bánh pút đình. “Kể từ khi cháu bắt đầu ngoan ngoãn được kha khá, cháu không để ý lắm đến việc anh ta ngoan hơn cháu nữa. Nếu cháu tiếp tục cố gắng

thì một ngày nào đó cháu sẽ bắt kịp anh ta thôi, cả chiều dài chân và sự ngoan ngoãn. Hơn nữa, Paul cư xử rất tốt với đám con trai lớp hai bọn cháu ở trường. Anh ta không để đám con trai lớn bắt nạt bọn cháu, và chỉ cho bọn cháu rất nhiều trò hay.”

“Sao trưa hôm qua Paul lại rơi xuống suối vậy?” Anne hỏi. “Cô thấy cậu ấy ở sân chơi, ướt nhem ướt nhẹp đến mức cô phải bảo cậu ấy về nhà thay áo mà không kịp hỏi han gì.”

“Ồ, một phần là do tai nạn,” Davy giải thích. “Anh ta cố ý cúi đầu xuống, nhưng cả người anh ta rơi xuống theo là do tai nạn. Bọn cháu đang ở bên suối, Prillie Rogerson nổi điên với Paul vì chuyện gì đó... chị ta xấu tính và khó ưa

kinh khủng, dẫu chị ta có xinh thật... và nói rằng hằng đêm bà nội anh ta đều cuộn tóc anh ta lại để làm lộn xoăn. Cháu cho rằng Paul chẳng để ý gì đến những lời chị ta nói, nhưng Gracie Andrews phá lên cười, và Paul đỏ bừng mặt, vì Gracie là bồ của anh ta mà, cô biết đấy. Anh ta mê tít chị ấy... tặng hoa, cầm sách giúp tới tận đường bờ biển. Mặt anh ta đỏ như củ cải và anh ta gân cổ bảo rằng bà nội anh ta không làm những chuyện như thế, anh ta tóc quăn từ nhỏ rồi. Thế rồi anh ta nằm sấp bên bờ suối, chúi đầu xuống nước để chứng minh, ồ, đó không phải là dòng suối mà bọn cháu uống nước đâu...” Davy vội nói khi thấy vẻ hãi hùng trên mặt bà Marilla... “đó là một nhánh nhỏ hơn bên dưới. Nhưng bờ suối trơn khủng

khiếp và cả người Paul trượt đi. Phải nói anh ta té xuống cái âm, thật là tí tồ lồ. ôi, Anne, Anne, cháu không định nói từ đó đâu... cháu chỉ buột miệng mà chưa kịp nghĩ. Anh ta té xuống cái âm rất oách. Nhưng khi bò lên thì trông anh ta thật tức cười, ướm mẹp đầy bùn. Đám con gái cười còn dữ hơn nữa nhưng Gracie không cười. Chị ấy lộ vẻ ân hận. Gracie cũng xinh nhưng chị ấy có cái mũi héch. Khi cháu đủ lớn để có bồ; cháu không quen đưa nào mũi héch đâu... cháu sẽ chọn người có cái mũi xinh như cô, Anne ạ.”

“Một cậu bé dính xi rô lem nhem đầy mặt khi ăn pút đing thì chẳng có cô gái nào thèm để ý đâu,” bà Marilla nghiêm khắc.

“Nhưng cháu sẽ rửa mặt trước khi đi cửa cấm chú,” Davy phản đối, cố gắng cải thiện tình hình bằng cách dùng lưng bàn tay chùi lấy chùi để. “Và cháu cũng rửa lỗ tai mà không cần nhắc nhở nữa. Sáng nay cháu nhớ rồi đó, bà Marilla ơi. Cháu không hay quên thường xuyên như trước nữa. Nhưng...” Davy thở dài... “có quá nhiều góc ngách trên người, nhớ toàn bộ chúng thật là khó kinh khủng, ôi, nếu cháu không thể qua nhà cô Lavendar, cháu sẽ chạy sang nhà bà Harrison. Phải nói bà Harrison là một phụ nữ dễ thương khủng khiếp. Bà ấy để một lọ bánh quy trong phòng lương thực, dành riêng cho các cậu bé, và bà ấy luôn luôn cho cháu những phần thừa trong chảo khi làm bánh mạn. Có rất nhiều mạn còn dính lại một

bên, cô biết mà. Ông Harrison luôn là người tốt, nhưng từ khi cưới vợ lại thì ông ấy tốt gấp đôi. Chắc kết hôn làm người ta tốt hơn. Vì sao bà không lập gia đình vậy, bà Marilla? Cháu muốn biết.”

Tình trạng độc thân hạnh phúc của bà Marilla chẳng bao giờ khiến bà xót xa, do vậy sau khi liếc nhìn đầy ý nghĩa sang Anne, bà trả lời một cách vui vẻ rằng có lẽ vì chẳng ai chịu lấy bà.

“Nhưng có thể vì bà chẳng chịu hỏi thử ai cả,” Davy phản đối.

“Ôi Davy,” Dora nghiêm khắc thốt, cô bé quá sững sờ đến nỗi nói khi chưa được hỏi, “đàn ông phải đi hỏi vợ chứ.”

“Hừ, anh chả hiểu vì sao đàn ông luôn luôn phải làm thế,” Davy làu bàu. “Anh

thấy có vẻ như đàn ông phải gánh vác tất cả mọi việc trên đời này rồi. Cháu ăn thêm một miếng bánh pút đình được không, bà Marilla?”

“Cháu ăn quá đủ rồi đây,” bà Marilla đáp nhưng vẫn cắt cho nó một miếng vừa phải nữa.

“Cháu ước gì có thể ăn pút đình mà sống. Vì sao không thể như vậy, hả bà Marilla? Cháu muốn biết.”

“Bởi vì cháu sẽ sớm ngán tới tận cổ thôi.”

“Cháu muốn thử một lần xem sao,” Davy hoài nghi. “Nhưng cháu nghĩ chỉ được ăn pút đình vào ngày ăn cá và ngày có khách còn hơn là không được ăn pút đình. Nhà Milty Boulter không có tí pút

đình nào. Milty nói khi có khách thì mẹ nó chỉ cho họ ăn pho mát và còn tự tay cắt nữa... mỗi người một miếng nhỏ, và thêm một miếng cho ra vẻ hào phóng.”

“Nếu Milty Boulter nói như vậy về mẹ nó thì ít nhất cháu không nên nhắc lại làm gì,” bà Marilla nghiêm khắc.

“Chúa rủ lòng thương linh hồn tôi,”... Davy khoái trá bắt chước câu nói cửa miệng của ông Harrison...

“Milty muốn khen mẹ nó đấy chứ. Nó tự hào kinh khủng về mẹ, vì người ta đồn mẹ nó có thể vắt cổ chày ra nước.”

“Hình... hình như đám gà mái hồn hào lại chạy vào luống hoa păng xê nữa rồi,” bà Marilla đứng dậy hấp tấp chạy ra ngoài.

Đám gà mái bị vu oan không hề lảng vảng ở gần luống hoa păng xê, và bà Marilla cũng chẳng thềm liếc mắt nhìn qua. Thay vào đó, bà ngồi xuống cửa sập hầm rượu mà cười rữ rượi cho đến khi cảm thấy xấu hổ vì hành vi của mình.

Chiều hôm đó, khi Anne và Paul đến ngôi nhà đá, họ thấy cô Lavendar và Charlotta Đệ Tứ đang ở trong vườn, hăng hái nhổ cỏ, cào cỏ, cắt tỉa lá cây. Cô Lavendar, vui tươi ngọt ngào trong bộ váy đính đầy diềm xếp nếp và đăng ten ưa thích, buông rơi cây kéo và hớn hờ chạy ra đón khách, trong khi Charlotta Đệ Tứ nhăn răng cười.

“Chào cháu, Anne. Tôi đã nghĩ hôm nay cháu sẽ đến mà. Cháu thuộc về buổi chiều, nên buổi chiều đưa cháu tới.

Những thứ thuộc về nhau sẽ luôn gắn bó với nhau. Người ta sẽ tránh được rất nhiều rắc rối nếu hiểu được điều đó. Nhưng họ không hiểu... và thế là họ tốn vô khối sức lực dời non lấp biển để ép những thứ không thuộc về nhau ở gần nhau. Và cháu nữa, Paul... ôi chao, cháu lớn quá! Cháu cao hơn cả nửa cái đầu so với lần trước.”

“Vâng, cháu bắt đầu nhỏ giò rồi, như bà Lynde nói đấy,” Paul vui sướng chân thành. “Bà nội nói thế là món cháo cuối cùng cũng có hiệu lực. Có lẽ thế. Có trời mới biết...” Paul thở dài... “Số lượng cháu ăn đủ để bắt cứ ai trưởng thành. Cháu chỉ hy vọng, một khi đã bắt đầu, cháu sẽ cao đến khi bằng ba cháu. Ba cháu cao hơn mét tám, cô biết đấy, cô

Lavendar.”

Vâng, cô Lavendar có biết, đôi má xinh đẹp của cô lại hồng thêm một chút, một tay dắt Paul, một tay dắt Anne, cô im lặng bước vào nhà.

“Hôm nay thời tiết có thích hợp để tạo những tiếng vọng không, cô Lavendar?” Paul lo lắng hỏi. Lần đầu tiên cậu đến thăm, trời quá nhiều gió nên không thể tạo tiếng vọng, và Paul hết sức thất vọng.

“Ừ, là ngày thích hợp nhất luôn ấy chứ,” cô Lavendar trả lời, bưng tỉnh khỏi luồng hồi tưởng. “Nhưng trước tiên chúng ta phải kiếm cái gì ăn đã. Tôi biết hai cháu nhất định rất đói bụng sau khi đi bộ qua rừng sồi đến tận đây, và Charlotta

Đệ Tứ cùng tôi có thể ăn vào bất cứ lúc nào trong ngày... chúng tôi háu ăn lắm. Nên chúng ta chỉ cần đột kích vào phòng lương thực thôi. Thật may là nó đầy nhóc những thứ ngon lành. Tôi linh cảm rằng mình sẽ có khách hôm nay, thế là Charlotta Đệ Tứ và tôi đã chuẩn bị sẵn sàng.”

“Cháu nghĩ cô là kiểu người luôn có sẵn đồ ăn ngon trong tủ,” Paul tuyên bố. “Bà nội cũng thế. Nhưng bà không thích ăn vặt giữa hai bữa chính. Cháu tự hỏi,” cậu trầm ngâm, “liệu cháu có nên ăn dấu biết là bà chẳng ưa hay không.”

“Ôi, cô cho rằng bà cháu sẽ không phản đối nếu cháu ăn sau một chuyến đi bộ dài. Thế thì lại khác đây,” cô Lavendar nói rồi trao đổi ánh mắt ý vị

với Anne phía trên mái tóc xoắn nâu của Paul. “Cô cho rằng các món ăn vặt quả thật chẳng tốt chút nào. Đó là lý do bọn cô luôn có sẵn chúng ở Nhà Vọng này. Bọn cô... Charlotta Đệ Tứ và cô... sống thách thức với mọi chế độ ăn uống. Bọn cô ăn đủ món khó tiêu mỗi khi chợt nhớ đến chúng, bất kể ngày hay đêm, và bọn cô phát triển như cây nguyệt quế vậy. Bọn cô luôn muốn sửa đổi. Mỗi khi đọc thấy bài báo nào ngăn không nên ăn một món gì bọn cô thích, bọn cô cắt bài đó ra, dán lên tường bếp để nhớ. Nhưng chẳng hiểu sao bọn cô không làm được... nhất định phải đi bỏ món đó vào bụng mới cam tâm. Chưa có món nào giết được bọn cô, dẫu Charlotta Đệ Tứ từng bị ác mộng sau khi ăn bánh rán vòng,

bánh thịt bằm và bánh trái cây trước khi đi ngủ.”

“Bà nội cho cháu uống một ly sữa, ăn một lát bánh mì bơ trước khi đi ngủ, vào tối Chủ nhật thì bà phết thêm mứt lên bánh mì,” Paul nói. “Do vậy cháu có thêm một lý do để luôn thích tối Chủ nhật. Chủ nhật là một ngày dài lê thê trên đường bờ biển. Bà nội nói ngày Chủ nhật quá ngắn với bà, và ba cháu chẳng bao giờ thấy Chủ nhật là nhàm chán khi còn nhỏ. Ngày sẽ không quá dài nếu cháu có thể nói chuyện với những người bạn trên vách đá của cháu, nhưng cháu chẳng bao giờ làm vậy vì bà nội không cho phép cháu làm vào ngày Chủ nhật. Cháu suy nghĩ nhiều lắm, nhưng cháu e là những suy nghĩ của cháu quá trần tục. Bà nội

nói rằng vào Chủ nhật chúng ta chẳng được nghĩ gì ngoài những ý nghĩ tôn giáo thiêng liêng. Nhưng cô giáo nói là mỗi ý nghĩ đẹp đều thiêng liêng cả, dẫu là về cái gì, hay vào bất cứ ngày nào. Nhưng cháu chắc rằng bà nội nghĩ bài giảng kinh và bài học ở trường Chủ nhật là những điều duy nhất thiêng liêng mà chúng ta có thể nghĩ tới. Và khi ý kiến của bà nội và cô giáo khác nhau, cháu chẳng biết phải làm sao. Trong thâm tâm”... Paul đặt tay lên ngực và ngược đôi mắt xanh hết sức nghiêm túc nhìn lên khuôn mặt lập tức trở nên đầy cảm thông của cô Lavendar... “cháu đồng ý với cô giáo. Nhưng mà, cô thấy đấy, bà nội đã tự mình nuôi dạy ba và đã thành công rực rỡ, mà cô giáo thì chưa nuôi lớn ai hết, tuy cô ấy có giúp

nuôi Davy và Dora một chút. Nhưng không biết chúng sẽ ra sao cho tới khi chúng thực sự lớn. Do vậy, thỉnh thoảng cháu nghĩ nghe lời bà nội thì an toàn hơn.”

“Cô nghĩ thế là đúng đấy,” Anne nghiêm nghị. “Dù sao chẳng nữa, cô dám nói nếu bà nội em và cô đi đến tận cùng vấn đề, dấu cách diễn đạt có khác nhau, điều bọn cô muốn nói sẽ hoàn toàn giống nhau. Em nên nghe theo cách nói của bà, vì đó là kết tinh của kinh nghiệm. Chúng ta phải đợi đến khi cặp song sinh trưởng thành thì mới dám chắc cách của cô cũng tốt tương đương.” Sau bữa ăn, họ quay lại khu vườn, ở đó Paul tha hồ làm quen với những tiếng vọng kỳ thú, trong khi Anne và cô Lavendar ngồi trò chuyện

trên băng ghế đá dưới bóng cây dương.

“Vậy mùa thu này cháu sẽ đi phải không?” cô Lavendar bâng khuâng. “Lẽ ra tôi phải mừng cho cháu, Anne ạ... nhưng tôi lại buồn khủng khiếp, thật là ích kỷ quá. Tôi sẽ nhớ cháu nhiều lắm. ôi, thỉnh thoảng tôi nghĩ kết bạn để làm quái gì. Chẳng bao lâu họ sẽ rời khỏi cuộc đời của mình và để lại vết thương còn đau đớn hơn khoảng trống vắng trước khi họ đến.”

“Nghe cứ như một câu cô Eliza Andrews hay nói, nhưng đó không phải là tính cách của cô Lavendar,” Anne thốt. “Chẳng có gì tệ hơn khoảng trống vắng... và cháu đâu có rời khỏi cuộc đời cô. Còn có thư từ và những kỳ nghỉ nữa mà. Cô thân yêu, cháu e là cô hơi xanh xao

mệt mỏi đó.”

“Ô... hú... hú... hú...” Paul đứng trên bức tường liên tục tạo ra đủ loại tiếng động... không phải tiếng động nào cũng du dương lọt tai, nhưng khi vắng lại, chúng dường như được các bà tiên tôi luyện thành những âm thanh đáng giá tựa bạc vàng. Cô Lavendar phẩy đôi tay xinh đẹp vẻ thiếu kiên nhẫn.

“Tôi chán tất cả mọi thứ... kể cả những tiếng vọng nữa. Chẳng có gì trong đời tôi ngoại trừ những tiếng vọng... tiếng vọng của niềm vui, giấc mơ và hy vọng đã mất đi. Chúng đẹp nhưng thật trêu ngươi, ôi Anne, tôi thật tệ vì ăn nói như vậy khi có khách. Chỉ là tôi đang già đi và tuổi già không hợp với tôi. Tôi biết mình sẽ khó tính khủng khiếp khi đến sáu

mười tuổi. Nhưng có lẽ tôi chỉ cần một liều thuốc chữa bệnh buồn thôi.”

Đúng lúc ấy, Charlotta Đệ Tứ, vốn biến mất sau bữa ăn trưa, giờ quay trở lại tuyên bố rằng ở góc Đông Bắc đồng cỏ nhà ông John Kimball dâu chín sớm đỏ rực và hỏi xem cô Shirley có muốn đi hái không.

“Dâu chín sớm cho buổi trà!” cô Lavendar kêu lên. “ôi, tôi không già như tôi nghĩ... và tôi chẳng cần một thuốc chữa bệnh buồn nào nữa! Các cô gái, khi các cô đem dâu trở lại, chúng ta sẽ dùng trà dưới cây dương bạc này. Tôi sẽ chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ với món kem cây nhà lá vườn.”

Thế là Anne cùng Charlotta Đệ Tứ đi

tới đồng cỏ của ông Kimball, một chôn xanh mượt đằng xa nơi không khí mịn như nhung, thơm ngát như một luống violet và óng ánh như hồ phách.

“Ôi, ở đây không khí mới ngọt ngào và tươi mát làm sao!” Anne hít sâu một hơi. “Chị có cảm giác như đang uống một hơi ánh mặt trời vậy.”

“Vâng, thưa cô, em cũng thế. Chính xác đó là điều em cảm thấy, thưa cô,” Charlotta đồng ý, cô bé sẽ nói y hệt như vậy nếu Anne bảo cô cảm thấy mình giống như một con bò nông hoang dại. Sau mỗi lần Anne đến thăm Nhà Vọng, Charlotta Đệ Tứ lại leo lên căn phòng nhỏ của mình phía trên gian bếp, làm bộ làm dạng trước gương, cố gắng nói chuyện, làm dáng và di chuyển như

Anne. Charlotta Đệ Tứ chẳng bao giờ có thể tự gạt mình rằng mình đã khá thành công, nhưng có chí thì nên, Charlotta được dạy thế ở trường mà, và cô bé hy vọng tha thiết rằng đến lúc nào đó, cô sẽ học được cái cách hát cầm thanh nhã, ánh mắt lạnh lợi long lanh, cách đi đứng cứ như cành cây đung đưa trong gió. Nhìn Anne làm thì có vẻ thật dễ dàng. Charlotta Đệ Tứ ngưỡng mộ Anne từ tận đáy lòng. Không phải vì cô bé nghĩ Anne quá xinh đẹp. vẻ đẹp của Diana Barry với má hồng tóc đen hợp với gu của Charlotta Đệ Tứ hơn là sức quyến rũ của Anne với đôi mắt xám long lanh cùng đôi má phơn phớt hồng.

“Nhưng em thà giống cô hơn là xinh đẹp,” cô bé thú thật với Anne.

Anne phá lên cười, nhâm nháp mật ngọt của lời khen tặng và lờ đi vết gai đâm. Cô quen nhận được những lời đánh giá mâu thuẫn. Công chúng chẳng bao giờ đồng ý với nhau về bề ngoài của Anne. Những người nghe đồn cô xinh đẹp gặp cô rồi thất vọng. Những người nghe đồn cô bình thường gặp cô rồi tự hỏi mắt của những kẻ khác để ở đâu. Chính bản thân Anne cũng chẳng bao giờ tin rằng mình có chút mỹ lệ nào. Khi nhìn vào gương, cô chỉ thấy khuôn mặt nhợt nhạt cùng với bảy vết tàn nhang trên mũi. Tấm gương chẳng thể lộ ra cho cô thấy hàng loạt cảm xúc luôn biến ảo hết đến lại đi trên nét mặt cô cứ như một ngọn lửa hồng lấp lánh, hay vẻ quyến rũ của niềm vui và ước mơ xen kẽ trong đôi mắt

to của cô.

Dâu Anne không đẹp theo đúng định nghĩa hẹp của từ đó, cô sở hữu một nét quyến rũ mơ hồ và vẻ bề ngoài đặc biệt, khiến những người gặp cô cảm thấy dễ chịu và hài lòng với tuổi thanh xuân dịu dàng cùng bao tiềm năng mạnh mẽ bên trong. Những người quen biết Anne vô thức cảm nhận được rằng điểm thu hút nhất của Anne là vầng hào quang đầy triển vọng bao quanh cô... sức mạnh của những tiềm năng tương lai tích tụ bên trong cô. Tương lai dường như lần lượt theo từng bước chân cô.

Trong lúc hái dâu, Charlotta Đệ Tứ tâm sự với Anne về nỗi lo của cô bé với cô Lavendar. Cô bé giúp việc tốt bụng thực lòng lo lắng cho tình trạng của cô

chủ đáng yêu của mình.

“Cô Lavendar không khỏe, cô Shirley ơi, thưa cô. Em chắc là thế, dẫu cô ấy chẳng bao giờ than phiền. Cô ấy không còn là chính mình lâu lắm rồi, thưa cô... kể từ cái ngày cô và Paul cùng đến đây lần trước ấy. Em chắc là cô ấy bị cảm đêm đó, thưa cô. Sau khi cô và cậu Paul đi, cô ấy ra ngoài rồi đi dạo trong vườn thật lâu trong bóng tối mà chỉ khoác có mỗi tấm khăn choàng mỏng dính. Trên lối đi còn rất nhiều tuyết đọng, và em chắc là cô ấy bị cảm, thưa cô. Kể từ đó, em để ý thấy cô ấy cư xử có vẻ mệt mỏi và buồn bã. Cô ấy dường như chẳng quan tâm đến bất cứ thứ gì cả, thưa cô. Cô ấy chẳng giả vờ là có khách tới, không nấu ăn sửa soạn, không làm bất cứ gì cả, thưa

cô. Chỉ khi cô đến thăm thì cô ấy dường như mới vui vẻ được một chút. Và dấu hiệu tệ nhất là, cô Shirley ơi, thưa cô...” Charlotta Đệ Tứ hạ giọng cứ như chuẩn bị nói ra một triệu chứng kỳ lạ và cực kỳ khủng khiếp... “cô ấy chẳng bao giờ nổi giận mỗi khi em làm bẽ đồ. Cô biết không, cô Shirley, thưa cô, hôm qua em làm bẽ cái chén màu xanh vàng luôn đặt trên kệ sách. Bà nội cô ấy đem từ bên Anh sang và cô Lavendar luôn nâng niu nó. Em cũng phải bụi nó cẩn thận lắm, cô Shirley ạ, thưa cô, nhưng nó tuột ra thật bất ngờ, trước khi em kịp giữ lại, rồi vỡ tan thành bốn triệu mảnh. Thú thật với cô là em hối hận và sợ lắm. Em nghĩ cô Lavendar sẽ mắng em một trận kinh khủng, thưa cô, và thà là cô ấy cứ mắng

em như trước còn hơn. Nhưng cô ấy bước vào phòng, chẳng thèm nhìn đến cái bát vỡ mà chỉ nói, 'Không sao cả, Charlotta. Gom mảnh vỡ lại rồi vứt đi,' Y sì như vậy đấy, thưa cô, cô Shirley... 'gom mảnh vỡ lại rồi vứt đi,' cứ như đó không phải cái bát bà nội cô ấy đem từ Anh sang vậy. Ôi, cô ấy không khỏe, và em cảm thấy tội tệ vì điều đó. Chẳng có ai chăm sóc cô ấy ngoài em.”

Charlotta Đệ Tứ ứa nước mắt. Anne thông cảm vuốt ve bàn tay rám nắng của cô bé đang cầm chiếc cốc hồng bị nứt.

“Chị nghĩ là cô Lavendar cần thay đổi, Charlotta ạ. Cô ấy ở đây một mình quá sức cô độc đi. Chúng ta có thể lôi kéo cô ấy đi đâu chơi một chuyến

không?”

Charlotta lắc đầu, những cái nơ to đùng lúc lắc buồn bã.

“Em không nghĩ vậy đâu, thưa cô, cô Shirley. Cô Lavendar ghét đi thăm viếng lắm. Cô ấy chỉ từng đi thăm viếng có ba người họ hàng, và cô ấy nói đó chỉ là trách nhiệm mà thôi. Lần chót, sau khi về nhà, cô ấy nói sẽ không đi thăm viếng vì trách nhiệm thêm lần nào nữa. ‘Tôi về nhà và đem lòng yêu sự cô đơn, Charlotta ạ,’ cô ấy nói với em thế, ‘và tôi không bao giờ muốn rời khỏi mái nhà thương yêu của mình nữa. Họ hàng của tôi cứ cố biến tôi thành một bà già, và điều đó ảnh hưởng tồi tệ đến tôi,’ Như thế đây, thưa cô, cô Shirley. ‘Điều đó ảnh hưởng tồi tệ đến tôi,’ Cho nên em nghĩ có

đồ dành cô ấy đi đâu cũng chẳng ích gì.”

“Chúng ta phải xem xem có cách nào khác không,” Anne quả quyết rồi bỏ trái dâu cuối cùng có thể vào cái cốc hồng của mình. “Ngay khi kỳ nghỉ hè bắt đầu, chị sẽ tới ở nguyên tuần với em và cô Lavendar. Chúng ta sẽ ăn uống ngoài trời mỗi ngày, tưởng tượng đủ điều thú vị xem có làm cô Lavendar vui lên được không.”

“Thế là đúng cách rồi đây, thưa cô; cô Shirley,” Charlotta Đệ Tứ reo lên hân hoan. Cô bé vui giùm cho cô Lavendar và cũng vì chính mình nữa. Có cả một tuần để liên tục quan sát Anne, chắc chắn cô bé sẽ học được cách đi đứng và cư xử như thần tượng của mình.

Khi các cô gái quay lại Nhà Vọng, họ thấy cô Lavendar và Paul đã khiêng cái bàn vuông nhỏ từ bếp ra vườn và sắp sẵn mọi thứ cho bữa trà. Chẳng có gì ngon hơn món dâu tươi và kem nhà làm, nhắm nháp thức ăn dưới bầu trời xanh ngắt điểm những cụm mây trắng nhỏ như bông gòn, trong bóng mát của cây rừng thì thâm xào xạc. Sau khi dùng bữa xong, Anne giúp Charlotta rửa chén trong bếp, trong khi cô Lavendar ngồi trên ghế đá với Paul nghe cậu kể về những người sống trên vách đá. Cô Lavendar dễ thương là một người biết lắng nghe, nhưng cuối cùng, Paul nhận ra cô đột ngột mất hứng thú với cặp thủy thủ song sinh.

“Cô Lavendar, sao cô nhìn cháu như

thế?” cậu nghiêm túc hỏi.

“Nhìn thế nào, hả Paul?”

“Cứ như cô đang nhìn xuyên qua cháu vào một người được cháu gọi nhớ trong tâm trí cô,” Paul đáp, thỉnh thoảng cậu lại có sự hiểu biết sâu sắc kỳ lạ đến mức chẳng dễ giữ kín bí mật nào khi ở quanh cậu.

“Cháu quả thật gọi cho cô nhớ đến một người cô biết đã lâu,” cô Lavendar mơ màng.

“Khi cô còn trẻ?”

“Ừ, khi cô còn trẻ. Cháu thấy cô có già lắm không, Paul?”

“Cô biết không, cháu chẳng biết trả lời thế nào,” Paul thổ lộ. “Tóc của cô

nhìn già... cháu chưa biết người trẻ nào có tóc trắng cả. Nhưng mỗi khi cô cười, mắt cô trẻ trung chẳng kém gì cô giáo xinh đẹp của cháu. Cháu nói điều này với cô nhé, cô Lavendar”... Khuôn mặt và giọng nói của Paul trang trọng như một quan tòa... “Cháu nghĩ cô sẽ là một người mẹ tuyệt vời. Cô có ánh mắt thật hợp... ánh mắt mà người mẹ bé nhỏ của cháu luôn có. Cháu nghĩ thật đáng tiếc khi cô chẳng có cậu con trai nào.”

“Tôi có một cậu con trai trong mơ, Paul ạ.”

“Ồ, thật ạ? Bạn ấy bao nhiêu tuổi?”

“Tôi nghĩ là khoảng tuổi cháu đấy. Đáng lẽ cậu bé phải lớn hơn một chút, vì tôi mơ về cậu bé từ lâu lắm trước khi

cháu ra đời. Nhưng tôi chưa bao giờ để cậu bé lớn hơn mười một hay mười hai tuổi, vì nếu như vậy thì một ngày nào đó cậu bé sẽ hoàn toàn trưởng thành, khi đó tôi sẽ mất cậu bé.”

“Cháu hiểu,” Paul gật đầu. “Đó là cái hay của những người trong mơ... muốn họ ở tuổi nào là họ ở tuổi đó. Cô, cô giáo xinh đẹp của cháu và cháu là những người duy nhất trên thế giới mà cháu biết là có những người trong mơ. Thật thú vị và thật vui khi chúng ta đều biết nhau, phải không? Nhưng cháu cho rằng người như chúng ta luôn tự tìm đến nhau. Bà nội cháu chẳng có người trong mơ nào, và Mary Joe nghĩ rằng cháu bị tâm thần khi nghĩ về họ. Nhưng cháu nghĩ có họ thật tuyệt. Cô biết mà, cô Lavendar. Hãy

kể cho cháu nghe về cậu bé trong mơ của cô đi.”

“Cậu bé có mắt xanh, tóc quăn. Mỗi sáng cậu bé lên vào phòng đánh thức tôi dậy bằng một nụ hôn. Rồi cả ngày cậu bé chơi trong vườn... và tôi cùng chơi với cậu bé. Những trò chơi như chúng ta chơi khi nãy. Bọn cô chạy thi, trò chuyện với những tiếng vọng, và cô kể chuyện cho cậu bé nghe. Rồi khi hoàng hôn buông xuống...”

“Cháu biết,” Paul hăm hờ cắt lời. “Cậu ấy sẽ đến ngồi cạnh bên cô... như thế này này... bởi vì đương nhiên, mười hai tuổi thì quá lớn không ngồi vào lòng cô được... và ngả đầu lên vai cô... như thế này này... và cô choàng tay quanh cậu bé, ôm chặt, thật chặt, rồi áp má lên đầu

cậu bé... đúng thế, y hệt như thế. ôi, cô cũng biết hết, cô Lavendar ơi.”

Khi bước ra khỏi căn nhà đá Anne thấy hai người họ ngồi đó, và có gì đó trên khuôn mặt của cô Lavendar khiến cô chẳng muốn quấy rầy họ chút nào.

“Cô e là chúng ta phải đi thôi, Paul ạ, nếu chúng ta muốn về đến nhà trước khi trời tối. Cô Lavendar ơi, sắp tới cháu sẽ tự mời mình đến Nhà Vọng ở suốt một tuần liền nhé.”

“Nếu cháu đến ở một tuần, tôi sẽ giữ cháu đến hai tuần luôn,” cô Lavendar đe dọa.

28. Hoàng Tử Quay Lại Tòa Lâu Đài Bị Phù Phép

Ngày bế giảng năm học đến rồi lại đi. Một buổi “kiểm tra giữa năm học” để tổng kết thành quả được tổ chức và các học trò của Anne đã đạt kết quả đáng kinh ngạc. Vào cuối buổi, đám học trò tặng cô một bài diễn văn cùng một cái bàn viết. Các bà các cô có mặt đều òa lên khóc, vài đứa trong đám con trai về sau cũng bị trêu là có ứa nước mắt, dầu đứa nào cũng kiên quyết phủ nhận.

Bà Harmon Andrews, bà Peter

Sloane và bà William Bell cùng nhau đi bộ về nhà và trò chuyện về buổi bế giảng.

“Thật tiếc vì Anne sẽ đi, nhất là khi đám trẻ con có vẻ gắn bó với cô gái như vậy,” bà Peter Sloane thở dài, bà này có thói quen thở dài vào cuối câu nói, kể cả câu nói đùa.

“Đương nhiên,” bà ta vội nói thêm, “chúng ta đều biết năm sau chúng ta sẽ có một cô giáo mới cũng rất tốt.”

“Jane sẽ hoàn thành trách nhiệm của mình, tôi không nghi ngờ gì về điều đó,” bà Andrews nói có vẻ bực bội. “Tôi cho rằng con bé sẽ không kể nhiều truyện cổ tích cho đám học trò nghe hay dành nhiều thời gian lang thang

trong rừng với chúng như thế. Nhưng dù gì con bé cũng có tên trên bảng danh dự của Thanh tra trường học và cư dân New bridge đang rối tinh rối mù lên khi con bé nghỉ việc.”

“Tôi thực sự vui khi Anne đi học đại học,” bà Bell nói. “Con bé luôn ao ước được thế và đó sẽ là một điều tuyệt vời cho nó.”

“Ồ, tôi không chắc đâu.” Bà Andrews quyết tâm không hoàn toàn đồng ý với bất cứ ai trong ngày hôm đó. “Tôi không thấy Anne cần học thêm làm gì. Có lẽ con bé sẽ cưới Gilbert Blythe, nếu tình cảm của thằng bé dành cho Anne còn giữ được đến sau khi tốt nghiệp, rồi thì tiếng Latinh với lại tiếng Hy Lạp được dùng vào việc gì đây? Nếu ở đại học có dạy

cách quản lý đàn ông thì đi còn có lý.”

Theo những nguồn tin ngồi lê đôi mách Ở Avonlea, bà Harmon Andrews vẫn chưa học được cách quản lý “người đàn ông” của mình, kết quả là gia đình Andrews không hẳn là một mô hình hạnh phúc mẫu mực.

“Nghe nói hạn chót để ông Allan lên nhận việc ở Charlottetown là trước ngày họp Giáo hội trưởng lão,” bà Bell nói. “Có nghĩa là ông ấy sẽ sớm rời chúng ta mà đi, tôi nghĩ thế.”

“Họ không đi trước tháng Chín đâu,” bà Sloane nói. “Đó là một tổn thất lớn cho cộng đồng... dẫu tôi luôn nghĩ rằng cô Allan ăn mặc quá lòe loẹt với tư cách là vợ một mục sư. Nhưng chẳng ai trong

chúng ta hoàn hảo cả. Các chị có thấy hôm nay ông Harrison gọn gàng và hơn hở thế nào không? Tôi chưa thấy người đàn ông nào thay đổi nhiều đến vậy. Ông ta đi nhà thờ mỗi Chủ nhật và còn góp tiền trả lương mục sư nữa chứ.”

“Paul Irving đã lớn tướng rồi đây nhỉ?” bà Andrews lên tiếng. “Khi mới tới đây thằng bé còn nhỏ tí ti so với tuổi. Phải nói là hôm nay tôi gần như chẳng nhận ra nó. Thằng bé lớn lên sẽ giống ba nó lắm đây.”

“Đó là một cậu bé thông minh,” bà Bell nói.

“Nó thông minh đấy, nhưng”... bà Andrews hạ giọng... “nghe bảo nó nói chuyện kỳ lạ lắm. Một hôm tuần trước,

Gracie từ trường về nhà cứ huyên thuyên không dứt về một câu chuyện thằng bé kể, về những người sống bên bờ biển ấy... những câu chuyện chẳng có chữ nào là thật cả, các chị biết đó. Tôi bảo Gracie đừng có tin, con bé đáp là Paul cũng chẳng có ý muốn nó tin. Nhưng nếu vậy thì còn kể làm quái gì?”

“Anne nói Paul là một thiên tài,” bà Sloane nói.

“Có lẽ. Ta không bao giờ biết được đám người Mỹ có thể làm những gì,” bà Andrews nói. Bà Andrews chỉ biết đến từ “thiên tài” trong cụm từ “thiên tài quái dị” hay được dùng để chỉ những người điên khùng. Có lẽ bà cũng nghĩ y hệt như Mary Joe, rằng đó là loại người có vấn đề về mặt tâm thần.

Trong phòng học, Anne ngồi một mình trước bàn giáo viên, y hệt như cô đã từng ngồi vào ngày khai giảng hai năm về trước, tay chống cằm, đôi mắt đắm lệ đắm chiêu nhìn ra hồ Lập Lánh bên ngoài cửa sổ. Trái tim cô quá nhức nhối sau khi chia tay với đám học trò đến mức, trong một thoáng, đại học chẳng còn chút gì hấp dẫn nữa. Cô vẫn còn cảm thấy vòng ôm bíu chặt của Annetta Bell quanh cổ và nghe tiếng nức nở trẻ thơ, “Em sẽ không bao giờ yêu cô giáo nào như yêu cô, cô Shirley ơi, không bao giờ, không bao giờ.”

Trong hai năm vừa qua, cô đã làm việc nghiêm túc và nhiệt tình, phạm phải nhiều sai lầm và rút ra kinh nghiệm từ chúng. Cô đã nhận được phần thưởng.

Cô đã dạy đám học trò vài điều, nhưng cô cảm thấy chúng dạy cô được nhiều hơn thế... những bài học về sự dịu dàng, tự chủ, trí tuệ trẻ thơ và hiểu biết về trái tim con trẻ. Có lẽ cô vẫn chưa thành công trong việc “khêu gọi” những khát vọng cao quý trong lòng đám học trò, nhưng cô đã dạy cho chúng, bằng chính nhân cách dịu dàng của riêng cô hơn là những bài học được chuẩn bị kỹ lưỡng, rằng những năm về sau, cần phải sống đẹp và độ lượng, luôn trung thực, lịch sự và thương người, xa rời những điều dối trá, xấu xa và thô tục. Có lẽ đám trẻ vẫn chưa ý thức rằng mình đã học được những bài học như vậy, nhưng chúng sẽ ghi nhớ và thực hành những điều được dạy rất lâu về sau, dẫu chúng đã quên

mất thủ đô Aíghanistan tên gì hay Chiến tranh Hoa hồng diễn ra vào ngày mấy.

“Thêm một chương của cuộc đời mình khép lại,” Anne nói to khi khóa bàn lại. Cô thực sự cảm thấy rất buồn, nhưng sự lãng mạn trong ý tưởng “một chương khép lại” cũng an ủi cô đôi chút.

Cô ở Nhà Vọng hai tuần vào đầu kỳ nghỉ, và mọi người có liên quan đều có một khoảng thời gian vui vẻ.

Cô đưa cô Lavendar đến thị trấn mua sắm và thuyết phục cô ấy mua một chiếc váy vải phin nỡn mới, rồi tiếp theo là hét cật rồi may một cách phẩn khích, trong khi Charlotta Đệ Tứ khâu lược và dọn dẹp những mẫu vải vụn. Cô Lavendar từng than phiền là mình chẳng mấy hứng

thú về mọi chuyện, nhưng đôi mắt cô lập lánh trở lại trước chiếc váy xinh đẹp của mình.

“Tôi thật là một người ngớ ngẩn và phù phiếm biết bao,” cô thở dài. “Tôi vô cùng xấu hổ khi nghĩ rằng một chiếc váy mới lại làm tôi vui sướng phát điên như vậy... dấu nó có là một chiếc váy phin nồn màu tím lưu ly đi chăng nữa, trong khi một lương tâm thanh thản và phần quyên góp cho Hội Truyền giáo Nước ngoài không sao làm được.”

Vào giữa chuyến viếng thăm, Anne về Chái Nhà Xanh một ngày để vá vở cho cặp song sinh và giải quyết hàng đống câu hỏi tích lũy của Davy. Buổi chiều, cô đi xuống đường bờ biển để gặp Paul Irving. Khi cô băng qua ô cửa sổ thấp

của phòng khách nhà Irving, cô thoáng thấy Paul đang ngồi trong lòng ai đó, nhưng ngay lập tức Paul đã chạy vọt xuống hành lang.

“Ôi, cô Shirley,” cậu kêu lên đầy kích động, “cô không ngờ chuyện gì đã xảy ra đâu! Một chuyện thật tuyệt vời. Ba đang ở đây... nghĩ mà xem! Ba đang ở đây! Mời cô vào. Ba ơi, đây là cô giáo xinh đẹp của con. Ba biết rồi đó.”

Stephen Irving bước tới mỉm cười chào Anne. Ông là một người đàn ông trung niên cao lớn đẹp trai, tóc xám, mắt sâu xanh sẫm, khuôn mặt mạnh mẽ nhưng u buồn, cằm và trán hết sức hài hòa. Đúng như khuôn mặt của nhân vật nam chính trong các truyện lãng mạn, Anne nghĩ thầm, lòng rộn ràng thỏa mãn. Thật

thất vọng nếu gặp phải một người là nhân vật nam chính nhưng lại hói đầu, lưng còng hay thiếu vẻ nam tính. Anne sẽ cảm thấy khựng khiếp lăm nếu đối tác tình yêu của cô Lavendar lại không xứng với vai trò của mình.

“VẬY đây là 'cô giáo xinh đẹp' của cậu con trai bé nhỏ của tôi, tôi đã nghe kể rất nhiều về cô,” ông Irving nói với cái bắt tay thật chặt. “Thư của Paul viết đầy về cô, cô Shirley ạ, đến mức tôi cảm thấy mình đã quen với cô từ lâu rồi. Tôi muốn cảm ơn cô về những điều cô đã làm cho Paul. Tôi cho rằng ảnh hưởng của cô chính là điều thẳng bé cần. Mẹ tôi là một trong những phụ nữ tốt đẹp và thân yêu nhất, nhưng tính cách thực tế thẳng thừng kiểu Scotch của bà chẳng thể

luôn thông hiểu được cậu bé trai của tôi. Những gì bà thiếu, cô đã bù đắp cho thằng bé. Nhờ vào hai người, tôi cho rằng hai năm qua Paul đã được giáo dục ở mức tốt nhất mà một cậu bé mồ côi mẹ có thể có được.”

Ai cũng thích được đánh giá cao. Dưới lời khen ngợi của ông Irving, khuôn mặt Anne “Ứng hồng như đóa hoa đào,” và người đàn ông bận rộn mệt mỏi với trò đời nhìn cô, nghĩ thầm rằng mình chưa bao giờ nhìn thấy cô gái nào xinh đẹp đáng yêu như cô giáo làng ở “tít rìa Đông” với đôi mắt tuyệt vời và mái tóc đỏ.

Paul ngồi giữa bọn họ, hạnh phúc mê người.

“Em chẳng bao giờ mơ là ba sẽ tới,” mặt cậu rạn rỡ. “Ngay cả bà nội cũng không biết. Đó là một bất ngờ tuyệt vời. Nói chung thì...” Paul lúc lắc mái tóc xoắn nâu vẻ nghiêm trang...

“Em không thích bất ngờ. Khi bị bất ngờ thì ta mất hết cả niềm vui thích khi chờ đợi. Nhưng trong trường hợp thế này thì hoàn toàn ổn. Ba tới vào tối hôm qua sau khi em đã đi ngủ. Và sau khi bà nội cùng Mary Joe đã qua cơn kinh ngạc, ba và bà nội lên lầu chỉ để nhìn em thôi, định đến sáng mới đánh thức em dậy. Nhưng em tỉnh dậy ngay và nhìn thấy ba. Phải nói là em lao thẳng vào ba ấy chứ.”

“Và ôm chầm lấy tôi mạnh như một con gấu,” ông Irving choàng tay qua vai Paul và mỉm cười. “Tôi gần như không

nhận ra cậu con trai của mình nữa, nó lớn quá, rậm nắng và chắc nịch.”

“Em không biết ai vui hơn khi nhìn thấy ba, bà nội hay em,” Paul tiếp. “Bà nội loay hoay trong bếp cả ngày để làm những món ba thích ăn. Bà không tin tưởng Mary Joef bà nói vậy đâu. Đó là cách bà thể hiện niềm vui sướng của mình. Em thì thích nhất là chỉ ngồi nói chuyện với ba. Nhưng nếu cô cho phép thì em phải chạy ra ngoài một chút. Em phải dắt bò vào cho Mary Joe. Đó là một trong những nhiệm vụ hằng ngày của em.”

Trong khi Paul vội vàng đi “làm nhiệm vụ”, ông Irving nói chuyện với Anne về nhiều việc. Nhưng Anne cảm thấy ông đang nghĩ đến một điều gì khác

trong suốt thời gian đó. Cuối cùng thì ông cũng nhắc đến điều mình đang canh cánh trong lòng.

“Trong lá thư cuối cùng của Paul, cháu có kể chuyện đi với cô đến thăm một... người bạn cũ của tôi... cô Lewis ở ngôi nhà đá ở Grafton. Cô thân với cô ấy lắm sao?”

“Vâng, đúng vậy, cô ấy là một người bạn rất thân của cháu,” Anne trả lời một cách nghiêm túc, không hề để lộ cảm giác kích động đột ngột đang lan tỏa từ đầu đến chân cô khi nghe câu hỏi của ông Irving. Anne đã “linh cảm” thấy tình yêu lãng mạn đang lấp ló ở một góc quanh.

Ông Irving đứng dậy bước tới cửa sổ,

ô cửa này nhìn ra mặt biển mênh mông óng ánh cuộn sóng và ngọn gió hoang đang ngân nga tiếng nhạc. Trong một thoáng, im lặng buông xuống căn phòng nhỏ với những bức tường sẫm màu. Rồi ông quay sang, mỉm cười nửa dịu dàng, nửa như trêu cợt xuống khuôn mặt đầy cảm thông của Anne.

“Tôi tự hỏi cháu biết được bao nhiêu chuyện,” ông nói.

“Cháu biết tất cả,” Anne đáp nhanh, “ông biết đấy,” cô vội giải thích thêm, “cô Lavendar và cháu rất thân với nhau. Không phải ai cô ấy cũng kể những chuyện thâm kín thiêng liêng như thế đâu. Chúng cháu là tri âm tri kỷ.”

“Ừ, tôi tin là thế. Ồ, tôi muốn nhờ

cháu một việc. Tôi muốn đến thăm cô Lavendar nếu cô ấy cho phép. Cháu có thể hỏi ý cô ấy giúp tôi không?”

Có giúp hay không? ôi, đương nhiên là cô sẽ giúp rồi! Đúng, đó chính là tình yêu lãng mạn, tình yêu thực sự với vẻ duyên dáng của những vằn điệu, cô tích và giấc mơ. Có lẽ nó đến hơi muộn một chút, giống như một đóa hồng nở vào tháng Mười trong khi đáng lẽ phải nở vào tháng Sáu, nhưng dù sau cũng vẫn là một đóa hồng, dịu dàng thơm ngát với nhị hoa lấp lánh ánh vàng. Chưa bao giờ đôi chân Anne thoăn thoắt với nhiều nhiệt tình đến thế như trong chuyến đi băng qua rừng sồi đến Grafton vào sáng hôm sau. Cô thấy cô Lavendar đang ở trong vườn. Anne hồi hộp khùng khiếp.

Tay cô lạnh giá, giọng run rẩy.

“Cô Lavendar, cháu có chuyện muốn nói với cô... một chuyện vô cùng quan trọng. Cô có thể đoán đó là gì không?”

Anne không bao giờ cho rằng cô Lavendar có thể đoán được, nhưng khuôn mặt cô Lavendar trở nên tái nhợt, rồi cô cất giọng dè dặt run rẩy, bao nhiêu màu sắc lấp lánh ngày thường đột ngột biến mất.

“Stephen Irving về rồi ư?”

“Làm sao cô biết? Ai kể cho cô?”
Anne kêu lên vẻ thất vọng, bực bội khi bí mật tuyệt vời của cô đã bị bật mí.

“Chẳng ai cả. Tôi biết thôi, chỉ từ cách nói của cháu.”

“Ông ấy muốn tới thăm cô,” Anne thốt. “Cháu có thể cho ông ấy biết là cô đồng ý không?”

“Ừ, đương nhiên rồi,” cô Lavendar lộ vẻ bâng khuâng. “Chẳng có lý do gì mà không nên cả. Anh ấy chỉ đến như một người bạn cũ thôi mà.”

Anne có ý kiến riêng của mình về chuyện viếng thăm này, cho nên cô vội vã bước vào nhà để viết một lời nhắn tại bàn của cô Lavendar.

“Ôi, sống ngay trong một cuốn truyện thật là thú vị,” cô vui sướng nghĩ bụng. “Mọi chuyện đương nhiên sẽ kết thúc tốt đẹp thôi... phải như thế... và Paul sẽ có một người mẹ đúng ý mình, và mọi người sẽ đều hạnh phúc cả. Nhưng ông

Irving sẽ đưa cô Lavendar đi... và có trời mới biết chuyện gì sẽ xảy đến với căn nhà đá nhỏ bé này... vậy là luôn có hai mặt của vấn đề, như mọi điều khác trên thế giới này vậy.” Lời nhắn quan trọng đã được viết xong, Anne đích thân đem nó tới bưu điện Grafton, ở đó, cô chặn người phát thư lại và dặn dò ông ta nhớ đem nó đến bưu điện Avonlea.

“Nó hết sức quan trọng đấy ạ,” Anne lo lắng lặp đi lặp lại với ông ta. Người phát thư là một ông già gắt gỏng chẳng giống bộ dạng sứ giả của thần Ái tình tí xiu nào, Anne cũng chẳng dám chắc là ông ta sẽ nhớ. Nhưng ông ta hứa sẽ cố hết sức ghi nhớ, và cô đành phải bằng lòng với lời hứa đó.

Charlotta Đệ Tứ cảm thấy có một

bí ẩn nào đó đang bao trùm căn nhà đá vào chiều hôm ấy... một bí ẩn mà cô bé bị ra rìa. Cô Lavendar lang thang trong vườn với vẻ thần thờ. Anne dường như cũng bị con quỷ bất an chiếm lĩnh, cứ đi qua đi lại, đi lên đi xuống mãi không thôi. Charlotta Đệ Tứ chịu đựng điều đó cho đến khi kiên nhẫn không còn là một đức tính tốt nữa, cô bé chặn Anne lại khi cô gái lãng mạn này đang đi chuyến hành trình vô định thứ ba qua gian bếp.

“Làm ơn mà, thưa cô, cô Shirley.” Charlotta Đệ Tứ năn nỉ, những chiếc nơ xanh biếc lúc lắc bất bình, “rõ ràng cô và cô Lavendar đang có một bí mật gì đó, và em nghĩ, xin lỗi nếu em quá sỗ sàng, thưa cô, cô Shirley, rằng thật nhỏ mọn khi cô không cho em biết, nhất là

khi chúng ta thân thiết với nhau như vậy.”

“Ôi, Charlotta yêu quý, nếu là bí mật của chị thì chị đã kể hết cho em nghe rồi, nhưng em thấy đây... đây là bí mật của cô Lavendar. Dù sao thì chị cũng bật mí tí xíu với em nhé... và nếu chuyện không có kết quả thì em không bao giờ được hé lộ cho bất cứ ai nhé. Em thấy đây, bạch mã hoàng tử sẽ đến vào tối nay. Chàng đã từng đến một lần hồi lâu lắm rồi, nhưng trong một giây phút bốc đồng chàng đã bỏ đi, lang thang quá xa và quên mất bí mật của con đường kỳ diệu dẫn tới lâu đài bị phù phép, nơi nàng công chúa chung thủy đang nhỏ lệ nhớ thương. Nhưng cuối cùng chàng cũng nhớ ra, và nàng công chúa vẫn đang chờ đợi... bởi vì chẳng ai trừ chàng hoàng tử yêu quý

ấy có thể đưa nàng rời đi.”

“Ôi, thưa cô, cô Shirley, diễn ra văn xuôi là thế nào vậy?” Charlotta hoang mang kêu lên.

Anne phá lên cười.

“Diễn ra văn xuôi thế này này, một người bạn cũ của cô Lavendar sẽ đến thăm cô ấy tối nay.”

“Ý cô muốn nói là người yêu cũ của cô ấy ư?” Charlotta phàn tục hỏi kỹ lại.

“Đó có lẽ là điều chị muốn nói đây... dưới dạng văn xuôi,” Anne nghiêm túc đáp. “Đó là ba của Paul... Stephen Irving. Và có trời mới biết chuyện gì sẽ xảy ra, nhưng chúng ta cứ hy vọng vào điều tốt nhất đi, Charlotta.”

“Em ước gì ông ấy sẽ cưới cô Lavendar,” Charlotta dứt khoát tuyên bố. “Có vài phụ nữ số định sẵn phải làm gái già, và em e rằng em là một trong số đó, thừa cô, cô Shirley, bởi vì em chẳng có chút xíu xiu kiên nhẫn nào với bọn đàn ông. Nhưng cô Lavendar thì không như thế. Và em lo lắng khủng khiếp, chẳng biết cô ấy sẽ sống sót thế nào khi em quá lớn và phải đi Boston. Nhà em chả còn đứa con gái nào, và trời mới biết cô ấy sẽ ra sao nếu phải sống chung với một người lạ nào đó, họ sẽ cười cợt khi cô ấy tưởng tượng giả vờ, để đồ đạc lung tung và không chịu lấy tên Charlotta Đệ Ngũ. Cô ấy có thể kiếm được một người không hay xui xẻo làm bẽ chén đĩa như em, nhưng chẳng có ai yêu cô ấy hơn

em đâu.”

Và cô bé giúp việc trung thành thút thút chạy vọt tới cửa bếp lò.

Tối hôm đó ở Nhà Vọng, mọi người dùng bữa trà như thường lệ, nhưng chẳng ai ăn uống được gì. Sau bữa trà, cô Lavendar lên phòng, mặc chiếc váy phin nỡn mới màu tím lưu ly trong khi Anne chải tóc cho cô. Cả hai đều hồi hộp khùng khiếp, nhưng cô Lavendar giả vờ bình tĩnh và lạnh lùng.

“Mai tôi phải vá lại vết rách trên tấm rèm mới được.”

Cô lo lắng xem xét tấm rèm cứ như chỉ có nó là đáng kể vào lúc này. “Những tấm rèm này không xứng với giá tiền mà tôi trả. Trời ơi, Charlotta lại quên quét

bụi lan can câu thang rồi. Tôi phải nhắc nhở cô bé mới được.”

Anne đang ngồi trên bậc thềm trước hiên nhà khi Stephen Irving Thiên đường xuôi lối đi và băng qua khu vườn.

“Đây chính là nơi thời gian đứng lại,” ông nói và nhìn quanh với vẻ hân hoan. “Ngôi nhà và khu vườn này chẳng có gì thay đổi kể từ lần chót tôi ở đây hai mươi lăm năm trước. Nó làm tôi cảm thấy trẻ trung trở lại.”

“Ông biết đấy, thời gian luôn dừng lại trong tòa lâu đài bị phù phép,” Anne nói một cách chân thành. “Chỉ khi hoàng tử đặt chân tới thì mọi việc mới thực sự bắt đầu.”

Ông Irving mỉm cười có chút buồn bã

với khuôn mặt đầy hy vọng của cô; khuôn mặt chói ngời vẻ thanh xuân và hứa hẹn.

“Đôi khi hoàng tử đến quá muộn,” ông nói. Ông không cần đề nghị Anne diễn đạt lời nói của mình ra dạng văn xuôi. Như mọi tri âm tri kỷ khác, ông “hiểu” hết.

“Ồ không, không đâu, nhất là khi đó là hoàng tử thực sự đến tìm nàng công chúa chân chính,” Anne quả quyết lúc lắc mái tóc đỏ rồi mở cửa phòng khách. Khi ông bước vào trong, cô đóng chặt cửa lại, quay người đối diện với Charlotta Đệ Tứ, cô bé đang đứng ở hành lang, “gật gù ủng hộ và mặt tươi hơn hớn.”[6]

“Ôi, thưa cô, cô Shirley,” cô bé hít hà, “em nhìn lên từ cửa sổ nhà bếp... Ông

ấy đẹp trai khủng khiếp... vừa đúng độ tuổi hợp với cô Lavendar. Và chao ôi, thưa cô, cô Shirley, cô nghĩ nghe lén ở cửa thì có hại gì không?”

“Điều đó tệ khủng khiếp, Charlotta ạ,” Anne quả quyết, “cho nên em hãy đi cùng với chị ra xa để tránh khỏi sự cảm dỗ thôi.”

“Em chẳng làm gì nổi cả, và cứ thần thờ chờ đợi thì thật khủng khiếp,” Charlotta thở dài. “Nếu lẽ ông ấy không chịu cầu hôn thì sao, thưa cô, cô Shirley? Ta chẳng bao giờ có thể tin tưởng vào bọn đàn ông cả. Chị cả của em, Charlotta Đệ Nhất, có lần nghĩ là chị ấy đã đính hôn với một người. Nhưng hóa ra anh chàng lại nghĩ khác và chị ấy nói sẽ không bao giờ tin một tên đàn ông nào

nữa cả. Em còn nghe một trường hợp khác nữa cơ, một người đàn ông tưởng mình mê tí cô em, trong khi hóa ra người anh ta thực sự muốn lại là cô chị. Khi một người đàn ông còn không biết mình nghĩ gì, thưa cô, cô Shirley, thì làm sao một phụ nữ đáng thương có thể biết được chứ?”

“Chúng ta vào bếp rửa bộ thìa bạc đi,” Anne nói. “Công việc đó chẳng đòi hỏi phải suy nghĩ gì nhiều... vì tối nay chị không thể nghĩ ngợi gì. Và nó cũng giúp mình giết thời gian nữa.”

Một giờ trôi qua. Khi Anne đặt xuống cái thìa bóng loáng cuối cùng, họ nghe tiếng cửa trước đóng lại. cả hai hoảng hốt nhìn vào mắt nhau tìm sự an ủi.

“Ôi, thưa cô, cô Shirley,” Charlotta thôn thức, “nếu ông ấy đi sớm như vậy thì chẳng thể trông đợi gì vào cả hiện tại và tương lai đâu.” Họ chạy như bay ra cửa sổ. Ông Irving không hề có ý định rời đi. Ông và cô Lavendar đang chậm chậm rãi bước trên lối đi chính giữa dẫn ra băng ghế đá.

“Ôi, thưa cô, cô Shirley, ông ấy choàng tay qua eo của cô Lavendar,” Charlotta Đệ Tứ thì thầm vui sướng. “Nhất định là ông ấy đã cầu hôn, nếu không cô ấy không đời nào cho phép.”

Anne ôm chậm lấy vòng eo tròn trĩnh của Charlotta Đệ Tứ và hai người khiêu vũ vòng quanh nhà bếp cho đến khi hết cả hơi.

“Ôi, Charlotta,” cô kêu lên sung sướng, “chị không phải là nhà tiên tri cũng chẳng phải là con gái của một nhà tiên tri, nhưng giờ chị có thể đưa ra một lời tiên đoán. Sẽ có một đám cưới tổ chức ở căn nhà đá cổ kính này trước khi lá phong đổi màu. Em có cần chị dịch ra văn xuôi không hả Charlotta?”

“Không, em hiểu được mà,” Charlotta đáp. “Một đám cưới đâu phải là thơ thần gì đâu. Ôi, thưa cô, cô Shirley, cô đang khóc kìa! Vì sao vậy?”

“Ồ, bởi vì mọi chuyện thật đẹp... như trong truyện vậy... vừa lãng mạn... vừa phảng phất buồn,” Anne chớp mắt cho giọt lệ rơi xuống. “Mọi chuyện hoàn toàn tuyệt vời... nhưng chẳng hiểu sao vẫn có chút buồn lẫn trong đó.”

“Ôi, đương nhiên cưới ai thì cũng có mạo hiểm cả,” Charlotta Đệ Tứ thừa nhận, “nhưng nói gì thì nói, thưa cô, cô Shirley, còn nhiều thứ tệ hơn một ông chồng nhiều.”

29. Thơ Ca Và Văn Xuôi

Trong tháng kế tiếp, cuộc sống của Anne có thể gọi là một vòng xoáy phần khích, ít nhất là đối với vùng Avonlea nhỏ bé. Tâm quan trọng của công cuộc chuẩn bị các bộ quần áo khiêm tốn để mặc ở Redmond chỉ đứng ở hàng thứ hai thôi. Cô Lavendar chuẩn bị kết hôn, và căn nhà đá trở thành nơi diễn ra vô số các cuộc tư vấn, tính toán và thảo luận bất tận, Charlotta Đệ Tứ nhắp nhòm châu rìa mọi công việc trong tâm trạng kích động và vui sướng khôn xiết.

Khi thợ may đến, việc lựa chọn và thử các bộ áo váy bắt đầu với bao niềm vui và cả mệt mỏi nữa. Anne và Diana dành phân nửa thời gian ở Nhà Vọng, nhiều đêm Anne không ngủ được vì băn khoăn không biết mình đã đúng hay sai khi khuyên cô Lavendar chọn màu nâu thay cho màu xanh dương cho bộ váy đi đường, hay chọn vải lụa xám làm bộ váy công chúa.

Mọi người có liên quan trong câu chuyện của cô Lavendar đều hết sức hạnh phúc. Paul Irving lao đến Chái Nhà Xanh để báo tin mừng cho Anne ngay khi ba kể cho cậu nghe.

“Em biết mình có thể tin tưởng rằng ba sẽ chọn cho em một người mẹ thứ hai thật tốt mà,” cậu tự hào. “Có được một

người cha đáng tin cậy thì thật là tuyệt, cô giáo ạ. Em rất mến cô Lavendar. Bà nội cũng rất vui. Bà nói bà mừng khi ba không chọn một cô người Mỹ làm vợ thứ hai, bởi vì đầu lần đầu ba đã chọn đúng, nhưng vận may chẳng đến hai lần. Bà Lynde nói bà ấy hết sức tán thành cuộc hôn nhân này, và nghĩ có lẽ cô Lavendar sẽ bớt đi những suy nghĩ kỳ dị để giống người bình thường, vì giờ cô ấy sắp lấy chồng rồi. Nhưng em mong là cô ấy sẽ không mất đi những ý tưởng đặc biệt của mình, cô giáo ạ, vì em rất thích những ý tưởng ấy. Và em không muốn cô ấy giống như mọi người. Chung quanh ta đã có quá đủ người bình thường rồi mà. Cô biết rõ mà, cô giáo.”

Charlotta Đệ Tứ cũng sướng mê tơi.

“Ôi, thưa cô, cô Shirley, mọi chuyện hóa ra đều thật tốt đẹp. Khi ông Irving và cô Lavendar quay lại từ tháp ngà của bọn họ, em sẽ đến Boston để sống cùng... mà em chỉ mới mười lăm tuổi đấy nhé, trong khi các chị em tới mười sáu tuổi mới được đi. Ông Irving thật tuyệt vời phải không? ông ấy tôn thờ cả mảnh đất dưới chân cô Lavendar bước, và em thỉnh thoảng cảm thấy thật xốn xang khi nhìn ánh mắt của ông ấy mỗi khi ông ấy ngắm cô Lavendar. Không sao diễn tả nổi bằng lời, thưa cô, cô Shirley. Em biết ơn chúa khỉnh khiếp khi họ yêu thương nhau đến vậy. Sau tất cả, đó là kết cục tốt nhất, dầu nhiều người vẫn sống chung vui vẻ mà không có tình yêu. Em có một bà cô từng lấy chồng tới ba lần và nói rằng cô ấy kết

hôn lần đầu vì tình yêu, hai lần sau chỉ là vì thuận tiện, cả ba lần cô đều hạnh phúc trừ thời điểm chồng chết. Nhưng em nghĩ cô em đã mạo hiểm, thưa cô, cô Shirley.”

“Ôi, mọi chuyện thật là lãng mạn quá,” Anne thỏn thức kể cho bà Marilla vào tối hôm đó. “Nếu cháu không đi nhầm đường hôm sang nhà ông Kimball, cháu sẽ không bao giờ biết cô Lavendar, và nếu cháu không gặp cô ấy thì cháu đã không dẫn Paul theo... và em ấy sẽ không bao giờ viết thư cho ba kể về chuyến viếng thăm cô Lavendar ngay khi ông Irving chuẩn bị đi San Francisco. Ông Irving nói rằng ngay khi nhận được lá thư đó, ông lập tức quyết định nhờ người cộng sự của mình đi San

Francisco đề quay trở lại đây ngay, ông ấy không hề biết chút tin gì về cô Lavendar suốt mười lăm năm nay. Có người từng bảo ông ấy cô ấy sắp cưới, ông ấy cứ đinh ninh là thế nên chẳng hỏi ai về tin tức của cô ấy nữa. Và bây giờ mọi chuyện đã đi đúng hướng. Và cháu cũng giúp được một tay. Có lẽ, như bà Lynde nói, mọi việc đều được định sẵn, nó nhất định sẽ phát triển theo chiều hướng ấy. Nhưng đâu có vậy thật, cháu cũng vui khi nghĩ mình là một công cụ của số phận. Vâng, đúng vậy, thật là lãng mạn quá chừng.”

“Bác thì chẳng thấy có gì gọi là lãng mạn lãng xẹt cả,” bà Marilla nói với giọng quả quyết. Bà nghĩ Anne hơi quá tham công tiếc việc, chẳng cần cứ ba

ngày thì mất đến hai hôm phải “chạy như vịt” lên Nhà Vọng để giúp cô Lavendar, cô cháu của bà đã có quá nhiều việc phải làm để chuẩn bị đi học đại học rồi. “Ban đầu, hai người trẻ tuổi khờ khạo cãi nhau rồi dỗi hờn, sau đó Steve Irving đi sang Mỹ, sau một thời gian thì lấy vợ ở đó và hoàn toàn hạnh phúc về mọi mặt. Rồi vợ anh ta chết, chờ một khoảng thời gian cho phải phép, anh ta nghĩ muốn về nhà xem mỗi tình đầu có chịu chấp nhận lại mình không. Trong thời gian đó, cô nàng sống độc thân, có lẽ bởi vì chẳng ai đủ tốt chịu hỏi cưới, cuối cùng thì họ gặp lại và quyết định cưới nhau. Nào, nói cho bác biết, lãng mạn ở chỗ nào?”

“Ôi, nếu nói như bác thì chẳng có chút lãng mạn nào thật,” Anne thở hắt ra

như có ai vừa dội nước lạnh vào người. “Cháu cho rằng mọi chuyện có vẻ là như thế trong văn xuôi. Nhưng nếu nhìn qua lăng kính thơ ca thì hoàn toàn khác hẳn... và cháu nghĩ mọi thứ sẽ đẹp đẽ hơn...” Anne bình tĩnh lại, mắt cô lấp lánh, má ửng hồng... “khi được nhìn qua lăng kính thơ ca.”

Bà Marilla nhìn khuôn mặt thanh xuân sáng rỡ và kiềm chế không nói thêm lời châm biếm nào nữa. Có lẽ cuối cùng bà cũng nhận ra rằng đúng như Anne nói, có “óc tưởng tượng và khả năng tiên đoán” vẫn tốt hơn... đó là khả năng bẩm sinh mà trần gian không thể ban cho hay lấy đi được... khả năng đó giúp con người có thể nhìn cuộc đời qua một lăng kính luôn biến đổi... hay là đây tính phát lộ nhỉ?...

nơi mọi vật dường như được bao phủ bởi một luồng ánh sáng thiên đường đầy vẻ mỹ lệ và tươi mới mà những người như bà và Charlotta Đệ Tứ, vốn nhìn đời qua những áng văn xuôi khô khan, không tài nào cảm nhận được.

“Đám cưới tổ chức khi nào?” bà hỏi sau một thoáng im lặng.

“Ngày thứ Tư cuối cùng trong tháng Tám. Họ sẽ kết hôn trong vườn dưới giàn kim ngân... nơi ông Irving cầu hôn cô ấy hai mươi lăm năm về trước. Bác Marilla, điều đó quả thật là lãng mạn, dấu được diễn đạt bằng văn xuôi. Chẳng có nhiều khách tham gia, ngoại trừ bà Irving, Paul, Gilbert, Diana, cháu và mấy người anh em họ của cô Lavendar. Rồi cô chú ấy sẽ đi chuyến tàu sáu giờ

chiều để đến bờ biển Thái Bình Dương. Khi họ trở về vào mùa thu, Paul và Charlotta Đệ Tứ sẽ đến Boston sống chung với họ. Nhưng Nhà Vọng sẽ được để nguyên như cũ... đương nhiên họ sẽ bán đám gà mái và con bò, dùng ván đóng kín cửa sổ... họ sẽ trở về đó nghỉ vào mỗi mùa hè. Cháu rất vui. Mùa đông tới ở Redmond, chắc cháu sẽ đau đớn lắm nếu căn nhà đá đáng yêu ấy bị tước sạch hết mọi đồ đạc, phòng ốc bỏ hoang... hay tệ hơn, có những người lạ sống trong đó. Nhưng giờ thì cháu có thể nhớ về nó đúng như nó hiện giờ, vui vẻ chờ đợi cuộc sống và nụ cười mà mùa hè sẽ mang lại.”

Trên thế giới này có nhiều tình yêu lãng mạn hơn những gì đang xảy ra với

hai người trung niên đang yêu trong căn nhà đá. Anne tình cờ bắt gặp một mối tình lãng mạn khác vào một buổi chiều khi theo lối mòn trong rừng xuyên qua dốc Vườn Quả tiến vào vườn nhà Barry. Diana Barry và Fred Wright đang đứng dưới cây liễu cổ thụ. Diana tựa vào thân cây màu xám, hàng mi chớp chớp phía trên đôi má ửng đỏ. Một tay của cô nằm trong tay Fred anh đang đứng cúi mặt sát vào cô, thì thầm gì đó bằng một giọng trầm tha thiết. Vào giây phút thần tiên đó, trên thế giới như chẳng còn ai khác ngoại trừ bọn họ, vì vậy chẳng ai nhìn thấy Anne. Anne sững sờ nhìn họ một thoáng, hiểu ra rồi lặng lẽ quay vào khu rừng linh sam, không dừng bước cho tới khi vào đến căn phòng trên gác của

mình, ở đó, cô thở hồn hển ngòi xuống bên cửa sổ và cố gắng ổn định lại những suy nghĩ rối bời của mình.

“Diana và Fred yêu nhau,” cô thở gấp. “ôi, họ dường như đã quá... quá... quá sức trưởng thành rồi.”

Đạo gần đây, Anne cũng nghi ngờ rằng Diana đã quyết định bỏ rơi giấc mơ thuở nhỏ về người anh hùng u buồn kiểu Byron. Nhưng “mắt thấy bằng mấy tai nghe”, huống gì lúc trước Anne chỉ sinh nghi mà thôi, giờ thì cô gần như là bị sốc nặng khi thấy điều mình e sợ trở thành sự thật. Tiếp theo đó là một cảm giác lạ kỳ, có chút cô đơn... cứ như, bằng một cách nào đó, Diana đã bước tiếp vào một thế giới mới, đóng lại cánh cửa sau lưng, để Anne ở bên ngoài.

“Mọi thứ thay đổi quá nhanh khiến mình phát sợ,” Anne nghĩ bụng với chút tủi thân. “Và mình e là chuyện này sẽ khiến mình và Diana trở nên có chút xa cách. Chắc là mình chẳng thể kể cho cậu ấy mọi bí mật của mình được nữa... cậu ấy có thể mách với Fred. Mà cậu ấy thấy gì ở Fred chứ? Anh ta dễ thương vui tính... nhưng chỉ là Fred Wright thôi.”

Đó luôn là một câu hỏi rất khó trả lời... một người thấy cái gì hay ở một người khác? Nhưng dù sao thì như vậy cũng là may, vì nếu mọi người đều có sở thích giống nhau... à, trong trường hợp đó, thì “Ai cũng muốn mượn vợ của tôi” như ông già người da đỏ nói vậy. Rõ ràng là Diana có nhìn thấy cái gì đó hay ho ở Fred Wright, dấu đôi mắt của

Anne có thể không phát hiện ra được. Chiều hôm sau, Diana ghé sang Chái Nhà Xanh, một cô gái trẻ e thẹn trầm ngâm, và kể cho Anne toàn bộ câu chuyện trong căn phòng chái Đông được ánh tà dương bao bọc. Cả hai cô gái òa lên khóc, ôm hôn nhau rồi phá lên cười.

“Tớ hạnh phúc quá,” Diana nói, “nhưng thật là kỳ cục khi nghĩ rằng tớ đã đính hôn.”

“Cảm giác đính hôn như thế nào?” Anne tò mò.

“À, điều đó phụ thuộc vào người mà cậu đính ước,” Diana nói với vẻ biết tuốt kênh kiệu của những người đã đính hôn trước những người còn độc thân. “Đính hôn với Fred thì vô cùng tuyệt vời...”

nhưng tớ nghĩ tớ sẽ cảm thấy tệ hại nếu phải đính hôn với bất cứ ai khác.”

“Vậy thì thật xui xẻo cho những người còn lại, vì chỉ có mỗi một Fred trên đời này thôi,” Anne phá lên cười.

“Ôi Anne, cậu chẳng hiểu gì cả,” Diana bực bội. “Ý tớ không phải là thế... thật khó giải thích mà. Bỏ qua đi, rồi cậu sẽ hiểu, khi đến lượt cậu.”

“Chúa ban phúc lành cho cậu, Diana thương yêu nhất trên đời, giờ thì tớ hiểu rồi. Trí tưởng tượng dùng để làm gì nếu nó không thể giúp ta nhìn cuộc đời thông qua đôi mắt của người khác chứ?”

“Cậu phải làm phù dâu cho tớ, Anne ạ, cậu nhớ đấy. Hứa với tớ đi... dẫu cậu có đang ở bất cứ đâu khi tớ lập gia

đình.”

“Tớ sẵn sàng đi cùng trời cuối đất nếu cần,” Anne long trọng hứa hẹn.

“Đương nhiên là còn phải đợi rất lâu,” Diana đỏ mặt. “ít nhất là ba năm.. vì tớ mới mười tám, và mẹ nói không đưa con gái nào của bà có thể lấy chồng trước hai mươi một tuổi. Hơn nữa, cha Fred sẽ mua nông trại của Abraham Fletcher cho anh ấy, và nói là anh ấy phải trả hết hai phần ba số nợ trước khi được chuyển giao sở hữu. Nhưng ba năm cũng chẳng phải là quá nhiều cho việc chuẩn bị đồ nội thất, vì tớ chưa làm được tí đồ đạc nào coi được cả. Nhưng từ ngày mai tớ sẽ bắt tay vào việc đan khăn lót chén đĩa ngay. Myra Gillis có tới ba mươi bảy tấm khăn lót khi lấy

chồng, và tớ quyết tâm mình sẽ không thua kém chị ta.”

“Tớ cho rằng không thể nào lo việc nội trợ khi chỉ có ba mươi sáu tấm khăn lót được,” Anne gật gù với nét mặt nghiêm trang nhưng ánh mắt lại lấp lánh.

Diana lộ vẻ tổn thương.

“Tớ không ngờ cậu lại lấy tớ làm trò đùa, Anne ạ,” cô trách móc.

“Bạn yêu quý ơi, tớ đâu có lấy cậu làm trò đùa,” Anne kêu lên vẻ ân hận. “Tớ chỉ trêu cậu một chút xíu thôi. Tớ biết cậu sẽ là người nội trợ bé bỏng tài giỏi nhất trên thế giới này mà. Và tớ nghĩ thật dễ thương làm sao khi cậu lo toan trước cho tổ ấm trong mơ của cậu.”

Vừa mới thốt ra từ “tổ ấm trong mơ”, Anne đã bị nó cuốn hút và bắt đầu dựng lên một tổ ấm trong mơ cho riêng mình. Đương nhiên, nam chủ nhân lý tưởng của cô phải là một quý ông da sẫm, cao ngạo và u buồn, nhưng lạ thay, bóng dáng Gilbert Blythe cũng xuất hiện trong đó, giúp cô treo tranh ảnh, sắp xếp vườn tược, làm những công việc lặt vặt khác mà một vị anh hùng cao ngạo u buồn coi là không xứng với phẩm giá của anh ta. Anne cố xóa đi hình ảnh của Gilbert trong tòa lâu đài ở Tây Ban Nha của mình, nhưng chẳng hiểu sao, bóng dáng anh vẫn cứ cương quyết ở lại. Thế là Anne vì quá bận bịu đành để mặc anh ở đó và tiếp tục theo đuổi công trình trên mây của mình một cách quyết liệt đến

mức “tổ âm trong mơ” của cô đã xây xong và trang bị đầy đủ trước khi Diana kịp lên tiếng lần nữa.

“Anne ạ, tớ nghĩ chắc cậu tức cười lắm khi thấy tớ thích Fred đến vậy trong khi anh ấy khác hẳn kiểu người mà tớ luôn nói là muốn lấy làm chồng... kiểu vừa cao vừa ốm đấy? Nhưng chẳng hiểu sao tớ không muốn Fred cao hay ốm làm gì... bởi vì, cậu không thấy sao, khi đó thì anh ấy chẳng còn là Fred nữa. Đương nhiên,” Diana ủ rũ nói tiếp, “chúng tớ sẽ trở thành một cặp vợ chồng béo ú ù ù. Nhưng dù sao chẳng nữa, vẫn còn hơn là một người vừa lùn vừa mập, người còn lại vừa cao vừa ốm như Morgan Sloane và vợ ông ta. Bà Lynde nói họ luôn làm bà nghĩ tới số 10 khi đi chung với nhau.”

“Ôi chao,” Anne tự nhủ vào đêm hôm đó, khi chải tóc trước tấm gương đóng khung mạ vàng, “mình mừng khi Diana hạnh phúc và thỏa mãn như vậy. Nhưng khi đến lượt mình... nếu quả thật có ngày đây... mình ước sẽ có gì ly kỳ hồi hộp hơn cơ. Nhưng Diana cũng từng nghĩ thế đó thôi. Mình nghe cậu ấy lặp đi lặp lại rằng cậu ấy sẽ không bao giờ chịu đính hôn một cách làng nhàng không kèn không trống đâu... anh chàng phải làm điều gì đó thật tuyệt vời mới thuyết phục được cậu ấy. Nhưng cậu ấy đã thay đổi. Có lẽ mình cũng sẽ thay đổi giống cậu ấy. Nhưng mình sẽ không thế đâu... mình quyết tâm rồi. Ôi, mình nghĩ các cuộc đính hôn thật rồi bởi, nhất là khi chúng xảy đến với những người bạn thân thiết

của mình.”

30. Đám cưới Ở Căn Nhà Đá

Tuần cuối của tháng Tám đã đến. Cô Lavendar sẽ kết hôn trong tuần đó. Hai tuần sau, Anne và Gilbert sẽ rời Avonlea đến đại học Redmond. Trong một tuần nữa, bà Rachel Lynde sẽ dọn tới Chái Nhà Xanh và đặt bếp lò ông táo trong căn phòng vốn được dành riêng cho khách, giờ đã được dọn sạch chờ bà tới. Bà đã bán đấu giá hết những gia súc dư thừa và hiện đang miệt mài làm công việc phù hợp với mình: giúp Anne đóng

gói đồ đạc. Ông Allan sẽ đọc bài giảng kinh chia tay của mình vào Chủ nhật tới. Trật tự cũ đang thay đổi nhanh chóng để nhường bước cho trật tự mới, và Anne cảm thấy có một tia u buồn len lỏi qua niềm phấn khởi và hạnh phúc của mình.

“Thay đổi không phải luôn dễ chịu, nhưng chúng là những điều tuyệt vời,” ông Harrison triết lý. “Hai năm là quá đủ lâu để mọi chuyện giữ nguyên không đổi. Nếu cứ lì ra mãi thì chúng sẽ mọc râu mất.”

Ông Harrison đang ngồi hút thuốc ngoài hiên. Vợ ông đã chấp nhận hy sinh cho phép ông hút thuốc trong nhà nếu ông chịu khó ngồi gần cửa sổ đang mở. Ông Harrison tưởng thưởng cho sự nhường bước này bằng cách ra khỏi nhà để hút

thuộc khi trời đẹp, và thế là sự hòa thuận tiếp tục ngự trị trong gia đình họ.

Anne ghé qua để hỏi xin bà Harrison vài bông thược dược vàng. Chiều nay cô và Diana sẽ đi đến Nhà Vọng giúp cô Lavendar cùng Charlotta Đệ Tứ làm nốt công việc chuẩn bị cuối cùng cho buổi lễ rước dâu ngày mai. Cô Lavendar chưa bao giờ trồng thược dược, cô không ưa chúng và chúng cũng chẳng hợp với vẻ an nhàn thanh nhã của khu vườn kiêu xua của cô. Nhưng hoa, dù là bất kỳ loại nào, hiện đang khá khan hiếm ở Avonlea và các vùng chung quanh vào mùa hè này, nhờ cơn bão của bác Abe. Vì vậy, Anne và Diana cho rằng thược dược vàng cắm vào chiếc bình đá màu kem cổ xưa, vốn hay dùng để cất bánh rán vòng, sẽ trông

rất hợp với giấy dán tường đỏ sẫm ở một góc tối dưới chân cầu thang.

“Chắc hai tuần nữa cháu sẽ lên đường đi học đại học hả?” ông Harrison tiếp, “ừm, chúng tôi sẽ nhớ cháu nhiều khủng khiếp đấy, cả Emily và tôi. Đương nhiên, bà Lynde sẽ ở bên kia thay vào chỗ của cháu. Chẳng có ai khác ngoại trừ một kẻ mạo danh.”

Giọng điệu mỉa mai của ông Harrison thật khó mà diễn tả được ra giấy. Mặc dù bà vợ rất thân với bà Lynde, mối quan hệ giữa bà và ông Harrison, dưới chế độ mới, lạc quan lắm cũng chỉ có thể gọi là “tình trạng trung lập vũ trang”.

“Vâng, đúng vậy,” Anne đáp. “Về mặt lý trí, cháu rất vui... nhưng trái tim thì lại

âu sâu.”

“Tôi cho rằng cháu sẽ vét trọn những giải thưởng vương vãi ở Redmond đây.”

“Cháu sẽ cố thử một vài giải thưởng,” Anne thú nhận, “nhưng cháu không còn quan tâm nhiều đến chúng như hai năm về trước nữa. Từ những giờ học đại học, cháu mong sẽ rút ra được những kiến thức bổ ích, chỉ cách làm sao sống cuộc sống này một cách tốt nhất, cố gắng làm hết sức mình để không uổng phí cuộc đời. Cháu muốn học cách thấu hiểu và giúp đỡ chính mình cũng như những người chung quanh.”

Ông Harrison gật đầu.

“Nghĩ thế là chính xác đấy. Đại học đáng lẽ ra phải làm được thế, thay vì sản

xuất ra hàng đồng cử nhân cao ngạo nhờ đầy sách vở đến mức chẳng còn chỗ cho bất cứ điều gì khác. Cháu nói rất đúng. Đại học sẽ không làm hại cháu mấy đâu, tôi nghĩ thế.”

Diana và Anne đánh xe đến Nhà Vọng sau bữa trưa, đem theo tất cả hoa chiến lợi phẩm mà cả hai đã càn quét được trong vườn nhà mình cũng như vườn nhà hàng xóm. Họ thấy căn nhà đá đang xô xao vì phấn khích. Charlotta Đệ Tứ chạy vun vút từ phía với sinh lực và tốc độ dồi dào đến mức những chiếc nơ xanh của cô bé đồng thời xuất hiện ở khắp nơi. Cũng như mũ sắt của Navarre[7], những chiếc nơ xanh của Charlotta luôn vung vẩy dẫu trận chiến có kịch liệt đến mức nào.

“Tạ ơn trời đất, các cô đã tới,” cô bé nồng nhiệt thốt, “bởi vì có hàng đống việc cần làm... lớp kem trên cái bánh đó không chịu đông... và đồ bạc cần phải đánh rửa... và còn phải chắt đồ vào cái hòm vải lông ngựa... mấy con gà trống cho món xa lát gà vẫn đang gáy o o chạy quanh chuồng gà, thưa cô, cô Shirley. Và chẳng thể tin tưởng giao bất cứ việc gì cho cô Lavendar. Thật may ông Irving đã ghé qua vài phút trước đưa cô ấy đi dạo trong rừng. Tán tỉnh đúng nơi đúng chỗ thì hay đấy, thưa cô, cô Shirley, nhưng cô cố trộn lẫn nó với nấu ăn và lau chùi thì mọi thứ sẽ hỏng bét. Ý kiến của em là thế đấy, thưa cô, cô Shirley.”

Anne và Diana làm việc nhiệt tình đến mức vào lúc mười giờ, đến

Charlotta Đệ Tứ cũng phải hài lòng. Cô bé bện tóc thành vô số bím nhỏ rồi lê thân thể rã rời lên giường.

“Nhưng em chắc mình sẽ chẳng chớp mắt được tí ti nào, thưa cô, cô Shirley, vì sợ rằng có chuyện gì đó không hay sẽ xảy ra vào giờ chót... kem không đông... hay ông Irving bị đột quy không tới được.”

“Ông ấy đâu có thói quen bị đột quy đâu, phải không?” Diana hỏi, khóe môi gằn lúm đồng tiền cong lên. Đối với Diana, Charlotta Đệ Tứ dẫu không phải là một mỹ nhân thì vẫn là một niềm vui vô bờ bến.

“Đó không phải là những chuyện xảy ra theo thói quen,” Charlotta Đệ Tứ đáp lại vẻ am hiểu. “Chúng cứ xảy ra thôi...”

và tèn tèn ten. Bất kỳ ai cũng có thể bị đột quy. Không cần phải học đâu. Ông Irving trông rất giống ông cậu từng bị đột quy của em khi đang ngồi ăn tối một bữa nọ. Nhưng có thể mọi chuyện sẽ ổn thỏa cả. Trên thế giới này, chúng ta luôn hy vọng điều tốt đẹp nhất nhưng vẫn phải chuẩn bị cho điều tồi tệ nhất và chấp nhận mọi thứ Chúa ban tặng.”

“Điều duy nhất khiến chị lo lắng là ngày mai trời không được đẹp,” Diana nói. “Bác Abe dự đoán trời sẽ mưa vào giữa tuần, và kể từ cơn bão lớn, chị không thể không tin chút gì đó trong lời bác Abe.”

Anne biết rõ hơn Diana về phần đóng góp của bác Abe trong việc dự đoán cơn bão nên cô chẳng mấy lo lắng. Cô ngủ

một giấc ngon lành xứng đáng với một ngày vất vả, rồi bị đánh thức vào một giờ trời oi đất hơi bởi Charlotta Đệ Tứ.

“Ôi, thưa cô, cô Shirley, thật khủng khiếp khi gọi cô sớm vậy,” cô bé rên rỉ qua lỗ khóa, “nhưng còn quá nhiều việc phải làm... và chao ôi, thưa cô; cô Shirley, em sợ là trời sẽ mưa, em ước gì cô thức dậy để nói với em không phải như thế.” Anne chạy như bay ra cửa sổ, cầu nguyện liên hồi rằng Charlotta Đệ Tứ chỉ nói vậy để làm cô tỉnh ngủ hẳn mà thôi. Nhưng than ôi, buổi sáng trông chẳng tốt lành chút nào. Phía dưới cửa sổ, khu vườn của cô Lavendar lẽ ra phải được tắm mình dưới ánh sáng mờ ảo trong trẻo của mặt trời buổi sớm, thì giờ lại lờ mờ tối và lặng gió, bầu trời phía

trên rặng linh sam u ám đầy mây.

“Thật là quá đáng mà!” Diana kêu lên.

“Chúng ta phải hy vọng vào điều tốt nhất,” Anne quả quyết. “Chỉ cần trời không mưa, một ngày mát mẻ u ám như thế này vẫn còn tốt hơn nắng nóng chói chang nhiều.”

“Nhưng trời sẽ mưa thôi,” Charlotta rên rỉ bước vào phòng, bề ngoài cô bé trông thật tức cười với vô số bím tóc quấn quanh đầu, đuôi tóc buộc bằng chỉ trắng chĩa ra lờm chờm.

“Trời sẽ đợi đến giây phút cuối cùng rồi đổ mưa như trút nước. Và mọi người sẽ ướt nhem ướt nhẹp... dây bunn khắp nhà... và họ không thể kết hôn dưới giàn

kim ngân... và thật là xui xẻo khủng khiếp khi mặt trời không chiếu sáng cho cô dâu. Dẫu cô có nói thế nào thì cũng chẳng ích gì, thưa cô, cô Shirley. Em đã biết mọi chuyện không đời nào dễ dàng như thế mà.”

Charlotta Đệ Tứ có vẻ là đệ tử trung thành của cô Eliza Andrews.

Tuy nhiên, trời không mưa dẫu không ngừng tỏ vẻ đe dọa. Đến buổi trưa, các căn phòng đã được trang hoàng xong, bàn được bày trí đâu vào đấy, trên lầu là một cô dâu “trang điểm vì người thương” đang chờ đợi.

“Cô trông thật ngọt ngào,” Anne kêu lên ngưỡng mộ.

“Tuyệt vời,” Diana cũng họa theo.

“Mọi thứ đã sẵn sàng, thưa cô, cô Shirley, và chưa có chuyện gì khủng khiếp xảy ra,” đó là câu tuyên bố vui vẻ của Charlotta khi cô bé rời bước về căn phòng nhỏ đằng sau của mình để thay váy. Mọi bím tóc nhỏ đều được tháo ra, những lọn tóc nhàu nhĩ xù ra được thắt lại thành hai đuôi sam và buộc thêm không phải chỉ hai mà tới bốn chiếc nơ xanh dương mới tinh. Hai chiếc nơ phía trên trông như hai cái cánh mọc ra từ cổ Charlotta, có vài nét giống thời trang của các tiểu thiên sứ của Raphael. Nhưng Charlotta Đệ Tứ cho rằng chúng rất đẹp, và sau khi cô bé đã sột soạt chui vào chiếc váy trắng được hồ bột cứng đến mức có thể tự đứng được, cô bé quan sát bóng mình trong gương với vẻ hoàn toàn

thỏa mãn... sự thỏa mãn này chỉ kéo dài đến khi cô bé bước ra hành lang, nhìn thoáng qua cánh cửa phòng dành cho khách, thấy một cô gái mặc chiếc váy mềm mại ôm sát người, mái tóc hung đỏ dợn sóng mượt mà cài những bông hoa trắng muốt như sao.

“Ôi, mình chẳng bao giờ giống như cô Shirley được,” Charlotta đáng thương tự nhủ một cách tuyệt vọng. “Mình đoán đó là bả sinh thôi... dẫu có luyện tập cách mấy cũng chẳng thể đạt được phong cách như thế.”

Lúc một giờ, khách khứa đã đến đủ, bao gồm cả ông bà Allan, vì ông Allan sẽ tổ chức buổi lễ thay cho mục sư Grafton đang đi nghỉ. Lễ cưới không theo bất cứ quy tắc nào. Cô Lavendar bước

xuống cầu thang để gặp chú rể đang đứng chờ sẵn, và khi ông cầm tay cô, cô ngược đôi mắt to nâu sẫm lên nhìn ông, Charlotta chứng kiến tất cả và cảm thấy rộn ràng một cách khác thường. Họ đi ra giàn kim ngân, nơi ông Allan đang đợi sẵn. Các vị khách chọn chỗ đứng tùy thích. Anne và Diana đứng bên băng ghế đá cũ, Charlotta Đệ Tứ đứng giữa hai người họ; búa chặt tay họ trong đôi tay nhỏ bé lạnh lẽo run lẩy bẩy của mình.

Ông Allan mở quyển Kinh thánh bìa xanh ra và buổi lễ bắt đầu. Ngay lúc cô Lavendar và Stephen Irving được tuyên bố là vợ chồng, một cảnh tượng rất đẹp và có ý nghĩa đã diễn ra. Mặt trời đột ngột xuyên qua làn mây xám xịt và rắc một luồng ánh sáng rực rỡ xuống cô dâu

hạnh phúc. Ngay lập tức, cả khu vườn như sống dậy với những bóng cây nhảy nhót và ánh nắng lung linh.

“Đúng là điềm tốt,” Anne nghĩ bụng khi chạy tới hôn cô dâu. Sau đó, ba cô gái rời khỏi những người khách đang tươi cười quanh cặp vợ chồng mới cưới, chạy nhanh vào nhà để đảm bảo mọi thứ đã sẵn sàng cho bữa tiệc.

“Tạ ơn trời đất, cuối cùng cũng xong xuôi rồi, thưa cô, cô Shirley,” Charlotta Đệ Tứ thở phào, “Và họ đã kết hôn an toàn, giờ có xảy ra chuyện gì cũng chẳng sao. Máy túi gạo để trong phòng lương thực, thưa cô, và mấy chiếc giày cũ ở sau cửa, kem đánh thì trên bậc tầng hầm.”

Lúc hai giờ rưỡi, ông bà Irving lên

đường, mọi người đi ra tận sông Bright để tiễn bọn họ lên chuyến tàu trưa. Khi cô Lavendar... à, xin lỗi, bà Irving mới đúng... bước ra khỏi căn nhà cũ, Gilbert và các cô gái ném gạo theo, Charlotta Đệ Tứ xoay xoay và ném một chiếc giày cũ chính xác đến nỗi tương ngay vào đầu ông Allan. Nhưng Paul giành phần chào từ giã ấn tượng nhất. Cậu chạy ra khỏi cổng vòm, tay lúc lắc chiếc chuông đồng cũ dùng để trang trí bộ lò sưởi trong phòng ăn. Paul vốn chỉ có ý tạo ra một âm thanh vui nhộn, nhưng khi tiếng leng keng chói tai lặng đi, từ những góc khuất, những cung đường và những ngọn đồi bên kia sông vẳng lại tiếng véo von của “tiếng chuông đám cưới cổ tích”, tiếng vọng trong treo ngọt ngào, rồi nhạt dần

nhật dần, như thể những tiếng vọng yêu dấu của cô Lavendar cũng muốn chúc mừng và chào tạm biệt cô. Và thế là, giữa những tiếng chuông vọng êm ái, cô Lavendar rời khỏi cuộc sống cũ đầy những giấc mơ và ảo tưởng để đến với đời sống thực tế nhưng hạnh phúc hơn nơi thế giới náo nhiệt bên ngoài.

Hai giờ sau đó, Anne và Charlotta Đệ Tứ lại đi dọc lối đi. Gilbert đã đi Tây Grafton làm cho xong vài việc, còn Diana thì về nhà có hẹn. Anne và Charlotta quay lại dọn dẹp đồ đạc và khóa cửa căn nhà đá nhỏ bé. Khu vườn ngập tràn ánh chiều vàng ươm như mật, bướm ong rập rờn, nhưng căn nhà nhỏ đã phảng phất vẻ cô độc thường thấy sau một bữa tiệc.

“Ôi trời ơi, nhìn nó cô đơn làm sao!” Charlotta Đệ Tứ sụt sịt, cô bé đã khóc nức nở suốt đường từ ga về nhà. “Cuối cùng thì đám cưới cũng chẳng vui hơn đám ma là mấy, khi mọi việc xong xuôi, thừa cô, cô Shirley.”

Sau đó là một buổi chiều bận bịu. Phải gỡ bỏ các món trang trí, rửa chén đĩa, xếp các món ngon còn thừa vào giỏ để các cậu em trai của Charlotta Đệ Tứ ở nhà tận hưởng. Anne không chịu nghỉ ngơi cho tới khi mọi thứ sạch bong; sau khi Charlotta mang chiến lợi phẩm về nhà mình, Anne đi qua những căn phòng yên ắng để đóng mạnh cửa sổ, cảm thấy như mình đang lang thang qua những phòng dạ tiệc bỏ hoang. Rồi cô khóa cửa, ngồi xuống dưới cây dương bạc chờ

Gilbert, cảm thấy hết sức mệt mỏi nhưng vẫn suy tư những “ý tưởng dài dằng dặc” mãi không chán.

“Cậu đang nghĩ gì vậy Anne?” Gilbert đi xuôi lồi đi. Anh để ngựa và xe ở ngoài đường cái.

“Nghĩ tới cô Lavendar và ông Irving,” Anne mơ màng. “Nghĩ tới mọi chuyện đã diễn ra, bọn họ cuối cùng cũng sum họp sau bao nhiêu năm chia cách hiểu lầm, thật là đẹp phải không?”

“Đúng, rất đẹp,” Gilbert chăm chú nhìn xuống khuôn mặt đang ngẩng lên của Anne, “nhưng chẳng phải nó sẽ đẹp hơn, nếu không có chia cách hay hiểu lầm gì, và họ luôn tay nắm tay cùng đi suốt cuộc đời hay sao, hử Anne?”

Trong một thoáng, trái tim Anne loạn nhịp, và lần đầu tiên, đôi mắt cô nao núng trước cái nhìn trêu mếu của Gilbert, gò má tái nhợt của cô ửng hồng. Cứ như tấm màn che chắn nội tâm của cô đã được vén lên, khiến cô nhìn thấy rõ những cảm xúc và thực tế không ngờ. Có lẽ, nói cho cùng, chuyện tình yêu không giống trống thổi kèn mà bước vào đời ta như một hoàng tử cưỡi ngựa trắng, có lẽ nó rón rén khẽ khàng đến bên ta như một người bạn cũ, có lẽ nó khoác lớp áo ngoài văn xuôi chán ngắt, cho đến khi một mũi tên ánh sáng bất ngờ xuyên qua trang giấy, để lộ những vần thơ và điệu nhạc, có lẽ... có lẽ... tình yêu hé mở tự nhiên từ một tình bạn đẹp, như một bông hồng nhung vàng trợt ra từ lớp áo ngoài

xanh ngắt.

Rồi tấm màn lại hạ xuống, nhưng cô Anne đang đi ngược lên lối đi âm u không còn giống như cô Anne từng hờ hững đánh xe xuôi theo nó chiều hôm trước. Trang sách thời con gái đã được khép lại bởi một ngón tay vô hình, và giờ trang sách của một phụ nữ trưởng thành đang ở ngay trước mắt cô với tất cả những quyển rũ và bí ẩn, những nỗi buồn và niềm vui.

Gilbert khôn ngoan không nói gì thêm, nhưng trong im lặng, anh đọc được câu chuyện của bốn năm tới trên đôi má ửng hồng của Anne. Bốn năm học tập chăm chỉ và nhiệt thành... gặt hái kiến thức hữu ích và chinh phục cô người yêu ngọt ngào.

ở khu vườn sau lưng họ, căn nhà đá nhỏ đứng buồn bã trong bóng tối. Nó cô đơn, nhưng không bị bỏ rơi. Nó vẫn còn nhiều giấc mơ, nụ cười và niềm vui cuộc sống; nhiều mùa hè tương lai sẽ còn đến với căn nhà đá nhỏ này, trong thời gian đó, nó có thể chờ đợi. Và bên kia sông, trong ánh chiều tím sẫm, những tiếng vọng chờ để được gọi về.

1. Publius Vergilius Maro (70 TCN - 19TCN): Nhà thơ lớn của La Mã cổ đại, người sáng tạo ra thể loại thơ sử thi, tác giả của Bucolics, Georgics, Aeneid - những thiên sử thi ca tụng nguồn gốc huyền thoại của dân tộc La Mã.

2. Người Mỹ

3. Thị trấn nơi Chúa ra đời.

4. Thomas Becket (1118-1170) là Tổng giám mục nhà thờ Canterbury từ năm 1162 cho đến khi bị ám sát vào năm 1170. Sau khi chết, ông được cả Giáo hội Thiên Chúa và Giáo hội Anh phong thánh.

5. Claude White (1494-1536) là học giả người Anh, người đầu tiên dịch kinh Tân ước sang tiếng Anh.

6. Một câu trong bài thơ L'Allegro của John Milton

7. Nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử “Chiếc mũ sắt của Navarre” của nhà văn Mỹ Bertha Runkle.

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiếu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers